

CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

BÁO CÁO

ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CƠ SỞ

“NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÀ THIẾT KẾ CÁC SẢN PHẨM
DỆT MAY VỚI CÔNG SUẤT 500.000 SẢN PHẨM/NĂM”

Địa điểm thực hiện: Số 286, Đường Phan Văn Hớn, P. Tân Thới Nhất,
Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh.

CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM



[Handwritten Signature]
Mẫu In: Director
Lars Mehli Overgaard

Quận 12, tháng 12 năm 2024

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG.....	iv
DANH MỤC HÌNH	v
Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	1
1. Tên chủ cơ sở: CÔNG TY TNHH LTP Việt Nam	1
2. Tên cơ sở: NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÀ THIẾT KẾ CÁC SẢN PHẨM DỆT MAY VỚI CÔNG SUẤT 500.000 SẢN PHẨM/NĂM.	1
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của sản xuất của cơ sở.....	1
3.1 Công suất hoạt động của cơ sở:.....	1
3.2 Công nghệ sản xuất của cơ sở	1
3.3 Sản phẩm của cơ sở.....	3
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, cung cấp nước của cơ sở.....	3
CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI MÔI TRƯỜNG.....	7
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường (nếu có).....	7
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường (nếu có)	7
Chương III.....	8
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	8
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	8
1.1 Thu gom, thoát nước mưa:	8
1.2 Thu gom, thoát nước thải:	8
1.3 Xử lý nước thải	8
2. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	11
3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường	14
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại	15
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung của cơ sở	16
6. Phương pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	16
Chương IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	21
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải và yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải.....	21
1.1 Nội dung đề nghị cấp phép xả thải	21
1.1.1 Nguồn phát sinh	21
1.1.2 Dòng thải xả vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả thải.....	21

1.1.3 Lưu lượng xả thải lớn nhất: 30 m ³ /ngày.đêm	21
1.2 Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải.....	21
1.2.1 Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục	21
1.2.2 Kế hoạch vận hành thử nghiệm	22
1.2.3 Các yêu cầu về bảo vệ môi trường.....	22
2. Nội dung đề nghị cấp phép xả khí thải và yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải: không áp dụng	23
3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và các yêu cầu bảo vệ môi trường.....	23
3.1 Nội dung cấp phép về tiếng ồn, độ rung	23
3.1.1 Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung.....	23
3.1.2 Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung	23
3.2 Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung.....	23
3.2.1 Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	23
3.2.2 Các yêu cầu về bảo vệ môi trường.....	24
4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường	24
4.1 Quản lý chất thải rắn.....	24
4.1.1 Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh	24
4.1.2 Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu trữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại.....	24
4.2 Yêu cầu về phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường	25
5. Các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường.....	25
CHƯƠNG V.....	27
KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	27
1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải	27
2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải	27
Chương VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	28
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.....	28
1.1 Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm	28
1.2 Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải	28
2. Chương trình quan trắc chất thải.....	29
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm: 40.000.000 đồng.....	29
Chương VII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	31
1. Cam kết thực hiện các biện pháp giảm thiểu các tác động xấu.....	31

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. 1 Nhu cầu sử dụng nguyên, phụ liệu thực tế của Cơ sở.....	3
Bảng 1. 2 Danh mục trang thiết bị, máy móc phục vụ cơ sở.....	3
Bảng 1. 3 Lưu lượng sử dụng nước cấp của công ty.....	4
Bảng 1. 4 Lượng nước sử dụng cho hoạt động tại cơ sở.....	4
Bảng 1. 5 Quy mô các hạng mục công trình của cơ sở.....	5
Bảng 3. 1 Chất lượng nước thải của Công ty.....	11
Bảng 3. 2 Lượng nhiên liệu cần cung cấp cho hoạt động giao thông.....	12
Bảng 3. 3 Hệ số ô nhiễm phát sinh từ phương tiện giao thông.....	12
Bảng 3. 4 Tải lượng ô nhiễm không khí do các phương tiện giao thông.....	12
Bảng 3. 5 Chất lượng không khí tại khu vực cổng.....	13
Bảng 3. 6 Chất lượng môi trường không khí tại Khu vực sản xuất.....	14
Bảng 3. 7 Danh mục các chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở trong một năm.....	15
Bảng 5. 1 Kết quả chất lượng nước thải của cơ sở năm 2024.....	27
Bảng 6. 1 Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải.....	28
Bảng 6. 2 Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải.....	28
Bảng 6. 3 Kinh phí dự kiến thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.....	29

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. 1 Quy trình sản xuất của Cơ sở.....	2
Hình 3. 1 Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa.....	8
Hình 3. 2 Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn.....	9
Hình 3. 3 Quy trình xử lý nước thải của công ty	10
Hình 3. 4 Quy trình ứng phó sự cố cháy nổ.....	18

Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở: CÔNG TY TNHH LTP Việt Nam

– Địa chỉ văn phòng: Số 286 Phan Văn Hớn, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh.

– Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở:

+ Bà Huỳnh Thị Xuân Hòa

+ Ông Nguyễn Nhật Linh

+ Ông Trần Duy Hải

– Điện thoại: 62522396

Fax: “62504206”

Email: “Không có”

– Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0309471068 được Phòng đăng ký kinh doanh

– Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/04/2023 (Đăng ký thay đổi lần 9).

2. Tên cơ sở: NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÀ THIẾT KẾ CÁC SẢN PHẨM DỆT MAY VỚI CÔNG SUẤT 500.000 SẢN PHẨM/NĂM.

– Địa điểm cơ sở: Số 286 Phan Văn Hớn, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh.

– Quy mô của cơ sở: Cơ sở thuộc khoản 4, Điều 8 (Cơ sở nhà máy sản xuất các sản phẩm may có tổng mức đầu tư dưới 60 tỷ đồng), Luật đầu tư công số 39/2019/QH14, Cơ sở đầu tư thuộc tiêu chí phân loại dự án nhóm C. Do đó, Cơ sở thuộc Danh mục các cơ sở đầu tư nhóm III ít có nguy cơ tác động xấu đến môi trường quy định tại khoản 5 Điều 28 Luật bảo vệ môi trường theo quy định tại Mục II.2 phục lục V ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ – CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Nội dung báo cáo được trình bày theo Phụ lục XII ban hành kèm theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

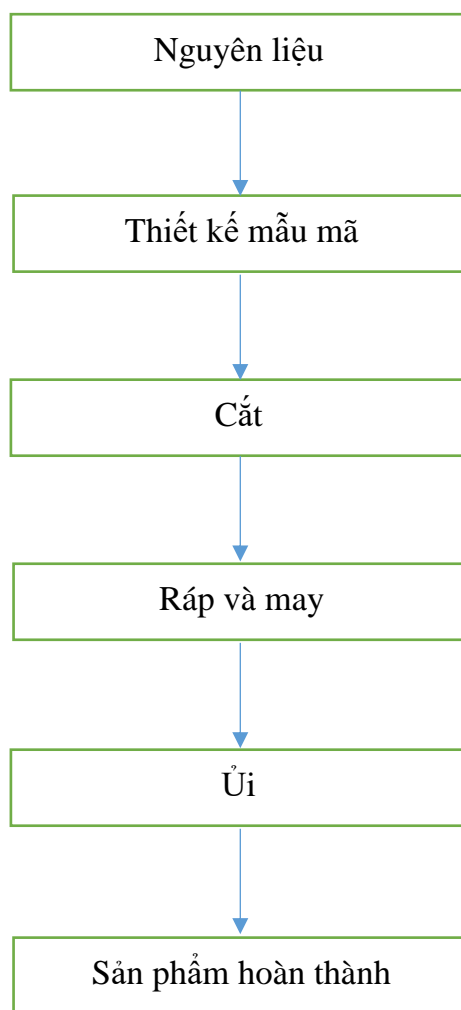
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của sản xuất của cơ sở

3.1 Công suất hoạt động của cơ sở:

Bảng 1. 1: Công suất hoạt động của cơ sở

STT	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Khối lượng năm 2023	Khối lượng năm 2024	Tối đa
1	Các sản phẩm dệt may	Sản phẩm/năm	450.013	476.750	500.000

3.2 Công nghệ sản xuất của cơ sở



Hình 1. 1 Quy trình sản xuất của Cơ sở

Thuyết minh quy trình:

- Nhận đơn đặt hàng yêu cầu gia công sản phẩm từ các khách hàng. Lên mẫu thiết kế cho từng chủng loại sản phẩm cụ thể. Gửi cho khách hàng kiểm tra mẫu mã, xác nhận đạt yêu cầu.
- Khâu chuẩn bị sản xuất: Chuẩn bị nguyên liệu theo đơn đặt hàng cụ thể của từng loại sản phẩm theo yêu cầu. Nguyên liệu phải được kiểm tra đo đếm cẩn thận, chuẩn bị rập, máy móc.
- Công đoạn chia cắt vải, nguyên phụ liệu: Các công nhân cẩn thận trải vải và cắt nguyên phụ liệu theo mẫu và kích thước đã được lên form sẵn từ bản vẽ thiết kế và từng loại size theo yêu cầu.
- Công đoạn may: Phần việc chính của những công nhân phụ trách công đoạn này là may các chi tiết, sau đó ủi định hình các chi tiết, cuối cùng là ủi tạo hình và lắp ráp sản phẩm.
- Công đoạn chính là hoàn chỉnh sản phẩm: Để đảm bảo sản phẩm được xuất xưởng sạch sẽ, đẹp mắt, phần việc của các công nhân khâu hoàn chỉnh sản phẩm là cẩn thận tẩy vết bẩn từng sản phẩm. Sau đó, những sản phẩm này sẽ được ủi hoàn chỉnh rồi được bao gói và đóng kiện.

– Giao cho khách hàng: Các sản phẩm sau sản xuất sẽ được xuất khẩu 100%, không bán trong nước.

3.3 Sản phẩm của cơ sở

Ngành nghề kinh doanh của Cơ sở là sản xuất và thiết kế các sản phẩm dệt may với công suất 500.000 sản phẩm/năm.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, cung cấp nước của cơ sở

✚ Giai đoạn hoạt động:

a/ Nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất sử dụng

Bảng 1. 2 Nhu cầu sử dụng nguyên, phụ liệu thực tế của Cơ sở

STT	Tên nguyên liệu, phụ liệu	Đơn vị/năm	Năm 2023	Năm 2024	Tối đa
1.	Vải	Kg	4.453	6.573	6.894
2.	Vải trơn	m	12.871	15.971	16.750
3.	Bao nylon	Cái	267.994	398.994	418.452
4.	Chỉ	Cuộn	16.366	29.366	30.798
5.	Băng keo	Cuộn	1.256	4.342	4.554
6.	Nhãn	Cái	3.651	7.432	7.794
7.	Thùng carton	Tám	50.682	70.651	74.096
8.	Tám lót	Kg	34.457	45.407	47.621
9.	Dây đệm vai	m	233.698	548.87	575.639
10.	Thẻ bài	Cái	45.287	56.765	59.533
11.	Giấy 2 da	Kg	2.500	4.700	4.929
12.	Đan nhựa	Cái	769.887	875.872	918.586
13.	Dây thun các loại	m	102.402	178.402	187.102
14.	Dây viền các loại	m	45.000	56.000	58.731
15.	Nút	Cái	32.000	56.000	58.731
16.	Dụng các loại	Cái	400	700	734
17.	Keo mex	Kg	900	1200	1.259

(Nguồn: Công ty TNHH LTP Việt Nam)

Bảng 1. 3 Danh mục trang thiết bị, máy móc phục vụ cơ sở

TT	THIẾT BỊ	ĐVT	Số lượng	XUẤT XỨ	TÌNH TRẠNG
1.	Máy may	Máy	598	Việt Nam	80%
2.	Máy cắt vải	Máy	26	Việt Nam	80%
3.	Máy vắt sổ	Máy	229	Việt Nam	80%
4.	Máy thêu	Máy	2	Việt Nam	80%
5.	Máy dập cúc	Máy	53	Việt Nam	80%
6.	Máy kiểm vải	Máy	5	Việt Nam	80%

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

TT	THIẾT BỊ	ĐVT	Số lượng	XUẤT XỨ	TÌNH TRẠNG
7.	Máy xả vải	Máy	1	Việt Nam	80%
8.	Máy kansai	Máy	156	Việt Nam	80%
9.	Máy nhồi gòn	Máy	1	Việt Nam	80%
10.	Máy lập trình	Máy	6	Việt Nam	80%

(Nguồn: Công ty TNHH LTP Việt Nam)

c. Nhu cầu sử dụng nước

Nguồn nước cấp cho hoạt động của cơ sở là Tổng công ty cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV.

Theo hóa đơn tiền nước:

Bảng 1. 4 Lưu lượng sử dụng nước cấp của công ty

STT	Tháng	Lưu lượng (m³/tháng)	Tháng	Lưu lượng (m³/tháng)
1	Tháng 1/2023	886	Tháng 1/2024	1.689
2	Tháng 2/2023	375	Tháng 2/2024	602
3	Tháng 3/2023	714	Tháng 3/2024	288
4	Tháng 4/2023	685	Tháng 4/2024	394
5	Tháng 5/2023	583	Tháng 5/2024	710
6	Tháng 6/2023	607	Tháng 6/2024	779
7	Tháng 7/2023	764	Tháng 7/2024	546
8	Tháng 8/2023	510	Tháng 8/2024	555
9	Tháng 9/2023	493	Tháng 9/2024	651
10	Tháng 10/2023	458	Tháng 10/2024	410
11	Tháng 11/2023	520	Tháng 11/2024	594
12	Tháng 12/2023	970	Tháng 12/2024	-
Tổng		7.565	Tổng	7.218
Trung bình		630	Trung bình	656

Theo bảng 1.4, lưu lượng nước cấp trung bình tháng là 656 m³/ngày tương đương 25,2 m³/ngày.

❖ Nước cấp cho sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên

Bảng 1. 5 Lượng nước sử dụng cho hoạt động tại cơ sở

STT	Mục đích sử dụng	Thực tế (m³/ngày)	Ghi chú
1	Nước cấp cho sinh hoạt công nhân (1000 công nhân viên)	25	Phát sinh nước thải Q _{thải} = 100% Q _{cấp}
2	Nước tưới cây, rửa đường và PCCC	0,2	Không phát sinh nước thải
Tổng		25,2	

(Nguồn: Công ty TNHH LTP Việt Nam)

Tính toán nhu cầu sử dụng nước:

Hiện tại:

- Nước cấp cho sinh hoạt: 1000 người x 25 lít/ngày/người = 25 m³/ngày.đêm
 - Nước cấp cho tưới cây và PCCC là 0,2 m³/ngày.
- ➔ Tổng nhu cầu sử dụng nước là 25,2 m³/ngày.

e. Nhu cầu sử dụng điện

Nguồn điện cấp cho hoạt động sản xuất, thắp sáng của dự án là Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh TNHH - Công ty Điện lực An Phú Đông.

Bảng 1. 6: Nhu cầu sử dụng điện của công ty

STT	Tháng	Lưu lượng (kW/tháng)
1	Tháng 1/2024	106.341
2	Tháng 2/2024	42.683
3	Tháng 3/2024	69.396
4	Tháng 4/2024	98.912
5	Tháng 5/2024	118.165
6	Tháng 6/2024	120.034
7	Tháng 7/2024	127.305
8	Tháng 8/2024	144.808
9	Tháng 9/2024	121.705
10	Tháng 10/2024	151.400
11	Tháng 11/2024	152.671
12	Tháng 12/2024	-
Tổng		1.253.420
Trung bình		113.947

f. Các hạng mục công trình của cơ sở

Công ty thuê lại nhà tại địa chỉ số 286, đường Phan Văn Hớn, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12 làm nhà xưởng sản xuất (Hợp đồng trong phần phụ lục). Tổng diện tích thuê đất 20.122 m² được bố trí như sau:

Bảng 1. 7 Quy mô các hạng mục công trình của cơ sở

STT	Tên công trình	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
Các hạng mục công trình chính				
1.	Văn phòng	1.149,94	5,7	
2.	Kho xưởng 1	5.200	25,8	Hiện hữu
3.	Kho xưởng 2	3.552	17,7	Hiện hữu
4.	Kho xưởng 3	1.980	9,8	Hiện hữu
5.	Kho xưởng 4	720	3,5	Hiện hữu
6.	Kho xưởng 5	290	1,4	
7.	Kho xưởng 6	300	1,5	
Các hạng mục công trình phụ trợ				
8.	Nhà bảo vệ 1 và 2	39,76	0,2	Hiện hữu
9.	Nhà vệ sinh	22	0,1	Hiện hữu

STT	Tên công trình	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
	Các hạng mục khác			
10.	Cây xanh, Đường nội bộ, sân bãi	6.868,3	34,1	Hiện hữu
Tổng cộng		20.122	100	

(Nguồn: Công ty TNHH LTP Việt Nam)

g. Các hạng mục công trình phụ trợ

Hệ thống giao thông (đã hoàn thiện):

– Hiện trạng cơ sở hạ tầng giao thông của khu vực triển khai cơ sở đều hoàn thiện và trải bê tông nhựa.

– Đường nội bộ trong khuôn viên Công ty đã được trải bê tông hoàn tất theo thiết kế và giấy phép xây dựng.

Hệ thống thông tin liên lạc (đã hoàn thiện)

– Hệ thống thông tin liên lạc tại khu vực hiện nay đã được đầu tư xây dựng, tạo sự phát triển nhanh chóng trong thời gian qua, có thể liên hệ bằng máy telex, fax, điện thoại truyền dẫn số .v.v...

Hệ thống cấp điện (đã hoàn thiện):

Hiện tại hệ thống điện đã đấu nối tạm điện vào nhà máy. Các hệ thống điện nội bộ đang triển khai các công đoạn cuối cùng để chuẩn bị cho hoạt động của cơ sở. Hệ thống cấp điện bao gồm đường dây trung thế, trạm biến áp, dây hạ thế, hệ thống chiếu sáng nội bộ .v.v...

Cây xanh (đã hoàn thiện):

Nhằm tạo cảnh quan chung cho toàn cơ sở và góp phần giảm thiểu các tác động từ hoạt động của nhà xưởng đến môi trường xung quanh, góp phần điều hòa vi khí hậu tại cơ sở bố trí trồng cây xanh xung quanh khu vực, bố trí các thảm cỏ hài hòa với tổng thể khuôn viên của cơ sở.

Hệ thống PCCC (đã hoàn thiện):

Hiện tới giai đoạn hiện nay các công trình phục vụ cho PCCC đã cơ bản hoàn tất, nhà máy đã được cấp giấy thẩm duyệt thiết kế hệ thống PCCC. Công ty đã được cấp giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 1221/TD – PCCC được Phòng cảnh sát PCCC&CNCH cấp ngày 09/10/2015.

CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường (nếu có)

Cơ sở nằm tại 286 Phan Văn Hớn, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12 đã được xây dựng hoàn chỉnh và hoạt động bình thường.

– Cơ sở thuê nhà xưởng của Công ty TNHH TM - SX Phát Thành theo hợp đồng thuê nhà xưởng số 01/HĐT NX.2015 m² (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T994483).

– Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường của cơ sở “Công ty TNHH LTP Việt Nam” số 6837/GXN – UBND – TNMT được Ủy ban nhân dân quận 12 cấp ngày 06/11/2015.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường (nếu có)

Cơ sở nằm tại số 286 Phan Văn Hớn, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12 với diện tích đất là 20.122 m².

Xung quanh Cơ sở có các đối tượng kinh tế - xã hội cụ thể như sau:

– Công ty TNHH Sản xuất Thương mại BB Bình Minh, cửa hàng đá hoa cương A Quay,...

– Xung quanh khu vực trong vòng bán kính 1 km không có các công trình văn hóa, di tích lịch sử, hệ thống núi đồi, khu bảo tồn thiên nhiên.

Chương III.

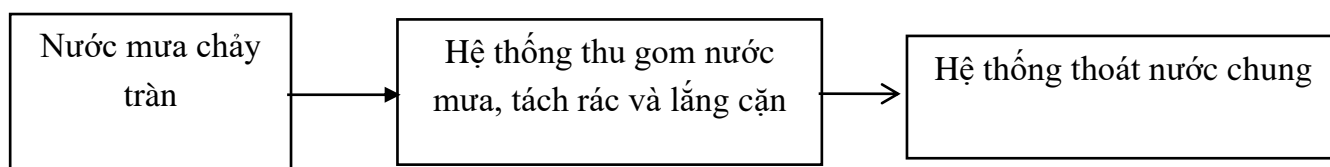
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1 Thu gom, thoát nước mưa:

Nước mưa chảy tràn được quy ước là nước sạch, chỉ có mưa đợt đầu (khoảng 10 phút) có khả năng nhiễm bẩn do kéo theo các chất rắn, bụi, đất cát trên bề mặt. So với tiêu chuẩn nước thải thì nước mưa chảy tràn tương đối sạch do đó có thể tách riêng biệt đường nước mưa ra khỏi nước thải bằng cách xây dựng hệ thống thoát nước mưa riêng, cùng các hố ga có song chắn rác, kết hợp với việc quản lý tốt nguyên liệu, phế phẩm để tránh gây nhiễm bẩn nước mưa.

Hệ thống thoát nước mưa từ mái nhà được thu gom bằng các ống máng chảy theo ống PVC vào cống thoát nước mưa bằng bê tông xung quanh cơ sở và chảy vào hệ thống thu gom nước mưa chung của khu vực.



Hình 3. 1 Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa

Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế bao gồm máng dẫn nước, ống đứng, rãnh thoát nước mưa có nắp đan, rãnh hở. Máng dẫn nước được bố trí tại viền mép mái nhà xưởng (độ dốc mái 15-20%). Tại đầu các ống đứng có lắp đặt các phễu thu và lưới chắn rác để giữ lại rác, lá cây, cặn bẩn,...tránh làm tắc đường ống.

Hệ thống thu gom nước mưa dọc theo các tuyến đường nội bộ của Nhà máy, được chảy vào cống BT D600 có độ dốc $i = 0,2 \div 0,35\%$.

Phương thức xả nước mưa: tự chảy

Định kỳ công ty bố trí cán bộ kiểm tra hệ thống thoát nước mưa chảy tràn, nạo vét hố ga tránh tình trạng tắc nghẽn, đặc biệt là vào mùa mưa

1.2 Thu gom, thoát nước thải:

Nước thải sinh hoạt:

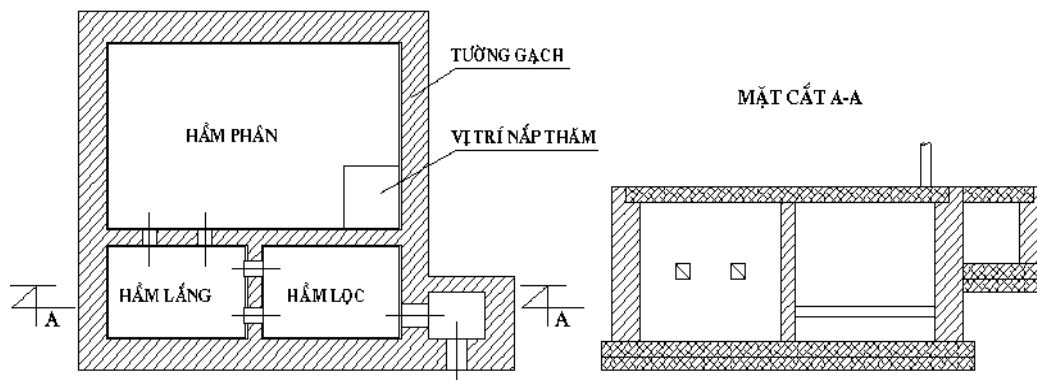
– Nước thải phát sinh chủ yếu từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên như hoạt động rửa tay chân, nước thải từ nhà vệ sinh với lưu lượng 25 m³/ngày. Thành phần các chất ô nhiễm chủ yếu trong nước thải sinh hoạt gồm: Các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh gây bệnh (Coliform, E.Coli). Nước thải được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại sau đó dẫn về HTXL nước thải 30 m³/ngày của cơ sở xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của khu vực.

1.3 Xử lý nước thải

Biện pháp khắc phục:

Đối với nước thải từ nhà vệ sinh:

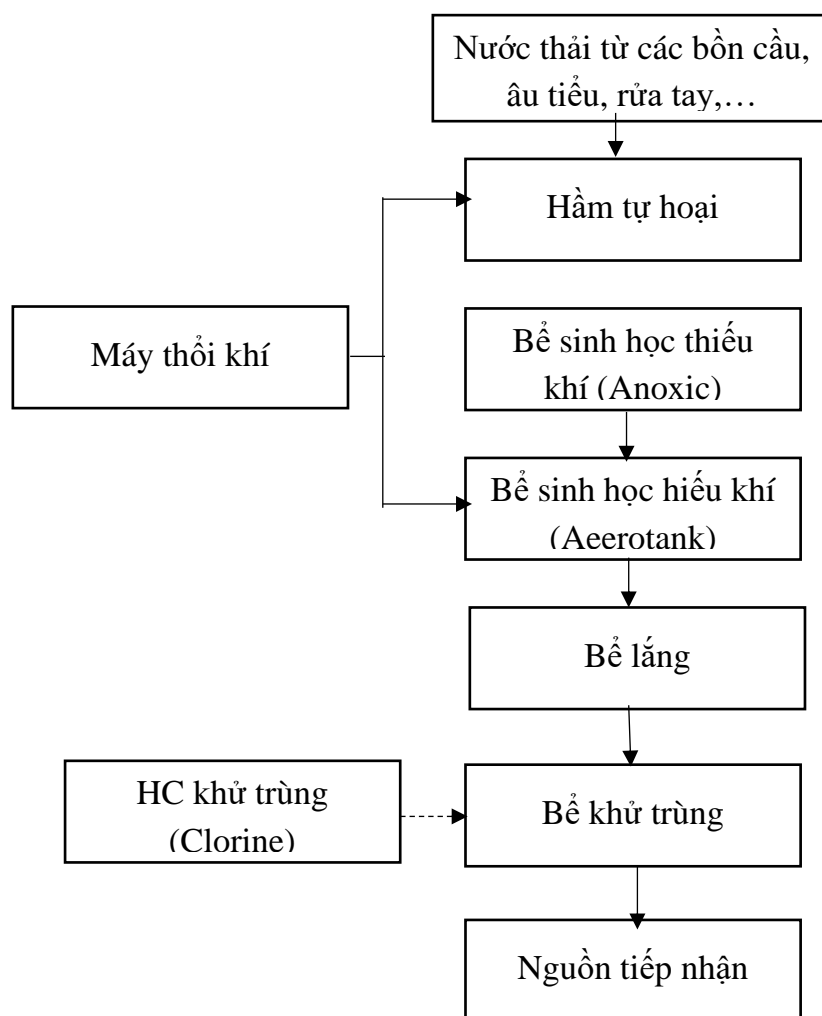
Nước thải từ nhà vệ sinh phát sinh (âu tiêu, bệ xí) với lưu lượng khoảng 25 m³/ngày sẽ được thu gom bằng đường ống riêng, sau đó được tiền xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn. Cấu tạo các bể như sau:



Hình 3. 2 Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn

Bể tự hoại 3 ngăn sẽ thực hiện đồng thời 2 chức năng: lắng cặn và xử lý sinh học chất hữu cơ. Trong khoảng thời gian chứa từ 6 – 8 tháng, cặn tươi sẽ bị phân hủy sinh học trong điều kiện kỵ khí sinh gas và các chất vô cơ hòa tan.

Vì vậy, sau khi nước thải đi qua bể tự hoại sẽ được đầu nối về hệ thống xử lý nước thải của công ty đã xử lý đạt quy chuẩn trước khi nối vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.



Hình 3. 3 Quy trình xử lý nước thải của công ty

Thuyết minh quy trình công nghệ

Nước thải từ các bồn cầu, âu tiêu được dẫn vào hầm tự hoại và từ các chậu rửa tay, lau sàn, ... được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại. Sau đó nước thải phát sinh thu gom về bể điều hòa. Đồng thời tại đây được đặt song chắn rác thô nhằm giữ lại các cặn bã có kích thước lớn ra khỏi nước thải, bảo vệ hệ thống bơm phía sau.

Sau khi nước thải theo đường ống qua bể điều hòa, dưới tác dụng của không khí được cung cấp từ máy sục khí làm dòng nước đảo trộn liên tục nhằm điều hòa nồng độ và lưu lượng nước thải.

Nước thải sau bể điều hòa sẽ được đưa đến bể Anoxic, sử dụng bơm chìm nhằm đảo trộn nước thải và nước bùn tuần hoàn về, tại bể Anoxic nồng độ các chất ô nhiễm mà cụ thể là Nito và Phospho sẽ được xử lý nhờ các vi sinh vật yếm khí.

Nước thải sau khi qua bể Anoxic sẽ được đưa đến bể sinh học hiếu khí aerotank, vi sinh hiếu khí sử dụng các chất ô nhiễm làm thức ăn để sinh trưởng. Không khí được thổi liên tục vào trong bể bằng máy sục khí nhằm tăng cường lượng oxy cung cấp cho vi sinh vật hiếu khí. Hiệu quả xử lý các chất ô nhiễm trong bể sinh học dạng này đạt 80 - 90%. Bùn cặn tạo ra trên giá thể sau một thời gian sẽ bung ra và theo dòng nước chảy qua bể lắng.

Tại bể lắng, dưới tác dụng của trọng lực, các bông bùn sẽ kết dính lại với nhau sau đó chìm xuống đáy bể. Lượng bùn tạo ra được mang đi xử lý định kỳ.

Nước thải sau khi qua bể lắng sẽ được đưa đến bể khử trùng, tại đây nước thải khử trùng bằng dung dịch chlorine nhằm tiêu diệt các vi sinh vật gây bệnh. Sau khi xử lý, tại đây nước thải được bơm xả thải ra nguồn tiếp nhận (Nước thải xử lý đạt quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT, cột B).

Đánh giá hiệu quả:

Tham khảo kết quả phân tích chất lượng nước thải sau hệ thống xử lý của Công ty:

Bảng 3. 1 Chất lượng nước thải của Công ty

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	27/09/2024	QCVN 14:2008/BTNMT, Cột B
1.	pH	-	7,4	5 - 9
2.	TSS	mg/L	81,8	100
3.	TDS	mg/L	532	1000
4.	BOD ₅	mg/L	30	50
5.	COD	mg/L	64	--
6.	S ²⁻	mg/L	KPH	4
7.	Amoni	mg/L	6,49	10
8.	Nitrat	mg/L	26	50
9.	Dầu mỡ ĐTV	mg/L	<3	20
10.	Tổng chất hoạt động bề mặt	mg/L	KPH	10
11.	Phosphat	mg/L	4,93	1010
12.	Coliform	MPN/100ml	3,2 x 10 ³	5.000

(Nguồn: Công ty TNHH LTP Việt Nam)

Nhận xét: Qua bảng cho thấy chất lượng nước thải nằm trong QCVN 14:2008/BTNMT, cột B. Vì vậy, hệ thống xử lý nước thải của Công ty vẫn còn khả năng xử lý tốt.

2. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

❖ Đánh giá tác động:

Nguồn phát sinh khí thải do đốt dầu DO là nguồn thải không tập trung và phát sinh không liên tục.

Trong quá trình hoạt động, hàng ngày tại khu vực Công ty sẽ có các hoạt động giao thông ra vào của công nhân viên. Các loại phương tiện sử dụng nhiên liệu chính là xăng và dầu DO, quá trình vận hành sẽ sinh ra khí thải bao gồm bụi, SO_x, NO_x, CO, THC,...gây tác động tiêu cực đến môi trường. Tải lượng các chất ô nhiễm trong khí thải của phương tiện vận tải phụ thuộc vào số lượng xe lưu thông, chất lượng nhiên liệu sử dụng, tình trạng kỹ thuật của phương tiện giao thông và chất lượng đường giao thông.

Tổng số lượng nhân viên làm việc tại nhà máy hiện hữu là 1.000 người.

Xe dịch vụ bao gồm ô tô đưa đón ban giám đốc, khách hàng ra vào nhà máy khoảng 1 – 2 xe/ngày.

Với nhu cầu nhiên liệu tiêu thụ trung bình tính chung cho các loại xe gắn máy 2, 3 bánh là 0,03 lít/km, cho các loại ô tô chạy xăng là 0,15 lít/km và các loại xe ô tô chạy dầu là 0,3 lít/km. (Nguồn: nghiên cứu các biện pháp kiểm soát ô nhiễm không khí giao thông đường bộ tại Tp. HCM). Lượng nguyên liệu sử dụng cho hoạt động giao thông được trình bày trong bảng sau:

Bảng 3. 2 Lượng nhiên liệu cần cung cấp cho hoạt động giao thông

Loại phương tiện	Số lượt xe (lượt/ngày/1km)	Mức tiêu thụ (lít/km)	Tổng nhiên liệu (lít/ngày)
Xe gắn máy trên 50cc	2.000	0,03	60
Xe ô tô	4	0,15	0,6

Hệ số ô nhiễm phát sinh các phương tiện giao thông đánh giá nhanh của Tổ chức Y tế thế giới WHO được trình bày trong bảng sau:

Bảng 3. 3 Hệ số ô nhiễm phát sinh từ phương tiện giao thông

Loại phương tiện	Hệ số ô nhiễm (kg/1.000lít)				
	Bụi	SO ₂	NO ₂	CO	VOC
Xe gắn máy trên 50cc	-	0,76S	0,3	20	3
Xe ô tô	0,07	1,62S	1,78	15,73	2,23

(Nguồn: Handbook of emission, Non Industrial source, Netherlands, 1987)

Ghi chú: S là hàm lượng lưu huỳnh có trong dầu (thường = 0,05%).

Như vậy, tải lượng các chất ô nhiễm không khí do các phương tiện giao thông được tính toán như sau:

Bảng 3. 4 Tải lượng ô nhiễm không khí do các phương tiện giao thông

TT	Loại phương tiện	Tải lượng ô nhiễm (g/ngày)				
		Bụi	SO ₂	NO ₂	CO	VOC
Hiện hữu						
1	Xe gắn máy trên 50cc (2.000 lượt/ngày)	-	0,76	600	40.000	6.000
2	Xe ô tô (4 lượt xe/ngày)	0,28	0,003	7,12	62,92	8,92

Ghi chú: Tải lượng (g/ngày) = hệ số ô nhiễm (kg/1.000 km) × quãng đường đi (km) × số lượt xe.

❖ Biện pháp giảm thiểu:

- Tất cả các xe vận tải và các thiết bị thi công cơ giới sẽ đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng Kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường mới được phép hoạt động
- Bê tông hóa các tuyến đường giao thông nội bộ. Thường xuyên tưới nước làm mát và giảm bụi sa lắng phát tán.
- Không sử dụng các loại xe vận chuyển đã hết hạn sử dụng.

- Điều phối xe hợp lý để tránh tập trung quá nhiều phương tiện giao thông hoạt động trong cơ sở cùng thời điểm.
- Xây dựng đường nội bộ hoàn chỉnh và tiến hành phân tuyến đường nội bộ để đảm bảo giao thông thông suốt.
- Phun nước sân bãi, đường nội bộ vào những ngày nắng nóng để giảm bụi và hơi nóng do xe vận chuyển ra vào cơ sở.
- Quy định tốc độ đối với các phương tiện di chuyển trong khuôn viên cơ sở.
- Đối với các phương tiện vận chuyển thuộc tài sản của công ty, công ty luôn tiến hành bảo dưỡng định kỳ, vận hành đúng trọng tải để giảm thiểu các khí độc hại của các phương tiện này.
- Các biện pháp trên sẽ được tiến hành trong suốt quá trình hoạt động của dự án. Áp dụng các biện pháp trên, tác động của tiếng ồn và khí thải có thể được giảm thiểu khoảng 70 – 90%.

Để đánh giá chất lượng môi trường không khí tại khu vực, tham khảo kết quả quan trắc định kỳ của Công ty:

Bảng 3. 5 Chất lượng không khí tại khu vực cổng

Vị trí lấy mẫu	Thời gian lấy mẫu	Độ ồn (dBA)	Bụi (mg/m ³)	CO (mg/m ³)	SO ₂ (mg/m ³)	NO ₂ (mg/m ³)
Khu vực cổng	06/12/2022	58,4	0,23	5,34	0,08	0,087
QCVN 26:2010/BTNMT		70	--	--	--	--
QCVN 05:2013/BTNMT		--	0,3	30	0,35	0,2

(Nguồn: Công ty TNHH LTP Việt Nam)

Nhận xét: Chất lượng không khí tại khu vực cổng nằm trong quy chuẩn cho phép.

➤ **Bụi và khí thải phát sinh từ công đoạn sản xuất:**

Trong quá trình sản xuất, bụi phát sinh chủ yếu là bụi vải, tuy nhiên cơ sở sử dụng máy cắt tự động công nghệ cao nên hạn chế phần bụi phát sinh. Ưu điểm nổi bật của máy cắt vải: vải mịn, mượt, không làm bong sợi vải, giúp đường cắt chính xác và chi tiết. Thành phẩm vải sau được hoàn thành có chất lượng cao, không bị phai vải, không dính các loại bụi bẩn, đường cắt sắc nét.

Biện pháp:

Công ty sẽ áp dụng các biện pháp giảm thiểu bụi như sau:

- Bố trí công nhân quét dọn để thu gom bụi rơi vãi trên sàn nhà, tại các vị trí phát sinh bụi
- Trang bị khẩu trang cho các công nhân làm việc trong xưởng sản xuất cũng như cho khách hàng ra vào xưởng.
- Hàng ngày cử công nhân viên quét dọn và thu gom hạt nhựa và các bụi rơi vãi tại cửa nạp liệu trong khu sản xuất.

- Hệ thống thông gió thông thoáng nhà xưởng.

Để đánh giá chất lượng môi trường không khí tại khu vực, tham khảo kết quả quan trắc định kỳ của Công ty:

Bảng 3. 6 Chất lượng môi trường không khí tại Khu vực sản xuất

Vị trí lấy mẫu	Thời gian lấy mẫu	Độ ồn (dBA)	Bụi (mg/m ³)	CO (mg/m ³)	SO ₂ (mg/m ³)	NO ₂ (mg/m ³)
Khu vực đầu xưởng	06/12/2022	72,5	0,3	5,89	0,093	0,107
Khu vực giữa xưởng		74,2	0,45	40	0,097	0,118
Khu vực cuối xưởng		72,1	0,34	6,15	0,095	0,106
Khu vực đầu kho		63,7	0,23	5,52	0,078	0,088
Khu vực giữa kho		65,8	0,25	5,46	0,082	0,093
Khu vực ép nhiệt		66,3	0,22	5,4	0,086	0,097
Khu vực laze		73,5	0,42	6,52	0,111	0,136
QCVN 02:2019/BYT				6,25	--	--
QCVN 03:2019/BYT			--	15,625	3,90625	3,90625

(Nguồn: Công ty TNHH LTP Việt Nam)

Nhận xét: Theo bảng cho thấy, nồng độ các chất ô nhiễm vẫn nằm trong tiêu chuẩn cho phép.

3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

➤ Chất thải rắn sinh hoạt:

Với số lượng công nhân của nhà máy là 1.000 người, làm phát sinh khối lượng rác thải sinh hoạt khoảng 500 kg/ngày. Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh sẽ được phân thành 02 loại như sau:

- Rác vô cơ: Gồm các loại phế thải thủy tinh, giấy, , nhựa, ...v.v.
- Rác hữu cơ: Gồm cây cỏ loại bỏ, lá rụng, rau quả hư hỏng, thực phẩm, đồ ăn thừa,...v.v

Với khối lượng riêng của rác thải sinh hoạt khoảng 300kg/m³, hệ số đầy của thùng là 0,85

$$\frac{500}{0,85 * 300 \text{ kg/m}^3} = 1,9 \text{ m}^3 = 1.900 \text{ lít}$$

Tổng thể tích các thùng chứa rác sinh hoạt ước tính = (15 x 12) + (30 x 12) + (120 x 12) = 1.920l > 1.900 lít.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Để thu gom lượng rác này, Chủ Cơ sở sẽ bố trí các thùng rác nhựa phân bố rải rác tại nhà xưởng, văn phòng, ... chức năng của mỗi thùng như sau:

- Thùng 15 lít đặt tại nhà vệ sinh;
- Thùng 30 lít đặt tại nhà xưởng;
- Thùng 120 lít có nắp đậy đặt tại khu vực lưu chứa với diện tích 6m² để thuận tiện cho việc thu gom.

Đối với các loại rác thải sinh hoạt công ty đang ký hợp đồng với Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích quận 12 theo hợp đồng số 18/2024/HĐ – CTRSH – TC.

➤ **Chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

Nguồn phát sinh: Trong quá trình sản xuất của nhà máy, chất thải rắn phát sinh bao gồm vụn, chỉ vụn, thùng carton,... ước tính khối lượng khoảng 3.005 kg/tháng.

Biện pháp: Các chất thải rắn có thể tận dụng lại được như thùng carton, giấy vụn, ... sẽ được thu gom, phân loại và bán cho đơn vị thu gom phế liệu.

Công ty ký hợp đồng với Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ xử lý môi trường Á Châu và Ông Nguyễn Văn Bôi thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Hiện tại: Các loại chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của cơ sở bao gồm: bóng đèn huỳnh quang, chất hấp thụ, vật liệu lọc,... Một số chất thải và khối lượng chi tiết của các chất thải nguy hại phát sinh như sau:

Bảng 3. 7 Danh mục các chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở trong một năm

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Đơn vị/năm	Số lượng 2022	Số lượng 2023	Số lượng 2024	Số lượng tối đa	Mã CTNH
1.	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh các loại	Rắn	kg	20	10	9	12	16 01 06
2.	Dầu nhớt thải	Lỏng	kg	-	2	30	32	17 02 04
3.	Pin, ắc quy thải	Rắn	kg	-	18	60	63	19 06 01
4.	Giẻ lau nhiễm TPNH	Rắn	kg	-	-	32	33	18 02 01
5.	Bao bì, chai lọ dính hoá chất	Rắn	kg	-	20	22	25	18 01 04
6.	Chai kim loại dính hoá chất	Rắn	kg	-	-	3	4	18 01 02
Tổng				20	50	156	169	

(Nguồn: Công ty TNHH LTP Việt Nam)

Biện pháp:

- Chất thải nguy hại được chứa trong thùng phuy có nắp đậy và lưu trữ tại khu vực lưu chứa tạm thời với diện tích 15m². Thiết kế, cấu tạo của kho: tường bao quanh xây gạch, sàn nền BTCT, không bị thấm thấu, tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, có mái che nắng, mưa, xung quanh kho chứa CTNH có gờ bao cao 10cm tại vị trí cửa. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn, có phân loại từng mã CTNH, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa CTNH được

dán nhãn mã CTNH, có thùng phuy chứa cát khô và giẻ khô, thiết bị phòng cháy chữa cháy đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định.

– Công ty sẽ tiếp tục ký hợp đồng với Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị TP. HCM thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung của cơ sở

– Thường xuyên bảo dưỡng đảm bảo các máy móc, thiết bị hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

– Bố trí các máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất một cách hợp lý, tránh trường hợp các máy gây ồn cao cùng hoạt động và trong cùng một khu vực sẽ gây cộng hưởng ồn, làm tăng độ ồn.

– Áp dụng biện pháp bóc dỡ nguyên liệu và sản phẩm hợp lý, dùng các biện pháp sử dụng xe nâng để bóc dỡ, hạn chế nhập nguyên liệu vào những thời điểm có nhiều công nhân hoạt động.

– Tất cả máy móc thiết bị sản xuất để đúc móng đủ khối lượng, tăng chiều sâu của móng, lắp đặt giá đỡ máy bằng cao su hoặc bê tông và lắp đặt hệ thống giảm ồn.

6. Phương pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

➤ Phòng chống cháy nổ

Biện pháp phòng ngừa, khắc phục và vệ sinh sau sự cố được mô tả chi tiết ở phần trên. Hệ thống chữa và báo cháy sẽ được thiết kế tuân theo các quy định của luật PCCC và các quy định liên quan do Việt Nam quy định. Kế hoạch ngăn ngừa và ứng phó như sau:

– Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

– Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

– Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

– Các sản phẩm trong kho sẽ được bố trí đảm bảo cự ly an toàn về phòng cháy nổ, hoặc các biện pháp phòng cháy nổ theo đúng các quy định trong các tiêu chuẩn hiện hành.

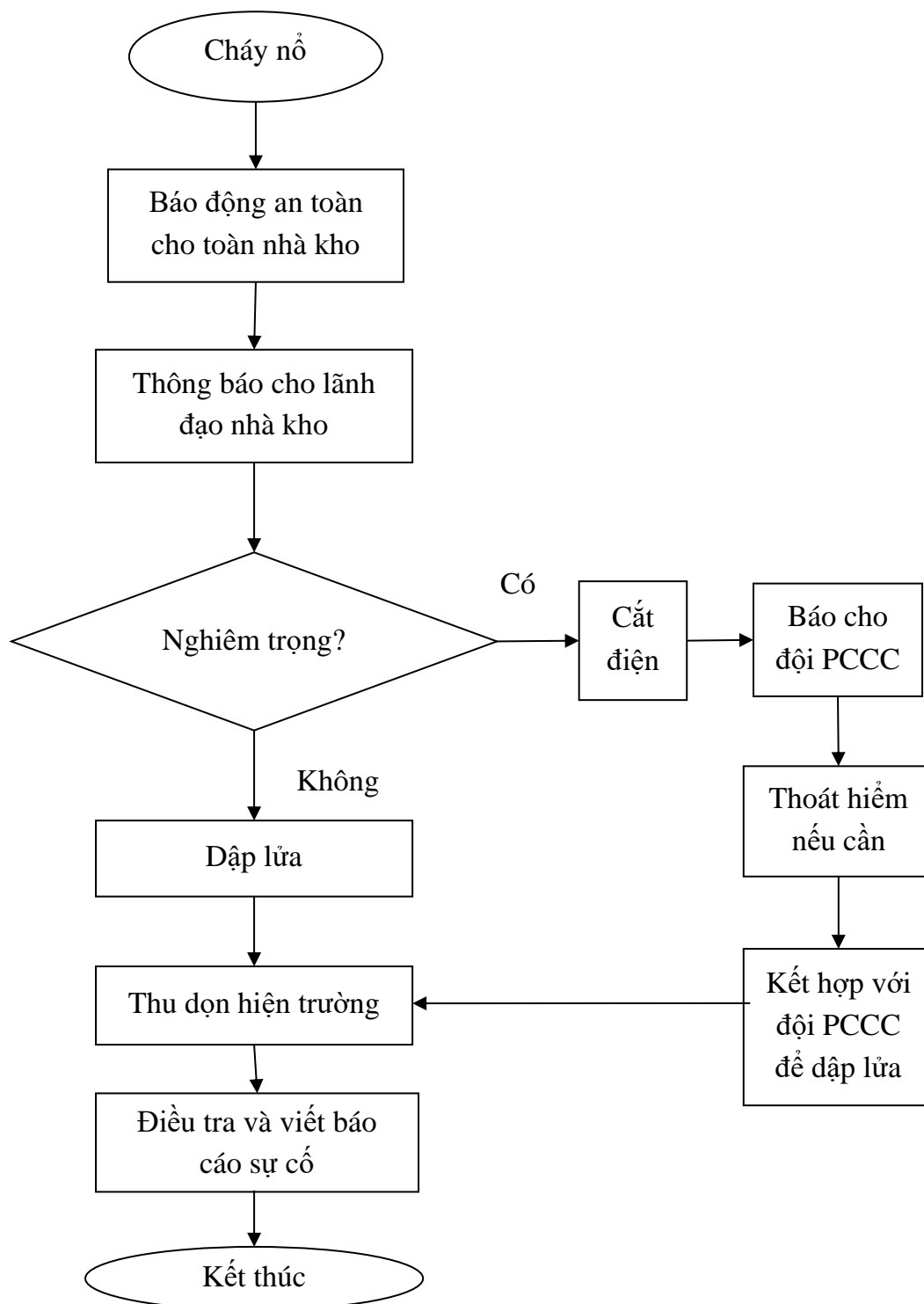
– Trang bị các bình chữa cháy di động tại vị trí cần thiết theo chỉ định bởi công an PCCC.

– Các trang thiết bị chữa cháy được bảo quản ở nơi thoáng mát, dễ thấy, dễ lấy khi cần thiết sử dụng; có các dấu hiệu nhận biết nhanh chóng nơi cất giữ theo quy định của PCCC.

– Hệ thống dây điện, các chỗ tiếp xúc, cầu dao điện có thể gây tia lửa phải được bố trí thật an toàn để hạn chế việc rò rỉ điện

- Tuyệt đối tuân thủ các nguyên tắc về phòng chống cháy nổ khi vận chuyển cũng như sử dụng các vật liệu dễ gây cháy nổ.
- Đối với vật liệu dễ gây cháy nổ, chúng tôi sẽ có biển báo rõ ràng, dễ đọc.
- Trang bị hệ thống chỉ dẫn lối thoát nạn bao gồm:
 - Đèn Exit: Sử dụng các đèn chỉ dẫn thoát nạn hiện hữu và dán các bảng chỉ dẫn thoát nạn nhằm giúp cho người thoát nạn một cách dễ dàng và nhanh chóng khi có sự cố hỏa hoạn xảy ra.

Quy trình ứng phó sự cố cháy, nổ được tóm tắt qua sơ đồ sau:



Hình 3. 4 Quy trình ứng phó sự cố cháy nổ

➤ **Phòng ngừa rò rỉ điện**

- Hệ thống dây điện, các chỗ tiếp xúc, cầu dao điện có thể gây tia lửa được bố trí an toàn trong hộp cách điện để hạn chế việc rò rỉ điện.
- Kiểm tra thường xuyên tình trạng hoạt động của các máy móc, vị trí kết nối giữa nguồn điện và thiết bị để có biện pháp khắc phục kịp thời.
- Thường xuyên định kỳ kiểm tra các mối nối, xiết chặt các chỗ đường dây nối vào thiết bị đóng cắt. Trên tủ điện chung nên có đặt rơ le bảo vệ điện áp thấp, dụng cụ đo Volt hay bóng đèn chỉ thị, để nhân viên vận hành theo dõi. Các động cơ cần đặt rơ le nhiệt bảo vệ quá dòng và bảo vệ mất cân bằng dòng 3 pha.
- Sử dụng vật liệu cách điện tốt.
- Lắp đặt các rơ le bảo vệ quá tải nhằm tránh hiện tượng điện quá tải kéo dài.
- Giữ gìn môi trường khô ráo, sạch sẽ không hóa chất, không ẩm.
- Các thiết bị điện và dây cáp là loại chịu được môi trường khắc nghiệt. Dây cáp điện được chôn ngầm dưới đất và lót các tại đoạn chôn ngầm và được bảo vệ cơ học.
- Các đường dây không lắp đặt trực tiếp lên sườn sắt của nhà xưởng và tránh các thiết bị có rung động thường xuyên.
- Lắp đặt thiết bị bảo vệ ngắn mạch như áp tô mát, cầu chì, hoặc rơ le quá dòng tốc độ cao.

➤ **Các biện pháp phòng ngừa sự cố đối với bể tự hoại**

- Thiết kế và xây dựng bể tự hoại đúng theo quy định, bể tự hoại được xây âm, chống thấm để đảm bảo chất ô nhiễm không thấm vào đất.
- Thường xuyên kiểm tra bể tự hoại để phát hiện các sự cố và có biện pháp sửa chữa kịp thời.
- Thường xuyên hút bùn trong bể tự hoại để đảm bảo thể tích chứa và phân hủy cặn của bể.
- Lắp đặt ống thông hơi cho bể tự hoại để đảm bảo khí được thoát ra ngoài, đảm bảo hoạt động bình thường của bể tự hoại.

➤ **Biện pháp phòng ngừa sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải:**

- Định kỳ nạo vét hệ thống thu gom nước thải;
- Tổ chức kiểm tra định kỳ tình trạng hoạt động của hệ thống xử lý nước thải;
- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý;
- Đào tạo đầy đủ các kiến thức về lý thuyết vận hành hệ thống xử lý nước thải, cách xử lý các sự cố cho nhân viên phụ trách;
- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải để có biện pháp ứng phó sự cố kịp thời.

➤ **Quy trình ứng phó sự cố tràn đổ và rò rỉ hóa chất:**

- Báo động

+ Ngay lập tức báo cho công nhân hay trưởng ca hay phụ trách phòng gần nơi chảy tràn, rò rỉ hóa chất.

+ Báo cho trung tâm bảo vệ sức khỏe và môi trường (nếu cần).

- Xác định vị trí hóa chất tràn đổ, rò rỉ

+ Nhanh chóng xác định hóa chất chảy tràn từ thùng, bể chứa nào.

+ Nhanh chóng xác định hóa chất, khí gas rò rỉ từ đường ống, van nào.

+ Xác định tên, vị trí chảy tràn, đường ống, van...

- Mang thiết bị bảo hộ lao động

+ Mặt nạ phòng độc, khẩu trang phòng độc,....

+ Các bảo hộ cá nhân khác,...

+ Các đơn vị sản xuất có trang bị dụng cụ phòng hộ (kính bảo hộ/ găng tay) các cá nhân đều được trang bị dụng cụ phòng hộ (nhét tai, nón an toàn v.v...).

+ Các đơn vị sản xuất có trang bị công cụ quét dọn vệ sinh không gian, và quản lý phân loại rác, đảm bảo môi trường làm việc sạch sẽ và tái sử dụng tài vật liệu.

+ Nhân viên phòng thực nhiệm phải được qua đào tạo và tuyển chọn chuyên nghiệp, để có thể giảm thiểu đến tối sự cố tai nạn phát sinh.

- Tắt nguồn gây tràn: tắt các đường ống, van, thùng chứa gây rò rỉ

+ Đóng các van cần thiết hay tắt bơm liên quan để không cho tiếp tục gây tràn bể.

+ Để tránh trường hợp này, chuẩn bị bao cát, bông thấm ở những nơi cần thiết... và dùng các vật liệu này để thấm hóa chất chảy tràn hay rò rỉ.

- Cô lập khu vực rò rỉ

+ Dùng biển báo thanh chắn, hàng rào hay cho người đứng canh chừng không cho bất cứ ai đi qua khu vực rò rỉ.

+ Đóng tất cả các van xả hay dùng các phương tiện khác (nếu được) để ngăn không cho khí gas rò rỉ; hóa chất rò rỉ, chảy tràn xuống đất, hệ thống cống...

+ Dùng thùng hứng các hóa chất rò rỉ.

+ Thu hồi hóa chất chảy tràn, đổ.

+ Sửa chữa chỗ rò rỉ, vệ sinh sau sự cố.

+ Lập biên bản và viết báo cáo nguyên nhân và hậu quả sự cố.

+ Đối với khu vực lưu chứa hóa chất dạng lỏng tại cơ sở sẽ được bố trí rãnh thu gom xung quanh khu vực này. Khi có sự cố xảy ra, hóa chất rò rỉ được thu gom vào 1 hố ga của khu vực lưu chứa hóa chất dạng lỏng và được thu gom cùng CTNH tại cơ sở. Khi có sự cố tràn đổ chủ đầu tư sẽ thực hiện công tác thông thoáng và tạm ngưng hoạt động trong thời gian này.

➤ *Chiến lược quản lý sự cố bao gồm các bước:*

- - Phác thảo kế hoạch: là bước sơ khởi trong chiến lược quản lý sự cố.

- - Lập kế hoạch trên giấy: Việc vạch ra một phương hướng hành động cần phải thật chi tiết, hoàn chỉnh bằng văn bản giấy tờ. Bản kế hoạch chính thức cần phải có ý kiến hoặc được phê duyệt của lãnh đạo cơ quan hay các cấp có thẩm quyền để có tính khả thi.

- - Thực hiện kế hoạch

- - Hành động ứng cứu khẩn cấp và vệ sinh sau sự cố

- - Khi sự cố xảy ra, mọi hành động ứng cứu được thực hiện dựa trên nguyên tắc hàng đầu là bảo vệ tính mạng con người và cộng đồng dân cư, tiếp theo là bảo vệ môi trường, cuối cùng mới là bảo vệ thiệt hại về tài sản.

Hoạt động ứng cứu khi có sự cố bao gồm hai giai đoạn:

1. Giai đoạn ứng cứu.

2. Vệ sinh sau sự cố.

- Hành động ứng phó khẩn cấp

- Mỗi loại hoá chất đều có đặc tính riêng biệt, do đó khi sự cố xảy ra ta cần phải phán đoán chính xác nguyên nhân để thực hiện các biện pháp ứng cứu thích hợp. Người có trách nhiệm trong việc xử lý sự cố tại hiện trường cần phải nhanh chóng đưa ra những quyết định để ngăn chặn sự cố, phân tán sự cố, bảo đảm an toàn cho con người, môi trường và tài sản.

Chương IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải và yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải

1.1 Nội dung đề nghị cấp phép xả thải

1.1.1 Nguồn phát sinh

- Nguồn số 1: nước thải sinh hoạt của công nhân viên với lưu lượng 25 m³/ngày.đêm

1.1.2 Dòng thải xả vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả thải

1.1.2.1 Nguồn tiếp nhận: hệ thống thu gom nước thải chung của khu vực

1.1.2.2 Vị trí xả thải

- Vị trí: 286 Phan Văn Hón, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, Tp. Hcm.
- Tọa độ vị trí xả nước thải: X=1198146; Y=593707 (Theo hệ VN-2000, kinh tuyến 105⁰45, múi chiều 3⁰).

1.1.3 Lưu lượng xả thải lớn nhất: 30 m³/ngày.đêm

1.1.3.1 Phương thức xả nước thải: bơm

1.1.3.2 Chế độ xả thải: liên tục

1.1.3.3 Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải (ghi chú quy chuẩn áp dụng), cụ thể như sau:

STT	Thông số	QCVN 14:2008/BTNMT, cột B
1.	pH	5,5 - 9
2.	TSS	100
3.	TDS	1.000
4.	Sunfua	4
5.	BOD ₅	50
6.	Amoni	10
7.	Nitrat	50
8.	Phosphat	10
9.	Dầu mỡ DTV	20
10.	Tổng chất hoạt động bề mặt	10
11.	Tổng Coliform ^(*)	5.000

1.2 Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải

1.2.1 Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.2.1.1 Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt từ hoạt động nhà vệ sinh, sinh hoạt của công nhân viên sau bể tự hoại với lưu lượng 25m³/ngày.đêm được thu gom, xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải tập trung của Công ty sau đó đầu nối ra hệ thống thoát nước chung của khu vực tại

01 điểm đầu nổi trên đường Phan Văn Hớn với tọa độ X=1198146; Y=593707 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°).

1.2.1.2 Công trình, thiết bị xử lý nước thải

Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại → Bể điều hòa → Bể sinh học thiếu khí → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận.

– Hóa chất, vật liệu sử dụng: PAC, Polime, Chlorine.

1.2.1.3 Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại Khoản 2, Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

1.2.1.4 Biên pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

– Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại, hệ thống thu gom, xử lý nước thải, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, tránh các sự cố đối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải.

– Khi bể tự hoại tắc nghẽn do đầy, cần hợp đồng đơn vị có chức năng thu gom xử lý đúng quy định.

– Khi phát hiện đường ống dẫn nước thải bị rò rỉ nước cần khắc phục kịp thời để tránh nước thải tràn ra bên ngoài.

– Báo ngay cho cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố chưa thể khắc phục ngay và ngưng hoạt động nếu cần.

– Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng hệ thống thu gom và tiêu thoát nước thải.

1.2.2 Kế hoạch vận hành thử nghiệm

1.2.2.1 Thời gian vận hành thử nghiệm: Ba (03) tháng từ khi giấy phép môi trường được phê duyệt.

1.2.2.2 Công trình, thiết bị xả nước thải vận hành thử nghiệm

– Hệ thống xử lý nước thải với công suất $30 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

❖ **Vị trí lấy mẫu:** Theo vị trí được cấp phép tại phần 1, hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°

❖ **Chất ô nhiễm chính và giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:** theo giới hạn cho phép quy định tại phần 1.1.3.3.

1.2.2.3 Tần suất lấy mẫu

– Thời gian đánh giá trong giai đoạn ổn định của Công trình xử lý nước thải: 03 ngày liên tiếp.

– Loại mẫu và vị trí lấy mẫu: đầu vào và đầu ra hệ thống xử lý nước thải

– Tần suất quan trắc: 01 ngày/lần.

1.2.3 Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

– Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh và thực hiện đầu nổi nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của khu vực.

– Đảm bảo phương án đầu nối, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành cơ sở.

– Công ty chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt quy chuẩn theo quy định.

– Thực hiện đúng quy định tại Điều 74 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Nội dung đề nghị cấp phép xả khí thải và yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải: không áp dụng

3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và các yêu cầu bảo vệ môi trường

3.1 Nội dung cấp phép về tiếng ồn, độ rung

3.1.1 Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

– Nguồn số 1: Tiếng ồn, độ rung từ hệ thống xử lý nước thải

3.1.2 Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung


– Nguồn số 1: Tọa độ: X = 1198158, Y = 593725

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°45' múi chiều 3°)

3.1.3 Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

 **Tiếng ồn:**

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

 **Độ rung:**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

3.2 Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung

3.2.1 Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

– Thường xuyên bảo dưỡng đảm bảo các máy móc, thiết bị hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

– Bố trí các máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất một cách hợp lý, tránh trường hợp các máy gây ồn cao cùng hoạt động và trong cùng một khu vực sẽ gây cộng hưởng ồn, làm tăng độ ồn.

– Áp dụng biện pháp bóc dỡ nguyên liệu và sản phẩm hợp lý, dùng các biện pháp sử dụng xe nâng để bóc dỡ, hạn chế nhập nguyên liệu vào những thời điểm có nhiều công nhân hoạt động.

– Tất cả máy móc thiết bị sản xuất để đúc móng đủ khối lượng, tăng chiều sâu của móng, lắp đặt giá đỡ máy bằng cao su hoặc bê tông và lắp đặt hệ thống giảm ồn.

3.2.2 Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.2.2.1 Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần 3.1, chương V. Trường hợp có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn kỹ thuật môi trường mới bổ sung hoặc thay thế quy chuẩn hiện hành thì phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

3.2.2.2 Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

4.1 Quản lý chất thải rắn

4.1.1 Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

4.1.1.1 Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Đơn vị/năm	Số lượng tối đa	Mã CTNH
1.	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh các loại	Rắn	kg	12	16 01 06
2.	Dầu nhớt thải	Lỏng	kg	32	17 02 04
3.	Pin, ắc quy thải	Rắn	kg	63	19 06 01
4.	Giẻ lau nhiễm TPNH	Rắn	kg	33	18 02 01
5.	Bao bì, chai lọ dính hoá chất	Rắn	kg	25	18 01 04
6.	Chai kim loại dính hoá chất	Rắn	kg	4	18 01 02
Tổng				169	

4.1.1.2 Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

TT	Tên chất thải	Số lượng (kg/tháng)
1	Thùng carton, vải vụn, chỉ vụn,...	3.005
TỔNG KHỐI LƯỢNG		

4.1.1.3 Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

TT	Tên chất thải	Số lượng (kg/tháng)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	13.000

4.1.2 Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu trữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

4.1.2.1 Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

– Thiết bị lưu giữ: thùng phuy có nắp đậy

- Kho/khu vực chứa trong nhà:
- + Diện tích kho: 15m²
- + Thiết kế, cấu tạo: tường bao quanh bằng tôn, sàn nền BTCT, không bị thấm thấu, tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, có mái che nắng, mưa, xung quanh kho chứa CTNH có gờ bao cao 10cm tại vị trí cửa. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn, có phân loại từng mã CTNH, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa CTNH được dán nhãn mã CTNH, có thùng phuy chứa cát khô và giẻ khô, thiết bị phòng cháy chữa cháy đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định.

4.1.2.2 Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Thiết bị lưu chứa: thùng nhựa có nắp đậy
- Kho/khu vực lưu chứa:
- + Diện tích kho: 40m²
- + Thiết kế, cấu tạo: có tường bao, mái che, nền bê tông, gờ chống tràn.

4.1.2.3 Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Thiết bị lưu chứa: thùng nhựa 120L có nắp đậy
- Kho/khu vực lưu chứa:
- + Diện tích kho: 06m²
- + Thiết kế, cấu tạo: có tường bao, mái che, nền bê tông, gờ chống tràn.

4.1.2.4 Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/1/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4.2 Yêu cầu về phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố theo quy định pháp luật.
- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

5. Các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường

5.1 Công ty TNHH LTP Việt Nam có trách nhiệm thực hiện các công tác bảo vệ môi trường theo đúng nội dung giấy phép môi trường được cấp phép trong quá trình hoạt động.

5.2 Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

5.3 Thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

5.4 Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG V.

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

Bảng 5. 1 Kết quả chất lượng nước thải của cơ sở năm 2024

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	QUÝ 1	QUÝ 2	QUÝ 3	QCVN 14:2008/BTN MT, Cột B
1.	pH	-	7,11	5,82	7,4	5 – 9
2.	TSS	mg/L	86,5	91,5	81,8	100
3.	TDS	mg/L	204	418	532	1.000
4.	BOD ₅	mg/L	35	46	30	50
5.	COD	mg/L	-	143	64	--
6.	Sunfua	mg/L	KPH	KPH	KPH	4
7.	Amoni	mg/L	7,27	8,75	6,49	10
8.	Nitrat	mg/L	0,92	24,5	26	50
9.	Dầu mỡ ĐTV	mg/L	<3	<3	<3	20
10.	Tổng chất hoạt động bề mặt	mg/L	0,21	<0,15	KPH	10
11.	Phosphat	mg/L	2,87	4,42	4,93	10
12.	Tổng coliform	MPN/100ml	$3,1 \times 10^3$	$3,5 \times 10^3$	$3,2 \times 10^3$	5.000

(Nguồn: Công ty TNHH LTP Việt Nam)

Nhận xét: Qua bảng cho thấy, nồng độ ô nhiễm trong nước thải nằm ở quy chuẩn cho phép.

2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải

Chương VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

1.1 Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Bảng 6. 1 Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải

STT	Vị trí lấy mẫu	Thông số phân tích	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Công suất dự kiến
A	Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả của công trình xử lý: Không thuộc đối tượng phải thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.				
B	Giai đoạn vận hành ổn định: 01 ngày/lần trong 03 ngày liên tục (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn hoặc mẫu được lấy bằng thiết bị lấy mẫu liên tục trước khi xả, thải ra ngoài môi trường của công trình).				
1	Tại hố ga đầu vào của hệ thống xử lý nước thải	pH, TSS, TDS, BOD ₅ , COD, Sunfua, Amoni, Nitrat, Phosphat, Dầu mỡ ĐTV, tổng chất hoạt động bề mặt, coliform.	02/2025	05/2024	80%
2	Tại hố ga đầu ra của HTXL nước thải	pH, màu, BOD ₅ , COD, pH, TSS, TDS, BOD ₅ , COD, Sunfua, Amoni, Nitrat, Phosphat, Dầu mỡ ĐTV, tổng chất hoạt động bề mặt, coliform.	02/2025	05/2024	80%

1.2 Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

Bảng 6. 2 Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải

STT	Vị trí lấy mẫu	Thông số phân tích	Số mẫu	Thời gian lấy mẫu	Quy chuẩn so sánh
A	Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả của công trình xử lý: Không thuộc đối tượng phải thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.				
B	Giai đoạn vận hành ổn định: 01 ngày/lần trong 03 ngày liên tục (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn hoặc mẫu được lấy bằng thiết bị lấy mẫu liên tục trước khi xả, thải ra ngoài môi trường của công trình).				
1	Tại hố ga đầu vào của hệ thống xử lý nước thải	pH, TSS, TDS, BOD ₅ , COD, Sunfua, Amoni, Nitrat, Phosphat, Dầu mỡ ĐTV, tổng chất hoạt động bề mặt, coliform.	01	Thực hiện theo khoản 5 Điều 21 Thông tư	QCVN 14:2008/BTNMT, cột B

STT	Vị trí lấy mẫu	Thông số phân tích	Số mẫu	Thời gian lấy mẫu	Quy chuẩn so sánh
2	Tại hố ga đầu ra của HTXL nước thải	pH, TSS, TDS, BOD ₅ , COD, Sunfua, Amoni, Nitrat, Phosphat, Dầu mỡ ĐTV, tổng chất hoạt động bề mặt, coliform..	03	02/2022/TT - BTNMT	

❖ **Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch:**

Công ty TNHH Môi trường và An toàn lao động Sao Việt

- Địa chỉ liên hệ: 48/2A đường Bình Hòa 13, Kp. Bình Đáng, P. Bình Hòa, Tp. Thuận An, Tỉnh Bình Dương.

- Điện thoại: 0915.830.220 Website: www.moitruongsaoviet.vn

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường số hiệu VIMCERTS 286 theo Quyết định số 1559/QĐ-BTNMT ngày 09/08/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

2. Chương trình quan trắc chất thải

Quan trắc nước thải:

- Vị trí giám sát: Nước thải tại hố ga cuối cùng trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom của khu vực.

- Chỉ tiêu giám sát: pH, TSS, BOD₅, TDS, Amoni, Sunfua, Nitrat, dầu mỡ ĐTV, tổng chất hoạt động bề mặt, phosphat, Coliform.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần

- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT, cột B

Quan trắc chất thải rắn:

- Tần suất giám sát: thường xuyên liên tục

- Vị trí giám sát: khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, công nghiệp và nguy hại.

- Thông số giám sát: Khối lượng, chủng loại, hóa đơn, chứng từ giao nhận chất thải.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm: 40.000.000 đồng

Bảng 6. 3 Kinh phí dự kiến thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

Mẫu quan trắc	Thông số	Số lượng	Tần suất/năm	Đơn giá	Chi phí
01 điểm (tại hố ga cuối cùng trước khi đầu nối vào hệ thống)	pH, TSS, BOD ₅ , TDS, Amoni, Sunfua, Nitrat, dầu mỡ ĐTV, tổng chất hoạt động bề mặt,	01	04 lần/năm	8.000.000	32.000.000

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Mẫu quan trắc	Thông số	Số lượng	Tần suất/năm	Đơn giá	Chi phí
thoát nước chung của khu vực).	phosphat, Coliform.				
Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, công nghiệp và nguy hại.	Khối lượng, chủng loại, hóa đơn, chứng từ giao nhận chất thải.	03	Thường xuyên	20.000.000	20.000.000
Chi phí nhân công lấy mẫu	-	3 người	02	1.000.000	6.000.000
Chi phí phương tiện đi lại	-	-	02	2.000.000	4.000.000
Tổng cộng					62.000.000

Chương VII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

1. Cam kết thực hiện các biện pháp giảm thiểu các tác động xấu

Chủ cơ sở cam kết đảm bảo tuân thủ Luật Bảo vệ Môi trường Việt Nam, các Nghị định, Thông tư và các quy định liên quan, thực hiện tốt các biện pháp khống chế và giảm thiểu các tác động xấu đã nêu trong báo cáo này, hoàn thành các công trình xử lý môi trường trước khi đi vào hoạt động chính thức cụ thể là:

– Thực hiện các biện pháp khống chế và giảm thiểu ô nhiễm không khí theo đúng quy định. Chủ cơ sở cam kết thực hiện các biện pháp giảm thiểu bụi và khí thải từ các công đoạn tại cơ sở không ảnh hưởng đến các doanh nghiệp xung quanh. Trường hợp cơ sở xử lý không đạt quy chuẩn sẽ ngưng hoạt động để tiến hành cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý, đảm bảo xử lý đạt quy chuẩn theo quy định trước khi tiến hành đưa vào vận hành.

– Cam kết thực hiện các công trình bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường.

– Thực hiện các biện pháp thu gom, phân loại và xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại đúng quy định.

– Thực hiện các biện pháp chống ồn và rung.

– Thực hiện tốt các biện pháp phòng chống cháy nổ. Xây dựng hệ thống chống sét, chống ồn, rung cho các thiết bị.

– Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố an toàn hóa chất

– Thực hiện chương trình giám sát môi trường định kỳ như đã nêu trong chương 6

– Phối hợp với các cơ quan chức năng về quản lý môi trường để nhận được sự hỗ trợ và hướng dẫn kịp thời trong công tác quản lý môi trường.

2. Cam kết thực hiện luật pháp, các quy định chung về bảo vệ môi trường

Chủ cơ sở cam kết trong quá trình cơ sở đi vào vận hành chính thức đảm bảo tuân thủ tốt Luật môi trường, các chất ô nhiễm thải ra môi trường đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam hiện hành, bao gồm:

❖ Về môi trường không khí

– Môi trường không khí xung quanh: Tuân thủ các quy định pháp luật, không làm ảnh hưởng đến chất lượng môi trường không khí xung quanh.

– Môi trường sản xuất đạt QCVN 02:2019/BYT, QCVN 03:2019/BYT, QCVN 24:2016/BYT và QCVN 26:2016/BYT.

❖ Về nước thải

Nước thải phát sinh từ cơ sở được xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B

❖ Về chất thải rắn

– Chất thải rắn thông thường và chất thải không nguy hại được quản lý theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường. Chất thải sinh hoạt được thu gom và vận chuyển đến nơi xử lý theo đúng yêu cầu với sự hỗ trợ của đơn vị có chức năng. Chất thải rắn không nguy hại được thu gom, tập trung và bán cho đơn vị có chức năng thu mua.

– Chất thải nguy hại: được thực hiện đúng theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết

thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường. Chất thải được phân loại, lưu trữ và giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải nguy hại thu gom, xử lý.


Chủ cơ sở cam kết thực hiện các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn từ khi cơ sở đi vào vận hành chính thức cho đến khi kết thúc cơ sở. Đồng thời cam kết sẽ đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp các sự cố, rủi ro môi trường xảy ra do triển khai cơ sở. Cam kết phục hồi môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường sau khi cơ sở kết thúc vận hành.

Công Ty TNHH LTP Việt Nam cam kết thực hiện tốt các yêu cầu của quyết định phê duyệt báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và nội dung báo cáo, xử lý các loại chất thải đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường hiện hành. Công ty chịu trách nhiệm về các biện pháp bảo vệ môi trường đối với toàn bộ cơ sở trong suốt quá trình hoạt động, thực hiện giám sát và vận hành các công trình xử lý môi trường, đồng thời phối hợp với chính quyền địa phương trong công tác quản lý an ninh, trật tự, tệ nạn xã hội.

Cam kết thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường trước khi đưa cơ sở vào vận hành thương mại.

Cam kết xây dựng hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14001 theo quy định.

Công ty cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam nếu vi phạm các quy định về bảo vệ Môi trường, nếu để xảy ra sự cố môi trường, các hoạt động xả thải vượt tiêu chuẩn, quy chuẩn Môi trường Việt Nam quy định.

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
Số: 2023226800201610/GBN-KTĐN


CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TP Hồ Chí Minh, ngày 7 tháng 4 năm 2023

**GIẤY BIÊN NHẬN
CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM**

Họ và tên người tiếp nhận hồ sơ: Nguyễn Thị Hồng Nhung

Chức vụ: Chuyên viên - Phòng Kinh tế đối ngoại - Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Đã tiếp nhận hồ sơ của:

Ông/Bà: Chu Huệ Mẫn - Địa chỉ: lengocnhi16@gmail.com - Số điện thoại: 0937823216

Loại hồ sơ: Dự án đầu tư - Thay đổi

Hồ sơ bao gồm:

Ngày hẹn trả: 14/04/2023

(Theo danh sách hồ sơ đính kèm)

Nơi nhận:
CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM
- Lưu

K^T NGƯỜI TIẾP NHẬN
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và
đóng dấu (nếu có))



Nguyễn Thị Hồng Nhung

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 414/SKHĐT-KTĐN
V/v điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký
đầu tư dự án CÔNG TY TNHH LTP VIỆT
NAM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 4 năm 2023

Kính gửi:

- Sở Tài nguyên và Môi trường,
- Sở Công thương;
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Ủy ban nhân dân quận 12.

Sở Kế hoạch và Đầu tư nhận được hồ sơ của CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM đăng ký điều chỉnh quy mô của dự án. Sau khi xem xét, Sở Kế hoạch và Đầu tư có ý kiến như sau:

1. Tóm tắt về doanh nghiệp và dự án đầu tư:

- CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM, hiện đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên số 0309471068 đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 29 tháng 5 năm 2019 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Dự án đầu tư CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM hiện đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 4354186557 chứng nhận thay đổi lần thứ 1 ngày 10 tháng 6 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp;

- Nhà đầu tư: LTP GROUP A/S; Giấy chứng nhận đăng ký thành lập số 17974246 cấp ngày 27 tháng 6 năm 1994 tại Đan Mạch; địa chỉ trụ sở chính: Bryghuspladsen 8C, 1473 Copenhagen, Đan Mạch.

- Địa điểm thực hiện dự án: số 286, đường Phan Văn Hớn, phường Tân Thới Nhất, quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Mục tiêu dự án:

Stt	Tên ngành	Mã ngành theo VSIC	Mã CPC
1	Sản xuất và thiết kế các sản phẩm dệt may (Doanh nghiệp không được tẩy, nhuộm, hồ, in trên các sản phẩm vải sợi, dệt, may đan)	1410	

- Quy mô của dự án: 500.000 sản phẩm/năm.

6. Tổng vốn đầu tư của dự án: 40.000.000.000 (bốn mươi tỷ) đồng Việt Nam tương đương 2.000.000 (hai triệu) đô-la Mỹ.

Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án: 3.800.000.000 (ba tỷ tám trăm triệu) đồng Việt Nam tương đương 200.000 (hai trăm ngàn) đô-la Mỹ, bằng tiền mặt, chiếm tỷ lệ 10% tổng vốn đầu tư.

Giá trị, tỷ lệ, phương thức và tiến độ góp vốn như sau:

Stt	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tiến độ góp vốn
		VNĐ (ngàn đồng)	Tương đương USD			
1	LTP GROUP A/S	3.800.000	200.000	100	Tiền mặt	Hoàn tất việc góp vốn vào ngày 31/12/2010

- Thời hạn hoạt động của dự án: từ ngày 15 tháng 9 năm 2009 đến ngày 30 tháng 4 năm 2037.

- Tiến độ thực hiện dự án đầu tư: đang hoạt động sản xuất kinh doanh.

2. Đề nghị của Công ty:

Tại văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư lập ngày 07/4/2023, Doanh nghiệp đề nghị điều chỉnh quy mô của dự án. Thông tin cụ thể như sau:

Từ: 500.000 sản phẩm/năm.

Thành: 250.000 sản phẩm/tháng; 3.000.000 sản phẩm/năm

3. Ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Để có cơ sở xem xét, giải quyết hồ sơ, Sở Kế hoạch và Đầu tư đề nghị các Cơ quan có ý kiến đối với đề nghị điều chỉnh quy mô của dự án của CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM, cụ thể như sau:

3.1. Sở Tài nguyên và Môi trường có ý kiến về:

- Thông tin về việc chấp hành các quy định của pháp luật về môi trường của Doanh nghiệp trong quá trình thực hiện dự án tại số 286, đường Phan Văn Hón, phường Tân Thới Nhất, quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh và các dự án đầu tư khác của Công ty (nếu có).

- Vấn đề đảm bảo ô nhiễm môi trường đối đề nghị điều chỉnh quy mô của dự án theo quy định của Luật Bảo vệ Môi trường và các văn bản hướng dẫn thi hành.

3.2. Ủy ban nhân dân quận 12 có xem xét và có ý kiến về sự phù hợp của đề nghị điều chỉnh quy mô của dự án tại địa điểm số 286, đường Phan Văn Hón, phường Tân Thới Nhất, quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh với điều kiện

phát triển kinh tế xã hội của địa phương và các nội dung khác có liên quan; đồng thời có ý kiến rõ về việc thống nhất hay không thống nhất nội dung đề nghị điều chỉnh quy mô của dự án của CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM.

3.3. Sở Công thương có ý kiến về thẩm định về:

- Sự phù hợp của các quy mô hoạt động của dự án (hiện hữu và đề nghị điều chỉnh) của CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM với định hướng quy hoạch phát triển ngành;

- Sự phù hợp với quy định về thâm dụng lao động theo Quyết định số 1568/QĐ-UBND ngày 10/5/2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

3.4. Sở Khoa học và Công nghệ:

Doanh nghiệp đã giải trình các nội dung như sau:

- Tên, xuất xứ, sơ đồ quy trình công nghệ, danh mục, tình trạng, thông số kỹ thuật của máy móc, thiết bị trong dây chuyền công nghệ;

- Sản phẩm, tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm;

- Khả năng đáp ứng nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu cho dây chuyền công nghệ;

- Chương trình đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật để vận hành dây chuyền công nghệ;

- Chi phí đầu tư cho công nghệ, máy móc thiết bị, đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật;

Do đó, Sở Kế hoạch và Đầu tư đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ hỗ trợ, xem xét có ý kiến đánh giá về sự phù hợp vấn đề công nghệ phục vụ cho hoạt động sản xuất (hiện hữu và đề nghị điều chỉnh quy mô) của dự án đối với các quy định hiện hành.

Sở Kế hoạch và Đầu tư mong sớm nhận được ý kiến của quý Cơ quan (đính kèm hồ sơ có liên quan).*l.v*

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD Sở (để b/c);
- Lưu: VT, P.KTĐN (Loclđ, 7b) *l.v*



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Trung Anh

được thực hiện: cập nhật thay đổi tên và trụ sở của Nhà đầu tư; địa chỉ thường trú và chỗ ở hiện nay của người đại diện theo pháp luật của Nhà đầu tư.

Nhà đầu tư:

LTP GROUP A/S; Giấy chứng nhận đăng ký thành lập số 17974246 cấp ngày 27 tháng 6 năm 1994 tại Đan Mạch; địa chỉ trụ sở chính: Bryghuspladsen 8C, 1473 Copenhagen, Đan Mạch.

Người đại diện theo pháp luật: Ông JON SKOVHUS KNUDSEN; sinh ngày 09 tháng 11 năm 1955, quốc tịch Đan Mạch; hộ chiếu số 204609442 cấp ngày 09 tháng 6 năm 2010 tại Đan Mạch; địa chỉ thường trú và chỗ ở hiện tại: Aahavevej 84, 8600 Silkeborg, Denmark; chức vụ: Giám đốc.

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư:

CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên số 0309471068 đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 29 tháng 5 năm 2019 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư.

1. Tên dự án đầu tư: THÀNH LẬP CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM.
2. Mục tiêu dự án:

Stt	Tên ngành	Mã ngành theo VSIC	Mã ngành CPC
1	Sản xuất và thiết kế các sản phẩm dệt may (<i>Doanh nghiệp không được tẩy, nhuộm, hồ, in trên các sản phẩm vải sợi, dệt, may đan</i>)	1410	

3. Quy mô của dự án: 500.000 sản phẩm/năm.
4. Địa điểm thực hiện dự án: số 286, đường Phan Văn Hớn, phường Tân Thới Nhất, quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.
5. Diện tích mặt đất, mặt nước sử dụng (nếu có): không.
6. Tổng vốn đầu tư của dự án: 40.000.000.000 (bốn mươi tỷ) đồng Việt Nam tương đương 2.000.000 (hai triệu) đô-la Mỹ.



Trong đó, vốn góp đề thực hiện dự án: 3.800.000.000 (ba tỷ tám trăm triệu) đồng Việt Nam tương đương 200.000 (hai trăm ngàn) đô-la Mỹ, bằng tiền mặt, chiếm tỷ lệ 10% tổng vốn đầu tư.

Giá trị, tỷ lệ, phương thức và tiến độ góp vốn như sau:

Stt	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tiến độ góp vốn
		VND (ngàn đồng)	Tương đương USD			
1	LTP GROUP A/S	3.800.000	200.000	100	Tiền mặt	Hoàn tất việc góp vốn vào ngày 31/12/2010

7. Thời hạn hoạt động của dự án: từ ngày 15 tháng 9 năm 2009 đến ngày 30 tháng 4 năm 2037.

8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư: đang hoạt động sản xuất kinh doanh.

Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư.

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

- Cơ sở pháp lý của ưu đãi: Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, các văn bản hướng dẫn có liên quan và quy định của các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:

- Cơ sở pháp lý của ưu đãi: Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu và các văn bản hướng dẫn, điều chỉnh có liên quan.

3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất:

- Cơ sở pháp lý của ưu đãi: không.

- Điều kiện hưởng ưu đãi: không.

4. Các hình thức hỗ trợ đầu tư: không.

Điều 3. Các điều kiện đối với hoạt động của dự án.

- Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư phải có kế hoạch di dời theo chủ trương chung của Ủy ban nhân dân thành phố tại Quyết định số 4809/QĐ-UBND ngày 22/10/2007 về duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch xây dựng các cụm công nghiệp địa phương Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, có tính đến năm 2025.



[Handwritten signature]

- Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư phải đi dời địa điểm thực hiện dự án khi nhà nước thay đổi quy hoạch hoặc trong quá trình sản xuất gây ô nhiễm theo quy định của pháp luật Việt Nam.

- Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư phải làm thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật.

- Nhà đầu tư phải tuân thủ và đáp ứng điều kiện đầu tư theo quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

- Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư chỉ được triển khai hoạt động đối với các lĩnh vực đầu tư kinh doanh có điều kiện khi đáp ứng các điều kiện và/hoặc được cấp giấy phép/giấy chứng nhận/chứng chỉ hành nghề hoặc văn bản xác nhận...theo quy định pháp luật hiện hành; chấp hành quy định của Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và các quy định về bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ, an toàn lao động và quy định pháp luật khác có liên quan đến lĩnh vực hoạt động đầu tư kinh doanh đã đăng ký.

- Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư có trách nhiệm thực hiện chế độ báo cáo hoạt động đầu tư theo quy định tại Điều 71 Luật Đầu tư và cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan vào Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định tại Điều 70 Luật Đầu tư và chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực và đảm bảo quyền sử dụng hợp pháp, sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật đối với địa điểm thực hiện dự án đã đăng ký. Cơ quan đăng ký đầu tư không giải quyết tranh chấp phát sinh (nếu có) liên quan đến địa điểm thực hiện dự án đăng ký.

- Doanh nghiệp phải thực hiện đi dời địa điểm thực hiện dự án khi Nhà nước thay đổi quy hoạch hoặc do gây ô nhiễm trong quá trình sản xuất mà không yêu cầu bất kỳ khoản bồi thường nào từ phía Nhà nước Việt Nam

- Dự án sẽ chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 48 Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn, điều chỉnh có liên quan.

Điều 4:

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 4354186557 chứng nhận lần đầu ngày 11 tháng 9 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Điều 5.



Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 02 (hai) bản gốc; 01 (một) bản cấp cho CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM và 01 (một) bản lưu tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh./.

Sao gửi:

- UBND Tp.HCM;
- UBND quận 12.

GIÁM ĐỐC



Lê Thị Huỳnh Mai



Handwritten mark

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 0309471068

Đăng ký lần đầu: ngày 15 tháng 09 năm 2009

Đăng ký thay đổi lần thứ: 9, ngày 11 tháng 04 năm 2023

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LTP VIETNAM COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: LTP CO., LTD

2. Địa chỉ trụ sở chính

286 Phan Văn Hớn, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 62522396

Fax: 62504206

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ

3.800.000.000 đồng

Bằng chữ: Ba tỷ tám trăm triệu đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: LTP GROUP A/S

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: .17974246

Ngày cấp: 27/06/1994 Nơi cấp: Đan Mạch

Địa chỉ trụ sở chính: Bryghuspladsen 8C, 1473 Copenhagen, Đan Mạch

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: HUYNH THI XUÂN HÒA

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 15/04/1980

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 080180012839

Ngày cấp: 15/01/2022

Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: 395/12 Khu phố 1, Phường Tân Thới Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 395/12 Khu phố 1, Phường Tân Thới Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

* Họ và tên: NGUYỄN NHẬT LINH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 12/09/1976

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 079076029496

Ngày cấp: 10/07/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: 15/37 Đường Nguyễn Ngọc Lộc, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 15/37 Đường Nguyễn Ngọc Lộc, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

* Họ và tên: TRẦN DUY HẢI

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 20/09/1978

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 040078013835

Ngày cấp: 11/01/2023

Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Tổ 8, Ấp 7, Thị trấn Tân Khai, Huyện Hớn Quản, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tổ 8, Ấp 7, Thị trấn Tân Khai, Huyện Hớn Quản, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Số chứng thực: 014042



Nguyễn Thanh Hải Hồ Hoàng Sơn



HỢP ĐỒNG CHO THUÊ NHÀ XƯỞNG

số : 01 /HĐTNX.2015

Giữa

Công ty TNHH TM-SX Phát Thành (FATACO.,LTD)

41 Đội Cung, Phường 11, Quận 11, TP.HCM

Mã số thuế : 030 118 3004

Số Tài khoản: 007.1.00.0024496 tại Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương VN_Chi
nhánh Bến Thành_địa chỉ: 69 Bùi Thị Xuân, Quận I, TP.HCM

Do Ông.LÊ VĂN THÀNH, Giám đốc làm đại diện.

- Sau đây gọi là "Bên cho thuê"

Và

Công ty TNHH LTP VIỆT NAM (LTP VIETNAM COMPANY LIMITED)

- Sau đây gọi là "Bên Thuê"

Điều 1. Đối tượng thuê

Bên cho thuê thỏa thuận cho bên Thuê thuê toàn bộ nhà văn phòng, nhà xưởng, nhà kho, nhà bảo vệ, đường nội bộ xưởng và các công trình kiến trúc phụ trợ khác... tại địa chỉ số 286 Phan Văn Hớn, phường Tân Thới Nhất, quận 12, TP.Hồ Chí Minh; với diện tích sử dụng toàn bộ khu cho thuê chính là: 15.453 m² và các công trình phụ trợ khác như: sân bãi, đường nội bộ, nhà ăn, nhà để xe, cây xanh... khoảng 9.900 m² theo chi tiết như sau :

- Diện tích thuê bao gồm:

+ Nhà văn phòng : 03 tầng, sân thượng: 1.149,94 m²

+ Diện tích kho xưởng:

- a. Kho xưởng 1: - Tầng trệt : 104 m x 50 m = 5.200 m²
- Tầng lửng: 5.200 m - (50 m x 60 m) = 2.200 m²
- b. Kho xưởng 2: - Tầng trệt, lầu : 2 x 37 m x 48 m = 3.552 m²
- c. Kho xưởng 3: - Tầng trệt : 110 m x 18 m = 1.980 m²
- d. Kho xưởng 4: - Tầng trệt : 15 m x 48 m = 720 m²
- e. Kho xưởng 5: - Tầng trệt : 14,50 m x 20 m = 290 m²
- f. Kho xưởng 6: - Tầng trệt : 10 m x 30 m = 300 m²

+ Nhà bảo vệ :

- a. Nhà bảo vệ 1: 3,4 m x 6,4 m = 21,76 m²
- b. Nhà bảo vệ 2: 3 m x 6 m = 18 m²

+ Nhà vệ sinh:

- a. Nhà vệ sinh : 22 m²

Mục đích thuê : để làm nhà văn phòng, kho, nhà xưởng để sản xuất hàng may mặc theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một Thành Viên :

+ Công ty TNHH LTP Việt Nam

+ Địa chỉ : 167/2 Nguyễn Ảnh Thủ, phường Trung Mỹ Tây, quận 12, TP.HCM

+ Giấy chứng nhận đầu tư số : 411043001131, chứng nhận lần đầu ngày 15/09/2009; đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 23/01/2015 do UBND TP.HCM cấp.

+ Ngành, nghề kinh doanh : sản xuất và thiết kế các sản phẩm dệt may (Doanh nghiệp không thực hiện công đoạn tẩy, nhuộm, hồ, in trên các sản phẩm vải sợi, dệt, may đan)

+ Người đại diện theo pháp luật : Bà KAUCIKIENE NOMEDA _ Quốc tịch: Lithuania (Passport No: 22945683 cấp ngày 21/10/2011)

Điều 2. Mô tả Nhà xưởng và Công trình phụ

1. Bên cho Thuê là chủ sở hữu nhà văn phòng, nhà kho - xưởng và các công trình kiến trúc phụ trợ khác theo các chứng từ sở hữu đã được các cơ quan chức năng có thẩm quyền cấp như sau:

- Giấy CNQSDĐ số T 994483, số vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ : 00060/1a QSDĐ/1346/UB do UBND TP.HCM cấp ngày 15/04/2002, đăng ký thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận ngày

06/09/2004 về việc điều chỉnh hình thức và thời hạn sử dụng đất là: giao đất ổn định, lâu dài và đăng ký thay đổi về tài sản gắn liền với đất do Trung tâm Thông Tin Tài Nguyên Môi Trường và Đăng Ký Nhà Đất - Sở Tài Nguyên và Môi Trường TP.HCM cấp ngày 12/09/2006.

- Giấy phép xây dựng số 115/GPXD do Sở Xây Dựng TP.HCM cấp ngày 24/06/2002.

- Biên bản kiểm tra công trình hoàn thành số 144/BBHC do Sở Xây Dựng TP.HCM cấp ngày 11/08/2004 và biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình ngày 24/12/2003.

- Tờ khai nộp lệ phí trước bạ ngày 27/08/2004.

Điều 3. Tiền Thuê Nhà văn phòng, nhà xưởng, nhà kho

1. Tiền cho thuê toàn bộ nhà văn phòng, nhà xưởng, nhà kho và các công trình kiến trúc phụ trợ khác đã nêu trên theo điều 1 của hợp đồng này là : 700.000.000 đồng/tháng (Bảy trăm triệu đồng/tháng), đơn giá cho thuê này chưa bao gồm 10% thuế VAT.

2. Đơn giá này chỉ bao gồm giá cho thuê quyền sử dụng đất, quyền sử dụng Nhà văn phòng, nhà xưởng, nhà kho và các công trình kiến trúc phụ trợ khác theo Điều 1 của hợp đồng này tại địa điểm cho thuê. Đơn giá này không bao gồm bất kỳ chi phí hoạt động nào khác của Bên Thuê khi tiến hành sản xuất kinh doanh tại địa chỉ số 286 Phan Văn Hớn, phường Tân Thới Nhất, quận 12, TP.HCM (như khoản thuế kinh doanh theo qui định của Nhà nước, tiền điện, điện thoại...của bên Thuê).

- Bên Cho Thuê sẽ bàn giao toàn bộ diện tích cho thuê theo điều 1 của hợp đồng này kể từ ngày 21/04/2015 khi hợp đồng thuê nhà xưởng này đã được hai bên ký kết và bên thuê thực hiện việc ký quỹ tiền đặt cọc theo nội dung hợp đồng để bên thuê lắp đặt máy móc thiết bị; sửa chữa, xây dựng và trang trí theo nhu cầu của bên thuê. Trong thời gian 30 ngày kể từ ngày 21/04/2015 bên cho Thuê không tính tiền thuê.

3. Đơn giá cho thuê chưa bao gồm thuế VAT được tính theo các giai đoạn sau :

- Giai đoạn 1: từ ngày 21/05/2015 đến hết ngày 20/05/2018(03 năm): giá cho thuê là 700.000.000 đồng/tháng(Bảy trăm triệu đồng/tháng) và đơn giá này chưa bao gồm thuế VAT 10%.

- Giai đoạn 2: Từ ngày 21/05/2018 đến ngày 20/05/2019 giá cho thuê là: 735.000.000 đồng/tháng (Bảy trăm ba mươi lăm triệu đồng chẵn/tháng) và đơn giá này chưa bao gồm thuế VAT 10%.

- Giai đoạn 3: Từ ngày 21/05/2019 đến ngày 20/05/2020 giá cho thuê là: 771.750.000 đồng /tháng (Bảy trăm bảy mươi một triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng chẵn/tháng) và đơn giá này chưa bao gồm thuế VAT 10%.

Đơn giá cho thuê cho từng giai đoạn nêu trên là cố định, không thay đổi dù có bất cứ sự điều chỉnh đơn giá cho thuê của Nhà nước hoặc giá cho thuê của khu vực quận 12 TP.HCM.

Điều 4. Phương Thức thanh toán.

1. Tiền thuê được thanh toán bằng tiền đồng Việt Nam dưới hình thức tiền mặt hoặc chuyển khoản.

2. Hàng tháng, Bên cho thuê sẽ xuất hóa đơn GTGT cho Bên Thuê vào ngày 01 đến ngày 02 dương lịch mỗi tháng và Bên Thuê sẽ thanh toán cho Bên cho Thuê chậm nhất đến ngày 07 dương lịch của tháng đó.

Riêng tháng đầu tiên kể từ ngày bắt đầu thu tiền cho thuê nhà xưởng, Bên cho Thuê sẽ tính và xuất hóa đơn GTGT cho Bên Thuê từ ngày 21/05/2015 là ngày bắt đầu được tính tiền cho thuê cho đến ngày cuối dương lịch của tháng đầu tiên này(ngày 31/05/2015) và trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày ký nhận hóa đơn GTGT bên Thuê phải thanh toán đúng và đầy đủ số tiền thuê của tháng này cho Bên cho Thuê.

3. Nhu cầu về sử dụng điện: Bên cho Thuê hỗ trợ Bên Thuê về mặt thủ tục theo qui định của Nhà nước để Bên Thuê đúng tên trên hợp đồng sử dụng điện tại Công ty Điện lực khu vực và để Bên Thuê thanh toán tiền điện trực tiếp cho Công ty Điện Lực khu vực và Bên cho Thuê cam kết khi hết thời hạn của hợp đồng hoặc cả hai bên thỏa thuận chấm dứt hợp đồng cho thuê nhà xưởng, Bên Thuê cam kết sẽ làm ngay thủ tục chuyển tên hợp đồng sử dụng điện lại cho bên Cho Thuê.

Điều 5. Ký Quỹ

1. Khoản ký quỹ tiền cọc có giá trị tương đương 06 (sáu) tháng tiền thuê (chưa bao gồm thuế VAT 10%) là: 700.000.000 đồng/tháng x 6 tháng = 4.200.000.000 đồng (Bốn tỷ hai trăm triệu đồng Việt Nam) sẽ được Bên Thuê thanh toán ngay bằng hình thức chuyển khoản 100% cho bên cho Thuê khi hợp đồng cho thuê nhà xưởng này được hai bên ký kết và số tiền đặt cọc này sẽ được trừ vào tiền thuê nhà xưởng trong 04(bốn) tháng cuối của hợp đồng hoặc được chuyển sang hợp đồng thuê mới trong trường hợp hai bên đồng ý ký hợp đồng mới.

2. Chỉ trong trường hợp Bên Thuê không thể xin được giấy phép Đầu tư tại địa chỉ 286 Phan Văn Hớn, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TP.HCM thì Bên Cho Thuê sẽ hoàn lại số tiền đặt cọc này cho bên cho Thuê (thể hiện bằng quyết định hoặc thông báo của cơ quan chức năng có thẩm quyền).

Điều 6. Thanh toán trễ hạn

1. Nếu Bên Thuê không thanh toán đúng theo quy định tại Khoản 2_điều 4 của hợp đồng này với thời gian trễ hạn quá 15 ngày kể từ ngày đến hạn cuối cùng phải thanh toán (ngày 07 dương lịch hàng tháng), thì bên thuê đồng ý chịu phạt thanh toán chậm theo lãi suất quá hạn của Ngân hàng Thương Mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam_ chi nhánh Bến Thành công bố tại thời điểm bên thuê vi phạm điều khoản thanh toán, nhưng không quá 30 ngày kể từ ngày phải thanh toán tiền thuê. Bên cho Thuê có quyền khấu trừ tiền thuê Nhà văn phòng, nhà xưởng, nhà kho và các công trình kiến trúc phụ trợ khác tại địa điểm thuê và tiền điện, tiền điện thoại vào tiền ký quỹ nếu bên Thuê vi phạm điều khoản này.

2. Sau 30 ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán, nếu Bên Thuê vẫn không thanh toán hết số tiền thuê hàng tháng theo qui định của hợp đồng cho thuê nhà xưởng này mà không có lý do chính đáng được bên cho thuê chấp thuận bằng văn bản (thể hiện bằng thông báo nhắc nợ của bên cho Thuê có xác nhận của bên Thuê); thì Bên cho Thuê có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng cho thuê nhà xưởng này, khi đó Bên cho Thuê lập bảng đối chiếu công nợ để đại diện hai bên ký xác nhận. Tiền ký quỹ sẽ được khấu trừ cho các khoản: tiền thuê nhà xưởng chưa thanh toán, tiền điện, điện thoại và các khoản phí dịch vụ mà bên thuê đã sử dụng (nếu có); tiền sửa chữa lại các công trình kiến trúc hiện hữu tại địa điểm cho thuê do Bên Thuê làm hư hại (nếu có); tiền phạt vi phạm các điều khoản đã nêu trong hợp đồng. Sau khi khấu trừ tất cả các khoản tiền vừa nêu trên, nếu còn thừa Bên cho Thuê sẽ chuyển trả lại cho bên Thuê phần tiền thừa, nếu thiếu thì Bên cho Thuê được phép thông báo cho các cơ quan chức năng có thẩm quyền hỗ trợ tạm giữ tài sản của Bên Thuê để định giá và bán để trừ phần tiền thiếu. Bên thuê cam kết đồng ý nội dung các điều khoản này và không thắc mắc hoặc khiếu nại nếu bên thuê vi phạm điều khoản thanh toán trễ hạn.

3. Việc định giá do cơ quan chức năng có thẩm quyền của Nhà nước Việt Nam thực hiện.

Điều 7. Bàn giao và đảm bảo quyền sử dụng điện tích thuê.

1. Bên cho Thuê có trách nhiệm chuyển giao cho Bên Thuê toàn bộ điện tích thuê theo điều 1 của hợp đồng này kể từ ngày Bên cho Thuê xác nhận bên Thuê đã chuyển khoản đúng và đầy đủ số tiền ký quỹ (đặt cọc) theo qui định của hợp đồng.

- 01 giếng đóng công nghiệp và 02 bể nước: 01 bể ngầm thể tích 150 m³, 01 bể thể tích 40 m³ và có đài nước kèm theo và bên cho thuê đã lắp đặt 01 hệ thống lọc nước để sử dụng nước sinh hoạt.

- 01 hệ thống PCCC vách tường hoàn chỉnh(bao gồm máy bơm chữa cháy, các cuộn vòi và lăng chữa cháy) và bên cho thuê chỉ cung cấp 01 Trung tâm báo cháy(phần lắp đặt các đầu báo khói... cho nhà văn phòng, nhà xưởng, nhà kho...để phù hợp với ngành nghề sản xuất của bên Thuê sẽ do bên Thuê tự lắp đặt và trang bị) và trong quá trình sử dụng nếu có hư hỏng hoặc hao mòn do thời gian sử dụng thì Bên Thuê phải chịu chi phí sửa chữa các hạng mục nêu trên.

- Toàn bộ hệ thống sân bãi, đường nội bộ trong quá trình thuê và sử dụng nếu bị sụt lún...bên Thuê phải có trách nhiệm sửa chữa và bàn giao lại đúng như hiện trạng ban đầu cho Bên cho Thuê khi hết thời hạn thuê của hợp đồng.

- Mọi hư hỏng do Bên Thuê gây ra, Bên Thuê có trách nhiệm sửa chữa lại giống như hiện trạng ban đầu lúc nhận bàn giao. Mọi chi phí sửa chữa do Bên Thuê chịu. Nếu Bên Thuê không sửa chữa thì Bên cho Thuê sẽ sửa chữa và Bên Thuê hoàn lại toàn bộ chi phí sửa chữa.

- Chịu trách nhiệm bảo quản tốt các phần bên cho thuê đã xây dựng và lắp đặt các trang thiết bị hiện hữu đã đầu tư của Bên cho Thuê, thực hiện đúng các qui định PCCC theo pháp lệnh Phòng Cháy Chữa Cháy của Nhà nước và theo yêu cầu của các cơ quan chức năng có thẩm quyền; Nếu bên thuê để xảy ra sự cố cháy, nổ thì bên thuê phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường mọi thiệt hại về tài sản(nếu có) cho bên cho thuê.

- Không được tàng trữ các loại vũ khí, chất nổ, chất dễ cháy, các loại văn hóa phẩm và các loại hàng hóa khác mà cơ quan pháp luật Nhà nước qui định cấm. Nếu vi phạm, Bên thuê hoàn toàn chịu trách nhiệm trước cơ quan pháp luật về hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

- Sử dụng nhà văn phòng, nhà kho, nhà xưởng và tài sản khác gắn liền với các công trình trên đúng mục đích, đúng thời hạn thuê;

- Trả tiền thuê đầy đủ theo phương thức và thời hạn đã thỏa thuận;

- Tự chịu và thanh toán tất cả các khoản chi phí phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh và nhu cầu của Bên Thuê(tiền điện, nước, điện thoại, internet, lắp đặt thiết bị...nếu có) trong suốt thời gian thuê;

- Tự lo vệ sinh bên trong nhà văn phòng, nhà kho, nhà xưởng và khu vực hành lang xung quanh văn phòng, nhà xưởng, mặt tiền khuôn viên xưởng...;

- Hoàn trả lại quyền sử dụng nhà văn phòng, nhà kho và nhà xưởng (có tài sản khác gắn liền) sau khi hết thời hạn thuê.

- Được quyền sử dụng nhà văn phòng, nhà kho, nhà xưởng..., tài sản khác gắn liền với các công trình ổn định theo thời hạn thuê đã thỏa thuận;

- Được ưu tiên tiếp tục ký tiếp Hợp đồng thuê mới khi hợp đồng này hết hạn(sau khi đại diện hai bên cùng thống nhất đơn giá cho thuê mới)

Điều 9. Sử dụng Nhà văn phòng, nhà xưởng, nhà kho và các công trình kiến trúc phụ trợ khác tại địa điểm thuê.

1. Bên Thuê sẽ sử dụng để làm văn phòng, nhà xưởng, nhà kho và các công trình kiến trúc phụ trợ khác tại địa điểm thuê để phục vụ cho các hoạt động kinh doanh của Bên Thuê như:

- + Văn phòng làm việc, phòng trưng bày sản phẩm, kho chứa hàng và xưởng sản xuất.
- + Sản xuất kinh doanh : Xưởng may mặc đã nêu tại điều 1 của hợp đồng này.

2. Trong khi sử dụng, Bên Thuê có trách nhiệm tuân thủ mọi qui định của pháp luật liên quan đến lĩnh vực hoạt động kinh doanh của mình, bao gồm tất cả các qui định về đăng ký kinh doanh, PCCC và các qui định về thuế của Nhà nước, giữ trật tự công cộng tại khu vực Nhà văn phòng, nhà xưởng, nhà kho và các công trình kiến trúc phụ trợ khác tại địa điểm thuê, bao hàm cả trật tự âm thanh và môi trường. Trong quá trình kinh doanh nếu Bên Thuê thay đổi ngành nghề kinh

- Hợp đồng hết hạn theo điều 6 và điều 16 của hợp đồng.

- Hai bên thỏa thuận chấm dứt hợp đồng trước thời hạn. Nếu Bên nào yêu cầu chấm dứt hợp đồng trước thời hạn sẽ thực hiện đúng và đầy đủ nội dung căn cứ theo khoản 5 hoặc khoản 6 Điều 16 của hợp đồng này tương ứng với việc bên nào yêu cầu chấm dứt hợp đồng trước thời hạn qui định.

3. Trong trường hợp bất khả kháng như: do thiên tai kéo dài, chiến tranh hoặc do thay đổi chính sách của Nhà nước về qui hoạch đất đai tại địa chỉ thuê 286 Phan Văn Hớn, phường Tân Thới Nhất, quận 12, TP.HCM; hướng giải quyết trong các trường hợp này là hai bên cùng thống nhất các giải quyết để hài hòa quyền lợi của nhau. Trong các trường hợp này, Bên thuê được quyền tháo dỡ và lấy lại những tài sản của mình đã trang bị như: máy móc thiết bị, thiết bị văn phòng..(nhưng không làm ảnh hưởng đến phần kết cấu xây dựng của Nhà văn phòng, nhà xưởng, nhà kho...và các tài sản khác của bên cho thuê đã thể hiện trong biên bản bàn giao nhà xưởng thuê giữa hai bên) và chỉ trong các trường hợp bất khả kháng nêu trên, cả hai Bên sẽ không bị phạt vi phạm chấm dứt hợp đồng trước thời hạn qui định tại khoản 5 và khoản 6 Điều 16 của hợp đồng này.

4. Trước khi hợp đồng hết hạn, nếu bên cho thuê vẫn tiếp tục cho thuê, bên thuê sẽ được ưu tiên hàng đầu trong việc tiếp tục thuê nhà xưởng(giá cho thuê sẽ được hai bên thỏa thuận trước 12 tháng trước khi hợp đồng cho thuê nhà xưởng hết hạn).

5. Bên cho thuê cam kết không chấm dứt hợp đồng cho thuê nhà xưởng này trước thời hạn đã ký, nếu vi phạm sẽ chịu phạt tương đương 04(bốn) tháng tiền cọc(tương đương số tiền: 2.800.000.000 đồng _ Hai tỷ tám trăm triệu đồng Việt Nam) của bên thuê và hoàn trả lại tiền Bên Thuê đã đặt cọc.

6. Nếu Bên Thuê muốn chấm dứt hợp đồng cho thuê nhà xưởng này trước thời hạn đã ký của hợp đồng, thì bên Thuê đồng ý mất 04(bốn) tháng tiền cọc (tương đương số tiền: 2.800.000.000 đồng _ Hai tỷ tám trăm triệu đồng Việt Nam). Đồng thời bên Thuê có trách nhiệm thanh toán khoản tiền thuê nhà xưởng mà bên Thuê chưa thanh toán tính đến thời điểm chấm dứt hợp đồng, tiền điện, điện thoại và các khoản phí dịch vụ mà bên thuê đã sử dụng (nếu có); tiền sửa chữa lại các công trình kiến trúc hiện hữu tại địa điểm cho thuê do Bên Thuê làm hư hại (nếu có).

Điều 17. Hoàn trả Diện tích thuê

1. Khi hợp đồng cho thuê nhà xưởng chấm dứt theo thời gian đã qui định, Bên Thuê phải trả lại Nhà văn phòng, nhà xưởng, nhà kho và các công trình kiến trúc phụ trợ khác tại địa điểm thuê cho Bên cho Thuê trong tình trạng sạch sẽ và tương xứng với tình trạng khi bắt đầu hợp đồng này và thời gian sử dụng. Bên cho Thuê sẽ nhận lại Nhà văn phòng, nhà xưởng, nhà kho và các công trình kiến trúc phụ trợ khác tại địa điểm thuê và chỉ chấp nhận những hao mòn theo thời gian (hao mòn tự nhiên).

2. Bên Thuê có quyền tháo dỡ và mang đi những trang thiết bị khi hết thời hạn hợp đồng hoặc hợp đồng được chấm dứt theo thỏa thuận được qui định trong điều 6 và điều 16 của hợp đồng như: trang thiết bị văn phòng, máy vi tính, tủ bàn ghế, máy móc thiết bị dùng để sản xuất của bên Thuê(nếu có). Trong khi tháo dỡ nếu Bên Thuê làm hư hỏng, thay đổi cấu trúc ban đầu khi nhận bàn giao thì Bên Thuê phải khôi phục lại đúng tình trạng ban đầu để bàn giao lại cho Bên cho Thuê. Nếu Bên Thuê không sửa thì Bên cho Thuê sửa nhưng bên thuê sẽ chịu mọi chi phí này. Bên cho thuê không chịu trách nhiệm bồi thường bất cứ các chi phí nào mà Bên Thuê đã đầu tư xây dựng thêm để phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của bên cho Thuê tại địa điểm thuê (nếu có).

Điều 18. Thông báo

1. Mọi thông báo cần thiết theo hợp đồng này phải được bên cần thông báo (Bên gửi) thực hiện theo hình thức thư tay có biên nhận hoặc thư bảo đảm có ghi số đến địa chỉ Bên kia (bên nhận) như đã ghi trong hợp đồng này.
2. Những thông báo được thực hiện theo hình thức thư bảo đảm có ghi số được coi là đã được Bên Nhận nhận được vào ngày ghi trong thông báo nhận của bưu điện.
3. Mỗi bên có thể thay đổi địa chỉ thông báo của mình bằng cách thông báo cho bên kia theo qui định tại điều này.

Điều 19. Giải quyết mâu thuẫn

Mọi mâu thuẫn phát sinh từ hợp đồng này mà các Bên không giải quyết được thông qua thương lượng thì sẽ được giải quyết tại Tòa Kinh Tế TP.HCM. Tòa án sẽ giải quyết theo nội dung của hợp đồng này theo pháp luật của Nước CHXHCN Việt Nam. Phán quyết của Tòa Kinh tế Tp.Hồ Chí Minh là quyết định cuối cùng các bên phải chấp hành.

Điều 20. Các quy định khác

1. Ngày tháng nêu trong hợp đồng này đều là ngày tháng dương lịch.
2. Trong trường hợp một phần hoặc một điều khoản nào đó của hợp đồng này vô hiệu, những điều khoản còn lại sẽ không bị ảnh hưởng, nếu phần hoặc điều khoản vô hiệu không bao hàm nội dung chủ yếu của hợp đồng. Điều khoản hoặc phần vô hiệu sẽ được điều chỉnh hoặc thay đổi theo ý chí của các Bên lúc ký kết hợp đồng nếu các Bên không có thỏa thuận gì khác.

Hợp đồng này được lập và ký tại TP.Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 04 năm 2015, với 04 (bốn) bản, 02 bản bằng tiếng Anh và 02 bản bằng tiếng Việt có nội dung, điều khoản giống nhau; mỗi bên giữ 02 bản (tiếng Anh và tiếng Việt) và Các bên đã đọc kỹ, hiểu rõ tất cả nội dung, các điều khoản của hợp đồng này và có giá trị pháp lý như nhau kể từ ngày ký.

BÊN CHO THUÊ *M1*

BÊN THUÊ *klmbr*



GIÁM ĐỐC



Chứng thực bản sao
đúng với bản chính.

NOMEDA KAUČIKIJE

Lê Văn Thành

Số chứng thực *42/HS* ngày *20/05* năm *2015* số *.....* S.CT/BS

Ngày *11* tháng *05* năm *2015*

Chủ Tịch UBND P. Trung Mỹ Tây



Mai Văn Thảo



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Số T 994483

BẢN SAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập—Tự do—Hạnh phúc

ỦY BAN NHÂN DÂN

Thành phố Hồ Chí Minh

CHỨNG NHẬN

Công Ty TNHH TM-SX Phát Thành

51/21 Bình Thới, Phường 11, Quận 11

20122

Được quyền sử dụng (Hai mươi ngàn một trăm hai mươi hai mét vuông) m^2 đất.

Tại:

Phường Tân Thới Nhất

Quận 12

Thành phố Hồ Chí Minh

Theo bảng liệt kê dưới đây:

Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích (m^2)	Mục đích sử dụng	Thời hạn sử dụng	Phần ghi thêm
3	391	20122	Xây dựng xưởng sản xuất nhựa gia dụng	DT: 926m ² Thuê đất Từ ngày 24/01/2002 Đến 06/08/2047	Quyết định 350/QĐ-UBND ngày 24-01-2002 của UBND Thành phố. Ghi chú: GCNQSDĐ này thay thế GCNQSDĐ số 223/QSDD/1997 ngày DT: 19.1.1967-27/09/1997 do UBND TP cấp
Số chứng thư: 00742 Ngày: 15-03-2023					
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐỒNG VỚI BẢN CHÍNH Quyển số: 01 SCTBS					
CÔNG CHỨNG VIÊN					



Phạm Nguyễn Văn Đức

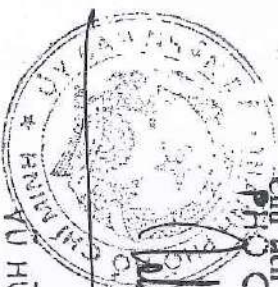
Vào số cấp giấy chứng nhận

Quyền sử dụng đất

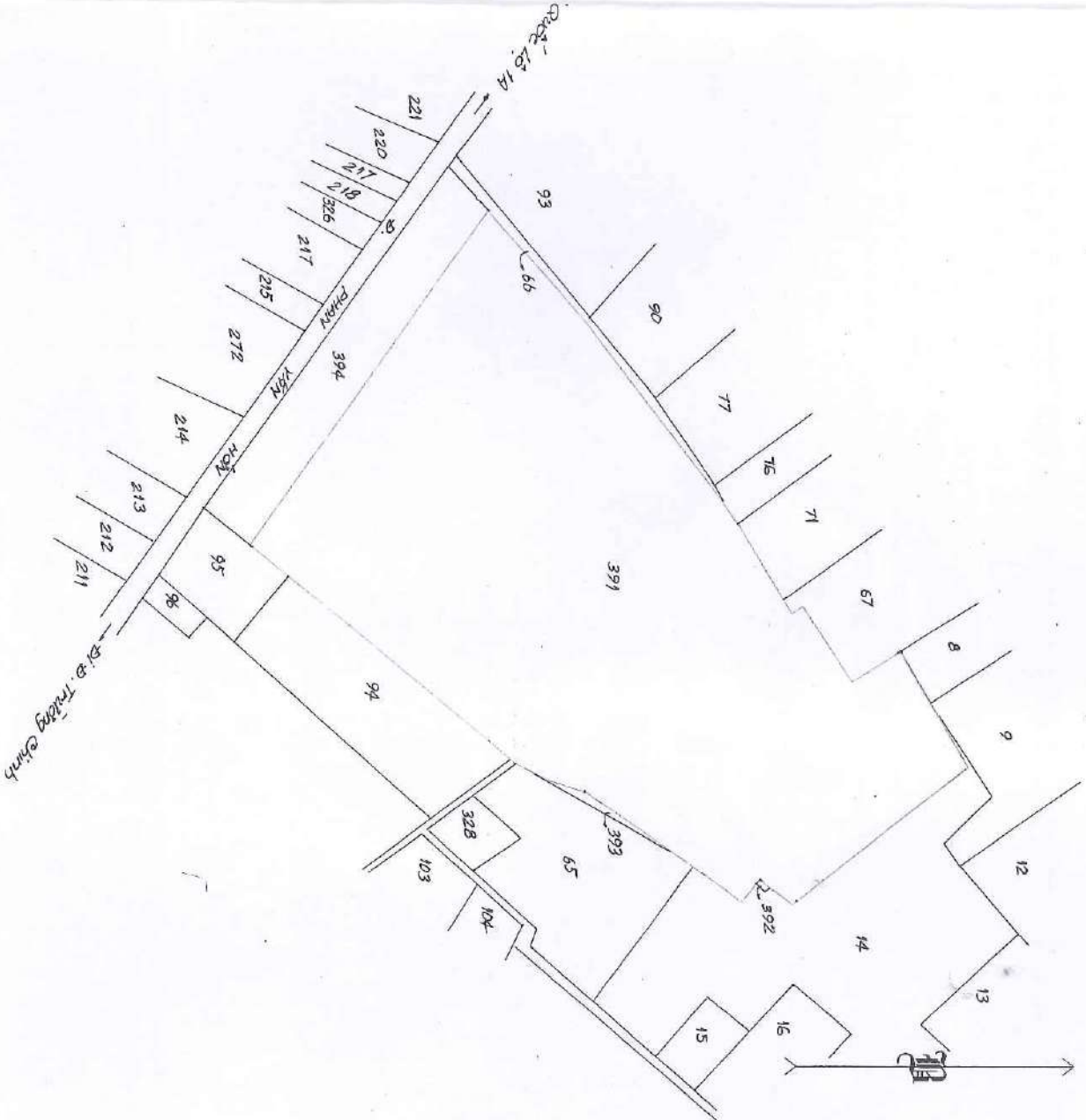
Số: 000.60/.OSDD/13.46/UBS
Aa

Ngày... 15 tháng... 4... năm 2002

Chủ tịch UBND
PHỐ CHU TỊCH





VU HÙNG VIỆT



TỶ LỆ : 1/2.000

GHI CHÚ: Phần chi tiết xem bản đồ Hiện trạng – Vị trí số: 13791/GD-ĐCND
ngày 20 tháng 08 năm 2001 của Sở Địa Chính-Nhà Đất TP.

NHỮNG THAY ĐỔI SAU KHI CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

Ngày tháng năm	Số và nội dung quyết định	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
06-09-2004	Căn cứ Quyết định số 3277/QĐ-UB ngày 30/6/2004 của Ủy ban nhân dân thành phố, nay cấp nhất, điều chỉnh hình thức và thời hạn sử dụng đất là : giao đất ổn định, lâu dài.	KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC  Đào Anh Kiệt
16-07-2010	Đã xóa đăng ký thế chấp ngày 16/07/2008 theo hồ sơ số 005059. Thế chấp bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM NHÁNH TÂY SÀI GÒN, địa chỉ 131A Lê Văn Khương, phường Hiệp Thành, quận 12, TP.HCM theo hồ sơ số 005060.	GIÁM ĐỐC PHÒNG ĐĂNG KÝ VÀ CHẤP QUẢN ĐẤT VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT Nguyễn Văn Sơn 
Kèm theo GCN này có Trang bổ sung số: 01, 02		

NGƯỜI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CẦN CHÚ Ý !

- 1- Được hưởng quyền và phải thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng đất theo các điều 73, 74, 75, 76, 77, 78, 79 Luật Đất đai 1993.
- 2- Khi có thay đổi về hình thức, quy mô sử dụng, mục đích sử dụng và người sử dụng khu đất, phải mang giấy chứng nhận này đến đăng ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- 3- Không được tự ý sửa chữa, tẩy xóa bất kỳ một nội dung nào trong giấy chứng nhận. Khi bị mất hoặc làm hư hỏng giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp giấy.

BV: 16025



TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Thửa đất số: 391 Tờ bản đồ số: 3 Xã Tân Thới Nhất H.HM

Số phát hành GCNQSDĐ: T 994483

Số vào sổ cấp giấy: 00060/1a QSDĐ/1346/UB ngày cấp 15/04/2002.

VI- Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất



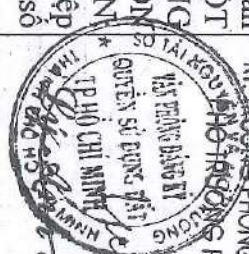

Ngày, tháng, năm	Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
12-09-2006	<p>Đăng ký thay đổi về tài sản gắn liền với đất theo đơn yêu cầu ngày 29/09/2006.</p> <p>Công trình: Xương sản xuất nhựa Meiamin</p> <p>TDTSD: 12769m²; DTXD: 8015,8m².</p> <p>Kết cấu nhà: tường gạch, khung kèo thép, sàn thép+ BTCT, mái BTCT+tôn. Số tầng: 3+lửng+sân thượng.</p> <p>Căn cứ: GPXD số 115/GPXD ngày 24/06/2002, BBKCTHT số 144/BBHC ngày 11/08/2004 do Sở Xây Dựng cấp (đính kèm bản vẽ hoàn công).</p> <p>Tờ khai nộp lệ phí trước bạ ngày 27/08/2004.</p> <p>Địa chỉ mới của căn nhà: 286 Phan Văn Hớn (nguyên một trục đường) phường Tân Thới Nhất, quận 12 (theo Quyết định đổi số nhà số 1472/QĐ-UB ngày 03/09/2004 của UBND quận 12)</p>	<p>KT. GIÁM ĐỐC HỒ GIÀM ĐỐC</p>  <p>Phan Thành</p>
19-09-2006	<p>Thế chấp bằng Quyền sử dụng đất và Tài sản gắn liền với đất với CN-NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN QUANG TRUNG TÍN theo Hợp đồng số 20971 ngày 18/9/2006.</p> <p>SBK: 41-2006-013267. Lệ: 08.35 phút, ngày 19/9/2006.</p>	 <p>Phạm Văn Hòa</p>



HỒ C
CHỦ
H. KM

Trang bổ sung số: 01

VI- Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Ngày, tháng, năm	Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
16-07-2008	Đã xóa đăng ký thế chấp ngày 19/9/2006 nêu tại trang trước theo đơn yêu cầu nộp ngày 15/7/2008 của NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN QUANG TRUNG.	<p>KT GIÁM ĐỐC PHÒNG QUẢN LÝ VÀ CHẾ ĐỘ ĐẤT ĐAI TRUNG ƯƠNG NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN QUANG TRUNG</p>  <p><i>Nguyễn Văn Khoa</i></p>
22-06-2012	Đã xóa đăng ký thế chấp ngày 16/7/2010 theo hồ sơ số 004622. Thế chấp bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM - CHI NHÁNH TÂY SÀI GÒN; địa chỉ: 13 Văn Khương, phường Hiệp Thành, quận TP.HCM theo hồ sơ số 004623.	<p>TL GIÁM ĐỐC TRƯỜNG PHÒNG ĐĂNG KÝ</p>  <p><i>Nguyễn Văn Khoa</i></p>
25-06-2013	Đã xóa đăng ký thế chấp ngày 22/6/2012 theo hồ sơ số 005249. Thế chấp bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM - CHI NHÁNH TÂY SÀI GÒN địa chỉ 131A Lê Văn Khương, phường Hiệp Thành, quận 12, TP.HCM theo hồ sơ số 005250.	<p>TL GIÁM ĐỐC KẾ TÍNH toán PHÒNG ĐĂNG KÝ PHÒNG QUẢN LÝ VÀ CHẾ ĐỘ ĐẤT ĐAI TRUNG ƯƠNG NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM TP. HCM</p>  <p><i>Nguyễn Văn Khoa</i></p>
01-07-2015	Xóa nội dung đăng ký thế chấp ngày 25/06/2013, theo hồ sơ số 005314.XC. Thế chấp bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM - CHI NHÁNH TÂY SÀI GÒN địa chỉ: 131A Lê Văn Khương, phường Hiệp Thành, quận 12 Tp.HCM, theo hồ sơ số 005315.TC.	<p>TL GIÁM ĐỐC PHÒNG QUẢN LÝ VÀ CHẾ ĐỘ ĐẤT ĐAI TRUNG ƯƠNG NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM TP. HCM</p>  <p><i>Nguyễn Văn Khoa</i></p>

TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Thửa đất số: 391

Tờ bản đồ số: 3

Số phát hành GCN: T 9944 83

Số vào sổ cấp GCN: 00060/ta 05DD/

1346/UB.

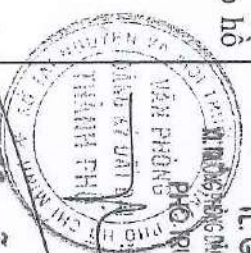
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

15/12/2015

T. GIAM ĐOC

Xóa nội dung đăng ký thế chấp ngày 01/7/2015, theo hồ sơ số 016025.XC.V



Nguyễn Thái Dũng

Trang bổ sung này luôn phải đính kèm Giấy chứng nhận mới có giá trị pháp lý

Trang bổ sung số: ...02

GIẤY XÁC NHẬN
ĐĂNG KÝ KẾ HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN “CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM”

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 792 /TTr-TNMT ngày 01 tháng 11 năm 2015,

Sau khi xem xét hồ sơ đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án “Công ty TNHH LTP Việt Nam” hoạt động sản xuất và thiết kế sản phẩm may mặc với công suất 500.000 sản phẩm/năm tại địa chỉ 286 Phan Văn Hón, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, thành phố Hồ Chí Minh; Ủy ban nhân dân Quận 12 xác nhận Công ty TNHH LTP Việt Nam đã đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án “Công ty TNHH LTP Việt Nam” tại Ủy ban nhân dân Quận 12 vào ngày 16 tháng 10 năm 2015.

Công ty TNHH LTP Việt Nam có trách nhiệm thực hiện các nội dung như sau:

1. Tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, các biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất trong bản kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký.

2. Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký và các trách nhiệm khác theo quy định tại Điều 33 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014.

3. Tuân thủ các quy định hiện hành đối với việc xả thải vào nguồn nước.

Kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án “Công ty TNHH LTP Việt Nam” kèm theo Giấy xác nhận đăng ký này được cấp cho Công ty TNHH LTP Việt Nam để thực hiện và được lưu tại cơ quan Nhà nước để kiểm tra, giám sát.

Ghi chú: Giấy xác nhận này chỉ xác nhận về việc đăng ký thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường của dự án "Công ty TNHH LTP Việt Nam", không có giá trị pháp lý thay thế các giấy tờ trong các lĩnh vực khác./.

Nơi nhận:

- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND quận (PCT/ĐT);
- Phòng TNMT;
- UBND phường Tân Thới Nhất;
- Công ty TNHH LTP Việt Nam;
- VP.UBND quận; *[Signature]*
- Lưu VT.
(TNMT/MT) *[Signature]*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



[Signature]
Nguyễn Tương Minh

BIÊN BẢN KIỂM TRA NGHIỆM THU VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Hỏi *M.* giờ *30* ngày *29* tháng *3*. năm 2016, tại công trình: Văn phòng, nhà
xưởng, nhà kho.

Địa chỉ: Số 286 đường Phan Văn Hớn, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TP.
Hồ Chí Minh.

Chúng tôi gồm:

I. Đại diện Cảnh sát PCCC TP. Hồ Chí Minh:

- Đ/c Trần Văn Thanh – Cấp bậc: Thượng tá – Chức vụ: Phó Trưởng phòng –
Phòng Hướng dẫn, Chỉ đạo về Phòng cháy.
- Đ/c Đỗ Quang Phú – Cấp bậc: Thượng úy – Chức vụ: Phó Đội trưởng Đội
Hướng dẫn Thẩm duyệt về PCCC - Phòng Hướng dẫn, Chỉ đạo về Phòng Cháy.
- Đ/c Nguyễn Thành Nhân – Cấp bậc: Thượng úy – Chức vụ: Cán bộ kiểm tra
- Phòng Cảnh sát PCCC Quận 12.
- Đ/c Huỳnh Tấn Lộc – Cấp bậc: Trung úy – Chức vụ: Cán bộ kiểm tra -
Phòng Cảnh sát PCCC Quận 12.
- Đ/c Trần Văn Vĩnh – Cấp bậc: Thượng úy – Chức vụ: Cán bộ thẩm duyệt -
Phòng Hướng dẫn, Chỉ đạo về Phòng cháy.

II. Đại diện chủ đầu tư: Công ty TNHH LTP Việt Nam

- Ông (bà) Trần Lê Minh – Phó Giám đốc
- Ông (bà) Đỗ Hoàng Trí – Trưởng Phòng hành chính nhân sự

III. Đại diện đơn vị thi công PCCC: Công ty TNHH TM KT PCCC Tiến Hưng

- Ông (bà) Võ Hữu Tiến – Giám đốc

Đã tiến hành phức tra biên bản kiểm tra nghiệm thu về PCCC ngày 19/01/2016
đối với công trình: Văn phòng, nhà xưởng, nhà kho.

Tình hình và kết quả kiểm tra như sau:

**I. Phức tra các nội dung kiến nghị tại biên bản kiểm tra nghiệm thu ngày
19/01/2016 của Cảnh sát PCCC TP. Hồ Chí Minh, kết quả cụ thể như sau:**

- Tương biên nhà kho (trục B, C và I) chủ đầu tư đã xây tường gạch ngăn cháy
cao tới mái đảm bảo giới hạn chịu lửa EI.

- Đã có biên bản nghiệm thu việc thi công sơn chống cháy đối các kết cấu thép
đoạn trục 21-26 giữa chủ đầu tư và đơn vị thi công PCCC.

- Bổ sung Giấy chứng nhận kiểm định số 704/KĐ-PCCC-P9 ngày 25/3/2016
của Cục Cảnh sát PCCC&CNCH đối với vật liệu làm tấm vách ngăn chống cháy lắp
đặt tại công trình.

2. Kết luận, kiến nghị

2.1. Kết luận

- Công trình Văn phòng, nhà xưởng, nhà kho tại địa chỉ nêu trên thi công theo
bản vẽ thiết kế đã được thẩm duyệt về PCCC số 1221/TĐ-PCCC(P2) ngày

09/10/2015 và chủ đầu tư đã thực hiện các kiến nghị trong biên bản kiểm tra nghiệm thu về PCCC ngày 19/01/2016 của Cảnh sát PC&CC TP. Hồ Chí Minh.

2.2 Kiến nghị

Chủ đầu tư có trách nhiệm duy trì liên tục khả năng hoạt động của hệ thống PCCC như thời điểm kiểm tra nghiệm thu.

Biên bản lập xong 17 giờ 01 phút cùng ngày, gồm 02 trang được lập thành 05 bản, mỗi bên liên quan giữ 01 bản, đã đọc lại cho mọi người cùng nghe, công nhận theo nội dung biên bản và nhất trí ký tên dưới đây.

ĐẠI DIỆN

CƠ SỞ

(Ký tên, đóng dấu)



Trần Văn Minh

ĐẠI DIỆN

ĐƠN VỊ LIÊN QUAN

(Ký tên, đóng dấu)



Võ Văn Thiện

ĐẠI DIỆN CẢNH SÁT PCCC

TP. HỒ CHÍ MINH

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Trần Văn Minh

Chhat

Nguyễn Văn Thiện

BỘ CÔNG AN
CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 22/M /PCCC-P2
V/v nghiệm thu về PCCC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 4 năm 2016

Kính gửi: Công ty TNHH LTP Việt Nam

Theo đề nghị tại Văn bản số 08/CV ngày 29/02/2016 về việc nghiệm thu phòng cháy và chữa cháy của Công ty TNHH LTP Việt Nam; căn cứ kết quả kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy tại Biên bản kiểm tra do đại diện Cảnh sát PCCC TP. Hồ Chí Minh lập ngày 29/3/2016, hồ sơ nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của Công ty TNHH LTP Việt Nam.

Cảnh sát PCCC thành phố Hồ Chí Minh đồng ý xác nhận việc nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của Công ty TNHH LTP Việt Nam đối với công trình Văn phòng, nhà xưởng, nhà kho xây dựng tại số 286 đường Phan Văn Hón, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh theo các nội dung sau đây:

- Bắc chịu lửa, giải pháp ngăn cháy, khoảng cách PCCC, giao thông phục vụ chữa cháy, lối thoát nạn;
- Hệ thống báo cháy tự động, đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn;
- Hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà, chữa cháy tự động Sprinkler;
- Hệ thống chống sét, cảnh báo cháy, bình chữa cháy;

Để đảm bảo an toàn phòng cháy và chữa cháy cho công trình Văn phòng, nhà xưởng, nhà kho trong suốt quá trình hoạt động, đề nghị Công ty TNHH LTP Việt Nam thực hiện các yêu cầu kèm theo sau đây:

- Thực hiện đầy đủ các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ;
- Thực hiện đúng quy định, quy trình về vận hành sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị phòng cháy và chữa cháy và các hệ thống kỹ thuật khác liên quan;

- Duy trì liên tục chế độ hoạt động của các hệ thống, thiết bị phòng cháy và chữa cháy và các hệ thống kỹ thuật khác có liên quan trong suốt quá trình hoạt động như tại thời điểm nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy. *TM*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục CS PCCC&CNCH-BCA;
- Đ/c Giám đốc;
- Phòng CS PCCC Quận 12;
- Lưu: VT, P2.



Đại tá Đoàn Văn Chón

**GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Điều 7 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 09/CV ngày 30/9/2015 của: Công ty TNHH LTP Việt Nam.

Người đại diện là ông/bà: Trần Lê Minh. Chức danh: Phó Giám đốc.

**CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CHỨNG NHẬN:**

Văn phòng, nhà xưởng, nhà kho

Địa điểm xây dựng: số 286 Phan Văn Hón, phường Tân Thới Nhất, Quận 12.

Chủ đầu tư/chủ phương tiện: Công ty TNHH LTP Việt Nam.

Đơn vị lập dự án/thiết kế: C.ty TNHH Thương mại và Kỹ thuật PCCC Tiến Hưng.

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

- Bậc chịu lửa, khoảng cách an toàn PCCC, giải pháp ngăn cháy; giao thông phục vụ chữa cháy, lối thoát nạn;
 - Hệ thống báo cháy tự động, đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn;
 - Hệ thống hơng nước chữa cháy trong nhà; chữa cháy tự động sprinkler;
 - Hệ thống chống sét đánh thẳng; cảnh báo cháy; bình chữa cháy.
- theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Nơi nhận:

- Chủ đầu tư;
- Cục CS PCCC&CNCH - BCA;
- Phòng CS PC&CC Quận 12;
- Lưu VT, P2.

TP. Hồ Chí Minh ngày 09 tháng 10 năm 2015

GIÁM ĐỐC



Dại tá. Võ Văn Bình

Số: 704 /KD-PCCC/P9

11/4

4

11/4

4

KIỂM ĐỊNH PHƯƠNG TIỆN PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Điều 18 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét đề nghị của Công ty TNHH LTP Việt Nam
về việc kiểm định về phòng cháy và chữa cháy đối với phương tiện tại văn bản số..... ngày 07 tháng 3 năm 2016;

Căn cứ kết quả kiểm định về phòng cháy và chữa cháy đối với phương tiện tại biên bản kiểm định ngày 22 tháng 3 năm 2016 của Phòng Nghiên cứu KH-CN và Kiểm định phương tiện PCCC và CNCH - Cục Cảnh sát PCCC và CNCH;

CỤC CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ

CHỨNG NHẬN:

Phương tiện/Lô phương tiện: Phòng cháy và chữa cháy ghi tại trang 02... của Công ty TNHH LTP Việt Nam, địa chỉ: 286 Đường Phan Văn Hôn, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh

Tại thời điểm kiểm định, số phương tiện này có các thông số kỹ thuật phù hợp với các quy định về phòng cháy và chữa cháy và được phép sử dụng trong công tác phòng cháy và chữa cháy.

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2016.

P. CỤC TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Đại tá Đoàn Hữu Thăng

Số: **6028** /KD-PCCC-P9

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH PHƯƠNG TIỆN PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Điều 18 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xe tải nghị của Công ty TNHH Thương mại và Kỹ Thuật PCCC Tiên Hưng về việc kiểm định về phòng cháy và chữa cháy đối với phương tiện tại văn bản số ngày 09 tháng 11 năm 2015 .

Căn cứ kết quả kiểm định về phòng cháy và chữa cháy đối với phương tiện tại biên bản kiểm định ngày 29 tháng 11 năm 2015 của Phòng Nghiên cứu KH-CN và Kiểm định phương tiện PCCC và CNCH Cục Cảnh sát PCCC và CNCH ;

CỤC CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ CHỨNG NHẬN:

Phương tiện/ô phương tiện:, Phòng cháy và chữa cháy..... ghi tại trang 2..... của Công ty TNHH Thương mại và Kỹ Thuật PCCC Tiên Hưng, địa chỉ: 15/5..... Nguyễn Phúc Chu, phường 15, quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh

Tại thời điểm kiểm định, số phương tiện này có các thông số kỹ thuật phù hợp với các quy định về phòng cháy và chữa cháy và được phép sử dụng trong công tác phòng cháy và chữa cháy

Hà Nội, ngày 17 tháng 12 năm 2015

CỤC TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



[Handwritten signature]

Thiếu tướng Đoàn Việt Mạnh

**BẢNG THÔNG KÊ
PHÒNG TIỆN PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY ĐÃ ĐƯỢC KIỂM ĐỊNH**



Số TT	Tên, số hiệu, quy cách của phương tiện	Ký, mã hiệu	Đơn vị	Số lượng	Nơi sản xuất	Năm sản xuất	Ghi chú
1	Mẫu sơn chống cháy dùng cho bê tông cốt kim loại: - Lớp 1: Sơn chống rỉ KSM 6030 CLASS 1 dày 0,04mm; - Lớp 2 Sơn chống cháy Flamecheck SS-210 dày 0,85mm (lượng sơn sử dụng 1,25l/m ²); - Lớp 3: Sơn chống cháy dày 0,85mm (lượng sơn sử dụng 1,25l/m ²); - Lớp 4: Sơn chống cháy dày 0,85mm (lượng sơn sử dụng 1,25l/m ²); - Lớp 5: Sơn hoàn thiện và trang trí KSM 6020 CLASS 1 dày 0,04mm; Tổng độ dày các lớp sơn: 2,63mm. Hệ sơn được thi công theo quy trình của nhà sản xuất trên mẫu thử nghiệm kích thước (480x480x5)mm. Mẫu thử nghiệm đạt giới hạn chịu lửa 120 phút.	Flamecheck SS-210	Mẫu	02	Hàn Quốc	2015	Kiểm định theo yêu cầu TCVN 9311-1: 2012 (ISO 834-1:1999) TCVN 9311-8: 2012 (ISO 834-8:2000) (Mẫu thử nghiệm trong điều kiện không chịu tải) Biên bản kiểm định phương tiện PCCC số 1059/BB/TT ngày 13/11/2015 của Trung tâm NCC/D KHKP PCCC thuộc Trường Đại học PCCC.

Lượng sơn chống cháy với định mức nêu trên, số lượng 280 lít, sử dụng để sơn các cột thép, thang thép của Văn phòng xướng thuộc Công ty TNHH L.TP Việt Nam, địa chỉ: 286 Đường Phan Văn Hón, phường Tân Thới Nhất, quận 12, TP

Hồ Chí Minh./

**BIÊN BẢN KIỂM TRA
AN TOÀN VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

Hồi 09 giờ 00 ngày 27 tháng 4 năm 2023 tại: Công ty TNHH LTP Việt Nam.

Địa chỉ: Số 286, đường Phan Văn Hón, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chúng tôi gồm:

- Đại diện Đoàn kiểm tra
 - Ông: Nguyễn Đình Tráng - Chức vụ: Cán bộ HDKT an toàn PCCC;
 - Ông: Lê Bá Đăng - Chức vụ: Cán bộ - Đội Cảnh sát PCCC&CNCH;
- Đại diện Cơ sở
 - Ông: Nguyễn Nhật Linh - Chức vụ: Giám đốc;
 - Ông: Phạm Minh Giang - Chức vụ: Trưởng phòng nhân sự;
 - Bà: Phan Thị Mai Anh - Chức vụ: Nhân viên phụ trách.

Tình hình và kết quả kiểm tra như sau:

Thực hiện Thông báo số 2092/TB-CAQ ngày 10/4/2023 về việc tổng rà soát, kiểm tra an toàn PCCC và CNCH trên địa bàn khu phố 1,2,3,6,6A, phường Tân Thới Nhất, Quận 12. Qua kiểm tra đoàn nghi nhận những nội dung sau:

I. PHẦN TRÌNH BÀY CỦA CƠ SỞ

- Tính chất hoạt động: cơ sở có tính chất hoạt động là may mặc và sản xuất các phụ kiện may mặc xuất khẩu; tổng số người làm việc tại cơ sở là 1.100 người, làm việc hành chính (từ 8h – 17h). Đội tương ứng đội PCCC cơ sở là Ông: Nguyễn Nhật Linh;
- Cơ sở có diện tích khoảng 12.323 m², có tổng khối tích khoảng 86.261 m³ (gồm 01 tầng trệt; 01 tầng lửng bỏ trống, không sử dụng), trong đó:
 - Khu vực kho chứa nguyên liệu có diện tích khoảng 2.900m²;
 - Xưởng sản xuất có diện tích khoảng 6.900 m²;
 - Khu vực văn phòng có diện tích khoảng 300 m²;
 - Khu nhà ăn có diện tích khoảng 100 m²;
- Còn lại là diện tích hành lang, lối đi, nhà vệ sinh và các công trình phụ khác.
- Cơ sở đã lập hồ sơ quản lý PCCC theo Thông tư số 144/2020/TT-BCA và có quan tâm đến công tác phòng cháy chữa cháy, thường xuyên kiểm tra phương tiện PCCC theo đúng quy định, thường xuyên nhắc nhở cán bộ công nhân viên phải chấp hành nghiêm những nội quy, quy định về an toàn PCCC tại nơi làm việc.

- Cơ sở có trang bị 01 bể nước ngầm, bể nước ngầm cụm bơm có khối tích 160 m³

II. PHÂN KIỂM TRA THỰC TẾ

1. Kiểm tra việc thực hiện trách nhiệm PCCC và CNCH của người đứng đầu cơ sở:

1.1. Cơ sở có ban hành nội quy quy định về an toàn PCCC trong sử dụng điện tại cơ sở; có ban hành quy trình, quy định chức năng nhiệm vụ của đội PCCC cơ sở.

1.2. Trách nhiệm của chủ cơ sở trong việc thực hiện thẩm duyệt thiết kế và nghiệm thu về PCCC:

- Bản vẽ và Giấy Chứng nhận thẩm duyệt số 1221/TD-PCCC ngày 09/10/2015 của Cảnh sát PC&CC thành phố Hồ Chí Minh;

- Giấy kiểm định phương tiện PCCC Số 6028/KD-PCCC-P9 của Cục Cảnh sát PCCC&CN,CH cấp ngày 17/12/2015; Số 704/KD - PCCC-P9 ngày 25/3/2016 của Cục Cảnh sát PCCC&CN,CH;

- Văn bản nghiệm thu số 2211/PCCC-P2 ngày 13/4/2016 của Cảnh sát PC&CC thành phố Hồ Chí Minh về việc nghiệm thu về phòng cháy, chữa cháy

1.3. Sơ đồ thoát nạn của cơ sở; cơ sở đã vẽ sơ đồ bố trí lối thoát nạn tại các tầng theo quy định tại Điều 5, Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

1.4. Quyết định thành lập đội PCCC cơ sở; cơ sở có quyết định về việc thành lập Đội PCCC cơ sở số 01/QĐ-PCCC ngày 05/06/2020, gồm 30 thành viên trong đó có phân công 01 đội trưởng, 01 đội phó theo quy định tại Điều 31, Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ; Số lượng đội viên đội PCCC cơ sở đảm bảo theo quy định và chưa được huấn luyện lại và cấp giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy chữa cháy theo quy định.

1.5. Phương án chữa cháy của cơ sở; báo cáo kết quả tổ chức thực tập phương án chữa cháy:

- Phương án chữa cháy của cơ sở theo mẫu PC17, Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ.

- Phương án cứu nạn cứu hộ của cơ sở Mẫu số 04 Nghị định số 83/2017/NĐ-CP.

- Hồ sơ thực tập năm 2022 của cơ sở lưu đầy đủ theo quy định.

1.6. Công tác lưu trữ Biên bản kiểm tra an toàn PCCC, hồ sơ xử lý vi phạm; Công tác tự kiểm tra an toàn PCCC của cơ sở; được lưu trữ khoa học, đầy đủ theo từng loại hồ sơ; định kỳ hàng tháng tự tổ chức kiểm tra va lập biên bản đầy đủ theo quy định.

1.7. Sổ theo dõi phương tiện PCCC; cơ sở có bảng thống kê phương tiện PCCC theo quy định;

1.8. Việc thực hiện chế độ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc đối với các cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ;

Giấy chứng nhận bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc số 23167/22/HD-TS.1.1/052-KDBH05 thời hạn bảo hiểm tới 09/11/2023.

1.9. Kết quả đo điện trở nối đất của hệ thống chống sét:

- Phiếu kết quả kiểm tra điện trở nối đất an toàn hệ thống chống sét đánh thẳng Số HTCS - 02803-STT, được đo ngày 06/4/2023.

- Kết quả kiểm tra điện trở tiếp đất của an toàn hệ thống điện Số HTD - 02802-SSTC, được đo ngày 08/4/2023.

1.10. Hồ sơ, tài liệu về thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng phương tiện PCCC&CNCH của cơ sở:

Sở theo dõi phương tiện PCCC ghi nhận công tác tự kiểm tra phương tiện chữa cháy của cơ sở.

2. Kiểm tra hồ sơ, tài liệu liên quan đến công tác PCCC và CNCH

- Cơ sở có lập hồ sơ theo dõi hoạt động PCCC theo quy định tại Điều 4, Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an

- Quyết định số 1595/QĐ-UBND ngày 17/7/2018 về việc cho phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm ngoài nhà trường của Công ty CP Tập đoàn GD Quốc tế Nam Việt;

3. Quy mô, tính chất sử dụng công trình:

Cơ sở có diện tích khoảng 12.323 m², có tổng khối tích khoảng 86.261 m³ (gồm 02 tầng), trong đó:

- Khu vực kho chứa nguyên liệu có diện tích khoảng 2.900m²;

- Xưởng sản xuất có diện tích khoảng 6.900 m²;

- Khu vực văn phòng có diện tích khoảng 300 m²;

- Khu nhà ăn có diện tích khoảng 100 m²;

- Còn lại là diện tích hành lang, lối đi, nhà vệ sinh và các công trình phụ khác.

- Bậc chịu lửa: kết cấu các bộ phận chịu lực của nhà gồm cột, dầm làm bằng sắt; sàn là BTCT, mái là tôn, cầu thang, bản thang và chiếu thang là sắt. Có bậc chịu lửa III theo quy định.

- Kiểm tra công năng, tính chất sử dụng của cơ sở: bố trí công năng, tính chất hoạt động đúng theo bản vẽ đã được thẩm duyệt.

4. Kiểm tra khoảng cách an toàn phòng cháy, giải pháp ngăn cháy, lối thoát nạn, niêm yết nội quy PCCC

- Khoảng cách an toàn PCCC:

Khoảng cách an toàn PCCC: Cơ sở được xây dựng bằng tường gạch cao tới mái, bê tông, mái tole; 02 mặt cơ sở tiếp giáp với công trình lân cận, 01 mặt tiếp giáp với đường Phan Văn Hón rộng khoảng 12m.

Công trình có 01 hướng tiếp giáp nhà dân ngăn cách bằng tường gạch trên tường không bố trí cửa sổ, lỗ trống; 03 hướng tiếp giáp với đường đường nội bộ đảm bảo khoảng cách an toàn phòng cháy chống cháy theo quy định.

- Giải pháp ngăn cháy: Khoảng cách an toàn PCCC: Cơ sở được xây dựng bằng tường gạch cao tới mái, bê tông, mái tole; 02 mặt cơ sở tiếp giáp với công trình lân cận, 01 mặt tiếp giáp với đường Phan Văn Hón rộng khoảng 12m.

- Lối thoát nạn:

Khu văn phòng có 02 lối thoát nạn, lối thoát nạn phân tán. Cơ sở có trang bị các đèn exit, đèn chiếu sáng sự cố, các thiết bị vẫn hoạt động bình thường.

Niên yết nội quy PCCC: Cơ sở đã niêm yết nội quy an toàn PCCC do lãnh đạo cơ sở ban hành tại các khu vực hành lang các tầng theo quy định tại Khoản 1, Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA; Tại thời điểm kiểm tra các nội quy đọc rõ, không bị mờ hoặc bố trí che khuất; có niêm yết các biển cấm lửa, cấm hút thuốc.

Hệ thống đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn: qua kiểm tra ghi nhận cơ sở có trang bị, lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn lối thoát nạn tại các khu vực: hành lang, cầu thang bộ thoát nạn. Thử nghiệm thực tế ghi nhận hệ thống có hoạt động theo yêu cầu.

- Nguồn nước phục vụ công tác chữa cháy

Nguồn nước bên trong cơ sở: bể nước ngầm phía dưới trạm bơm có khối tích 160m³. Tại thời điểm kiểm tra cơ sở duy trì bể nước theo hồ sơ thiết kế.

Nguồn nước chữa cháy bên ngoài: Bên ngoài có trụ nước chữa cháy lưu lượng 14l/s nằm trên đường Phan Văn Hón cách cơ sở khoảng 50m.

5. Giao thông phục vụ chữa cháy: Đường nội bộ rộng 4m tiếp cận đảm bảo chiều rộng, chiều cao thông thủy cho xe chữa cháy và các phương tiện giao thông cơ giới tiếp cận chữa cháy. Mặt trước cơ sở tiếp giáp đường Phan Văn Hón có chiều rộng khoảng 12m, bên hông tiếp giáp đường chiều rộng khoảng 5m đảm bảo khả năng tiếp cận triển khai hoạt động cho xe chữa cháy.

6. Hệ thống báo cháy tự động

- Kiểm tra tủ trung tâm báo cháy ghi nhận có 01 tủ trung tâm được bố trí tại khu vực phòng bảo vệ, lắp đặt đảm bảo quy định.

- Kiểm tra số lượng, chủng loại, kỹ thuật của các đầu báo cháy tại các khu vực: khu vực may, kho,.... Qua kiểm tra ghi nhận: các đầu báo cháy ở chế độ thường trực.

- Kiểm tra nút ấn báo cháy, đèn, còi báo cháy ghi nhận tại mỗi khu vực, được lắp đúng bản vẽ thẩm duyệt, hoạt động bình thường.

- Kiểm tra, thử nghiệm tình trạng hoạt động của hệ thống: kích hoạt 01 nút ấn báo cháy tại cửa thoát nạn khu vực may, 02 đầu báo cháy tại các ép logo; 02 đầu báo PIM khu vực kho, ghi nhận chuông báo cháy tại các vị trí kêu to rõ.

7. Hệ thống chữa cháy bằng nước

- Kiểm tra trạm bơm nước chữa cháy: cơ sở sử dụng 01 bơm chữa cháy động cơ điện, 01 động cơ diesel, 01 bơm bù. Cụm bơm hoạt động ở chế độ tự động, nguồn điện cung cấp cho bơm chữa cháy được lấy từ trạm điện chính và nguồn điện dự phòng.

- Kiểm tra hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà: Tại mỗi khu vực được trang bị họng nước chữa cháy trong nhà theo bản vẽ, trong mỗi tủ chữa cháy đều có trang bị 01 lăng, 01 cuộn vòi chữa cháy. Thử nghiệm phun 02 họng nước chữa cháy tại tầng trệt ghi nhận hệ thống có hoạt động, áp lực đảm bảo chữa cháy.

8. Hệ thống điện, hệ thống chống sét

- Kiểm tra hệ thống điện:

+ Qua kiểm tra hệ thống điện động lực, chiếu sáng ưu tiên ghi nhận các hệ thống nêu trên của cơ sở đã được thi công, tách biệt độc lập.

+ Mỗi khu vực, phòng trang bị thiết bị đóng ngắt tự động.

- Hệ thống chống sét: cơ sở thực hiện việc đo, kiểm tra điện trở nối đất của hệ thống chống sét định kỳ hằng năm theo quy định.

9. Phương tiện chữa cháy trang bị tại cơ sở: Cơ sở đã trang bị 25 bộ gồm (áo, quần, ủng, mũ) chữa cháy, tại thời điểm kiểm tra còn sử dụng tốt. Kiểm tra phương tiện bình chữa cháy tại các khu vực gồm 90 bình chữa cháy xách tay các loại được kiểm tra bảo dưỡng định kỳ, còn nẹp chì, chỉ số áp lực bình thường.

10. Lực lượng phòng cháy tại chỗ: cơ bản biết thao tác sử dụng phương tiện phòng cháy và chữa cháy hiện có.

III. KIẾN NGHỊ - HƯỚNG DẪN

Để thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật và đảm bảo an toàn PCCC&CNCH đối với cơ sở. Đoàn kiểm tra yêu cầu lãnh đạo Công ty TNHH LTP Việt Nam triển khai thực hiện nghiêm túc các nội dung kiến nghị sau:

1. Xây dựng kế hoạch tổ chức thực tập phương án chữa cháy định kỳ hàng năm theo quy định tại Điều 19 Nghị định 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ (*Thời gian thực hiện: xong trước 31/12/2023*).

2. Thường xuyên kiểm tra bảo quản bảo dưỡng các phương tiện PCCC, kiểm tra, bảo dưỡng bình chữa cháy; đèn chiếu sáng sự cố, biển hướng dẫn thoát nạn đảm bảo luôn trong tình trạng hoạt động tốt, an toàn khi sử dụng theo (TCVN 3890 – 2009: Phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho nhà và công trình – Trang bị, bố trí, kiểm tra và bảo dưỡng), (*Thực hiện thường xuyên*).

3. Chủ cơ sở có trách nhiệm thường xuyên duy trì việc bố trí sắp xếp vật tư, vật dụng, phương tiện giao thông, hàng hóa gọn gàng, không gây cản trở lối thoát nạn và đảm bảo khoảng cách an toàn PCCC theo quy định (TCVN 2622 – 1995: Phòng cháy, chống cháy cho nhà và công trình – Yêu cầu thiết kế; QCVN 06:2021/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình), (*Thực hiện thường xuyên*).

4. Tăng cường chỉ đạo công tác bảo vệ, tuần tra, canh gác, đặc biệt vào ban đêm để phát hiện sự cố xử lý ngay từ đầu và hạn chế việc nhân viên sinh hoạt bên trong cơ sở khi hết giờ làm việc. Thực hiện công tác tự kiểm tra công tác an toàn PCCC theo quy định (có biên bản ghi nhận, tối thiểu 01 lần/tháng). Định kỳ 06 tháng (trước ngày 15/6), 01 năm (trước ngày 15/01) báo cáo kết quả kiểm tra gửi về Đội Cảnh sát PCCC&CNCH, Công an Quận 12 để theo dõi đúng theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ (*Thực hiện thường xuyên*).

Các kiến nghị nêu trên yêu cầu Lãnh đạo cơ sở tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm hoàn thành đúng nội dung, thời gian theo quy định. Khi có bất kỳ sự thay đổi quy mô, tích chất hoạt động của các khu vực trong cơ sở thì phải thông báo ngay cho cơ quan

Cảnh sát PCCC đã được hướng dẫn kịp thời về các biện pháp an toàn PCCC&CNCH theo đúng quy định. Đồng thời chịu trách nhiệm trước pháp luật khi để xảy ra cháy, nổ tại cơ sở. Sau thời gian nêu trên, Chủ cơ sở không thực hiện, cơ quan PCCC sẽ tiến hành xử lý vi phạm hành chính theo Nghị định số 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

* Ý kiến của các bên trong thành phần kiểm tra: Thống nhất nội dung làm việc của Đoàn kiểm tra.

Biên bản lập xong hồi 09 giờ 00 phút cùng ngày. Gồm 08 trang được lập thành 03 bản, mỗi bên liên quan giữ 01 bản, đã được đọc lại cho mọi người nghe, công nhận đúng và nhất trí ký tên dưới đây./.

**ĐẠI DIỆN
CƠ SỞ**

**ĐẠI DIỆN
ĐƠN VỊ LIÊN QUAN**

**ĐẠI DIỆN
ĐOÀN KIỂM TRA**



Nguyễn Nhật Linh

Nguyễn Đình Khoa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA

Số: 08/2024/HĐMB

- Căn cứ Bộ luật Dân sự 2015;
- Căn cứ Luật Thương mại 2005 (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 05/2017/QH14 và Luật số 44/2019/QH14);
- Căn cứ nhu cầu và khả năng thực tế của các bên.

Hôm nay, ngày 23 tháng 08 năm 2024, tại địa chỉ: TP. Hồ Chí Minh

Chúng tôi, gồm có:

BÊN BÁN (Bên A)

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

Mã số doanh nghiệp: 0309471068

Địa chỉ trụ sở chính: 286 Phan Văn Hón – Phường Tân Thới Nhất - Quận 12 - Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: LARS MEHLI OVERGAARD

Chức danh: Tổng Giám Đốc

Số điện thoại: 028625202396

Tài khoản ngân hàng số: 2909988 Mở tại ngân hàng: NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU (ACB)

BÊN MUA (Bên B)

Ông : Nguyễn Văn Bôi

CMND/CCCD/Hộ chiếu số : 03.5078000927

Số điện thoại : 0909585639

Tài khoản ngân hàng số: 376872 . Mở tại ngân hàng: Ngân hàng MB

Địa chỉ trụ sở chính: Nhà số 3 đường số 3, Khu dân cư Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Trên cơ sở thỏa thuận hoàn toàn tự nguyện, hai bên thống nhất ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa với các điều khoản như sau:

Điều 1: Tên hàng hóa, số lượng, chất lượng, giá trị hợp đồng

Bên A bán cho bên B hàng hóa sau đây:

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá Chưa VAT (VND)	Thuế VAT (10%)	Thành tiền Đã VAT (VND)	Ghi chú
1	Hàng thanh lý phế liệu		3 cont 40 fit và 1 bãi ở ngoài trời	72.730.000	7.270.000	80.000.000	
...							

Tổng cộng: **80.000.000**

Bảng chữ: Tám mươi triệu chẵn

Điều 2. Thanh toán

1. Bên B phải thanh toán cho Bên A số tiền ghi tại Điều 1 của Hợp đồng này vào ngày 23 tháng 08 năm 2024

2. Bên B thanh toán cho Bên A theo hình thức: **Chuyển khoản qua ngân hàng**

Điều 3. Thời gian, địa điểm, phương thức giao hàng

1. Bên A giao hàng cho bên B theo lịch sau:

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị	Số lượng	Thời gian giao hàng	Địa điểm giao hàng	Ghi chú
1	Hàng thanh lý phế liệu		3 cont 40 fit và 1 bãi ở ngoài trời	23/08/2024	Tại công ty TNHH LTP VIỆT NAM	

2. Phương tiện vận chuyển và chi phí vận chuyển do bên B chịu. Chi phí bốc xếp (bên B chịu)

3. Quy định lịch giao nhận hàng hóa mà bên mua không đến nhận hàng thì phải chịu chi phí lưu kho bãi là 0 đồng/ngày. Nếu phương tiện vận chuyển bên mua đến mà bên bán không có hàng giao thì bên bán phải chịu chi phí thực tế cho việc điều động phương tiện.

4. Khi nhận hàng, bên mua có trách nhiệm kiểm nhận phẩm chất, quy cách hàng hóa tại chỗ. Nếu phát hiện hàng thiếu hoặc không đúng tiêu chuẩn chất lượng... thì lập biên bản tại chỗ, yêu cầu bên bán xác nhận. Hàng đã ra khỏi kho bên bán không chịu trách nhiệm (trừ loại hàng có quy định thời hạn bảo hành).

5. Trường hợp giao nhận hàng theo nguyên đai, nguyên kiện, nếu bên mua sau khi chờ về nhập kho mới phát hiện có vi phạm thì phải lập biên bản gọi cơ quan kiểm tra trung gian (.....) đến xác nhận và phải gửi đến bên bán trong hạn ...ngày tính từ khi lập biên bản. Sau ... ngày nếu bên bán đã nhận được biên bản mà không có ý kiến gì thì coi như đã chịu trách nhiệm bồi thường lô hàng đó.

6. Mỗi lô hàng khi giao nhận phải có xác nhận chất lượng bằng phiếu hoặc biên bản kiểm nghiệm; khi đến nhận hàng, người nhận phải có đủ: Giấy giới thiệu của cơ quan bên mua; Phiếu xuất kho của cơ quan bên bán; Giấy chứng minh nhân dân dân hoặc Căn cước công dân.

Điều 4. Trách nhiệm của các bên

1. Bên bán không chịu trách nhiệm về bất kỳ khiếm khuyết nào của hàng hoá nếu vào thời điểm giao kết hợp đồng bên mua đã biết hoặc phải biết về những khiếm khuyết đó.

2. Trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, trong thời hạn khiếu nại theo quy định của Luật Thương mại 2005, bên bán phải chịu trách nhiệm về bất kỳ khiếm khuyết nào của hàng hoá đã có trước thời điểm chuyển rủi ro cho bên mua, kể cả trường hợp khiếm khuyết đó được phát hiện sau thời điểm chuyển rủi ro.

3. Bên bán phải chịu trách nhiệm về khiếm khuyết của hàng hoá phát sinh sau thời điểm chuyển rủi ro nếu khiếm khuyết đó do bên bán vi phạm hợp đồng.

4. Bên mua có trách nhiệm thanh toán và nhận hàng theo đúng thời gian đã thỏa thuận.

Điều 5. Bảo hành và hướng dẫn sử dụng hàng hóa

1. Bên A có trách nhiệm bảo hành chất lượng và giá trị sử dụng loại hàng trên cho bên mua trong thời gian là 0 tháng.

2. Bên A phải cung cấp đủ mỗi đơn vị hàng hóa một giấy hướng dẫn sử dụng (nếu cần).

Điều 6. Ngưng thanh toán tiền mua hàng

Việc ngưng thanh toán tiền mua hàng được quy định như sau:

1. Bên B có bằng chứng về việc bên A lừa dối thì có quyền tạm ngừng việc thanh toán.

2. Bên B có bằng chứng về việc hàng hóa đang là đối tượng bị tranh chấp thì có quyền tạm ngừng thanh toán cho đến khi việc tranh chấp đã được giải quyết.

3. Bên B có bằng chứng về việc bên A đã giao hàng không phù hợp với hợp đồng thì có quyền tạm ngưng thanh toán cho đến khi bên A đã khắc phục sự không phù hợp đó.

4. Trường hợp tạm ngừng thanh toán theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này mà bằng chứng do bên B đưa ra không xác thực, gây thiệt hại cho bên A thì bên B phải bồi thường thiệt hại đó và chịu các chế tài khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Điều khoản phạt vi phạm hợp đồng

1. Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã thỏa thuận trên, không được đơn phương thay đổi hoặc hủy bỏ hợp đồng, bên nào không thực hiện hoặc đơn phương



đình chỉ thực hiện hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì sẽ bị phạt 1...% giá trị của hợp đồng bị vi phạm.

2. Bên nào vi phạm các điều khoản trên đây sẽ phải chịu trách nhiệm vật chất theo quy định của các văn bản pháp luật có hiệu lực hiện hành về phạt vi phạm chất lượng, số lượng, thời gian, địa điểm, thanh toán, bảo hành...mức phạt cụ thể do hai bên thỏa thuận dựa trên khung phạt Nhà nước đã quy định trong các văn bản pháp luật về loại hợp đồng này.

Điều 8. Bất khả kháng và giải quyết tranh chấp

1. Bất khả kháng nghĩa là các sự kiện xảy ra một cách khách quan, không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết trong khả năng cho phép, một trong các Bên vẫn không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này; gồm nhưng không giới hạn ở: thiên tai, hỏa hoạn, lũ lụt, chiến tranh, can thiệp của chính quyền bằng vũ trang, cản trở giao thông vận tải và các sự kiện khác tương tự.

2. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên gặp phải bất khả kháng phải không chậm trễ, thông báo cho bên kia tình trạng thực tế, đề xuất phương án xử lý và nỗ lực giảm thiểu tổn thất, thiệt hại đến mức thấp nhất có thể.

3. Trừ trường hợp bất khả kháng, hai bên phải thực hiện đầy đủ và đúng thời hạn các nội dung của hợp đồng này. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có vướng mắc từ bất kỳ bên nào, hai bên sẽ cùng nhau giải quyết trên tinh thần hợp tác. Trong trường hợp không tự giải quyết được, hai bên thống nhất đưa ra giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền. Phán quyết của tòa án là quyết định cuối cùng, có giá trị ràng buộc các bên. Bên thua phải chịu toàn bộ các chi phí giải quyết tranh chấp.

Điều 9. Điều khoản chung

1. Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký và tự động thanh lý hợp đồng kể từ khi Bên B đã nhận đủ hàng và Bên A đã nhận đủ tiền.

2. Hợp đồng này có giá trị thay thế mọi giao dịch, thỏa thuận trước đây của hai bên. Mọi sự bổ sung, sửa đổi hợp đồng này đều phải có sự đồng ý bằng văn bản của hai bên.

3. Trừ các trường hợp được quy định ở trên, hợp đồng này không thể bị hủy bỏ nếu không có thỏa thuận bằng văn bản của các bên. Trong trường hợp hủy hợp đồng, trách nhiệm liên quan tới phạt vi phạm hợp đồng và bồi thường thiệt hại được bảo lưu.

4. Hợp đồng này được lập thành 2 bản, có giá trị như nhau. Mỗi bên giữ 1 bản và có giá trị pháp lý như nhau.



ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

¹ Căn cứ Điều 301 Luật Thương mại 2005, mức phạt đối với vi phạm nghĩa vụ hợp đồng hoặc tổng mức phạt đối với nhiều vi phạm do các bên thỏa thuận trong hợp đồng, nhưng không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA

Số: 08/2024/HĐMB

- Căn cứ Bộ luật Dân sự 2015;
- Căn cứ Luật Thương mại 2005 (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 05/2017/QH14 và Luật số 44/2019/QH14);
- Căn cứ nhu cầu và khả năng thực tế của các bên.

Hôm nay, ngày 23 tháng 08 năm 2024, tại địa chỉ: TP. Hồ Chí Minh

Chúng tôi, gồm có:

BÊN BÁN (Bên A)

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

Mã số doanh nghiệp: 0309471068

Địa chỉ trụ sở chính: 286 Phan Văn Hón – Phường Tân Thới Nhất - Quận 12 - Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: LARS MEHLI OVERGAARD

Chức danh: Tổng Giám Đốc

Số điện thoại: 028625202396

Tài khoản ngân hàng số: 2909988 Mở tại ngân hàng: NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU (ACB)

BÊN MUA (Bên B)

Ông : Nguyễn Văn Bôi

CMND/CCCD/Hộ chiếu số : 035078000927

Số điện thoại : 0909585639

Tài khoản ngân hàng số: 376872 . Mở tại ngân hàng: Ngân hàng MB

Địa chỉ trụ sở chính: Nhà số 3 đường số 3, Khu dân cư Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Trên cơ sở thỏa thuận hoàn toàn tự nguyện, hai bên thống nhất ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa với các điều khoản như sau:

Điều 1: Tên hàng hóa, số lượng, chất lượng, giá trị hợp đồng

Bên A bán cho bên B hàng hóa sau đây:

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá Chưa VAT (VNĐ)	Thuế VAT (10%)	Thành tiền Đã VAT (VNĐ)	Ghi chú
1	Hàng thanh lý phế liệu		3 cont 40 fit và 1 bãi ở ngoài trời	72.730.000	7.270.000	80.000.000	
...							

Tổng cộng: 80.000.000

Bảng chữ: Tám mươi triệu chẵn

Điều 2. Thanh toán

1. Bên B phải thanh toán cho Bên A số tiền ghi tại Điều 1 của Hợp đồng này vào ngày 23 tháng 08 năm 2024

2. Bên B thanh toán cho Bên A theo hình thức: **Chuyển khoản qua ngân hàng**

Điều 3. Thời gian, địa điểm, phương thức giao hàng

1. Bên A giao hàng cho bên B theo lịch sau:

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị	Số lượng	Thời gian giao hàng	Địa điểm giao hàng	Ghi chú
1	Hàng thanh lý phế liệu		3 cont 40 fit và 1 bãi ở ngoài trời	23/08/2024	Tại công ty TNHH LTP VIỆT NAM	

2. Phương tiện vận chuyển và chi phí vận chuyển do bên B chịu. Chi phí bốc xếp (bên B chịu)

3. Quy định lịch giao nhận hàng hóa mà bên mua không đến nhận hàng thì phải chịu chi phí lưu kho bãi là 0 đồng/ngày. Nếu phương tiện vận chuyển bên mua đến mà bên bán không có hàng giao thì bên bán phải chịu chi phí thực tế cho việc điều động phương tiện.

4. Khi nhận hàng, bên mua có trách nhiệm kiểm nhận phẩm chất, quy cách hàng hóa tại chỗ. Nếu phát hiện hàng thiếu hoặc không đúng tiêu chuẩn chất lượng... thì lập biên bản tại chỗ, yêu cầu bên bán xác nhận. Hàng đã ra khỏi kho bên bán không chịu trách nhiệm (trừ loại hàng có quy định thời hạn bảo hành).

5. Trường hợp giao nhận hàng theo nguyên đai, nguyên kiện, nếu bên mua sau khi chờ về nhập kho mới phát hiện có vi phạm thì phải lập biên bản gọi cơ quan kiểm tra trung gian (.....) đến xác nhận và phải gửi đến bên bán trong hạn ...ngày tính từ khi lập biên bản. Sau ... ngày nếu bên bán đã nhận được biên bản mà không có ý kiến gì thì coi như đã chịu trách nhiệm bồi thường lô hàng đó.

6. Mỗi lô hàng khi giao nhận phải có xác nhận chất lượng bằng phiếu hoặc biên bản kiểm nghiệm; khi đến nhận hàng, người nhận phải có đủ: Giấy giới thiệu của cơ quan bên mua; Phiếu xuất kho của cơ quan bên bán; Giấy chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân.

Điều 4. Trách nhiệm của các bên

1. Bên bán không chịu trách nhiệm về bất kỳ khiếm khuyết nào của hàng hoá nếu vào thời điểm giao kết hợp đồng bên mua đã biết hoặc phải biết về những khiếm khuyết đó.

2. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, trong thời hạn khiếu nại theo quy định của Luật Thương mại 2005, bên bán phải chịu trách nhiệm về bất kỳ khiếm khuyết nào của hàng hoá đã có trước thời điểm chuyển rủi ro cho bên mua, kể cả trường hợp khiếm khuyết đó được phát hiện sau thời điểm chuyển rủi ro.

3. Bên bán phải chịu trách nhiệm về khiếm khuyết của hàng hoá phát sinh sau thời điểm chuyển rủi ro nếu khiếm khuyết đó do bên bán vi phạm hợp đồng.

4. Bên mua có trách nhiệm thanh toán và nhận hàng theo đúng thời gian đã thỏa thuận.

Điều 5. Bảo hành và hướng dẫn sử dụng hàng hóa

1. Bên A có trách nhiệm bảo hành chất lượng và giá trị sử dụng loại hàng trên cho bên mua trong thời gian là 0 tháng.

2. Bên A phải cung cấp đủ mỗi đơn vị hàng hóa một giấy hướng dẫn sử dụng (nếu cần).

Điều 6. Ngưng thanh toán tiền mua hàng

Việc ngừng thanh toán tiền mua hàng được quy định như sau:

1. Bên B có bằng chứng về việc bên A lừa dối thì có quyền tạm ngừng việc thanh toán.

2. Bên B có bằng chứng về việc hàng hóa đang là đối tượng bị tranh chấp thì có quyền tạm ngừng thanh toán cho đến khi việc tranh chấp đã được giải quyết.

3. Bên B có bằng chứng về việc bên A đã giao hàng không phù hợp với hợp đồng thì có quyền tạm ngừng thanh toán cho đến khi bên A đã khắc phục sự không phù hợp đó.

4. Trường hợp tạm ngừng thanh toán theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này mà bằng chứng do bên B đưa ra không xác thực, gây thiệt hại cho bên A thì bên B phải bồi thường thiệt hại đó và chịu các chế tài khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Điều khoản phạt vi phạm hợp đồng

1. Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã thỏa thuận trên, không được đơn phương thay đổi hoặc hủy bỏ hợp đồng, bên nào không thực hiện hoặc đơn phương

định chi thực hiện hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì sẽ bị phạt 1...% giá trị của hợp đồng bị vi phạm.

2. Bên nào vi phạm các điều khoản trên đây sẽ phải chịu trách nhiệm vật chất theo quy định của các văn bản pháp luật có hiệu lực hiện hành về phạt vi phạm chất lượng, số lượng, thời gian, địa điểm, thanh toán...mức phạt cụ thể do hai bên thỏa thuận dựa trên khung phạt Nhà nước đã quy định trong các văn bản pháp luật về loại hợp đồng này.

Điều 8. Bất khả kháng và giải quyết tranh chấp

1. Bất khả kháng nghĩa là các sự kiện xảy ra một cách khách quan, không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết trong khả năng cho phép, một trong các Bên vẫn không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này; gồm nhưng không giới hạn ở: thiên tai, hỏa hoạn, lũ lụt, chiến tranh, can thiệp của chính quyền bằng vũ trang, cản trở giao thông vận tải và các sự kiện khác tương tự.

2. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên gặp phải bất khả kháng phải không chậm trễ, thông báo cho bên kia tình trạng thực tế, đề xuất phương án xử lý và nỗ lực giảm thiểu tổn thất, thiệt hại đến mức thấp nhất có thể.

3. Trừ trường hợp bất khả kháng, hai bên phải thực hiện đầy đủ và đúng thời hạn các nội dung của hợp đồng này. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có vướng mắc từ bất kỳ bên nào, hai bên sẽ cùng nhau giải quyết trên tinh thân hợp tác. Trong trường hợp không tự giải quyết được, hai bên thống nhất đưa ra giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền. Phán quyết của tòa án là quyết định cuối cùng, có giá trị ràng buộc các bên. Bên thua phải chịu toàn bộ các chi phí giải quyết tranh chấp.

Điều 9. Điều khoản chung

1. Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký và tự động thanh lý hợp đồng kể từ khi Bên B đã nhận đủ hàng và Bên A đã nhận đủ tiền.

2. Hợp đồng này có giá trị thay thế mọi giao dịch, thỏa thuận trước đây của hai bên. Mọi sự bổ sung, sửa đổi hợp đồng này đều phải có sự đồng ý bằng văn bản của hai bên.

3. Trừ các trường hợp được quy định ở trên, hợp đồng này không thể bị hủy bỏ nếu không có thỏa thuận bằng văn bản của các bên. Trong trường hợp hủy hợp đồng, trách nhiệm liên quan tới phạt vi phạm hợp đồng và bồi thường thiệt hại được bảo lưu.

4. Hợp đồng này được lập thành 2 bản, có giá trị như nhau. Mỗi bên giữ 1 bản và có giá trị pháp lý như nhau.



ĐẠI DIỆN BÊN A

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN B

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

¹ Căn cứ Điều 301 Luật Thương mại 2005, mức phạt đối với vi phạm nghĩa vụ hợp đồng hoặc tổng mức phạt đối với nhiều vi phạm do các bên thỏa thuận trong hợp đồng, nhưng không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm.

Handwritten signature and notes in blue ink.

BẢNG BÁO GIÁ					
<i>CTY TNHH PHỄ LIÊU BƠI PHÁT</i>					
<u>HANG MUC BAO GIA</u>	<u>DON GIA</u>	<u>CHUA VAT</u>	<u>VAT 10%</u>	<u>KHOI LƯỢNG</u>	<u>THÀNH TÊN</u> <u>SAU VAT</u>
HÀNG THANH LÝ PHỄ LIÊU	72,723,000	7,272,300	3 cont 40 ft và 1 bãi ngoài trời	80,000,000	

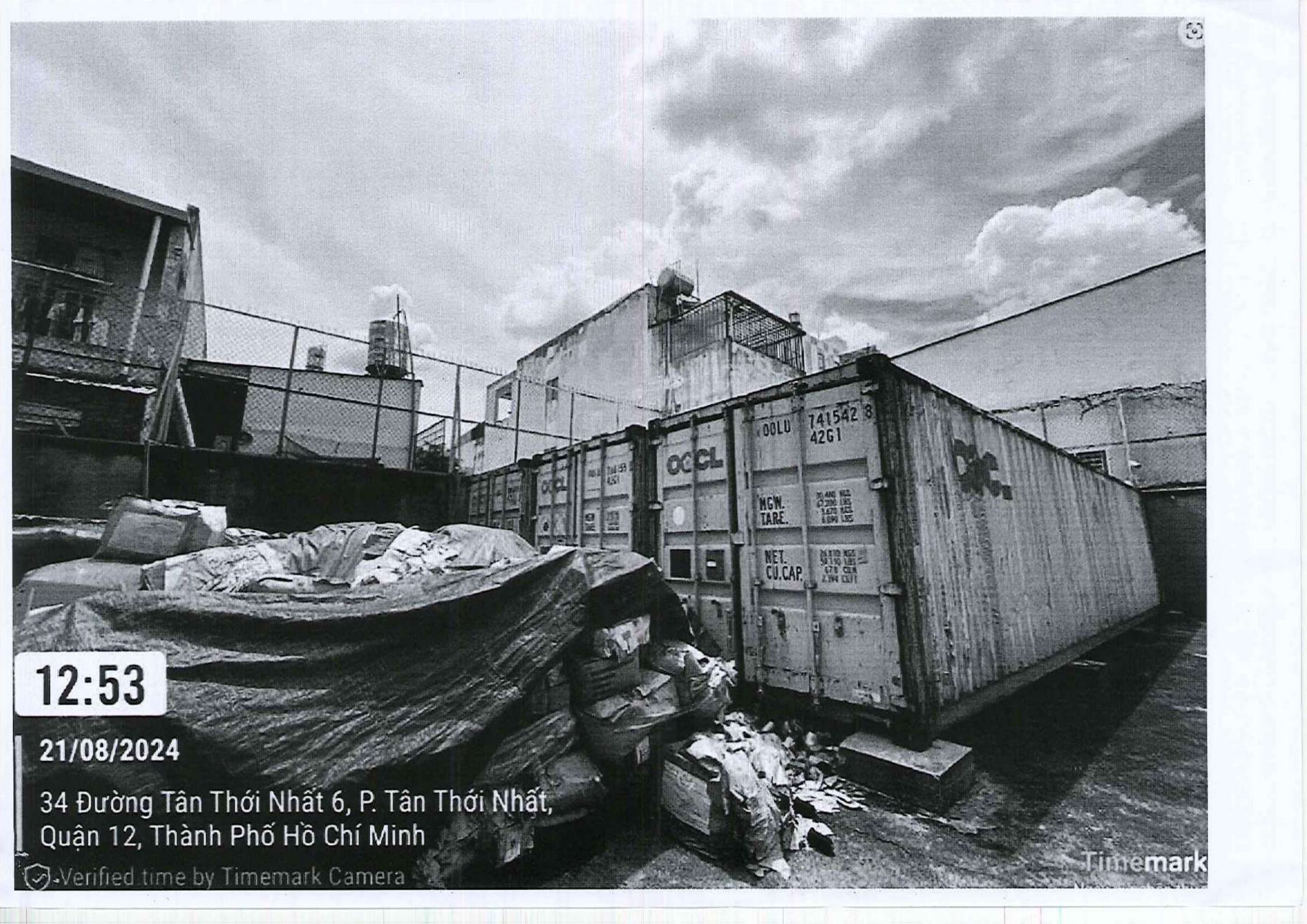
12:53

21/08/2024

34 Đường Tân Thới Nhất 6, P. Tân Thới Nhất,
Quận 12, Thành Phố Hồ Chí Minh

Verified time by Timemark Camera

Timemark



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

Số: 229/2024/HĐCT/MTAC

V/v Vận chuyển, xử lý chất thải công nghiệp

Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005 của Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 của Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua vào ngày 24/11/2015 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

Căn cứ Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị Định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ về việc Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài Nguyên Và Môi Trường về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

Căn cứ vào năng lực và nhu cầu của hai bên;

Hôm nay, ngày 01 tháng 03 năm 2024.

Địa điểm: Công Ty TNHH MTV SX TM DV Môi Trường Á Châu

Hai bên chúng tôi gồm:

BÊN A : CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

Địa chỉ xuất hóa đơn : 286 Phan Văn Hớn, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại : (028) 625.223.96

Mã số thuế : 0309471068

Đại diện : LARS MEHLI OVERGAARD Chức vụ: Giám Đốc điều hành

Tài khoản NH :

BÊN B : CÔNG TY TNHH MTV SX TM DV MÔI TRƯỜNG Á CHÂU

Địa chỉ xuất hóa đơn : 1C9 Ấp 1, Xã Phạm Văn Hai, Huyện Bình Chánh, TP.HCM

Địa chỉ nhận thư : Số 404 Tân Sơn Nhì, Phường Tân Quý, Quận Tân Phú, TP.HCM

Điện thoại : 1900 54 54 50/ 033 835 1122 Email: info@moitruongachau.com

Mã số thuế : 03 08 29 55 64

Đại diện : NGUYỄN THANH DŨNG Chức vụ: Giám Đốc

Tài khoản NH 1 : 041.0101.0024.496 Tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải (Maritime Bank) Chi nhánh Sài Gòn



www.moitruongachau.com

1900 54 54 50 - 033 835 1122

1/7

Tài khoản NH 2 : 114.869.597 Tại Ngân hàng VPBank Phòng Giao Dịch Quận Tân Phú
TP.HCM

Sau khi thỏa thuận, hai bên thống nhất ký kết hợp đồng với các điều khoản cụ thể như sau:

ĐIỀU 1. NỘI DUNG & THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

- Bên B nhận thực hiện xử lý chất thải công nghiệp (CTCN) phát sinh từ quá trình hoạt động sản xuất của Bên A.
- Địa điểm tiếp nhận các loại chất thải:** Công Ty TNHH LTP Việt Nam – Số 286 Phan Văn Hớn, phường Tân Thới Nhất, quận 12, TP.HCM
- Tần suất vận chuyển:** 02 lần/ tháng.
- Thời hạn hợp đồng:** kể từ ngày 01/03/2024 đến ngày 28/02/2025

(Tùy nhiên các quyền và nghĩa vụ dự kiến vẫn còn hiệu lực sau khi chấm dứt hợp đồng sẽ vẫn có giá trị, bao gồm nhưng không giới hạn như quyền và nghĩa vụ thanh toán, bồi thường).

5. Danh mục chất thải:

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Phương pháp lưu trữ
01	Chất thải công nghiệp ngành giấy da không lẫn thành phần nguy hại và chất thải sinh hoạt: vải vụn, chỉ vụn, ny long dính giấy...	Rắn	Lưu trữ gọn trong bao

ĐIỀU 2. CHUẨN BỊ TRƯỚC KHI NHẬN CHẤT THẢI

- Chất thải sẽ được Bên A lưu trữ vào trong thiết bị lưu chứa đã được thỏa thuận và tập trung lại 01 khu vực.
- Bên A Thông báo cho Bên B số lượng chất thải cần vận chuyển và xử lý, Bên B sẽ có trách nhiệm trả lời thời gian vận chuyển, xử lý trong thời hạn 48 giờ làm việc và tiến hành vận chuyển trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ lúc nhận được thông báo từ Bên A.
Thông tin liên hệ: Phạm Thị Như Quỳnh – 0707343585 – dieuphoi07@moitruongachau.com
Hoặc gọi đến số điện thoại 033 835 1122/ 0902 922 585/ 0906 941 585
Địa chỉ nhận thư: Công Ty TNHH MTV SX TM DV Môi Trường Á Châu - Số 404 Đường Tân Sơn Nhì, Phường Tân Quý, Quận Tân Phú, TP.HCM.

3. Khi chuyển giao chất thải công nghiệp phải đính kèm biên bản giao nhận, biên bản giao nhận sẽ do Bên B phát hành và chỉ có giá trị khi có đầy đủ chữ ký của cả hai bên.

ĐIỀU 3. ĐẶC TÍNH CỦA CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP

- Chất thải công nghiệp thông thường không được lẫn lộn với chất thải nguy hại, chất thải y tế, chất thải sinh hoạt.
- Chất thải công nghiệp thông thường không phải là da thuộc tự nhiên.
- Chất thải công nghiệp thông thường không được nhiễm chất phóng xạ, chất nổ, amiăng, PCBs, PCTs, xianua, các chất nguy hại sinh học.



4. Nếu như Bên B có đầy đủ thông tin chứng minh khách hàng bàn giao chất thải công nghiệp thông thường có các đặc tính trên thì Bên B có thể:

- a) Trả lại một phần hoặc toàn bộ chất thải mà Bên A đã bàn giao.
- b) Nhận số chất thải này và xử lý với chi phí xử lý phù hợp với loại chất thải có các đặc tính trên, chi phí phát sinh thêm sẽ do Bên A thanh toán. Trường hợp khách hàng không chấp nhận thanh toán chi phí phát sinh thì khách hàng có thời gian 02 ngày để nhận lại chất thải.
5. Bên B và Bên A cùng lấy mẫu chất thải để phân tích trong trường hợp Bên B xảy ra thiệt hại bao gồm trách nhiệm, nghĩa vụ, thiệt hại, hư hại, khoản phạt hoặc lệ phí xảy ra do Bên A bàn giao chất thải có đặc tính trên. Nếu kết quả phân tích xác nhận chất thải của Bên A bàn giao có các đặc tính trên, thì Bên A phải bồi thường cho Bên B và các nhà thầu phụ có liên quan của Bên B tất cả các khoản thiệt hại đó.

ĐIỀU 4. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN A

1. Quyền của Bên A

- a) Bên A có quyền từ chối các yêu cầu không đúng với quy định của pháp luật của Bên B.
- b) Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng khi Bên B vi phạm các điều khoản trong hợp đồng này.

2. Trách nhiệm của Bên A

- a) Cung cấp giấy ủy quyền trong trường hợp người ký hợp đồng không phải là người đại diện pháp luật của công ty.
- b) Thanh toán kinh phí thực hiện đúng thời hạn theo Phụ Lục 01 của hợp đồng này.
- c) Vào bất kỳ thời điểm nào, Bên A phát hiện hoặc có lý do tin rằng Chất thải có hoặc có thể có khả năng hoặc rủi ro gây hại cho con người hoặc môi trường hoặc nhiệm các chất độc hại nêu trong đặc tính chất thải, Bên A sẽ ngay lập tức thông báo về những thông tin đó cho Bên B.
- d) Đảm bảo rằng nhân viên và nhân viên hợp đồng của mình (nếu có) thực hiện đúng các quy định pháp luật hiện hành trong việc thu gom, vận chuyển, và xử lý chất thải.
- e) Chịu trách nhiệm hoàn toàn các vấn đề liên quan đến việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải của các doanh nghiệp mà Bên A hợp tác trước khi cung cấp thông tin cho Bên B để tiến hành thực hiện việc vận chuyển, xử lý chất thải công nghiệp và đảm bảo rằng Bên B không có trách nhiệm liên đới trong các vấn đề đó.
- f) Bên A đảm bảo rằng khuôn viên của mình tuân thủ tất cả quy định pháp luật Việt Nam, không có rủi ro và nguy hiểm trong khi nhân viên của Bên B và nhân viên nhà thầu của Bên B thực hiện công việc cho Bên A.
- g) Không bàn giao chất thải công nghiệp trong danh mục nêu trên cho đơn vị nào khác nếu không có sự thỏa thuận và đồng ý của hai bên.
- h) Bên A trình ký hợp đồng và gửi lại Bên B trong vòng 15 ngày (kể từ ngày Bên A nhận được hợp đồng do Bên B gửi). Nếu Bên A không gửi lại hợp đồng trong 15 ngày mà không có lý do chính đáng (phản hồi qua hình thức: gửi văn bản, email thông báo,...) thì xem như hợp đồng Bên B gửi trước đó không còn giá trị thực hiện.

i) Trong trường hợp có thay đổi thông tin xuất hoá đơn, Bên A phải thông báo cho Bên B trước 30 ngày. Nếu Bên A không thông báo thì Bên B sẽ không có trách nhiệm xuất lại hoá đơn cho Bên A.

ĐIỀU 5. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN B

1. Quyền của Bên B

- a) Bên B có quyền từ chối tiếp nhận các loại chất thải không được quy định trong hợp đồng này cũng như những loại chất thải Bên A chưa lưu trữ, tập trung lại một khu vực, hoặc các loại chất thải nhiễm thành phần độc hại được nêu trong Điều 03.
 - b) Được quyền đơn phương chấm dứt trước thời hạn hợp đồng này trong các trường hợp Bên A vi phạm bất cứ điều khoản nào trong hợp đồng này.
 - c) Bên B có quyền từ chối các yêu cầu không đúng với quy định của pháp luật của Bên A.
 - d) Được phép ủy quyền cho bên thứ ba ký kết hợp đồng với Doanh nghiệp (Chủ nguồn thải) với điều kiện bên thứ 03 có đầy đủ chức năng xử lý chất thải. Trong trường hợp này Bên B vẫn thực hiện nghĩa vụ đã thỏa thuận với Bên A.
- ### **2. Trách nhiệm của Bên B**
- a) Tiếp nhận chất thải công nghiệp thông thường cho Bên A, vận chuyển đến nơi xử lý theo danh mục, khối lượng, thời gian và địa điểm đã thỏa thuận trong nội dung hợp đồng.
 - b) Chuẩn bị các loại giấy giao nhận khi tiếp nhận các loại chất thải.
 - c) Đảm bảo tính pháp lý đối với dịch vụ đang cung cấp.
 - d) Ghi nhận và báo cáo các vấn đề khó khăn phát sinh để Bên A kịp thời giải quyết.
 - e) Cung cấp giấy ủy quyền trong trường hợp người ký hợp đồng không phải là người đại diện pháp luật của công ty.
 - f) Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để chất thải rò rỉ ra môi trường sau khi chất thải đã được vận chuyển ra khỏi nhà máy của Bên A.
 - g) Nhân viên Bên B khi vào địa điểm của Bên A phải tuân thủ đúng qui định của Bên A về việc hút thuốc đúng nơi qui định và lưu thông xe đúng tốc độ qui định.

ĐIỀU 6. ĐIỀU KHOẢN THANH LÝ VÀ KÝ HỢP ĐỒNG MỚI

1. Hợp đồng được xem như bản thanh lý sau khi hết hạn hợp đồng với điều kiện hai Bên thực hiện đúng, đầy đủ các điều khoản đã ký kết trong hợp đồng.
2. Trong 02 tháng liên tiếp nếu Bên A không bàn giao chất thải cho Bên B thì hợp đồng xem như không còn giá trị, Bên B gửi thông báo đến Bên A và các Bên liên quan tiến hành thanh lý hợp đồng, đồng thời Bên B không trả lại cho Bên A số tiền đã đặt cọc trước.
3. Nếu một trong hai bên muốn thay đổi nội dung hoặc thanh lý hợp đồng trước thời hạn thì phải báo cho bên còn lại trước ba mươi (30) ngày bằng văn bản, để 2 bên đi đến thỏa thuận thống nhất phương thức làm việc tiếp theo hoặc thanh lý hợp đồng.
4. Nếu có chi phí phát sinh, công nợ giữa hai bên thì phải thanh toán trong vòng 07 (bảy) ngày kể từ ngày hết hạn hợp đồng.



5. Khi hết hạn hợp đồng nếu Bên A có nhu cầu tiếp tục hợp tác thì hai bên sẽ tiến hành ký hợp đồng mới để gia tăng thời hạn.

ĐIỀU 7. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

1. Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng. Nếu có tranh chấp giữa các Bên liên quan đến hợp đồng thì sẽ được giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp không giải quyết được, sẽ đưa ra Tòa án có thẩm quyền, quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng. Mọi chi phí xét xử do bên thua kiện chịu.

2. Trong trường hợp có những trục trặc kỹ thuật ngoài mong muốn (bảo trì, sửa chữa hệ thống xử lý chất thải; thay đổi giấy phép xử lý...) thì Bên B sẽ thông báo với Bên A bằng văn bản và hai bên sẽ thỏa thuận phương án xử lý tiếp theo.

3. Việc thực hiện công việc theo Hợp đồng này có thể được một bên tạm ngưng nếu vì những lý do bất khả kháng. Những lý do đó bao gồm thiên tai, lũ lụt, hỏa hoạn, cháy nổ, chiến tranh, tai nạn, bạo động hoặc phá hoại, thiếu nguồn lực thỏa đáng, nguyên liệu, máy móc hay dụng cụ, vấn đề về lao động, đình công, các yêu cầu về quốc phòng, lệnh cấm của tòa. Bên đòi quyền tạm ngưng thực hiện theo Hợp đồng này sẽ thông báo cho bên kia bằng văn bản về nguyên nhân tạm ngưng, việc thực hiện được tạm ngưng và thời gian dự kiến tạm ngưng. Khi sự kiện gây tạm ngưng đã kết thúc, bên đòi quyền tạm ngưng sẽ thông báo cho bên kia biết việc tạm ngưng đã chấm dứt và ước lượng khi nào thì việc thực hiện Hợp đồng sẽ được tiếp tục như bình thường.

4. Nếu Bên A thanh toán trễ hạn cho Bên B thì Bên A phải trả lãi cho Bên B với khoản tiền trả chậm. Số tiền lãi này được tính bằng cách lấy lãi suất nợ quá hạn theo ngày của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nhân với số tiền chậm thanh toán với số ngày chậm thanh toán.

5. Nếu Bên A hoặc Bên B vi phạm bất kỳ cam kết và/ hoặc nghĩa vụ khác của Hợp đồng hoặc đơn phương chấm dứt Hợp đồng không thuộc các trường hợp được phép chấm dứt theo quy định tại Hợp đồng và quy định pháp luật thì phải chịu phạt 8% giá trị hợp đồng bị vi phạm và bồi thường toàn bộ thiệt hại thực tế phát sinh.

6. Hợp đồng này chỉ có giá trị khi có đầy đủ các chữ ký, con dấu của hai Bên.

7. Hợp đồng này gồm 05 (năm) trang và 01 (một) phụ lục, được lập thành 02 (hai) bản với đầy đủ các chữ ký và con dấu của hai Bên. Bên A giữ 01 (một) bản, Bên B giữ 01 (một) bản có giá trị pháp lý như nhau. Bất kỳ sự bổ sung hoặc thay đổi nào cho hợp đồng này chỉ có giá trị khi được thể hiện bằng văn bản và có chữ ký, con dấu của hai bên.



ĐẠI DIỆN BÊN A

GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

ĐẠI DIỆN BÊN B

GIÁM ĐỐC



LARS MEHLI OVERGAARD

NGUYỄN THANH DŨNG

PHỤ LỤC 01

ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

1. ĐƠN GIÁ XỬ LÝ

Chi phí xử lý = Khối lượng (Kg) x Đơn giá (VNĐ) + Chi phí phụ thu (nếu có)

STT	Tên chất thải	Trạng thái	Đơn giá	Ghi chú
01	Chất thải công nghiệp ngành giấy da không lẫn thành phần nguy hại và chất thải sinh hoạt: vại vụn, chỉ vụn, ny long dính giấy...	Rắn	1.300 đ/kg	Bên A thanh toán cho Bên B
02	Chi phí vận chuyển phát sinh chuyển thứ 3 (nếu có): 1.500.000 VNĐ/chuyến			

Ghi chú:

- Khối lượng bàn giao ≥ 3.000 Kg/ tháng, nếu khối lượng bàn giao < 3.000 Kg/ tháng thì phụ thu 500.000 VNĐ/tháng
- Đơn giá trên chưa bao gồm phí bảo vệ môi trường đối với chất thải rắn
- Đơn giá trên đã bao gồm chi phí vận chuyển và xử lý chất thải
- Giá trị dịch vụ chưa bao gồm thuế VAT. (Thuế VAT được áp dụng tại thời điểm xuất hóa đơn theo quy định của Nhà nước có hiệu lực hiện hành)
- Chất thải công nghiệp sẽ được cân xe để xác định khối lượng.
- Bên A chịu trách nhiệm cung cấp bao.

2. ĐƠN GIÁ THU MUA PHẪ LIỆU

Phế liệu thu mua = khối lượng cân thực tế (Kg) x đơn giá (VNĐ)

STT	Tên chất thải	Đơn giá (VNĐ/Kg)	Phương pháp lưu trữ	Ghi chú
1	Giấy carton, giấy vụn	1.500 đ/kg	Lưu trữ gom trong bao	Bên B thanh toán cho bên A

3. PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

a) Hình thức thanh toán: thanh toán bằng hình thức chuyển khoản trong vòng 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ thanh toán từ Bên B.

Nếu Bên A không thanh toán cho Bên B trong vòng 15 ngày (kể từ ngày đến hạn thanh toán) mà không có lý do chính đáng (phản hồi qua hình thức: gửi văn bản, email thông báo,...) thì Bên B

sẽ ngưng cung cấp dịch vụ và thanh lý hợp đồng. Bên A có trách nhiệm thanh toán chi phí dịch vụ các hạng mục do Bên B đã thực hiện.

Khi thanh toán bằng hình thức chuyển khoản, Khách hàng ghi đầy đủ thông tin theo cú pháp như sau: "Công Ty ... thanh toán Hợp đồng số ... (hoặc hóa đơn số) ... Về việc ...

b) Thời hạn thanh toán:

Chất thải công nghiệp:

- Lần 1: Sau khi hợp đồng được ký kết, Bên A đặt cọc cho Bên B với số tiền **3.000.000 VNĐ (Ba triệu Việt Nam Đồng)** để đảm bảo hợp đồng được thực hiện, số tiền này sẽ được bên B hoàn trả cho bên A ngay khi kết thúc hợp đồng. Trong trường hợp kết thúc hợp đồng mà Bên A không bàn giao đủ số chuyển vận chuyển, xử lý như thỏa thuận thì Bên B sẽ không hoàn trả lại tiền đặt cọc trên.
- Các lần thanh toán tiếp theo, bên A thanh toán cho bên B sau cuối mỗi tháng thu gom, vận chuyển chất thải và Bên B gửi đầy đủ hồ sơ thanh toán cho Bên A.

Phế liệu:

Bên B thanh toán cho Bên A sau cuối tháng nghiệm thu và Bên A gửi đầy đủ hồ sơ thanh toán cho Bên B. Hai bên đối chiếu số lượng với nhau, nếu có sai sót phản hồi trong 03 (ba) ngày làm việc và thanh toán hết công nợ trong 35 (ba mươi lăm) ngày làm việc.

c) Bên A chịu phí khi chuyển khoản.

d) Hồ sơ thanh toán:

Chất thải công nghiệp:

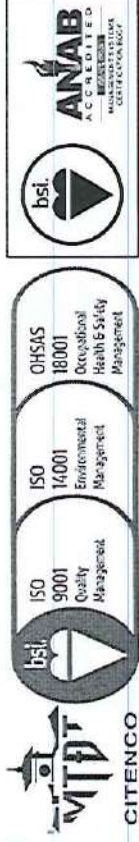
- Lần 1: Hợp đồng đầy đủ 2 chữ ký và đề nghị thanh toán
- Các lần thanh toán tiếp theo: Biên bản giao nhận chất thải và Hóa đơn tài chính

Phế liệu:

Bảng xác nhận khối lượng do bên B đối chiếu, biên bản giao nhận cho mỗi chuyến thu gom.

Phụ lục này là một phần không thể tách rời với Hợp Đồng Số 229/2024/HĐCT/MTAC





CTNH-Tủ/HKN

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: ~~796~~ /HD.MTĐT-NH/24.4.VX

V/v thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại

Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc Hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11, ngày 14/06/2005 của Quốc Hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và các Nghị định, Thông tư, văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài Nguyên Và Môi Trường về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Giấy phép hành nghề Quản lý chất thải nguy hại do Tổng Cục Môi trường cấp ngày 22/01/2020 (cấp lần hai), mã số QLCTNH: 3-4-5-6.013.VX;

Căn cứ Giấy Phép Môi Trường số : 220/GPMT-BTNMT do Bộ Tài Nguyên và Môi Trường cấp cho Công ty TNHH MTV Môi Trường Đô Thị TPHCM ngày 30/06/2023;

Căn cứ Hợp đồng số: 2091/HD.MTĐT-HKN/23.V ký ngày 30/06/2023 giữa Công Ty TNHH MTV Môi Trường Đô Thị TP.HCM và Công Ty TNHH MTV TM DV Môi Trường Huỳnh Kim Nhật.

Hôm nay, ngày 02/01/2024, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

Địa chỉ : 286 Phan Văn Hớn, P.Tân Thới Nhất, Q.12, Tp.HCM

Điện thoại : 0286.2522.396

Mã số thuế : 0309471068

Đại diện : LARS MEHLI OVERGAARD

Chức vụ: Giám Đốc điều hành

Fax: 0286.2504.206

BÊN B: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TP.HCM

Địa chỉ : 42-44 Võ Thị Sáu, Phường Tân Định, Quận 1, TP HCM.

Điện thoại : 028. 3820 8666 – 028. 3820 6550

Fax: 028. 3820 2769

Mã số thuế : 0300438813

Đại diện : Trần Văn Quân

Chức vụ: Phó Giám Đốc

(Căn cứ Giấy ủy quyền số/GUQ-MTĐT ngày tháng năm 20..... của Công ty TNHH Một thành viên Môi trường đô thị TP.HCM)

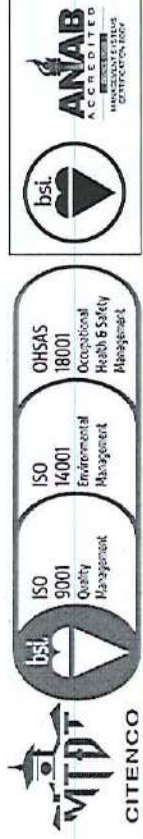
Đồng ý ký kết hợp đồng dịch vụ với các điều khoản sau :

ĐIỀU 1. NỘI DUNG DỊCH VỤ

Bên B nhận thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại (sau đây được viết tắt là "CTNH") cho Bên A

1.1. Thời gian, địa điểm thu gom chất thải nguy hại:

- Tần suất thu gom: 01 lần/01 năm (bên A báo trước cho bên B 01 tuần)



CTNH-Từ/HKN

- Địa điểm thu gom chất thải nguy hại: 286 Phan Văn Hớn, P.Tân Thới Nhất, Q.12, Tp.HCM

- Liên hệ:

- . Người liên hệ bên A:
- . Người liên hệ bên B:

Đơn vị liên kết vận chuyển: CTY TNHH MTV DV MT HUYNH KIM NHẬT

Địa chỉ: 99A, Đường số 6, Khu Phố 4, P.Tam Phú, TP.Thủ Đức, TP.HCM

- Bộ phận thu gom (Ms Giang : 0933.732.448)
- Bộ phận chứng từ (Ms Ngọc : 0933.802.449 ; ngoc.huynhkimhat@gmail.com)
- Bộ phận hợp đồng (Ms Diệp : 0901.464.036 ; diep.huynhkimhat@gmail.com)
- Bộ phận kế toán (Ms Thơ : 0899.462.979 ; tho.huynhkimhat@gmail.com)

1.2. Phương tiện vận chuyển và địa điểm xử lý

- Phương tiện vận chuyển chất thải nguy hại:

STT	Loại xe	Biển kiểm soát	Tình trạng
01	Xe tải Hyundai	51C – 478.68	Hoạt động bình thường

- Địa điểm xử lý: Trạm xử lý chất thải nguy hại Thành Phố Hồ Chí Minh - Ấp 3, Xã Đông Thạnh, Huyện Hóc Môn, TP HCM.

ĐIỀU 2. GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1. Danh sách các loại CTNH cần xử lý và đơn giá:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Đơn vị tính	Đơn giá phát sinh (nếu có) (VNĐ/Kg)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	Kg	35.000
2	Dầu nhớt thải	Lỏng	17 02 04	Kg	15.000
3	Giẻ lau nhiễm TPNH	Rắn	18 02 01	Kg	15.000
4	Pin, ắc quy thải	Rắn	19 06 01	Kg	15.000
5	Bao bì, chai lọ dính hóa chất	Rắn	18 01 04	Kg	15.000
6	Chai nhựa, can nhựa dính hóa chất	Rắn	18 01 03	Kg	15.000
7	Chai kim loại dính hóa chất	Rắn	18 01 02	Kg	15.000
8	Bao bì mềm thải	Rắn	18 01 01	Kg	15.000

Ghi chú:

- Giá trị dịch vụ chưa bao gồm thuế VAT. (Thuế VAT được áp dụng tại thời điểm xuất hóa đơn theo quy định của Nhà nước có hiệu lực hiện hành)
 - Danh mục chất thải trên cũng là danh mục chất thải Bên B vận chuyển và xử lý Bên A.
 - Điều kiện lưu chứa nêu trên để bàn giao khi vận chuyển, chủ nguồn thải cần trang bị kho lưu chứa và thiết bị lưu chứa theo đúng quy định pháp luật trong thời gian lưu trữ CTNH.
- 2.2. Giá trị hợp đồng khoán: 4.000.000 VND** (chưa bao gồm VAT)

Bằng chữ: Bốn triệu đồng chẵn

Ghi chú:

- Nếu tổng khối lượng chất thải bàn giao trong một năm (01 lần gom) ≤ 50 Kg (Trong đó bóng đèn ≤ 10 Kg, các chất khác ≤ 40 Kg) thì sẽ được vận chuyển và xử lý với giá khoán như trên.
- Trường hợp phát sinh: Nếu khối lượng chất thải bàn giao bóng đèn > 10 Kg, các chất khác > 40 Kg thì chi phí xử lý chất thải phát sinh thêm được tính theo đơn giá cụ thể như đơn giá mục 2.1 bảng công thức sau:

Chi phí xử lý chất thải phát sinh = Khối lượng CTNH (theo mã) \times đơn giá

- Chi phí vận chuyển phát sinh từ chuyển thứ 02 trở đi (nếu có): 1.500.000 VND/chuyến (chưa bao gồm VAT)

2.3. Phương thức nghiệm thu, thanh toán:

Bên A thanh toán 100% giá trị khoản của hợp đồng với số tiền là **4.000.000 đồng cùng với tiền thuế VAT tương ứng trong vòng 15 ngày** sau khi ký hợp đồng và nhận được hóa đơn thanh toán hợp lệ.

Khi có sự thay đổi thông tin trên hóa đơn bên A phải thông báo cho bên B bằng văn bản. Nếu bên A không thông báo thì bên B sẽ không chịu trách nhiệm khi đã xuất hóa đơn.

Sau mỗi đợt chuyển giao CTNH, hai bên sẽ lập biên bản giao nhận, xác nhận khối lượng đã chuyển giao và làm cơ sở tính toán chi phí vận chuyển và xử lý phát sinh (nếu có).

Chi phí xử lý phát sinh quy định ở **điều 2.2** sẽ được thanh toán trong vòng **15 ngày** sau khi 2 bên ký biên bản xác nhận khối lượng phát sinh và Bên A nhận được **Hóa đơn tài chính** từ Bên B.

Chi phí vận chuyển phát sinh quy định ở **điều 2.2** sẽ được thanh toán trong vòng **15 ngày** sau khi 2 bên ký biên bản xác nhận khối lượng phát sinh và Bên A nhận được **Hóa đơn tài chính** từ Bên B.

Phương thức thanh toán:

Bên A thanh toán cho Bên B bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản số : **310 1000000 5651** – Ngân hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh.

Khi thanh toán bằng hình thức chuyển khoản, Bên A chịu phí khi chuyển khoản và ghi đầy đủ nội dung chuyển khoản theo cú pháp như sau: "**Công Ty ... thanh toán Hợp đồng số ... (hoặc hóa đơn số) ... Về việc ...**

Đồng tiền thanh toán: Tiền Việt Nam đồng

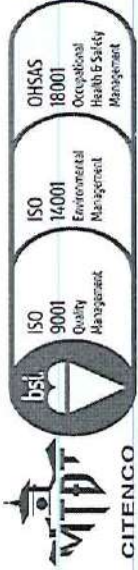
ĐIỀU 3. TRÁCH NHIỆM HAI BÊN

Bên A

1. Phải cung cấp bản sao số chủ nguồn thải, chứng từ quản lý CTNH và/ hoặc các hồ sơ pháp lý có liên quan do Bên B yêu cầu.
2. Nơi lưu giữ CTNH phải thuận tiện cho xe ra vào lấy, mỗi loại CTNH phải được lưu giữ vào phương tiện chứa CTNH riêng biệt bảo đảm không để rơi vãi, rò rỉ ra bên ngoài, có dán tên, mã số CTNH và không được để lẫn các CTNH khác ngoài danh mục hợp đồng. Bên A có trách nhiệm bảo quản thùng chứa CTNH thuê của Bên B (nếu có).
3. Khi chuyển giao CTNH phải đính kèm các chứng từ chuyển giao, chứng từ chuyển giao phải ghi rõ ràng đầy đủ thông tin có ký tên và đóng dấu Bên A. Xác nhận số lượng, khối lượng chất thải vận chuyển bằng cách ký vào chứng từ giao nhận CTNH và biên bản giao nhận của bên B.
4. Thông báo trước cho bên B trong trường hợp khối lượng CTNH tăng để bên B có kế hoạch điều động phương tiện thu gom. Chi phí vận chuyển phát sinh (nếu có) do bên A chịu.
5. Chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật nếu để lẫn CTNH không có trong danh mục CTNH của hợp đồng đã ký.
6. Phải bàn giao đúng khối lượng và chủng loại CTNH theo biên bản thống nhất xác định khối lượng và chủng loại phát sinh tại chủ nguồn thải.
7. Bàn giao CTNH đúng thời hạn theo hợp đồng.
8. Cung cấp giấy ủy quyền trong trường hợp người ký hợp đồng không phải là người đại diện pháp luật của công ty.
9. Thanh toán chi phí thực hiện đúng thời hạn theo **Điều 2.**

Bên B

1. Ký vào chứng từ CTNH, biên bản giao nhận trên mỗi chuyên.
2. Phải cung cấp cho Bên A các hồ sơ pháp lý có liên quan do Bên A yêu cầu.
3. Vận chuyển, xử lý CTNH cho Bên A theo danh mục, khối lượng, thời gian và địa điểm đã thỏa thuận trong nội dung hợp đồng.
4. Thu gom CTNH của bên A đã được chứa trong vật chứa chuyên dụng hoặc trong các bao chứa CTNH, sau đó vận chuyển đến nhà máy xử lý CTNH của bên B.
5. Đảm bảo thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH của bên A theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.
6. Trong vòng 03 (ba) tháng sau khi nhận chất thải phải giao trả cho Bên A chứng từ CTNH đã xử lý. Nếu bên A vi phạm điều khoản thanh toán, hoặc gửi chứng từ trễ (chứng từ đã ký tên, đóng dấu) thì thời gian trả chứng từ sẽ cộng thêm tương ứng với thời gian bên A chậm thanh toán/ gửi chứng từ trễ.
7. Trong trường hợp xe hư hỏng, sẽ sắp xếp (bỏ trị) thay thế phương tiện để thu gom CTNH trong thời gian sớm nhất (48 giờ).



8. Nếu không tiếp nhận chất thải theo như trong hợp đồng mà không thông báo trước cho Bên A thì Bên B sẽ hoàn trả lại 100% chi phí bên B đã nhận của bên A trước đó.
9. Từ chối vận chuyển hoặc có thể đơn phương chấm dứt hợp đồng nếu bên A giao CTNH không đúng theo nội dung hợp đồng.
10. Cung cấp giấy ủy quyền trong trường hợp người ký hợp đồng không phải là người đại diện pháp luật của công ty
11. Có quyền từ chối tiếp nhận vận chuyển nếu Bên A không thanh toán cho Bên B theo đúng thời gian hợp đồng theo Điều 2.

ĐIỀU 4. GIẢI QUYẾT CÁC TRƯỜNG HỢP PHÁT SINH

- 4.1. Đối với Bên A, trong trường hợp ngưng hoạt động hoặc lượng CTNH tăng quá nhiều, cần phải báo ngay cho bên B ngưng hoặc điều động thêm xe, thêm chuyên để giải quyết CTNH ngoài định kỳ đã được quy định ở Điều 1 (Báo trước 02 ngày về số **Điện thoại: 0283 897 0681**)
- 4.2. Đối với Bên B, trong trường hợp máy móc, phương tiện gặp sự cố bất thường, cần phải thông báo ngay cho bên A, và tìm biện pháp giải quyết kịp thời, không để CTNH ứ đọng làm ảnh hưởng vệ sinh, môi trường trong khu vực của bên A.

ĐIỀU 5. HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

- 5.1. Hợp Đồng này có hiệu lực từ ngày **01/01/2024** đến ngày **02/01/2025**.
- 5.2. Hợp Đồng này sẽ chấm dứt trước thời hạn trong những trường hợp sau:
 - 5.2.1. Nếu các bên đồng ý chấm dứt bằng văn bản.
 - 5.2.2. Nếu bất cứ vi phạm trách nhiệm theo **điều 3** không được khắc phục trong thời hạn **30 ngày** kể từ ngày nhận được yêu cầu khắc phục từ Bên không vi phạm.
 - 5.2.3. Bên A vi phạm điều khoản thanh toán theo **Điều 2**.
 - 5.2.4. Trong vòng **10 tháng liên tục** nếu bên A không bàn giao CTNH cho bên B.
- 5.3. Trong trường hợp chấm dứt hợp đồng Bên không vi phạm có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng bằng cách gửi văn bản thông báo cho Bên vi phạm và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.
- 5.4. Bên B sẽ không hoàn trả số tiền bên A thanh toán trước (nếu có) nếu bên A vi phạm và hợp đồng chấm dứt trước thời hạn.
- 5.5. Trường hợp đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời hạn, phải thông báo cho bên kia biết trước 01 (một) tháng.

ĐIỀU 6. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- 6.1. Trong trường hợp có vướng mắc trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên nỗ lực tối đa chủ động bàn bạc để tháo gỡ và thương lượng giải quyết.
- 6.2. Trường hợp không đạt được thỏa thuận giữa các bên, việc giải quyết tranh chấp sẽ được thông qua hòa giải, trọng tài hoặc tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật nước CHXHCN Việt Nam.

ĐIỀU 7. BẮT KHẢ KHÁNG

- 7.1. Bất khả kháng là những sự kiện khách quan nằm ngoài sự kiểm soát của các bên bao gồm nhưng không giới hạn ở: động đất, bão, lũ lụt, gió lốc, sóng thần, lở đất, hỏa hoạn, chiến tranh hay đe dọa chiến tranh... hoặc các thảm họa khác không thể lường trước được; hoặc sự thay đổi của luật pháp bởi chính quyền Việt Nam.
- 7.2. Khi một bên không thể thực hiện tất cả hay một phần của nghĩa vụ Hợp đồng do sự kiện bất khả kháng gây ra một cách trực tiếp, Bên này sẽ không được xem là vi phạm Hợp đồng nếu đáp ứng được tất cả những điều kiện sau:
- 7.3. Bất khả kháng là nguyên nhân trực tiếp của sự gián đoạn hoặc trì hoãn việc thực hiện nghĩa vụ; và
- 7.4. Bên bị gặp phải sự kiện bất khả kháng đã nỗ lực để thực hiện nghĩa vụ của mình và giảm thiểu thiệt hại gây ra cho Bên kia bởi sự kiện bất khả kháng; và
- 7.5. Tại thời điểm xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên gặp phải sự kiện bất khả kháng phải thông báo ngay cho bên kia cũng như cung cấp văn bản thông báo và giải thích về lý do gây ra sự gián đoạn hoặc trì hoãn thực hiện nghĩa vụ.

ĐIỀU 8. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 8.1. Hai bên cùng đồng ý thực hiện đúng và đủ các điều khoản của Hợp đồng. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu có khó khăn trở ngại phát sinh, hai bên sẽ cùng nhau giải quyết bằng thương lượng trên tinh thần hợp tác và 2 bên cùng có lợi.
- 8.2. Hợp đồng này tự thanh lý khi không còn bất kì tồn đọng, vướng mắc nào và hết thời hạn hiệu lực hợp đồng theo **điều 5**.
- 8.3. Bên A tuyệt đối không được sử dụng hợp đồng này để ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH với các chủ nguồn thải, chủ vận chuyển và chủ xử lý khác.
- 8.4. Hợp đồng được lập thành 07 bản tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau; bên A giữ 02 bản và bên B giữ 05 bản.
- 8.5. Hợp đồng này chỉ có giá trị khi có đầy đủ các chữ ký, con dấu của hai Bên.

ĐẠI DIỆN BÊN A

GIÁM ĐỐC



ĐẠI DIỆN BÊN B

PHÓ GIÁM ĐỐC



LARS MEHLI OVERGAARD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

**CUNG CẤP DỊCH VỤ THU GOM, VẬN CHUYỂN
CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT**

Số: 18/2024/HĐ-CTRSH-TC

PHẦN I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc Hội;
Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của Quốc Hội;
Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều;

Quyết định số 38/2018/QĐ-UBND ngày 22/10/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định về giá tối đa đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và giá tối đa dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Quyết định số 12/2019/QĐ-UBND ngày 17/5/2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt;

Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 04/5/2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 12/2019/QĐ-UBND ngày 17/5/2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố và bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật quy định phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Quyết định số 20/2021/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về giá tối đa đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và giá tối đa dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước ban hành kèm theo Quyết định số 38/2018/QĐ-UBND ngày 22/10/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố;

Quyết định số 1425/QĐ-STNMT-CTR ngày 02/10/2018 của Sở TNMT về Quy trình kỹ thuật cung ứng dịch vụ chất thải rắn sinh hoạt;

Quyết định số 9156/UBND-TC ngày 28/12/2023 của Ủy ban nhân dân Quận 12 Về việc triển khai giá dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt năm 2024 trên địa bàn Quận 12;

Các văn bản khác có liên quan.

PHẦN II. ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Hôm nay, ngày 09 tháng 01 năm 2024, tại Văn phòng Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 12, chúng tôi gồm:

BÊN THUÊ DỊCH VỤ (Bên A): CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM.

- Đại diện: Ông **LARS MEHLI OVERGRAAD**

- Chức vụ: Giám đốc điều hành.

- Địa chỉ: Số 286 Phan Văn Hớn, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh.

- Điện thoại: 028 6252 2396

- Mã số thuế: 0309471068

BÊN CUNG CẤP DỊCH VỤ (BÊN B): CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 12.

- Đại diện: Ông Lê Tấn Tài
- Chức vụ: Giám đốc.
- Địa chỉ: Số 327, đường Lê Văn Khương, phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (028) 3717 0583
- Mã số thuế: 0301448003

Hai Bên cùng thỏa thuận với các nội dung sau:

PHẦN III. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Hôm nay, tại Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 12, Bên A và Bên B cùng thống nhất ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH) tại nguồn, theo đó Bên A thuê Bên B thực hiện các công việc của hợp đồng này với các nội dung cơ bản như sau:

Điều 1. Nội dung và yêu cầu thực hiện Hợp đồng.

1.1 Nội dung Hợp đồng:

Bên A đồng ý thuê dịch vụ Bên B và Bên B đồng ý cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển CTRSH tại nguồn với các nội dung cơ bản như sau:

- a) Thu gom CTRSH tại địa điểm: Số 286 Phan Văn Hớn, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh.
- b) Thời gian thực hiện thu gom trong khoảng từ 06 giờ đến 18 giờ.
- c) Tần suất lấy rác: 03 lần/tuần.
- d) Khối lượng rác khoán: 7.740 kg/tháng.
- d) Phương tiện thu gom: Xe ép rác chuyên dụng.

1.2 Yêu cầu công việc:

Sử dụng xe ép rác chuyên dụng hoặc xe tải theo quy định dùng để thu gom toàn bộ CTRSH tại nguồn (trừ chất thải rắn công kênh) của Bên A và vận chuyển toàn bộ về điểm hẹn hoặc các Trạm trung chuyển theo đúng quy định.

Điều 2. Giá trị Hợp đồng và phương thức thanh toán.

2.1 Đơn giá thu gom, vận chuyển CTRSH: (Giá chưa bao gồm thuế VAT)

- Thu gom tại nguồn CTRSH : 364 đồng/kg.
- Thu hộ phí vận chuyển CTRSH: 180,8 đồng/kg.

2.2 Giá trị thu gom, thu hộ phí vận chuyển CTRSH hàng tháng :

Stt	Danh mục	Khối lượng (kg)	Đơn giá (đồng/kg)	Thành tiền (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (3)*(4)
1	Giá trị thu gom	7.740	364	2.817.360
	Thuế VAT 8%			225.389
	Tổng (1)			3.042.749
2	Giá trị thu hộ phí vận chuyển	7.740	180,8	1.049.544
	Thuế VAT 8%			83.964
	Tổng (2)			1.133.508
3	Cộng (1) + (2)			4.176.257

Bảng chữ: Bốn triệu, một trăm bảy mươi sáu ngàn, hai trăm năm mươi đồng.

⇒ **Tổng giá trị thu hộ phí vận chuyển CTRSH nộp về Ủy ban nhân dân phường Tân Thới Nhất.**

Phương thức thanh toán: Sau khi Bên B gửi hóa đơn tài chính hợp lệ, Bên A sẽ thanh toán giá thu gom, vận chuyển CTRSH theo quý (3 tháng) bằng **Chuyển khoản** thông qua tài khoản ngân hàng:

- Chủ tài khoản: Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 12.
- Số tài khoản: 060125699548
- Tại ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank), PGD Thới An, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Nội dung chuyển khoản: Nộp theo HD số **18/2024/HĐ-CTRSH-TC.**

Điều 3: Thời gian thực hiện Hợp đồng.

- Thời gian thực hiện hợp đồng từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Điều 4. Các trường hợp điều chỉnh Hợp đồng.

- Điều chỉnh mức phí thu gom, vận chuyển theo các quy định của thành phố.
- Thay đổi thời gian giao nhận và tần suất thu gom CTRSH.
- Bên A có nhu cầu thu gom CTRSH ngoài số lần nêu tại Khoản 1.1 Điều 1 hoặc khối lượng trong tháng phát sinh cao hơn khối lượng nêu tại Khoản 1.1 Điều 1 của Hợp đồng (phần phát sinh $\geq 10\%$) thì Bên A phải hỗ trợ cho Bên B phần chi phí phát sinh này theo đơn giá thỏa thuận giữa hai bên.
- Khi hai bên có sự thay đổi phải thông báo trước 10 ngày để thỏa thuận ký lại hợp đồng hoặc phụ lục hợp đồng. Trong thời gian 10 ngày phải hoàn thiện hợp đồng đã điều chỉnh. Đồng thời, vẫn phải đảm bảo việc thu gom CTRSH tại nguồn.
- Các nội dung khác tùy vào nhu cầu và khả năng của 02 bên.

Điều 5: Quyền và trách nhiệm của Bên B.

- Chịu trách nhiệm lấy CTRSH và đảm bảo đúng thời gian, tần suất theo quy định.
- Đảm bảo sử dụng phương tiện thu gom tại nguồn và toàn bộ quá trình vận chuyển, đổ chất thải đúng theo quy định về cung ứng dịch vụ vệ sinh môi trường trong lĩnh vực thu gom, vận chuyển CTRSH tại nguồn của Thành phố.
- Bên B có quyền không thực hiện thu gom chất thải không phải là CTRSH và không thực hiện phân loại chất thải theo đúng quy định. Sau ba (03) lần nhắc nhở mà vẫn không thực hiện việc phân loại CTRSH đúng quy định thì Bên B báo cáo về Ủy ban nhân dân Phường để có biện pháp xử lý theo quy định.
- Đối với giá thu gom tại Khoản 2.2 Điều 2, Bên B thực hiện nộp thuế GTGT theo quy định; Đối với giá vận chuyển CTRSH tại Khoản 2.3 Điều 2, Bên B thu hộ giá dịch vụ vận chuyển và thuế GTGT của Bên A và có trách nhiệm lập ủy nhiệm chi chuyển hết số tiền thu hộ giá dịch vụ vận chuyển đã thu được về Ủy ban nhân dân phường Tân Thới Nhất theo Công văn số 9156/UBND-TC ngày 28/12/2023 của Ủy ban nhân dân Quận 12 theo đúng quy định.

Điều 6: Quyền và trách nhiệm của Bên A.

- Thực hiện phân loại, không trộn lẫn chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải rắn xây dựng với CTRSH theo quy định.
- Sử dụng dụng cụ lưu chứa, lưu giữ CTRSH phù hợp với công nghệ thu gom, vận chuyển và để rác đúng vị trí đã thỏa thuận, thông nhất với Bên B.

- Thanh toán theo đúng như thỏa thuận tại Điều 2 Hợp đồng này.

Điều 7: Giải quyết tranh chấp Hợp đồng.

- Khi có tranh chấp Hợp đồng, hai bên sẽ giải quyết bằng thương lượng.
- Trong trường hợp hai bên không thỏa thuận được, thì tranh chấp được giải quyết tại Tòa án nhân dân Quận 12 theo quy định của pháp luật, quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên. Chi phí về kiểm tra, xác minh và án phí Tòa án do bên có lỗi chịu

Điều 8: Chấm dứt Hợp đồng.

Hợp đồng được chấm dứt trong các trường hợp sau:

- Bên B không còn điều kiện cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển CTRSH.

- Bên A hết nhu cầu sử dụng dịch vụ thu gom, vận chuyển CTRSH và đề nghị Bên B chấm dứt Hợp đồng bằng văn bản.

- Hai bên thỏa thuận thay thế bằng một Hợp đồng khác.

- Một bên vi phạm nghiêm trọng các điều khoản của Hợp đồng làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bên kia mà không thể giải quyết bằng thương lượng.

Điều 9. Điều khoản chung.

- Hai bên cam kết thực hiện đúng các thỏa thuận trong Hợp đồng này.

- Trường hợp các quy định pháp luật liên quan có thay đổi, hai bên thực hiện Hợp đồng theo tinh thần của văn bản pháp luật có hiệu lực mới nhất.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký, có giá trị pháp lý như nhau và được lập thành 04 bản mỗi bên giữ 02 bản./#

ĐẠI DIỆN BÊN A

GIÁM ĐỐC



LARS MEHLI OVERGRAAD

ĐẠI DIỆN BÊN B

GIÁM ĐỐC



LÊ VĂN TÀI

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐỒ THỊ TPHCM
Giấy phép môi trường: 220/GPMT-BTNMT
Địa chỉ văn phòng: 42-44 Võ Thị Sáu, P. Tân Định, Q.1, TP.HCM
ĐT: (028) 38 291 975

2. Chủ CS DV XLCTNH 2: CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐỒ THỊ TPHCM
Giấy phép môi trường: 220/GPMT-BTNMT
Địa chỉ văn phòng: 42-44 Võ Thị Sáu, P. Tân Định, Q.1, TP.HCM
Địa chỉ cơ sở: Trạm xử lý CTNH, CTCN, Xã Đông Thạnh, Huyện Hóc Môn, TP.HCM
ĐT: (028) 38 291 975
ĐT: (028) 38 208 666

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM
Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có):
Địa chỉ văn phòng: 286 Phan Văn Hớn, P. Tân Thới Nhất, Quận 12, TP.HCM
ĐT:
Địa chỉ cơ sở: 286 Phan Văn Hớn, P. Tân Thới Nhất, Quận 12, TP.HCM
ĐT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại		Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý
		Rắn	Lỏng Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x		16 01 06	10	PH,HR,CL
2	Dầu nhớt thải		x	17 02 04	2	TĐ
3	Giẻ lau nhiễm TPNH	x		18 02 01	-	TĐ
4	Pin, ắc quy thải	x		19 06 01	18	CL
5	Bao bì, chai lọ dính hóa chất	x		18 01 04	20	TĐ

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đông xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH: (nếu có)
Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:
Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở NHỮNG MỤC TIẾP ĐẾN
Số hiệu phương tiện vận chuyển : 51C-478.68

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XLCTNH 1:
Ngày: 06/09/23
Ký: ĐD: NGUYỄN VĂN THÀNH

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XLCTNH 2:
Ngày: 06-09-2023
Ký: Đoàn Khắc Hưng

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
TPHCM, ngày 06 tháng 09 năm 2023

CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM



GIAM ĐỐC
NGUYỄN NHẬT LINH

(Chữ ký, họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số: 1 □ - 2 □ - 3 □ - 4 □

Ghi chú:
(ghi rõ trong trường hợp lộ CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNTH)

8. Chủ CS DV XLCTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
TP.HCM, ngày 10 tháng 10 năm 2023

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐỒ THỊ

TPHCM



NGUYỄN HỮU LỘC

896 / 540

TỈNH/THÀNH PHỐ
TPHCM

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 896 / 2024/220/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TPHCM GPMT: 220/GPMT-BTNMT
Địa chỉ văn phòng: 42-44 Võ Thị Sáu, P. Tân Định, Q.1, TP.HCM DT: (028) 38 291 975

2. Chủ CS DV XLCTNH 2: CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TPHCM GPMT: 220/GPMT-BTNMT
Địa chỉ văn phòng: 42-44 Võ Thị Sáu, P. Tân Định, Q.1, TP.HCM DT: (028) 38 291 975
Địa chỉ cơ sở: Trạm xử lý CTNH TPHCM: Ấp 3, Xã Đông Thạnh, Huyện Hóc Môn, TP.HCM DT: (028) 38 208 666

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có):.....

Địa chỉ văn phòng: 286 Phan Văn Hớn, P. Tân Thới Nhất, Quận 12, TP.HCM DT:.....

Địa chỉ cơ sở: 286 Phan Văn Hớn, P. Tân Thới Nhất, Quận 12, TP.HCM DT:.....

4. Kế khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại		Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x		16 01 06	930	PH-HR-C
2	Dầu nhớt thải		x	17 02 04	30	TD
3	Giẻ lau nhiễm TPNH	x		18 02 01	30	TD
4	Pin, ắc quy thải	x		19 06 01	60	SC-TD
5	Bao bì, chai lọ dính hóa chất	x		18 01 04	24	TD
6	Chai nhựa, can nhựa dính hóa chất	x		18 01 03	-	
7	Chai kim loại dính hóa chất	x		18 01 02	3	TD
8	Bao bì mềm thải	x		18 01 01	-	

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TD (Thiếu sót); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH: (nếu có) Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4. **ĐƠN CHỨNG TỪ NHẬP MTVT TMDV MT**

Số hiệu phương tiện vận chuyển : 51C-478.68 **HUYỄN KIM NHẬT**

7.1. Họ tên người nhập thay mặt CS DV XL CTNH 1: **ĐƠN: NGUYỄN VĂN THANH**.....

Ký:..... Ngày: **04/07/2024**

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: **Phùng Văn Cường**.....

Ký:..... Ngày: **04-07-2024**

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5) TPHCM, ngày **04/07/2024** tháng..... năm 2024 **CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM**



(Chữ ký, họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ CS DV XLCTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 TP.HCM, ngày.....tháng.....năm..... **17-08-2024**

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN **GIÁM ĐỐC CN, DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG**



@Liên số: 1□-2□-3□-4□

Ghi chú: (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNTH)

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BMQ7.5.5/02/01
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
MÔI TRƯỜNG ĐỎ THỊ TP HCM**

BIÊN BẢN GIAO NHẬN

Số: 9771/BBGN-MTĐT

(V/v thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH)

Căn cứ theo hợp đồng số 6797/HĐ-MTĐT-NH/21.4.VX ký ngày 01/11/2021

1/ Thời gian: giờ ngày 11/06/2022

2/ Địa điểm: Đội XL & TC CTNH (hoặc Kho Gò Cát)

3/ Thành phần:

+ Bên giao (Bên A): **CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM**

Địa chỉ thu gom: 286 Phan Văn Hớn, P. Tân Thới Nhất, Quận 12, Tp.HCM

Đại diện là Ông/Bà:.....Chức vụ:

+ Bên nhận (Bên B): Công ty TNHH MTV MTĐT TP.HCM

**(Đơn vị liên kết thu gom, vận chuyển: CÔNG TY TNHH MTV TM DV
MT HUỖNH KIM NHẬT)**

Đại diện là Ông/Bà: NGUYỄN VĂN THANH Chức vụ: Nhân viên

4/ Nội dung: Hai bên đã cùng nhau tiến hành bàn giao CTNH với nội dung cụ thể như sau:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Số lượng (kg)	Số xe thực hiện	Ghi chú
1	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	16 01 06	<u>14</u>		CT : liên
2	Giẻ lau nhiễm TPNH	Rắn	18 02 01		51C-478.68	
3	Dầu động cơ thải	Lỏng	17 02 03			

• Mã CTNH được ký hiệu theo hướng dẫn của Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 quy định về quản lý CTNH.

Đại diện hai bên thống nhất nội dung trên và đồng ý ký tên.

Biên bản này được lập thành 02 (hai) bản, mỗi bên giữ 01 (một) bản và đều có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO

Anh

Phan Thị Mai Anh

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN

—

CÔNG TY TNHH MTV TM DV MT
NGUYỄN VĂN THANH
ĐD: NGUYỄN VĂN THANH

TỈNH/THÀNH PHỐ

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

TPHCM

Số: / 2022/ 3-4-5-6.013.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐỒ THỊ TP.HCM, Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.013.VX

Địa chỉ văn phòng: 42-44 Võ Thị Sáu, Phường Tân Định, Quận 1, TP.HCM

ĐT: 38291975

2. Chủ CS DV XLCTNH 2: CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐỒ THỊ TP.HCM, Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.013.VX

Địa chỉ văn phòng: 42-44 Võ Thị Sáu, Phường Tân Định, Quận 1, TP.HCM

ĐT: 38291975

Địa chỉ cơ sở: Khu xử lý CTNH, CTCN, Xã Đông Thạnh, Huyện Hóc Môn, TP.HCM

ĐT: 38208666

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

Mã số QLCTNH:T

Địa chỉ văn phòng: 286 Phan Văn Hớn, P. Tân Thới Nhất, Q.12, Tp.HCM

ĐT:

Địa chỉ cơ sở: 286 Phan Văn Hớn, P. Tân Thới Nhất, Q.12, Tp.HCM

ĐT :

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại		Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x		16 01 06	10	PH, HR, CL
2	Dầu nhớt thải		x	17 02 03		TĐ
3	Giẻ lau nhiễm TPNH	x		18 02 01		TĐ

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đông xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/dóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp)

5. Xuất khẩu CTNH: (nếu có)

Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện:, Ngày xuất cảng:, Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4.

Số hiệu phương tiện vận chuyển : 51C-478.68

CÔNG TY TNHH MTV TM DV MT

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XLCTNH 1: HUYỀN KIM NHẬT

D/B: NGUYỄN VĂN THANH

Ký: Ngày: 11/06/2022

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XLCTNH 2:

Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

TPHCM, ngày 11 tháng 06 năm 2022



8. Chủ CS DV XLCTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

TP.HCM, ngày tháng năm

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐỒ THỊ TP.HCM
PHÓ GIÁM ĐỐC

(ký, ghi rõ tên, chức danh, đóng dấu)

NGUYỄN THANH SƠN

@Liên số: 10- 20- 30- 40

TỈNH/THÀNH PHỐ

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

TPHCM

Số: 392/ 2022/ 3-4-5-6.013.VX

1. Chủ CS DV XLCTNH 1: CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TP.HCM, Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.013.VX

Địa chỉ văn phòng: 42-44 Võ Thị Sáu, Phường Tân Định, Quận 1, TP.HCM

ĐT: 38291975

2. Chủ CS DV XLCTNH 2: CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TP.HCM, Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.013.VX

Địa chỉ văn phòng: 42-44 Võ Thị Sáu, Phường Tân Định, Quận 1, TP.HCM

ĐT: 38291975

Địa chỉ cơ sở: Khu xử lý CTNH, CTCN, Xã Đông Thạnh, Huyện Hóc Môn, TP.HCM

ĐT: 38208666

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

Mã số QLCTNH:T

Địa chỉ văn phòng: 286 Phan Văn Hớn, P. Tân Thới Nhất, Q.12, Tp.HCM

ĐT:

Địa chỉ cơ sở: 286 Phan Văn Hớn, P. Tân Thới Nhất, Q.12, Tp.HCM

ĐT :

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại		Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	x		16 01 06	10	PH, HR, CL
2	Dầu nhớt thải		x	17 02 03	/	TĐ
3	Giẻ lau nhiễm TPNH	x		18 02 01	/	TĐ

#Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đông xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp)

5. Xuất khẩu CTNH: (nếu có)
Nước nhập khẩu:Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4.

Số hiệu phương tiện vận chuyển : 51C-478.68

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XLCTNH 1 : HUỖNH KIM NHẬT

Đ/D: NGUYỄN VĂN THANH

Ký: Ngày: 11/06/22

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XLCTNH 2 : Nguyễn Khắc Hoàng

Ký: Ngày: 1.6.06-2022

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

TPHCM, ngày 06 tháng 06 năm 2022

CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM



8. Chủ CS DV XLCTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

TP.HCM, ngày 14-07-2022

CÔNG TY TNHH MTV MDTI TPHCM

PHÓ GIÁM ĐỐC



(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số: 10-20-30-4

NGUYỄN THANH SƠN

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV
Số 1 Công Trường Quốc Tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3,
TP.HCM

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA
TĂNG
(TIỀN NƯỚC)**

Ký hiệu: 1K23TCT
Số: 00033039

ĐIỆN THOẠI: (028) 3829 1777 - FAX: (028) 3824 4644

THÁNG: 1 (25/11/2022 - 02/01/2023)

MÃ SỐ THUẾ: 0301129367

KHÁCH HÀNG: CONG TY TNHH LTP VIET NAM

ĐỊA CHỈ: 286 PHAN VAN HON, PHUONG TAN THOI NHAT, QUAN 12, TP. HO CHI MINH, VN

SDB: 2210 341 0732

MÃ SỐ THUẾ: 0309471068

SHĐ:

MLT: TA21.2311.3175

MGB: 32

ĐMKH: 0

MTT:

CHỈ SỐ MỚI: 5470

CHỈ SỐ CŨ: 4584

TIÊU THỤ (m³): 886

Tiền nước	Lượng nước tiêu thụ (m ³)	Đơn giá (đồng/m ³)	Tiền nước		Tiền dịch vụ thoát nước	
			Thành tiền	Thuế GTGT (5%)	Thành tiền	Thuế GTGT (10%)
			(1)	(2)	(3)	(4)
	23	12.100	10.720.600	536.030	1.566.345	162.201
	863	12.100			55.660	
Dịch vụ thoát nước	23	2.420	Tổng số tiền thanh toán: 13.040.836			
	863	1.815	Số tiền bằng chữ: Mười ba triệu không trăm bốn mươi nghìn tám trăm ba mươi sáu đồng.			

Địa chỉ lắp đặt đồng hồ nước: 286 PHAN VAN HON, PHUONG TAN THOI NHAT, QUAN 12, TP. HO CHI MINH, VN

Ghi chú: Tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải thu hộ theo Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 06 năm 2021 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh.

Lượng nước sử dụng năm 2022: 863 m³

Lượng nước sử dụng năm 2023: 23 m³

Cột (3): Bao gồm: tiền DVTN năm 2022 + tiền DVTN năm 2023

= lượng nước sử dụng 2022 x đơn giá nước sạch năm 2022 x 15% +

lượng nước sử dụng 2023 x đơn giá nước sạch năm 2023 x 20%

= 1.566.345 + 55.660 = 1.622.005 đồng

Cột (4): Thuế GTGT = giá DVTN năm 2022 + 2023 x 10% = 1.622.005 x 10% = 162.201 đồng

Ngày 06 tháng 01 năm 2023

Signature Valid

Ký bởi: TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV

Ký ngày: 06/01/2023

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV

Số 1 Công Trường Quốc Tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM

ĐIỆN THOẠI: (028) 3829 1777 - FAX: (028) 3824 4644

MÃ SỐ THUẾ: 0301129367

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA
TĂNG
(TIỀN NƯỚC)

Ký hiệu: 1K23TCT

Số: 00620424

THÁNG: 2 (02/01/2023 - 01/02/2023)

KHÁCH HÀNG: CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

ĐỊA CHỈ: 286 PHAN VAN HON, PHUONG TAN THOI NHAT, QUAN 12, TP. HO CHI MINH, VN

SDB: 2210 341 0732

MÃ SỐ THUẾ: 0309471068

SHĐ:

MLT: TA21.2311.3175

MGB: 32

ĐMKH: 0

MTT:

CHỈ SỐ MỚI: 5845

CHỈ SỐ CŨ: 5470

TIÊU THỤ (m3): 375

Tiền nước	Lượng nước tiêu thụ (m ³)	Đơn giá (đồng/m ³)	Tiền nước		Tiền dịch vụ thoát nước	
			Thành tiền	Thuế GTGT (5%)	Thành tiền	Thuế GTGT (10%)
			(1)	(2)	(3)	(4)
	375	12.100	4.537.500	226.875	907.500	90.750
Dịch vụ thoát nước	375	2.420	Tổng số tiền thanh toán:		5.762.625	
			Số tiền bằng chữ:		Năm triệu bảy trăm sáu mươi hai nghìn sáu trăm hai mươi lăm đồng.	

Địa chỉ lắp đặt đồng hồ nước: 286 PHAN VAN HON, PHUONG TAN THOI NHAT, QUAN 12, TP. HO CHI MINH, VN

Ghi chú: Tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải thu hộ theo Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 06 năm 2021 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh.

Ngày 06 tháng 02 năm 2023

Signature Valid

Ký bởi: TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV
Ký ngày: 06/02/2023

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV

Số 1 Công Trường Quốc Tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM

ĐIỆN THOẠI: (028) 3829 1777 - FAX: (028) 3824 4644

MÃ SỐ THUẾ: 0301129367

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA
TĂNG
(TIỀN NƯỚC)

Ký hiệu: 1K23TCT

Số: 01224616

THÁNG: 3 (01/02/2023 - 01/03/2023)

KHÁCH HÀNG: CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

ĐỊA CHỈ: 286 PHAN VAN HON, PHUONG TAN THOI NHAT, QUAN 12, TP. HO CHI MINH, VN

SDB: 2210 341 0732

MÃ SỐ THUẾ: 0309471068

SHĐ:

MLT: TA21.2311.3175

MGB: 32

ĐMKH: 0

MTT:

CHỈ SỐ MỚI: 6559

CHỈ SỐ CŨ: 5845

TIÊU THỤ (m3): 714

Tiền nước	Lượng nước tiêu thụ (m ³)	Đơn giá (đồng/m ³)	Tiền nước		Tiền dịch vụ thoát nước	
			Thành tiền	Thuế GTGT (5%)	Thành tiền	Thuế GTGT (10%)
			(1)	(2)	(3)	(4)
	714	12.100	8.639.400	431.970	1.727.880	172.788
Dịch vụ thoát nước	714	2.420	Tổng số tiền thanh toán: 10.972.038 Số tiền bằng chữ: Mười triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn không trăm ba mươi tám đồng.			

Địa chỉ lắp đặt đồng hồ nước: 286 PHAN VAN HON, PHUONG TAN THOI NHAT, QUAN 12, TP. HO CHI MINH, VN

Ghi chú: Tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải thu hộ theo Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 06 năm 2021 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh.

Ngày 06 tháng 03 năm 2023

Signature Valid

Ký bởi: TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV
Ký ngày: 06/03/2023

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV

Số 1 Công Trường Quốc Tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM

ĐIỆN THOẠI: (028) 3829 1777 - FAX: (028) 3824 4644

MÃ SỐ THUẾ: 0301129367

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA
TĂNG
(TIỀN NƯỚC)

Ký hiệu: 1K23TCT

Số: 01836431

THÁNG: 4 (01/03/2023 - 01/04/2023)

KHÁCH HÀNG: CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

ĐỊA CHỈ: 286 PHAN VAN HON, PHUONG TAN THOI NHAT, QUAN 12, TP. HO CHI MINH, VN

SDB: 2210 341 0732

MÃ SỐ THUẾ: 0309471068

SHĐ:

MLT: TA21.2311.3175

MGB: 32

ĐMKH: 0

MTT:

CHỈ SỐ MỚI: 7244

CHỈ SỐ CŨ: 6559

TIÊU THỤ (m3): 685

Tiền nước	Lượng nước tiêu thụ (m ³)	Đơn giá (đồng/m ³)	Tiền nước		Tiền dịch vụ thoát nước	
			Thành tiền	Thuế GTGT (5%)	Thành tiền	Thuế GTGT (10%)
			(1)	(2)	(3)	(4)
	685	12.100	8.288.500	414.425	1.657.700	165.770
Dịch vụ thoát nước	685	2.420	Tổng số tiền thanh toán: 10.526.395 Số tiền bằng chữ: Mười triệu năm trăm hai mươi sáu nghìn ba trăm chín mươi lăm đồng.			

Địa chỉ lắp đặt đồng hồ nước: 286 PHAN VAN HON, PHUONG TAN THOI NHAT, QUAN 12, TP. HO CHI MINH, VN

Ghi chú: Tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải thu hộ theo Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 06 năm 2021 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh.

Ngày 06 tháng 04 năm 2023

Signature Valid

Ký bởi: TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV
Ký ngày: 06/04/2023

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV

Số 1 Công Trường Quốc Tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM

ĐIỆN THOẠI: (028) 3829 1777 - FAX: (028) 3824 4644

MÃ SỐ THUẾ: 0301129367

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA
TĂNG
(TIỀN NƯỚC)

Ký hiệu: 1K23TCT

Số: 02403278

THÁNG: 5 (01/04/2023 - 04/05/2023)

KHÁCH HÀNG: CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

ĐỊA CHỈ: 286 PHAN VAN HON, PHUONG TAN THOI NHAT, QUAN 12, TP. HO CHI MINH, VN

SDB: 2210 341 0732

MÃ SỐ THUẾ: 0309471068

SHĐ:

MLT: TA21.2311.3175

MGB: 32

ĐMKH: 0

MTT:

CHỈ SỐ MỚI: 7827

CHỈ SỐ CŨ: 7244

TIÊU THỤ (m3): 583

Tiền nước	Lượng nước tiêu thụ (m ³)	Đơn giá (đồng/m ³)	Tiền nước		Tiền dịch vụ thoát nước	
			Thành tiền	Thuế GTGT (5%)	Thành tiền	Thuế GTGT (10%)
			(1)	(2)	(3)	(4)
	583	12.100	7.054.300	352.715	1.410.860	141.086
Dịch vụ thoát nước	583	2.420	Tổng số tiền thanh toán:		8.958.961	
			Số tiền bằng chữ:		Tám triệu chín trăm năm mươi tám nghìn chín trăm sáu mươi một đồng.	

Địa chỉ lắp đặt đồng hồ nước: 286 PHAN VAN HON, PHUONG TAN THOI NHAT, QUAN 12, TP. HO CHI MINH, VN

Ghi chú: Tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải thu hộ theo Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 06 năm 2021 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh.

Ngày 05 tháng 05 năm 2023

Signature Valid

Ký bởi: TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV
Ký ngày: 05/05/2023

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV

Số 1 Công Trường Quốc Tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM

ĐIỆN THOẠI: (028) 3829 1777 - FAX: (028) 3824 4644

MÃ SỐ THUẾ: 0301129367

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA
TĂNG
(TIỀN NƯỚC)

Ký hiệu: 1K23TCT

Số: 03010124

THÁNG: 6 (04/05/2023 - 01/06/2023)

KHÁCH HÀNG: CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

ĐỊA CHỈ: 286 PHAN VAN HON, PHUONG TAN THOI NHAT, QUAN 12, TP. HO CHI MINH, VN

SDB: 2210 341 0732

MÃ SỐ THUẾ: 0309471068

SHĐ:

MLT: TA21.2311.3175

MGB: 32

ĐMKH: 0

MTT:

CHỈ SỐ MỚI: 8434

CHỈ SỐ CŨ: 7827

TIÊU THỤ (m3): 607

Tiền nước	Lượng nước tiêu thụ (m ³)	Đơn giá (đồng/m ³)	Tiền nước		Tiền dịch vụ thoát nước	
			Thành tiền	Thuế GTGT (5%)	Thành tiền	Thuế GTGT (10%)
			(1)	(2)	(3)	(4)
	607	12.100	7.344.700	367.235	1.468.940	146.894
Dịch vụ thoát nước	607	2.420	Tổng số tiền thanh toán:		9.327.769	
			Số tiền bằng chữ:		Chín triệu ba trăm hai mươi bảy nghìn bảy trăm sáu mươi chín đồng.	

Địa chỉ lắp đặt đồng hồ nước: 286 PHAN VAN HON, PHUONG TAN THOI NHAT, QUAN 12, TP. HO CHI MINH, VN

Ghi chú: Tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải thu hộ theo Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 06 năm 2021 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh.

Ngày 05 tháng 06 năm 2023

Signature Valid

Ký bởi: TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV
Ký ngày: 05/06/2023

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV

Số 1 Công Trường Quốc Tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM

ĐIỆN THOẠI: (028) 3829 1777 - FAX: (028) 3824 4644

MÃ SỐ THUẾ: 0301129367

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA
TĂNG
(TIỀN NƯỚC)

Ký hiệu: 1K23TCT

Số: 03597901

THÁNG: 7 (01/06/2023 - 01/07/2023)

KHÁCH HÀNG: CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

ĐỊA CHỈ: 286 PHAN VAN HON, PHUONG TAN THOI NHAT, QUAN 12, TP. HO CHI MINH, VN

SDB: 2210 341 0732

MÃ SỐ THUẾ: 0309471068

SHĐ:

MLT: TA21.2311.3175

MGB: 32

ĐMKH: 0

MTT:

CHỈ SỐ MỚI: 9198

CHỈ SỐ CŨ: 8434

TIÊU THỤ (m3): 764

Tiền nước	Lượng nước tiêu thụ (m ³)	Đơn giá (đồng/m ³)	Tiền nước		Tiền dịch vụ thoát nước	
			Thành tiền	Thuế GTGT (5%)	Thành tiền	Thuế GTGT (8%)
			(1)	(2)	(3)	(4)
	764	12.100	9.244.400	462.220	1.848.880	147.910
Dịch vụ thoát nước	764	2.420	Tổng số tiền thanh toán: Số tiền bằng chữ: Mười một triệu bảy trăm lẻ ba nghìn bốn trăm mười đồng.			11.703.410

Địa chỉ lắp đặt đồng hồ nước: 286 PHAN VAN HON, PHUONG TAN THOI NHAT, QUAN 12, TP. HO CHI MINH, VN

Ghi chú: Tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải thu hộ theo Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 06 năm 2021 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh.

Ngày 04 tháng 07 năm 2023

Signature Valid

Ký bởi: TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV

Ký ngày: 04/07/2023

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV

Số 1 Công Trường Quốc Tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM

ĐIỆN THOẠI: (028) 3829 1777 - FAX: (028) 3824 4644

MÃ SỐ THUẾ: 0301129367

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA
TĂNG
(TIỀN NƯỚC)

Ký hiệu: 1K23TCT

Số: 04200231

THÁNG: 8 (01/07/2023 - 01/08/2023)

KHÁCH HÀNG: CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

ĐỊA CHỈ: 286 PHAN VAN HON, PHUONG TAN THOI NHAT, QUAN 12, TP. HO CHI MINH, VN

SDB: 2210 341 0732

MÃ SỐ THUẾ: 0309471068

SHĐ:

MLT: TA21.2311.3175

MGB: 32

ĐMKH: 0

MTT:

CHỈ SỐ MỚI: 9708

CHỈ SỐ CŨ: 9198

TIÊU THỤ (m3): 510

Tiền nước	Lượng nước tiêu thụ (m ³)	Đơn giá (đồng/m ³)	Tiền nước		Tiền dịch vụ thoát nước	
			Thành tiền	Thuế GTGT (5%)	Thành tiền	Thuế GTGT (8%)
			(1)	(2)	(3)	(4)
	510	12.100	6.171.000	308.550	1.234.200	98.736
Dịch vụ thoát nước	510	2.420	Tổng số tiền thanh toán: 7.812.486 Số tiền bằng chữ: Bảy triệu tám trăm mười hai nghìn bốn trăm tám mươi sáu đồng.			

Địa chỉ lắp đặt đồng hồ nước: 286 PHAN VAN HON, PHUONG TAN THOI NHAT, QUAN 12, TP. HO CHI MINH, VN

Ghi chú: Tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải thu hộ theo Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 06 năm 2021 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh.

Ngày 03 tháng 08 năm 2023

Signature Valid

Ký bởi: TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV

Ký ngày: 03/08/2023

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV

Số 1 Công Trường Quốc Tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM

ĐIỆN THOẠI: (028) 3829 1777 - FAX: (028) 3824 4644

MÃ SỐ THUẾ: 0301129367

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA
TĂNG
(TIỀN NƯỚC)

Ký hiệu: 1K23TCT

Số: 04811308

THÁNG: 9 (01/08/2023 - 04/09/2023)

KHÁCH HÀNG: CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

ĐỊA CHỈ: 286 PHAN VAN HON, PHUONG TAN THOI NHAT, QUAN 12, TP. HO CHI MINH, VN

SDB: 2210 341 0732

MÃ SỐ THUẾ: 0309471068

SHĐ:

MLT: TA21.2311.3175

MGB: 32

ĐMKH: 0

MTT:

CHỈ SỐ MỚI: 10201

CHỈ SỐ CŨ: 9708

TIÊU THỤ (m3): 493

Tiền nước	Lượng nước tiêu thụ (m ³)	Đơn giá (đồng/m ³)	Tiền nước		Tiền dịch vụ thoát nước	
			Thành tiền	Thuế GTGT (5%)	Thành tiền	Thuế GTGT (8%)
			(1)	(2)	(3)	(4)
	493	12.100	5.965.300	298.265	1.193.060	95.445
Dịch vụ thoát nước	493	2.420	Tổng số tiền thanh toán: 7.552.070 Số tiền bằng chữ: Bảy triệu năm trăm năm mươi hai nghìn không trăm bảy mươi đồng.			

Địa chỉ lắp đặt đồng hồ nước: 286 PHAN VAN HON, PHUONG TAN THOI NHAT, QUAN 12, TP. HO CHI MINH, VN

Ghi chú: Tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải thu hộ theo Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 06 năm 2021 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh.

Ngày 06 tháng 09 năm 2023

Signature Valid

Ký bởi: TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV

Ký ngày: 06/09/2023

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV

Số 1 Công Trường Quốc Tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM

ĐIỆN THOẠI: (028) 3829 1777 - FAX: (028) 3824 4644

MÃ SỐ THUẾ: 0301129367

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA
TĂNG
(TIỀN NƯỚC)

Ký hiệu: 1K23TCT

Số: 05414858

THÁNG: 10 (04/09/2023 - 02/10/2023)

KHÁCH HÀNG: CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

ĐỊA CHỈ: 286 PHAN VAN HON, PHUONG TAN THOI NHAT, QUAN 12, TP. HO CHI MINH, VN

SDB: 2210 341 0732

MÃ SỐ THUẾ: 0309471068

SHĐ:

MLT: TA21.2311.3175

MGB: 32

ĐMKH: 0

MTT:

CHỈ SỐ MỚI: 659

CHỈ SỐ CŨ: 201

TIÊU THỤ (m3): 458

Tiền nước	Lượng nước tiêu thụ (m ³)	Đơn giá (đồng/m ³)	Tiền nước		Tiền dịch vụ thoát nước	
			Thành tiền	Thuế GTGT (5%)	Thành tiền	Thuế GTGT (8%)
			(1)	(2)	(3)	(4)
	458	12.100	5.541.800	277.090	1.108.360	88.669
Dịch vụ thoát nước	458	2.420	Tổng số tiền thanh toán:		7.015.919	
			Số tiền bằng chữ:		Bảy triệu không trăm mười lăm nghìn chín trăm mười chín đồng.	

Địa chỉ lắp đặt đồng hồ nước: 286 PHAN VAN HON, PHUONG TAN THOI NHAT, QUAN 12, TP. HO CHI MINH, VN

Ghi chú: Tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải thu hộ theo Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 06 năm 2021 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh.

Ngày 05 tháng 10 năm 2023

Signature Valid

Ký bởi: TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV

Ký ngày: 05/10/2023

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV

Số 1 Công Trường Quốc Tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM

ĐIỆN THOẠI: (028) 3829 1777 - FAX: (028) 3824 4644

MÃ SỐ THUẾ: 0301129367

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA
TĂNG
(TIỀN NƯỚC)

Ký hiệu: 1K23TCT

Số: 06050105

THÁNG: 11 (02/10/2023 - 01/11/2023)

KHÁCH HÀNG: CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

ĐỊA CHỈ: 286 PHAN VAN HON, PHUONG TAN THOI NHAT, QUAN 12, TP. HO CHI MINH, VN

SDB: 2210 341 0732

MÃ SỐ THUẾ: 0309471068

SHĐ:

MLT: TA21.2311.3175

MGB: 32

ĐMKH: 0

MTT:

CHỈ SỐ MỚI: 1179

CHỈ SỐ CŨ: 659

TIÊU THỤ (m3): 520

Tiền nước	Lượng nước tiêu thụ (m ³)	Đơn giá (đồng/m ³)	Tiền nước		Tiền dịch vụ thoát nước	
			Thành tiền	Thuế GTGT (5%)	Thành tiền	Thuế GTGT (8%)
			(1)	(2)	(3)	(4)
	520	12.100	6.292.000	314.600	1.258.400	100.672
Dịch vụ thoát nước	520	2.420	Tổng số tiền thanh toán:		7.965.672	
			Số tiền bằng chữ:		Bảy triệu chín trăm sáu mươi lăm nghìn sáu trăm bảy mươi hai đồng.	

Địa chỉ lắp đặt đồng hồ nước: 286 PHAN VAN HON, PHUONG TAN THOI NHAT, QUAN 12, TP. HO CHI MINH, VN

Ghi chú: Tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải thu hộ theo Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 06 năm 2021 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh.

Ngày 03 tháng 11 năm 2023

Signature Valid

Ký bởi: TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV
Ký ngày: 03/11/2023

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV

Số 1 Công Trường Quốc Tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM

ĐIỆN THOẠI: (028) 3829 1777 - FAX: (028) 3824 4644

MÃ SỐ THUẾ: 0301129367

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA
TĂNG
(TIỀN NƯỚC)

Ký hiệu: 1K23TCT

Số: 06636758

THÁNG: 12 (01/11/2023 - 01/12/2023)

KHÁCH HÀNG: CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

ĐỊA CHỈ: 286 PHAN VAN HON, PHUONG TAN THOI NHAT, QUAN 12, TP. HO CHI MINH, VN

SDB: 2210 341 0732

MÃ SỐ THUẾ: 0309471068

SHĐ:

MLT: TA21.2311.3175

MGB: 32

ĐMKH: 0

MTT:

CHỈ SỐ MỚI: 2149

CHỈ SỐ CŨ: 1179

TIÊU THỤ (m3): 970

Tiền nước	Lượng nước tiêu thụ (m ³)	Đơn giá (đồng/m ³)	Tiền nước		Tiền dịch vụ thoát nước	
			Thành tiền	Thuế GTGT (5%)	Thành tiền	Thuế GTGT (8%)
			(1)	(2)	(3)	(4)
	970	12.100	11.737.000	586.850	2.347.400	187.792
Dịch vụ thoát nước	970	2.420	Tổng số tiền thanh toán:		14.859.042	
			Số tiền bằng chữ:		Mười bốn triệu tám trăm năm mươi chín nghìn không trăm bốn mươi hai đồng.	

Địa chỉ lắp đặt đồng hồ nước: 286 PHAN VAN HON, PHUONG TAN THOI NHAT, QUAN 12, TP. HO CHI MINH, VN

Ghi chú: Tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải thu hộ theo Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 06 năm 2021 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh.

Ngày 04 tháng 12 năm 2023

Signature Valid

Ký bởi: TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV
Ký ngày: 04/12/2023

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV
Số 1 Công Trường Quốc Tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3,
TP.HCM

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA
TĂNG
(TIỀN NƯỚC)**

Ký hiệu: 1K24TCT
Số: 00644977

ĐIỆN THOẠI: (028) 3829 1777 - FAX: (028) 3824 4644

THÁNG: 2 (02/01/2024 - 01/02/2024)

MÃ SỐ THUẾ: 0301129367

KHÁCH HÀNG: CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

ĐỊA CHỈ: 286 PHAN VAN HON, PHUONG TAN THOI NHAT, QUAN 12, TP. HO CHI MINH, VN

SDB: 2210 341 0732

MÃ SỐ THUẾ: 0309471068

SHĐ:

MLT: TA21.2311.3175

MGB: 32

ĐMKH: 0

MTT:

CHỈ SỐ MỚI: 4440

CHỈ SỐ CŨ: 3838

TIÊU THỤ (m3): 602

Tiền nước	Lượng nước tiêu thụ (m ³)	Đơn giá (đồng/m ³)	Tiền nước		Tiền dịch vụ thoát nước	
			Thành tiền	Thuế GTGT (5%)	Thành tiền	Thuế GTGT (8%)
			(1)	(2)	(3)	(4)
	602	12.100	7.284.200	364.210	1.821.050	145.684
Dịch vụ thoát nước	602	3.025	Tổng số tiền thanh toán: 9.615.144 Số tiền bằng chữ: Chín triệu sáu trăm mười lăm nghìn một trăm bốn mươi bốn đồng.			

Địa chỉ lắp đặt đồng hồ nước: 286 PHAN VAN HON, PHUONG TAN THOI NHAT, QUAN 12, TP. HO CHI MINH, VN

Ghi chú: Tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải thu hộ theo Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 06 năm 2021 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh.

Ngày 02 tháng 02 năm 2024

Signature Valid

Ký bởi: TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV

Ký ngày: 02/02/2024

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV
Số 1 Công Trường Quốc Tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3,
TP.HCM

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA
TĂNG
(TIỀN NƯỚC)**

Ký hiệu: 1K24TCT

Số: 01229990

ĐIỆN THOẠI: (028) 3829 1777 - FAX: (028) 3824 4644

THÁNG: 3 (01/02/2024 - 01/03/2024)

MÃ SỐ THUẾ: 0301129367

KHÁCH HÀNG: CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

ĐỊA CHỈ: 286 PHAN VAN HON, PHUONG TAN THOI NHAT, QUAN 12, TP. HO CHI MINH, VN

SDB: 2210 341 0732

MÃ SỐ THUẾ: 0309471068

SHĐ:

MLT: TA21.2311.3175

MGB: 32

ĐMKH: 0

MTT:

CHỈ SỐ MỚI: 4728

CHỈ SỐ CŨ: 4440

TIÊU THỤ (m3): 288

Tiền nước	Lượng nước tiêu thụ (m ³)	Đơn giá (đồng/m ³)	Tiền nước		Tiền dịch vụ thoát nước	
			Thành tiền	Thuế GTGT (5%)	Thành tiền	Thuế GTGT (8%)
			(1)	(2)	(3)	(4)
	288	12.100	3.484.800	174.240	871.200	69.696
Dịch vụ thoát nước	288	3.025	Tổng số tiền thanh toán:		4.599.936	
			Số tiền bằng chữ:		Bốn triệu năm trăm chín nghìn chín trăm ba mươi sáu đồng.	

Địa chỉ lắp đặt đồng hồ nước: 286 PHAN VAN HON, PHUONG TAN THOI NHAT, QUAN 12, TP. HO CHI MINH, VN

Ghi chú: Tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải thu hộ theo Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 06 năm 2021 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh.

Ngày 05 tháng 03 năm 2024

Signature Valid

Ký bởi: TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV
Ký ngày: 05/03/2024

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV
Số 1 Công Trường Quốc Tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3,
TP.HCM

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA
TĂNG
(TIỀN NƯỚC)**

Ký hiệu: 1K24TCT

Số: 01834583

ĐIỆN THOẠI: (028) 3829 1777 - FAX: (028) 3824 4644

THÁNG: 4 (01/03/2024 - 01/04/2024)

MÃ SỐ THUẾ: 0301129367

KHÁCH HÀNG: CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

ĐỊA CHỈ: 286 PHAN VAN HON, PHUONG TAN THOI NHAT, QUAN 12, TP. HO CHI MINH, VN

SDB: 2210 341 0732

MÃ SỐ THUẾ: 0309471068

SHĐ:

MLT: TA21.2311.3175

MGB: 32

ĐMKH: 0

MTT:

CHỈ SỐ MỚI: 5122

CHỈ SỐ CŨ: 4728

TIÊU THỤ (m3): 394

Tiền nước	Lượng nước tiêu thụ (m ³)	Đơn giá (đồng/m ³)	Tiền nước		Tiền dịch vụ thoát nước	
			Thành tiền	Thuế GTGT (5%)	Thành tiền	Thuế GTGT (8%)
			(1)	(2)	(3)	(4)
	394	12.100	4.767.400	238.370	1.191.850	95.348
Dịch vụ thoát nước	394	3.025	Tổng số tiền thanh toán:		6.292.968	
			Số tiền bằng chữ:		Sáu triệu hai trăm chín mươi hai nghìn chín trăm sáu mươi tám đồng.	

Địa chỉ lắp đặt đồng hồ nước: 286 PHAN VAN HON, PHUONG TAN THOI NHAT, QUAN 12, TP. HO CHI MINH, VN

Ghi chú: Tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải thu hộ theo Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 06 năm 2021 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh.

Ngày 02 tháng 04 năm 2024

Signature Valid

Ký bởi: TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV
Ký ngày: 02/04/2024

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV
Số 1 Công Trường Quốc Tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3,
TP.HCM

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA
TĂNG
(TIỀN NƯỚC)**

Ký hiệu: 1K24TCT

Số: 02447777

ĐIỆN THOẠI: (028) 3829 1777 - FAX: (028) 3824 4644

THÁNG: 5 (01/04/2024 - 02/05/2024)

MÃ SỐ THUẾ: 0301129367

KHÁCH HÀNG: CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

ĐỊA CHỈ: 286 PHAN VAN HON, PHUONG TAN THOI NHAT, QUAN 12, TP. HO CHI MINH, VN

SDB: 2210 341 0732

MÃ SỐ THUẾ: 0309471068

SHĐ:

MLT: TA21.2311.3175

MGB: 32

ĐMKH: 0

MTT:

CHỈ SỐ MỚI: 5832

CHỈ SỐ CŨ: 5122

TIÊU THỤ (m3): 710

Tiền nước	Lượng nước tiêu thụ (m ³)	Đơn giá (đồng/m ³)	Tiền nước		Tiền dịch vụ thoát nước	
			Thành tiền	Thuế GTGT (5%)	Thành tiền	Thuế GTGT (8%)
			(1)	(2)	(3)	(4)
	710	12.100	8.591.000	429.550	2.147.750	171.820
Dịch vụ thoát nước	710	3.025	Tổng số tiền thanh toán: 11.340.120 Số tiền bằng chữ: Mười một triệu ba trăm bốn mươi nghìn một trăm hai mươi đồng.			

Địa chỉ lắp đặt đồng hồ nước: 286 PHAN VAN HON, PHUONG TAN THOI NHAT, QUAN 12, TP. HO CHI MINH, VN

Ghi chú: Tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải thu hộ theo Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 06 năm 2021 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh.

Ngày 04 tháng 05 năm 2024

Signature Valid

Ký bởi: TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV

Ký ngày: 04/05/2024

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV
Số 1 Công Trường Quốc Tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3,
TP.HCM

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA
TĂNG
(TIỀN NƯỚC)**

Ký hiệu: 1K24TCT
Số: 03064308

ĐIỆN THOẠI: (028) 3829 1777 - FAX: (028) 3824 4644

THÁNG: 6 (02/05/2024 - 01/06/2024)

MÃ SỐ THUẾ: 0301129367

KHÁCH HÀNG: CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

ĐỊA CHỈ: 286 PHAN VAN HON, PHUONG TAN THOI NHAT, QUAN 12, TP. HO CHI MINH, VN

SDB: 2210 341 0732

MÃ SỐ THUẾ: 0309471068

SHĐ:

MLT: TA21.2311.3175

MGB: 32

ĐMKH: 0

MTT:

CHỈ SỐ MỚI: 6611

CHỈ SỐ CŨ: 5832

TIÊU THỤ (m3): 779

Tiền nước	Lượng nước tiêu thụ (m ³)	Đơn giá (đồng/m ³)	Tiền nước		Tiền dịch vụ thoát nước	
			Thành tiền	Thuế GTGT (5%)	Thành tiền	Thuế GTGT (8%)
			(1)	(2)	(3)	(4)
	779	12.100	9.425.900	471.295	2.356.475	188.518
Dịch vụ thoát nước	779	3.025	Tổng số tiền thanh toán:		12.442.188	
			Số tiền bằng chữ:			
			Mười hai triệu bốn trăm bốn mươi hai nghìn một trăm tám mươi tám đồng.			

Địa chỉ lắp đặt đồng hồ nước: 286 PHAN VAN HON, PHUONG TAN THOI NHAT, QUAN 12, TP. HO CHI MINH, VN

Ghi chú: Tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải thu hộ theo Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 06 năm 2021 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh.

Ngày 04 tháng 06 năm 2024

Signature Valid

Ký bởi: TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV
Ký ngày: 04/06/2024

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV

Số 1 Công Trường Quốc Tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM

ĐIỆN THOẠI: (028) 3829 1777 - FAX: (028) 3824 4644

MÃ SỐ THUẾ: 0301129367

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA
TĂNG
(TIỀN NƯỚC)

Ký hiệu: 1K24TCT

Số: 03672205

THÁNG: 7 (01/06/2024 - 01/07/2024)

KHÁCH HÀNG: CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

ĐỊA CHỈ: 286 PHAN VAN HON, PHUONG TAN THOI NHAT, QUAN 12, TP. HO CHI MINH, VN

SDB: 2210 341 0732

MÃ SỐ THUẾ: 0309471068

SHĐ:

MLT: TA21.2311.3175

MGB: 32

ĐMKH: 0

MTT:

CHỈ SỐ MỚI: 7157

CHỈ SỐ CŨ: 6611

TIÊU THỤ (m³): 546

Tiền nước	Lượng nước tiêu thụ (m ³)	Đơn giá (đồng/m ³)	Tiền nước		Tiền dịch vụ thoát nước	
			Thành tiền	Thuế GTGT (5%)	Thành tiền	Thuế GTGT (8%)
			(1)	(2)	(3)	(4)
	546	12.100	6.606.600	330.330	1.651.650	132.132
Dịch vụ thoát nước	546	3.025	Tổng số tiền thanh toán: Số tiền bằng chữ: Tám triệu bảy trăm hai mươi nghìn bảy trăm mười hai đồng.		8.720.712	

Địa chỉ lắp đặt đồng hồ nước: 286 PHAN VAN HON, PHUONG TAN THOI NHAT, QUAN 12, TP. HO CHI MINH, VN

Ghi chú: Tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải thu hộ theo Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 06 năm 2021 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh.

Ngày 03 tháng 07 năm 2024

Signature Valid

Ký bởi: TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV

Ký ngày: 03/07/2024

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV

Số 1 Công Trường Quốc Tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM

ĐIỆN THOẠI: (028) 3829 1777 - FAX: (028) 3824 4644

MÃ SỐ THUẾ: 0301129367

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA
TĂNG
(TIỀN NƯỚC)

Ký hiệu: 1K24TCT

Số: 04262667

THÁNG: 8 (01/07/2024 - 01/08/2024)

KHÁCH HÀNG: CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

ĐỊA CHỈ: 286 PHAN VAN HON, PHUONG TAN THOI NHAT, QUAN 12, TP. HO CHI MINH, VN

SDB: 2210 341 0732

MÃ SỐ THUẾ: 0309471068

SHĐ:

MLT: TA21.2311.3175

MGB: 32

ĐMKH: 0

MTT:

CHỈ SỐ MỚI: 7712

CHỈ SỐ CŨ: 7157

TIÊU THỤ (m3): 555

Tiền nước	Lượng nước tiêu thụ (m ³)	Đơn giá (đồng/m ³)	Tiền nước		Tiền dịch vụ thoát nước	
			Thành tiền	Thuế GTGT (5%)	Thành tiền	Thuế GTGT (8%)
			(1)	(2)	(3)	(4)
	555	12.100	6.715.500	335.775	1.678.875	134.310
Dịch vụ thoát nước	555	3.025	Tổng số tiền thanh toán: 8.864.460 Số tiền bằng chữ: Tám triệu tám trăm sáu mươi bốn nghìn bốn trăm sáu mươi đồng.			

Địa chỉ lắp đặt đồng hồ nước: 286 PHAN VAN HON, PHUONG TAN THOI NHAT, QUAN 12, TP. HO CHI MINH, VN

Ghi chú: Tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải thu hộ theo Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 06 năm 2021 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh.

Ngày 05 tháng 08 năm 2024

Signature Valid

Ký bởi: TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV

Ký ngày: 05/08/2024

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV

Số 1 Công Trường Quốc Tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM

ĐIỆN THOẠI: (028) 3829 1777 - FAX: (028) 3824 4644

MÃ SỐ THUẾ: 0301129367

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA
TĂNG
(TIỀN NƯỚC)

Ký hiệu: 1K24TCT

Số: 04921622

THÁNG: 9 (01/08/2024 - 03/09/2024)

KHÁCH HÀNG: CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

ĐỊA CHỈ: 286 PHAN VAN HON, PHUONG TAN THOI NHAT, QUAN 12, TP. HO CHI MINH, VN

SDB: 2210 341 0732

MÃ SỐ THUẾ: 0309471068

SHĐ:

MLT: TA21.2311.3175

MGB: 32

ĐMKH: 0

MTT:

CHỈ SỐ MỚI: 8363

CHỈ SỐ CŨ: 7712

TIÊU THỤ (m3): 651

Tiền nước	Lượng nước tiêu thụ (m ³)	Đơn giá (đồng/m ³)	Tiền nước		Tiền dịch vụ thoát nước	
			Thành tiền	Thuế GTGT (5%)	Thành tiền	Thuế GTGT (8%)
			(1)	(2)	(3)	(4)
	651	12.100	7.877.100	393.855	1.969.275	157.542
Dịch vụ thoát nước	651	3.025	Tổng số tiền thanh toán: 10.397.772 Số tiền bằng chữ: Mười triệu ba trăm chín mươi bảy nghìn bảy trăm bảy mươi hai đồng.			

Địa chỉ lắp đặt đồng hồ nước: 286 PHAN VAN HON, PHUONG TAN THOI NHAT, QUAN 12, TP. HO CHI MINH, VN

Ghi chú: Tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải thu hộ theo Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 06 năm 2021 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh.

Ngày 06 tháng 09 năm 2024

Signature Valid

Ký bởi: TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV
Ký ngày: 06/09/2024

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV

Số 1 Công Trường Quốc Tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM

ĐIỆN THOẠI: (028) 3829 1777 - FAX: (028) 3824 4644

MÃ SỐ THUẾ: 0301129367

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA
TĂNG
(TIỀN NƯỚC)

Ký hiệu: 1K24TCT

Số: 05497958

THÁNG: 10 (03/09/2024 - 01/10/2024)

KHÁCH HÀNG: CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

ĐỊA CHỈ: 286 PHAN VAN HON, PHUONG TAN THOI NHAT, QUAN 12, TP. HO CHI MINH, VN

SDB: 2210 341 0732

MÃ SỐ THUẾ: 0309471068

SHĐ:

MLT: TA21.2311.3175

MGB: 32

ĐMKH: 0

MTT:

CHỈ SỐ MỚI: 8773

CHỈ SỐ CŨ: 8363

TIÊU THỤ (m3): 410

Tiền nước	Lượng nước tiêu thụ (m ³)	Đơn giá (đồng/m ³)	Tiền nước		Tiền dịch vụ thoát nước	
			Thành tiền	Thuế GTGT (5%)	Thành tiền	Thuế GTGT (8%)
			(1)	(2)	(3)	(4)
	410	12.100	4.961.000	248.050	1.240.250	99.220
Dịch vụ thoát nước	410	3.025	Tổng số tiền thanh toán: 6.548.520 Số tiền bằng chữ: Sáu triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn năm trăm hai mươi đồng.			

Địa chỉ lắp đặt đồng hồ nước: 286 PHAN VAN HON, PHUONG TAN THOI NHAT, QUAN 12, TP. HO CHI MINH, VN

Ghi chú: Tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải thu hộ theo Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 06 năm 2021 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh.

Ngày 03 tháng 10 năm 2024

Signature Valid

Ký bởi: TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV
Ký ngày: 03/10/2024

Hóa đơn chuyển đổi từ hóa đơn điện tử để lưu trữ

Ngày 19 tháng 11 năm 2024

Người chuyển đổi

(Ký và ghi rõ họ tên)

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV

Số 1 Công Trường Quốc Tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM

ĐIỆN THOẠI: (028) 3829 1777 - FAX: (028) 3824 4644

MÃ SỐ THUẾ: 0301129367

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA
TĂNG
(TIỀN NƯỚC)

Ký hiệu: 1K24TCT

Số: 06108014

THÁNG: 11 (01/10/2024 - 01/11/2024)

KHÁCH HÀNG: CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

ĐỊA CHỈ: 286 PHAN VAN HON, PHUONG TAN THOI NHAT, QUAN 12, TP. HO CHI MINH, VN

SDB: 2210 341 0732

MÃ SỐ THUẾ: 0309471068

SHĐ:

MLT: TA21.2311.3175

MGB: 32

ĐMKH: 0

MTT:

CHỈ SỐ MỚI: 9367

CHỈ SỐ CŨ: 8773

TIÊU THỤ (m3): 594

Tiền nước	Lượng nước tiêu thụ (m ³)	Đơn giá (đồng/m ³)	Tiền nước		Tiền dịch vụ thoát nước	
			Thành tiền (1)	Thuế GTGT (5%) (2)	Thành tiền (3)	Thuế GTGT (8%) (4)
	594	12.100	7.187.400	359.370	1.796.850	143.748
Dịch vụ thoát nước	594	3.025	Tổng số tiền thanh toán: Số tiền bằng chữ: Chín triệu bốn trăm tám mươi bảy nghìn ba trăm sáu mươi tám đồng.		9.487.368	

Địa chỉ lắp đặt đồng hồ nước: 286 PHAN VAN HON, PHUONG TAN THOI NHAT, QUAN 12, TP. HO CHI MINH, VN

Ghi chú: Tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải thu hộ theo Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 06 năm 2021 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh.

Ngày 05 tháng 11 năm 2024

Signature Valid

Ký bởi: TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV

Ký ngày: 05/11/2024

Hóa đơn chuyển đổi từ hóa đơn điện tử để lưu trữ

Ngày 19 tháng 11 năm 2024

Người chuyển đổi

(Ký và ghi rõ họ tên)



**CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-025

Địa chỉ (Address): Số 246 Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG - Số TK: 0271005466001 - Tại NH: NH TMCP An Bình-PGD Bắc SG



**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 11 tháng (month) 01 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1K23TPD

Số (No): 57402

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code): 0309471068

Địa chỉ (Address): 286 Phan Văn Hớn, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PE16000079352

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 1 năm 2023 từ ngày 01/01/2023 đến ngày 10/01/2023 (kèm theo bảng kê số 567219172 ngày 11 tháng 01 năm 2023)	kWh	36.984	-	72.248.784
Cộng tiền hàng (Total amount):					72.248.784
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 7.224.878
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 79.473.662
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bảy mươi chín triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn sáu trăm sáu mươi hai đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện lực Tp.HCM
TNHH - Công ty Điện lực An Phú Đông
Ngày ký: 11/01/2023 16:10:36



**CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-025

Địa chỉ (Address): Số 246 Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG - Số TK: 0271005466001 - Tại NH: NH TMCP An Bình-PGD Bắc SG



**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 11 tháng (month) 02 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1K23TPD

Số (No): 254500

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code): 0309471068

Địa chỉ (Address): 286 Phan Văn Hớn, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PE16000079352

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 2 năm 2023 từ ngày 01/02/2023 đến ngày 10/02/2023 (kèm theo bảng kê số 570118129 ngày 11 tháng 02 năm 2023)	kWh	50.793	-	94.352.939
Cộng tiền hàng (Total amount):					94.352.939
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 9.435.294
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 103.788.233
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm linh ba triệu bảy trăm tám mươi tám nghìn hai trăm ba mươi ba đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện lực Tp.HCM
TNHH - Công ty Điện lực An Phú Đông
Ngày ký: 11/02/2023 17:52:12



**CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-025

Địa chỉ (Address): Số 246 Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG - Số TK: 0271005466001 - Tại
NH: NH TMCP An Bình-PGD Bắc SG



**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 11 tháng (month) 03 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1K23TPD

Số (No): 452073

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code): 0309471068

Địa chỉ (Address): 286 Phan Văn Hớn, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PE16000079352

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 3 năm 2023 từ ngày 01/03/2023 đến ngày 10/03/2023 (kèm theo bảng kê số 573035390 ngày 11 tháng 03 năm 2023)	kWh	48.144	-	89.012.932
Cộng tiền hàng (Total amount):					89.012.932
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 8.901.293
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 97.914.225
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Chín mươi bảy triệu chín trăm mười bốn nghìn hai trăm hai mươi lăm đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện lực Tp.HCM
TNHH - Công ty Điện lực An Phú Đông
Ngày ký: 11/03/2023 18:29:48



CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-025

Địa chỉ (Address): Số 246 Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG - Số TK: 0271005466001 - Tại
NH: NH TMCP An Bình-PGD Bắc SG



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 11 tháng (month) 04 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1K23TPD

Số (No): 650446

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code): 0309471068

Địa chỉ (Address): 286 Phan Văn Hớn, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PE16000079352

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 4 năm 2023 từ ngày 01/04/2023 đến ngày 10/04/2023 (kèm theo bảng kê số 575943046 ngày 11 tháng 04 năm 2023)	kWh	48.202	-	89.461.182
Cộng tiền hàng (Total amount):					89.461.182
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 8.946.118
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 98.407.300
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Chín mươi tám triệu bốn trăm linh bảy nghìn ba trăm đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện lực Tp.HCM
TNHH - Công ty Điện lực An Phú Đông
Ngày ký: 11/04/2023 15:32:58



CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-025

Địa chỉ (Address): Số 246 Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG - Số TK: 0271005466001 - Tại NH: NH TMCP An Bình-PGD Bắc SG



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 11 tháng (month) 05 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1K23TPD

Số (No): 849036

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code): 0309471068

Địa chỉ (Address): 286 Phan Văn Hớn, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PE16000079352

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 5 năm 2023 từ ngày 01/05/2023 đến ngày 10/05/2023 (kèm theo bảng kê số 578929752 ngày 11 tháng 05 năm 2023)	kWh	39.523	-	75.295.995
Cộng tiền hàng (Total amount):					75.295.995
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 7.529.600
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 82.825.595
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Tám mươi hai triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn năm trăm chín mươi lăm đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện lực Tp.HCM
TNHH - Công ty Điện lực An Phú Đông
Ngày ký: 11/05/2023 16:41:02



CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-025

Địa chỉ (Address): Số 246 Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG - Số TK: 0271005466001 - Tại NH: NH TMCP An Bình-PGD Bắc SG



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 11 tháng (month) 06 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1K23TPD

Số (No): 1047117

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code): 0309471068

Địa chỉ (Address): 286 Phan Văn Hớn, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PE16000079352

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 6 năm 2023 từ ngày 01/06/2023 đến ngày 10/06/2023 (kèm theo bảng kê số 581834319 ngày 11 tháng 06 năm 2023)	kWh	63.437	-	131.399.394
Cộng tiền hàng (Total amount):					131.399.394
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 13.139.939
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 144.539.333
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm bốn mươi bốn triệu năm trăm ba mươi chín nghìn ba trăm ba mươi ba đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện lực Tp.HCM
TNHH - Công ty Điện lực An Phú Đông
Ngày ký: 11/06/2023 21:14:34



**CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-025

Địa chỉ (Address): Số 246 Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG - Số TK: 0271005466001 - Tại
NH: NH TMCP An Bình-PGD Bắc SG



**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 11 tháng (month) 07 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1K23TPD

Số (No): 1246875

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code): 0309471068

Địa chỉ (Address): 286 Phan Văn Hớn, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PE16000079352

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 7 năm 2023 từ ngày 01/07/2023 đến ngày 10/07/2023 (kèm theo bảng kê số 584916524 ngày 11 tháng 07 năm 2023)	kWh	48.006	-	91.641.282
Cộng tiền hàng (Total amount):					91.641.282
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 7.331.303
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 98.972.585
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Chín mươi tám triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn năm trăm tám mươi lăm đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện lực Tp.HCM
TNHH - Công ty Điện lực An Phú Đông
Ngày ký: 11/07/2023 17:07:29



**CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-025

Địa chỉ (Address): Số 246 Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG - Số TK: 1515.199999 - Tại NH:
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm



**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 10 tháng (month) 08 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1K23TPD

Số (No): 1436395

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code): 0309471068

Địa chỉ (Address): 286 Phan Văn Hớn, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PE16000079352

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 8 năm 2023 từ ngày 01/08/2023 đến ngày 10/08/2023 (kèm theo bảng kê số 587418743 ngày 10 tháng 08 năm 2023)	kWh	39.594	-	75.408.066
Cộng tiền hàng (Total amount):					75.408.066
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 6.032.645
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 81.440.711
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Tám mươi một triệu bốn trăm bốn mươi nghìn bảy trăm mười một đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện lực Tp.HCM
TNHH - Công ty Điện lực An Phú Đông
Ngày ký: 10/08/2023 16:19:00



CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-025

Địa chỉ (Address): Số 246 Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG - Số TK: 1515.199999 - Tại NH:
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 11 tháng (month) 09 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1K23TPD

Số (No): 1591474

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code): 0309471068

Địa chỉ (Address): 286 Phan Văn Hớn, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PE16000079352

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 9 năm 2023 từ ngày 01/09/2023 đến ngày 10/09/2023 (kèm theo bảng kê số 590039298 ngày 11 tháng 09 năm 2023)	kWh	31.871	-	60.710.697
Cộng tiền hàng (Total amount):					60.710.697
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 4.856.856
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 65.567.553
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Sáu mươi lăm triệu năm trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm năm mươi ba đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện lực Tp.HCM
TNHH - Công ty Điện lực An Phú Đông
Ngày ký: 11/09/2023 17:35:31



CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-025

Địa chỉ (Address): Số 246 Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG - Số TK: 1515.199999 - Tại NH:
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 10 tháng (month) 10 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1K23TPD

Số (No): 1791825

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code): 0309471068

Địa chỉ (Address): 286 Phan Văn Hớn, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PE16000079352

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 10 năm 2023 từ ngày 01/10/2023 đến ngày 10/10/2023 (kèm theo bảng kê số 592826025 ngày 10 tháng 10 năm 2023)	kWh	40.694	-	81.458.909
Cộng tiền hàng (Total amount):					81.458.909
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 6.516.713
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 87.975.622
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Tám mươi bảy triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn sáu trăm hai mươi hai đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện lực Tp.HCM
TNHH - Công ty Điện lực An Phú Đông
Ngày ký: 10/10/2023 16:42:30



CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-025

Địa chỉ (Address): Số 246 Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG - Số TK: 1515.199999 - Tại NH:
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 11 tháng (month) 11 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1K23TPD

Số (No): 1992347

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code): 0309471068

Địa chỉ (Address): 286 Phan Văn Hớn, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PE16000079352

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 11 năm 2023 từ ngày 01/11/2023 đến ngày 10/11/2023 (kèm theo bảng kê số 595656072 ngày 11 tháng 11 năm 2023)	kWh	54.066	-	109.675.581
Cộng tiền hàng (Total amount):					109.675.581
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 8.774.046
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 118.449.627
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm mười tám triệu bốn trăm bốn mươi chín nghìn sáu trăm hai mươi bảy đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện lực Tp.HCM
TNHH - Công ty Điện lực An Phú Đông
Ngày ký: 11/11/2023 20:04:49



CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-025

Địa chỉ (Address): Số 246 Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG - Số TK: 1515.199999 - Tại NH:
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 10 tháng (month) 12 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1K23TPD

Số (No): 2193369

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code): 0309471068

Địa chỉ (Address): 286 Phan Văn Hớn, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PE16000079352

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 12 năm 2023 từ ngày 01/12/2023 đến ngày 10/12/2023 (kèm theo bảng kê số 598578868 ngày 10 tháng 12 năm 2023)	kWh	60.546	-	129.774.180
Cộng tiền hàng (Total amount):					129.774.180
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 10.381.934
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 140.156.114
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm bốn mươi triệu một trăm năm mươi sáu nghìn một trăm mười bốn đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện lực Tp.HCM
TNHH - Công ty Điện lực An Phú Đông
Ngày ký: 10/12/2023 15:42:48



**CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-025

Địa chỉ (Address): Số 246 Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG - Số TK: 0271005466001 - Tại NH: NH TMCP An Bình-PGD Bắc SG



**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 21 tháng (month) 01 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1K23TPD

Số (No): 123401

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code): 0309471068

Địa chỉ (Address): 286 Phan Văn Hớn, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PE16000079352

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 1 năm 2023 từ ngày 11/01/2023 đến ngày 20/01/2023 (kèm theo bảng kê số 568371684 ngày 21 tháng 01 năm 2023)	kWh	21.921	-	40.022.759
Cộng tiền hàng (Total amount):					40.022.759
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 4.002.276
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 44.025.035
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bốn mươi bốn triệu không trăm hai mươi lăm nghìn không trăm ba mươi lăm đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện lực Tp.HCM
TNHH - Công ty Điện lực An Phú Đông
Ngày ký: 21/01/2023 10:58:00



**CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-025

Địa chỉ (Address): Số 246 Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG - Số TK: 0271005466001 - Tại NH: NH TMCP An Bình-PGD Bắc SG



**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 21 tháng (month) 02 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1K23TPD

Số (No): 292189

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code): 0309471068

Địa chỉ (Address): 286 Phan Văn Hớn, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PE16000079352

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 2 năm 2023 từ ngày 11/02/2023 đến ngày 20/02/2023 (kèm theo bảng kê số 571023044 ngày 21 tháng 02 năm 2023)	kWh	41.748	-	77.325.632
Cộng tiền hàng (Total amount):					77.325.632
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 7.732.563
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 85.058.195
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Tám mươi lăm triệu không trăm năm mươi tám nghìn một trăm chín mươi lăm đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện lực Tp.HCM
TNHH - Công ty Điện lực An Phú Đông
Ngày ký: 21/02/2023 16:04:11



**CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-025

Địa chỉ (Address): Số 246 Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG - Số TK: 0271005466001 - Tại NH: NH TMCP An Bình-PGD Bắc SG



**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 21 tháng (month) 03 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1K23TPD

Số (No): 489882

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code): 0309471068

Địa chỉ (Address): 286 Phan Văn Hớn, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PE16000079352

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 3 năm 2023 từ ngày 11/03/2023 đến ngày 20/03/2023 (kèm theo bảng kê số 573737283 ngày 21 tháng 03 năm 2023)	kWh	47.772	-	88.165.480
Cộng tiền hàng (Total amount):					88.165.480
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 8.816.548
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 96.982.028
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Chín mươi sáu triệu chín trăm tám mươi hai nghìn không trăm hai mươi tám đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện lực Tp.HCM
TNHH - Công ty Điện lực An Phú Đông
Ngày ký: 21/03/2023 15:32:25



CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-025

Địa chỉ (Address): Số 246 Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG - Số TK: 0271005466001 - Tại NH: NH TMCP An Bình-PGD Bắc SG



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 20 tháng (month) 04 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1K23TPD

Số (No): 688207

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code): 0309471068

Địa chỉ (Address): 286 Phan Văn Hớn, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PE16000079352

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 4 năm 2023 từ ngày 11/04/2023 đến ngày 20/04/2023 (kèm theo bảng kê số 576616143 ngày 20 tháng 04 năm 2023)	kWh	46.444	-	85.705.940
Cộng tiền hàng (Total amount):					85.705.940
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 8.570.594
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 94.276.534
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Chín mươi bốn triệu hai trăm bảy mươi sáu nghìn năm trăm ba mươi bốn đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện lực Tp.HCM
TNHH - Công ty Điện lực An Phú Đông
Ngày ký: 20/04/2023 17:26:52



CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-025

Địa chỉ (Address): Số 246 Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG - Số TK: 0271005466001 - Tại
NH: NH TMCP An Bình-PGD Bắc SG



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 21 tháng (month) 05 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1K23TPD

Số (No): 886768

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code): 0309471068

Địa chỉ (Address): 286 Phan Văn Hớn, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PE16000079352

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 5 năm 2023 từ ngày 11/05/2023 đến ngày 20/05/2023 (kèm theo bảng kê số 579615206 ngày 21 tháng 05 năm 2023)	kWh	50.871	-	101.382.177
Cộng tiền hàng (Total amount):					101.382.177
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 10.138.218
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 111.520.395
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm mười một triệu năm trăm hai mươi nghìn ba trăm chín mươi lăm đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện lực Tp.HCM
TNHH - Công ty Điện lực An Phú Đông
Ngày ký: 22/05/2023 08:32:59



**CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-025

Địa chỉ (Address): Số 246 Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG - Số TK: 0271005466001 - Tại NH: NH TMCP An Bình-PGD Bắc SG



**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 20 tháng (month) 06 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1K23TPD

Số (No): 1085591

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code): 0309471068

Địa chỉ (Address): 286 Phan Văn Hớn, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PE16000079352

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 6 năm 2023 từ ngày 11/06/2023 đến ngày 20/06/2023 (kèm theo bảng kê số 582518064 ngày 20 tháng 06 năm 2023)	kWh	51.856	-	105.515.513
Cộng tiền hàng (Total amount):					105.515.513
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 10.551.551
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 116.067.064
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm mười sáu triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn không trăm sáu mươi bốn đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện lực Tp.HCM
TNHH - Công ty Điện lực An Phú Đông
Ngày ký: 20/06/2023 16:48:58



CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-025

Địa chỉ (Address): Số 246 Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG - Số TK: 1515.199999 - Tại NH:
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 20 tháng (month) 07 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1K23TPD

Số (No): 1284466

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code): 0309471068

Địa chỉ (Address): 286 Phan Văn Hớn, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PE16000079352

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 7 năm 2023 từ ngày 11/07/2023 đến ngày 20/07/2023 (kèm theo bảng kê số 585586800 ngày 20 tháng 07 năm 2023)	kWh	43.217	-	82.831.886
Cộng tiền hàng (Total amount):					82.831.886
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 6.626.551
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 89.458.437
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Tám mươi chín triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn bốn trăm ba mươi bảy đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện lực Tp.HCM
TNHH - Công ty Điện lực An Phú Đông
Ngày ký: 20/07/2023 17:02:37



CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-025

Địa chỉ (Address): Số 246 Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG - Số TK: 1515.199999 - Tại NH:
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 20 tháng (month) 08 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1K23TPD

Số (No): 1436696

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code): 0309471068

Địa chỉ (Address): 286 Phan Văn Hớn, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PE16000079352

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 8 năm 2023 từ ngày 11/08/2023 đến ngày 20/08/2023 (kèm theo bảng kê số 587651162 ngày 20 tháng 08 năm 2023)	kWh	43.605	-	83.096.393
Cộng tiền hàng (Total amount):					83.096.393
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 6.647.711
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 89.744.104
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Tám mươi chín triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn một trăm linh bốn đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện lực Tp.HCM
TNHH - Công ty Điện lực An Phú Đông
Ngày ký: 20/08/2023 21:04:05



**CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-025

Địa chỉ (Address): Số 246 Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG - Số TK: 1515.199999 - Tại NH:
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm



**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 21 tháng (month) 09 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1K23TPD

Số (No): 1591773

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code): 0309471068

Địa chỉ (Address): 286 Phan Văn Hớn, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PE16000079352

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 9 năm 2023 từ ngày 11/09/2023 đến ngày 20/09/2023 (kèm theo bảng kê số 590085038 ngày 21 tháng 09 năm 2023)	kWh	37.454	-	72.571.304
Cộng tiền hàng (Total amount):					72.571.304
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 5.805.704
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 78.377.008
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bảy mươi tám triệu ba trăm bảy mươi bảy nghìn không trăm linh tám đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện lực Tp.HCM
TNHH - Công ty Điện lực An Phú Đông
Ngày ký: 21/09/2023 14:33:05



**CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-025

Địa chỉ (Address): Số 246 Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG - Số TK: 1515.199999 - Tại NH:
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm



**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 20 tháng (month) 10 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1K23TPD

Số (No): 1792136

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code): 0309471068

Địa chỉ (Address): 286 Phan Văn Hớn, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PE16000079352

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 10 năm 2023 từ ngày 11/10/2023 đến ngày 20/10/2023 (kèm theo bảng kê số 592833857 ngày 20 tháng 10 năm 2023)	kWh	45.457	-	91.105.833
Cộng tiền hàng (Total amount):					91.105.833
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 7.288.467
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 98.394.300
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Chín mươi tám triệu ba trăm chín mươi bốn nghìn ba trăm đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện lực Tp.HCM
TNHH - Công ty Điện lực An Phú Đông
Ngày ký: 20/10/2023 10:59:11



CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-025

Địa chỉ (Address): Số 246 Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG - Số TK: 1515.199999 - Tại NH:
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 20 tháng (month) 11 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1K23TPD

Số (No): 1992649

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code): 0309471068

Địa chỉ (Address): 286 Phan Văn Hớn, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PE16000079352

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 11 năm 2023 từ ngày 11/11/2023 đến ngày 20/11/2023 (kèm theo bảng kê số 595671259 ngày 20 tháng 11 năm 2023)	kWh	39.787	-	83.627.825
Cộng tiền hàng (Total amount):					83.627.825
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 6.690.226
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 90.318.051
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Chín mươi triệu ba trăm mười tám nghìn không trăm năm mươi một đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện lực Tp.HCM
TNHH - Công ty Điện lực An Phú Đông
Ngày ký: 20/11/2023 16:29:09



**CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-025

Địa chỉ (Address): Số 246 Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG - Số TK: 1515.199999 - Tại NH:
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm



**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 20 tháng (month) 12 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1K23TPD

Số (No): 2193706

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code): 0309471068

Địa chỉ (Address): 286 Phan Văn Hớn, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PE16000079352

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 12 năm 2023 từ ngày 11/12/2023 đến ngày 20/12/2023 (kèm theo bảng kê số 598758415 ngày 20 tháng 12 năm 2023)	kWh	51.004	-	109.722.846
Cộng tiền hàng (Total amount):					109.722.846
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 8.777.828
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 118.500.674
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm mười tám triệu năm trăm nghìn sáu trăm bảy mươi bốn đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện lực Tp.HCM
TNHH - Công ty Điện lực An Phú Đông
Ngày ký: 20/12/2023 16:16:44



**CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-025

Địa chỉ (Address): Số 246 Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG - Số TK: 0271005466001 - Tại NH: NH TMCP An Bình-PGD Bắc SG



**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 01 tháng (month) 02 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1K23TPD

Số (No): 176811

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code): 0309471068

Địa chỉ (Address): 286 Phan Văn Hớn, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PE16000079352

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 1 năm 2023 từ ngày 21/01/2023 đến ngày 31/01/2023 (kèm theo bảng kê số 569088097 ngày 01 tháng 02 năm 2023)	kWh	7.889	-	13.973.591
Cộng tiền hàng (Total amount):					13.973.591
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 1.397.359
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 15.370.950
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Mười lăm triệu ba trăm bảy mươi nghìn chín trăm năm mươi đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện lực Tp.HCM
TNHH - Công ty Điện lực An Phú Đông
Ngày ký: 01/02/2023 13:47:50



**CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-025

Địa chỉ (Address): Số 246 Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG - Số TK: 0271005466001 - Tại NH: NH TMCP An Bình-PGD Bắc SG



**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 01 tháng (month) 03 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1K23TPD

Số (No): 292601

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code): 0309471068

Địa chỉ (Address): 286 Phan Văn Hớn, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PE16000079352

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 2 năm 2023 từ ngày 21/02/2023 đến ngày 28/02/2023 (kèm theo bảng kê số 571142706 ngày 01 tháng 03 năm 2023)	kWh	35.279	-	64.510.037
Cộng tiền hàng (Total amount):					64.510.037
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 6.451.004
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 70.961.041
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bảy mươi triệu chín trăm sáu mươi một nghìn không trăm bốn mươi một đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện lực Tp.HCM
TNHH - Công ty Điện lực An Phú Đông
Ngày ký: 01/03/2023 10:06:59



**CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-025

Địa chỉ (Address): Số 246 Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG - Số TK: 0271005466001 - Tại NH: NH TMCP An Bình-PGD Bắc SG



**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 31 tháng (month) 03 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1K23TPD

Số (No): 490758

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code): 0309471068

Địa chỉ (Address): 286 Phan Văn Hớn, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PE16000079352

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 3 năm 2023 từ ngày 21/03/2023 đến ngày 31/03/2023 (kèm theo bảng kê số 573799988 ngày 31 tháng 03 năm 2023)	kWh	48.949	-	90.783.311
Cộng tiền hàng (Total amount):					90.783.311
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 9.078.331
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 99.861.642
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Chín mươi chín triệu tám trăm sáu mươi một nghìn sáu trăm bốn mươi hai đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện lực Tp.HCM
TNHH - Công ty Điện lực An Phú Đông
Ngày ký: 31/03/2023 17:14:31



CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-025

Địa chỉ (Address): Số 246 Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG - Số TK: 0271005466001 - Tại
NH: NH TMCP An Bình-PGD Bắc SG



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 30 tháng (month) 04 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1K23TPD

Số (No): 688875

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code): 0309471068

Địa chỉ (Address): 286 Phan Văn Hớn, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PE16000079352

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 4 năm 2023 từ ngày 21/04/2023 đến ngày 30/04/2023 (kèm theo bảng kê số 576726303 ngày 30 tháng 04 năm 2023)	kWh	43.092	-	80.172.648
Cộng tiền hàng (Total amount):					80.172.648
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 8.017.265
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 88.189.913
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Tám mươi tám triệu một trăm tám mươi chín nghìn chín trăm mười ba đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện lực Tp.HCM
TNHH - Công ty Điện lực An Phú Đông
Ngày ký: 30/04/2023 17:51:19



**CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-025

Địa chỉ (Address): Số 246 Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG - Số TK: 0271005466001 - Tại
NH: NH TMCP An Bình-PGD Bắc SG



**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 31 tháng (month) 05 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1K23TPD

Số (No): 887645

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code): 0309471068

Địa chỉ (Address): 286 Phan Văn Hớn, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PE16000079352

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 5 năm 2023 từ ngày 21/05/2023 đến ngày 31/05/2023 (kèm theo bảng kê số 579726661 ngày 31 tháng 05 năm 2023)	kWh	58.131	-	119.139.399
Cộng tiền hàng (Total amount):					119.139.399
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 11.913.940
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 131.053.339
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm ba mươi một triệu không trăm năm mươi ba nghìn ba trăm ba mươi chín đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện lực Tp.HCM
TNHH - Công ty Điện lực An Phú Đông
Ngày ký: 31/05/2023 19:24:19



**CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-025

Địa chỉ (Address): Số 246 Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG - Số TK: 0271005466001 - Tại NH: NH TMCP An Bình-PGD Bắc SG



**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 30 tháng (month) 06 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1K23TPD

Số (No): 1085757

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code): 0309471068

Địa chỉ (Address): 286 Phan Văn Hớn, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PE16000079352

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 6 năm 2023 từ ngày 21/06/2023 đến ngày 30/06/2023 (kèm theo bảng kê số 582660317 ngày 30 tháng 06 năm 2023)	kWh	53.342	-	105.464.497
Cộng tiền hàng (Total amount):					105.464.497
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 10.546.450
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 116.010.947
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm mười sáu triệu không trăm mười nghìn chín trăm bốn mươi bảy đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện lực Tp.HCM
TNHH - Công ty Điện lực An Phú Đông
Ngày ký: 30/06/2023 18:45:15



**CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-025

Địa chỉ (Address): Số 246 Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG - Số TK: 1515.199999 - Tại NH:
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm



**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 31 tháng (month) 07 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1K23TPD

Số (No): 1284616

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code): 0309471068

Địa chỉ (Address): 286 Phan Văn Hớn, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PE16000079352

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 7 năm 2023 từ ngày 21/07/2023 đến ngày 31/07/2023 (kèm theo bảng kê số 585734933 ngày 31 tháng 07 năm 2023)	kWh	37.119	-	70.331.776
Cộng tiền hàng (Total amount):					70.331.776
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 5.626.542
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 75.958.318
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bảy mươi lăm triệu chín trăm năm mươi tám nghìn ba trăm mười tám đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện lực Tp.HCM
TNHH - Công ty Điện lực An Phú Đông
Ngày ký: 31/07/2023 21:09:26



**CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-025

Địa chỉ (Address): Số 246 Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG - Số TK: 1515.199999 - Tại NH:
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm



**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 31 tháng (month) 08 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1K23TPD

Số (No): 1437463

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code): 0309471068

Địa chỉ (Address): 286 Phan Văn Hớn, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PE16000079352

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 8 năm 2023 từ ngày 21/08/2023 đến ngày 31/08/2023 (kèm theo bảng kê số 587689547 ngày 31 tháng 08 năm 2023)	kWh	32.251	-	61.176.355
Cộng tiền hàng (Total amount):					61.176.355
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 4.894.108
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 66.070.463
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Sáu mươi sáu triệu không trăm bảy mươi nghìn bốn trăm sáu mươi ba đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện lực Tp.HCM
TNHH - Công ty Điện lực An Phú Đông
Ngày ký: 31/08/2023 16:46:28



**CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-025

Địa chỉ (Address): Số 246 Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG - Số TK: 1515.199999 - Tại NH:
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm



**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 30 tháng (month) 09 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1K23TPD

Số (No): 1592077

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code): 0309471068

Địa chỉ (Address): 286 Phan Văn Hớn, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PE16000079352

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 9 năm 2023 từ ngày 21/09/2023 đến ngày 30/09/2023 (kèm theo bảng kê số 590146439 ngày 30 tháng 09 năm 2023)	kWh	44.816	-	89.656.543
Cộng tiền hàng (Total amount):					89.656.543
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 7.172.523
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 96.829.066
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Chín mươi sáu triệu tám trăm hai mươi chín nghìn không trăm sáu mươi sáu đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện lực Tp.HCM
TNHH - Công ty Điện lực An Phú Đông
Ngày ký: 30/09/2023 17:44:30



**CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-025

Địa chỉ (Address): Số 246 Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG - Số TK: 1515.199999 - Tại NH:
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm



**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 31 tháng (month) 10 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1K23TPD

Số (No): 1792905

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code): 0309471068

Địa chỉ (Address): 286 Phan Văn Hớn, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PE16000079352

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 10 năm 2023 từ ngày 21/10/2023 đến ngày 31/10/2023 (kèm theo bảng kê số 592861290 ngày 31 tháng 10 năm 2023)	kWh	44.765	-	88.730.639
Cộng tiền hàng (Total amount):					88.730.639
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 7.098.451
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 95.829.090
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Chín mươi lăm triệu tám trăm hai mươi chín nghìn không trăm chín mươi đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện lực Tp.HCM
TNHH - Công ty Điện lực An Phú Đông
Ngày ký: 31/10/2023 17:54:07



CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-025

Địa chỉ (Address): Số 246 Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG - Số TK: 1515.199999 - Tại NH:
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 01 tháng (month) 12 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1K23TPD

Số (No): 1992798

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code): 0309471068

Địa chỉ (Address): 286 Phan Văn Hớn, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PE16000079352

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 11 năm 2023 từ ngày 21/11/2023 đến ngày 30/11/2023 (kèm theo bảng kê số 595799156 ngày 01 tháng 12 năm 2023)	kWh	46.238	-	98.176.018
Cộng tiền hàng (Total amount):					98.176.018
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 7.854.081
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 106.030.099
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm linh sáu triệu không trăm ba mươi nghìn không trăm chín mươi chín đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện lực Tp.HCM
TNHH - Công ty Điện lực An Phú Đông
Ngày ký: 01/12/2023 21:09:50



**CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-025

Địa chỉ (Address): Số 246 Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG - Số TK: 1515.199999 - Tại NH:
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm



**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 31 tháng (month) 12 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1K23TPD

Số (No): 2194497

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code): 0309471068

Địa chỉ (Address): 286 Phan Văn Hớn, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PE16000079352

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 12 năm 2023 từ ngày 21/12/2023 đến ngày 31/12/2023 (kèm theo bảng kê số 601367803 ngày 31 tháng 12 năm 2023)	kWh	51.734	-	107.410.258
Cộng tiền hàng (Total amount):					107.410.258
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 8.592.821
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 116.003.079
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm mười sáu triệu không trăm linh ba nghìn không trăm bảy mươi chín đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện lực Tp.HCM
TNHH - Công ty Điện lực An Phú Đông
Ngày ký: 31/12/2023 18:47:01



**CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-025

Địa chỉ (Address): Số 246 Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG - Số TK: 0271005466001 - Tại
NH: NH TMCP An Bình-PGD Bắc SG



**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 11 tháng (month) 02 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1K23TPD

Số (No): 254500

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code): 0309471068

Địa chỉ (Address): 286 Phan Văn Hớn, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PE16000079352

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 2 năm 2023 từ ngày 01/02/2023 đến ngày 10/02/2023 (kèm theo bảng kê số 570118129 ngày 11 tháng 02 năm 2023)	kWh	50.793	-	94.352.939
Cộng tiền hàng (Total amount):					94.352.939
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 9.435.294
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 103.788.233
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm linh ba triệu bảy trăm tám mươi tám nghìn hai trăm ba mươi ba đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện lực Tp.HCM
TNHH - Công ty Điện lực An Phú Đông
Ngày ký: 11/02/2023 17:52:12



CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-025

Địa chỉ (Address): Số 246 Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG - Số TK: 1515.199999 - Tại NH:
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 10 tháng (month) 01 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TPD

Số (No): 200142

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code): 0309471068

Địa chỉ (Address): 286 Phan Văn Hớn, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PE16000079352

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 1 năm 2024 từ ngày 01/01/2024 đến ngày 10/01/2024 (kèm theo bảng kê số 604860372 ngày 10 tháng 01 năm 2024)	kWh	31.225	-	61.613.132
Cộng tiền hàng (Total amount):					61.613.132
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 4.929.051
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 66.542.183
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Sáu mươi sáu triệu năm trăm bốn mươi hai nghìn một trăm tám mươi ba đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện lực Tp.HCM
TNHH - Công ty Điện lực An Phú Đông
Ngày ký: 10/01/2024 17:03:33



CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-025

Địa chỉ (Address): Số 246 Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG - Số TK: 1515.199999 - Tại NH:
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 10 tháng (month) 02 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TPD

Số (No): 401513

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code): 0309471068

Địa chỉ (Address): 286 Phan Văn Hớn, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PE16000079352

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 2 năm 2024 từ ngày 01/02/2024 đến ngày 10/02/2024 (kèm theo bảng kê số 607798451 ngày 10 tháng 02 năm 2024)	kWh	14.780	-	29.376.030
Cộng tiền hàng (Total amount):					29.376.030
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 2.350.082
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 31.726.112
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Ba mươi một triệu bảy trăm hai mươi sáu nghìn một trăm mười hai đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện lực Tp.HCM
TNHH - Công ty Điện lực An Phú Đông
Ngày ký: 10/02/2024 16:16:02



CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-025

Địa chỉ (Address): Số 246 Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG - Số TK: 1515.199999 - Tại NH:
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 11 tháng (month) 03 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TPD

Số (No): 602579

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code): 0309471068

Địa chỉ (Address): 286 Phan Văn Hớn, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PE16000079352

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 3 năm 2024 từ ngày 01/03/2024 đến ngày 10/03/2024 (kèm theo bảng kê số 610703019 ngày 11 tháng 03 năm 2024)	kWh	21.676	-	42.777.672
Cộng tiền hàng (Total amount):					42.777.672
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 3.422.214
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 46.199.886
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bốn mươi sáu triệu một trăm chín mươi chín nghìn tám trăm tám mươi sáu đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện lực Tp.HCM
TNHH - Công ty Điện lực An Phú Đông
Ngày ký: 11/03/2024 15:38:07



CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-025

Địa chỉ (Address): Số 246 Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG - Số TK: 1515.199999 - Tại NH:
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 10 tháng (month) 04 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TPD

Số (No): 804694

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code): 0309471068

Địa chỉ (Address): 286 Phan Văn Hớn, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PE16000079352

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 4 năm 2024 từ ngày 01/04/2024 đến ngày 10/04/2024 (kèm theo bảng kê số 613907803 ngày 10 tháng 04 năm 2024)	kWh	29.931	-	59.853.342
Cộng tiền hàng (Total amount):					59.853.342
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 4.788.267
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 64.641.609
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Sáu mươi bốn triệu sáu trăm bốn mươi một nghìn sáu trăm linh chín đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện lực Tp.HCM
TNHH - Công ty Điện lực An Phú Đông
Ngày ký: 10/04/2024 18:02:12



CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-025

Địa chỉ (Address): Số 246 Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG - Số TK: 1515.199999 - Tại NH:
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 10 tháng (month) 05 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TPD

Số (No): 1007473

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code): 0309471068

Địa chỉ (Address): 286 Phan Văn Hớn, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PE16000079352

Số tài khoản (Account No): 2909988 Tại TM CP A CHAU

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 5 năm 2024 từ ngày 01/05/2024 đến ngày 10/05/2024 (kèm theo bảng kê số 617092737 ngày 10 tháng 05 năm 2024)	kWh	33.654	-	69.524.725
Cộng tiền hàng (Total amount):					69.524.725
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 5.561.978
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 75.086.703
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bảy mươi lăm triệu không trăm tám mươi sáu nghìn bảy trăm linh ba đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện lực Tp.HCM
TNHH - Công ty Điện lực An Phú Đông
Ngày ký: 10/05/2024 16:01:35



CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-025

Địa chỉ (Address): Số 246 Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG - Số TK: 1515.199999 - Tại NH:
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 10 tháng (month) 06 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TPD

Số (No): 1210804

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code): 0309471068

Địa chỉ (Address): 286 Phan Văn Hớn, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PE16000079352

Số tài khoản (Account No): 2909988 Tại TM CP A CHAU

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 6 năm 2024 từ ngày 01/06/2024 đến ngày 10/06/2024 (kèm theo bảng kê số 620542219 ngày 10 tháng 06 năm 2024)	kWh	36.876	-	75.557.383
Cộng tiền hàng (Total amount):					75.557.383
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 6.044.591
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 81.601.974
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Tám mươi một triệu sáu trăm linh một nghìn chín trăm bảy mươi bốn đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện lực Tp.HCM
TNHH - Công ty Điện lực An Phú Đông
Ngày ký: 10/06/2024 15:51:58



CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-025

Địa chỉ (Address): Số 246 Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG - Số TK: 1515.199999 - Tại NH:
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 10 tháng (month) 07 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TPD

Số (No): 1414280

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code): 0309471068

Địa chỉ (Address): 286 Phan Văn Hớn, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PE16000079352

Số tài khoản (Account No): 2909988 Tại TM CP A CHAU

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 7 năm 2024 từ ngày 01/07/2024 đến ngày 10/07/2024 (kèm theo bảng kê số 623409567 ngày 10 tháng 07 năm 2024)	kWh	38.597	-	81.297.899
Cộng tiền hàng (Total amount):					81.297.899
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 6.503.832
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 87.801.731
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Tám mươi bảy triệu tám trăm linh một nghìn bảy trăm ba mươi mốt đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện lực Tp.HCM
TNHH - Công ty Điện lực An Phú Đông
Ngày ký: 10/07/2024 16:03:51



CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-025

Địa chỉ (Address): Số 246 Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG - Số TK: 1515.199999 - Tại NH:
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 10 tháng (month) 08 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TPD

Số (No): 1618052

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code): 0309471068

Địa chỉ (Address): 286 Phan Văn Hớn, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PE16000079352

Số tài khoản (Account No): 2909988 Tại TM CP A CHAU

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 8 năm 2024 từ ngày 01/08/2024 đến ngày 10/08/2024 (kèm theo bảng kê số 626302012 ngày 10 tháng 08 năm 2024)	kWh	45.159	-	95.615.905
Cộng tiền hàng (Total amount):					95.615.905
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 7.649.272
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 103.265.177
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm linh ba triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn một trăm bảy mươi bảy đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện lực Tp.HCM
TNHH - Công ty Điện lực An Phú Đông
Ngày ký: 10/08/2024 15:55:53



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH

35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
MST: 0300951119

Người bán hàng: CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG

MST: 0300951119-025

Địa chỉ: Số 246 Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

☎ 1900545454

Số bảng kê:
629194737

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 1822287 ngày 11 tháng 09 năm 2024)

Khách hàng

CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

Địa chỉ

286 Phan Văn Hớn, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TP.HCM, VN

Điện thoại

0934255625

Email

bookkeeping.vn@l-t-p.com

Mã số thuế

0309471068

Địa chỉ sử dụng điện

286 Phan Văn Hớn, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TP.HCM, VN

Mục đích sử dụng điện

100 % Sản xuất - Giờ bình thường
100 % Sản xuất - Giờ cao điểm
100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm
Có ký mua công suất phản kháng

Cấp điện áp sử dụng

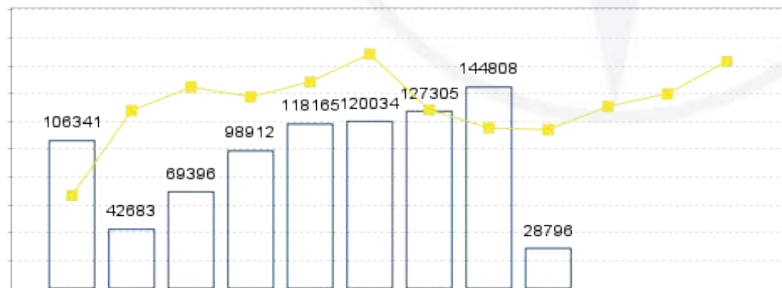
Từ 22kV đến dưới 35kV

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại, địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... đề nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 1 - 9/2024 (10 ngày từ 01/09/2024 đến 10/09/2024)

CÔNG TỶ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
15005787				
Khung giờ thấp điểm	1	44.015	43.029	986
Khung giờ cao điểm	1	562.271	552.710	9.561
Khung giờ bình thường	1	1.359.538	1.341.289	18.249
				Tổng: 28.796



□ Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại ■ Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

CÔNG TỶ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN NĂNG PHẢN KHÁNG (kVarh)
15005787	1	649.323	640.477	8.846

SLVC/SLHC: 8.846/28.796 - HỆ SỐ COSFI: 0,96 - HỆ SỐ K %: 0

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.669	18.249	30.457.581
Khung giờ cao điểm	3.093	9.561	29.572.173
Khung giờ thấp điểm	1.084	986	1.068.824
Tổng			61.098.578
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)			28.796
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			61.098.578
Thuế suất GTGT			8%
Thuế GTGT (đồng)			4.887.886
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			65.986.464



Mã khách hàng

PE16000079352



Số tiền thanh toán

65.986.464 đồng



Hạn thanh toán

16/09/2024

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ <https://cskh.evnhcmc.vn/> và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:



THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNHCMC

35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

☎ 1900545454

✉ cskh@hcmcp.com.vn



<https://zalo.me/evnhcmc>

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android



iOS



Android

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện lực
Tp.HCM TNHH - Công ty Điện lực An Phú Đông
Ngày ký: 11/09/2024 13:56:11

Bằng chữ: Sáu mươi lăm triệu chín trăm tám mươi sáu nghìn bốn trăm sáu mươi bốn đồng.



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH

35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
MST: 0300951119

Người bán hàng: CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐỒNG
MST: 0300951119-025

Địa chỉ: Số 246 Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

☎ 1900545454

Số bảng kê:
632112111

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 2026846 ngày 10 tháng 10 năm 2024)

Khách hàng

CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

Địa chỉ

286 Phan Văn Hớn, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TP.HCM, VN

Điện thoại

0934255625

Email

bookkeeping.vn@l-t-p.com

Mã số thuế

0309471068

Địa chỉ sử dụng điện

286 Phan Văn Hớn, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TP.HCM, VN

Mục đích sử dụng điện

100 % Sản xuất - Giờ bình thường
100 % Sản xuất - Giờ cao điểm
100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm
Có ký mua công suất phản kháng

Cấp điện áp sử dụng

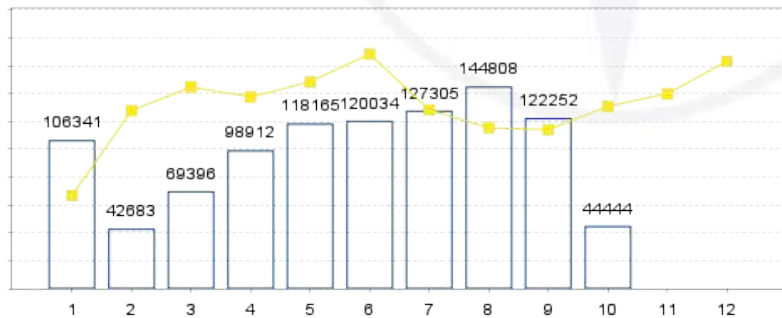
Từ 22kV đến dưới 35kV

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại, địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... đề nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 1 - 10/2024 (10 ngày từ 01/10/2024 đến 10/10/2024)

CÔNG TỶ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
15005787				
Khung giờ bình thường	1	1.448.356	1.419.866	28.490
Khung giờ cao điểm	1	607.340	593.045	14.295
Khung giờ thấp điểm	1	48.028	46.369	1.659
				Tổng: 44.444



□ Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại ■ Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

CÔNG TỶ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN NĂNG PHẢN KHÁNG (kVarh)
15005787	1	694.502	679.010	15.492

SLVC/SLHC: 15.492/44.444 - HỆ SỐ COSFI: 0,94 - HỆ SỐ K %: 0

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.669	28.490	47.549.810
Khung giờ cao điểm	3.093	14.295	44.214.435
Khung giờ thấp điểm	1.084	1.659	1.798.356
Tổng			93.562.601
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)			44.444
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			93.562.601
Thuế suất GTGT			8%
Thuế GTGT (đồng)			7.485.008
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			101.047.609



Mã khách hàng

PE16000079352



Số tiền thanh toán

101.047.609 đồng



Hạn thanh toán

16/10/2024

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ <https://cskh.evnhcmc.vn/> và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:



THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNHCMC

35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

☎ 1900545454

✉ cskh@hcmcp.com.vn



<https://zalo.me/evnhcmc>

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android



iOS



Android

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện lực
Tp.HCM TNHH - Công ty Điện lực An Phú Đồng
Ngày ký: 10/ 10/ 2024 16:10:37

Bằng chữ: Một trăm linh một triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn sáu trăm linh chín đồng.



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH

35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
MST: 0300951119

Người bán hàng: CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG

MST: 0300951119-025

Địa chỉ: Số 246 Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

☎ 1900545454

Số bảng kê:
635087485

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 2231844 ngày 11 tháng 11 năm 2024)

Khách hàng

CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

Địa chỉ

286 Phan Văn Hớn, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM, VN

Điện thoại

0934255625

Email

bookkeeping.vn@l-t-p.com

Mã số thuế

0309471068

Địa chỉ sử dụng điện

286 Phan Văn Hớn, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM, VN

Mục đích sử dụng điện

100 % Sản xuất - Giờ bình thường
100 % Sản xuất - Giờ cao điểm
100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm
Có ký mua công suất phản kháng

Cấp điện áp sử dụng

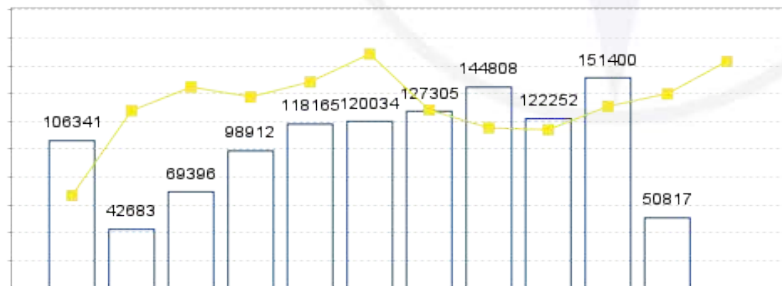
Từ 22kV đến dưới 35kV

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại, địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... đề nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 1 - 11/2024 (10 ngày từ 01/11/2024 đến 10/11/2024)

CÔNG TỶ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
15005787				
Khung giờ bình thường	1	1.549.594	1.516.735	32.859
Khung giờ cao điểm	1	654.981	640.996	13.985
Khung giờ thấp điểm	1	56.922	52.949	3.973
				Tổng: 50.817



□ Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại ■ Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

CÔNG TỶ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN NĂNG PHẢN KHÁNG (kVarh)
15005787	1	747.892	731.000	16.892

SLVC/SLHC: 16.892/50.817 - HỆ SỐ COSFI: 0,95 - HỆ SỐ K%: 0

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.749	32.859	57.470.391
Khung giờ cao điểm	3.242	13.985	45.339.370
Khung giờ thấp điểm	1.136	3.973	4.513.328
Tổng			107.323.089
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)			50.817
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			107.323.089
Thuế suất GTGT			8%
Thuế GTGT (đồng)			8.585.847
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			115.908.936



Mã khách hàng

PE1600079352



Số tiền thanh toán

115.908.936 đồng



Hạn thanh toán

16/11/2024

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ <https://cskh.evnhcmc.vn/> và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:



THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNHCMC

35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

☎ 1900545454

✉ cskh@hcmcp.com.vn



<https://zalo.me/evnhcmc>

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android



iOS



Android

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện lực
Tp.HCM TNHH - Công ty Điện lực An Phú Đông
Ngày ký: 11/11/2024 17:23:51

Bằng chữ: Một trăm mười lăm triệu chín trăm linh tám nghìn chín trăm ba mươi sáu đồng.



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH

35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
MST: 0300951119

Người bán hàng: CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG

MST: 0300951119-025

Địa chỉ: Số 246 Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

☎ 1900545454

Số bảng kê:
638075132

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 2437184 ngày 11 tháng 12 năm 2024)

Khách hàng

CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

Địa chỉ

286 Phan Văn Hớn, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TP.HCM, VN

Điện thoại

0934255625

Email

bookkeeping.vn@l-t-p.com

Mã số thuế

0309471068

Địa chỉ sử dụng điện

286 Phan Văn Hớn, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TP.HCM, VN

Mục đích sử dụng điện

100 % Sản xuất - Giờ bình thường
100 % Sản xuất - Giờ cao điểm
100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm
Có ký mua công suất phân kháng

Cấp điện áp sử dụng

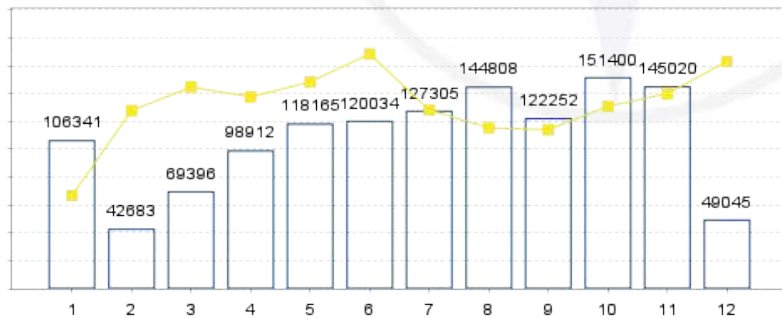
Từ 22kV đến dưới 35kV

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại, địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... đề nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 1 - 12/2024 (10 ngày từ 01/12/2024 đến 10/12/2024)

CÔNG TỶ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
15005787				
Khung giờ bình thường	1	1.642.663	1.610.818	31.845
Khung giờ cao điểm	1	701.780	685.731	16.049
Khung giờ thấp điểm	1	60.302	59.151	1.151
				Tổng: 49.045



□ Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại ■ Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

CÔNG TỶ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN NĂNG PHẢN KHÁNG (kVarh)
15005787	1	789.956	777.909	12.047

SLVC/SLHC: 12.047/49.045 - HỆ SỐ COSFI: 0,97 - HỆ SỐ K %: 0

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.749	31.845	55.696.905
Khung giờ cao điểm	3.242	16.049	52.030.858
Khung giờ thấp điểm	1.136	1.151	1.307.536
Tổng			109.035.299
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)			49.045
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			109.035.299
Thuế suất GTGT			8%
Thuế GTGT (đồng)			8.722.824
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			117.758.123



Mã khách hàng

PE16000079352



Số tiền thanh toán

117.758.123 đồng



Hạn thanh toán

16/12/2024

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ <https://cskh.evnhcmc.vn/> và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:



THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNHCMC

35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

☎ 1900545454

✉ cskh@hcmcp.com.vn



<https://zalo.me/evnhcmc>

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android



iOS



Android

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện lực
Tp.HCM TNHH - Công ty Điện lực An Phú Đông
Ngày ký: 11/ 12/ 2024 16:31:25

Bằng chữ: Một trăm mười bảy triệu bảy trăm năm mươi tám nghìn một trăm hai mươi ba đồng.



CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-025

Địa chỉ (Address): Số 246 Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG - Số TK: 1515.199999 - Tại NH:
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 20 tháng (month) 01 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TPD

Số (No): 200522

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code): 0309471068

Địa chỉ (Address): 286 Phan Văn Hớn, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PE16000079352

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 1 năm 2024 từ ngày 11/01/2024 đến ngày 20/01/2024 (kèm theo bảng kê số 604874230 ngày 20 tháng 01 năm 2024)	kWh	36.842	-	73.280.683
Cộng tiền hàng (Total amount):					73.280.683
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 5.862.455
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 79.143.138
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bảy mươi chín triệu một trăm bốn mươi ba nghìn một trăm ba mươi tám đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện lực Tp.HCM
TNHH - Công ty Điện lực An Phú Đông
Ngày ký: 20/01/2024 16:45:11



CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-025

Địa chỉ (Address): Số 246 Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG - Số TK: 1515.199999 - Tại NH:
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 20 tháng (month) 02 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TPD

Số (No): 401800

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code): 0309471068

Địa chỉ (Address): 286 Phan Văn Hớn, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PE16000079352

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 2 năm 2024 từ ngày 11/02/2024 đến ngày 20/02/2024 (kèm theo bảng kê số 607809039 ngày 20 tháng 02 năm 2024)	kWh	4.816	-	8.946.836
Cộng tiền hàng (Total amount):					8.946.836
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 715.747
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 9.662.583
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Chín triệu sáu trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm tám mươi ba đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện lực Tp.HCM
TNHH - Công ty Điện lực An Phú Đông
Ngày ký: 20/02/2024 17:17:56



CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-025

Địa chỉ (Address): Số 246 Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG - Số TK: 1515.199999 - Tại NH:
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 20 tháng (month) 03 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TPD

Số (No): 602891

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code): 0309471068

Địa chỉ (Address): 286 Phan Văn Hón, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PE16000079352

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 3 năm 2024 từ ngày 11/03/2024 đến ngày 20/03/2024 (kèm theo bảng kê số 610716282 ngày 20 tháng 03 năm 2024)	kWh	15.981	-	31.153.079
Cộng tiền hàng (Total amount):					31.153.079
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 2.492.246
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 33.645.325
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Ba mươi ba triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn ba trăm hai mươi lăm đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện lực Tp.HCM
TNHH - Công ty Điện lực An Phú Đông
Ngày ký: 20/03/2024 16:36:50



CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-025

Địa chỉ (Address): Số 246 Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG - Số TK: 1515.199999 - Tại NH:
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 20 tháng (month) 04 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TPD

Số (No): 805036

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code): 0309471068

Địa chỉ (Address): 286 Phan Văn Hớn, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PE16000079352

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 4 năm 2024 từ ngày 11/04/2024 đến ngày 20/04/2024 (kèm theo bảng kê số 613919978 ngày 20 tháng 04 năm 2024)	kWh	33.742	-	69.314.481
Cộng tiền hàng (Total amount):					69.314.481
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 5.545.158
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 74.859.639
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bảy mươi bốn triệu tám trăm năm mươi chín nghìn sáu trăm ba mươi chín đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện lực Tp.HCM
TNHH - Công ty Điện lực An Phú Đông
Ngày ký: 20/04/2024 15:54:51



CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-025

Địa chỉ (Address): Số 246 Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG - Số TK: 1515.199999 - Tại NH:
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 20 tháng (month) 05 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TPD

Số (No): 1007760

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code): 0309471068

Địa chỉ (Address): 286 Phan Văn Hớn, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PE16000079352

Số tài khoản (Account No): 2909988 Tại TM CP A CHAU

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 5 năm 2024 từ ngày 11/05/2024 đến ngày 20/05/2024 (kèm theo bảng kê số 617106829 ngày 20 tháng 05 năm 2024)	kWh	38.141	-	79.703.811
Cộng tiền hàng (Total amount):					79.703.811
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 6.376.305
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 86.080.116
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Tám mươi sáu triệu không trăm tám mươi nghìn một trăm mười sáu đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện lực Tp.HCM
TNHH - Công ty Điện lực An Phú Đông
Ngày ký: 20/05/2024 17:05:16



CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-025

Địa chỉ (Address): Số 246 Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG - Số TK: 1515.199999 - Tại NH:
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 20 tháng (month) 06 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TPD

Số (No): 1211095

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code): 0309471068

Địa chỉ (Address): 286 Phan Văn Hớn, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PE16000079352

Số tài khoản (Account No): 2909988 Tại TM CP A CHAU

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 6 năm 2024 từ ngày 11/06/2024 đến ngày 20/06/2024 (kèm theo bảng kê số 620563571 ngày 20 tháng 06 năm 2024)	kWh	44.686	-	95.066.315
Cộng tiền hàng (Total amount):					95.066.315
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 7.605.305
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 102.671.620
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm linh hai triệu sáu trăm bảy mươi một nghìn sáu trăm hai mươi đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện lực Tp.HCM
TNHH - Công ty Điện lực An Phú Đông
Ngày ký: 20/06/2024 15:34:40



CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-025

Địa chỉ (Address): Số 246 Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG - Số TK: 1515.199999 - Tại NH:
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 20 tháng (month) 07 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TPD

Số (No): 1414568

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code): 0309471068

Địa chỉ (Address): 286 Phan Văn Hớn, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PE16000079352

Số tài khoản (Account No): 2909988 Tại TM CP A CHAU

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 7 năm 2024 từ ngày 11/07/2024 đến ngày 20/07/2024 (kèm theo bảng kê số 623429388 ngày 20 tháng 07 năm 2024)	kWh	42.450	-	89.969.732
Cộng tiền hàng (Total amount):					89.969.732
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 7.197.579
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 97.167.311
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Chín mươi bảy triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn ba trăm mười một đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện lực Tp.HCM
TNHH - Công ty Điện lực An Phú Đông
Ngày ký: 20/07/2024 15:43:56



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH

35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
MST: 0300951119

Người bán hàng: CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG
MST: 0300951119-025

Địa chỉ: Số 246 Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

☎ 1900545454

Số bảng kê:
626321082

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 1618357 ngày 20 tháng 08 năm 2024)

Khách hàng

CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

Địa chỉ

286 Phan Văn Hớn, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM, VN

Điện thoại

0934255625

Email

bookkeeping.vn@l-t-p.com

Mã số thuế

0309471068

Địa chỉ sử dụng điện

286 Phan Văn Hớn, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM, VN

Mục đích sử dụng điện

100 % Sản xuất - Giờ bình thường
100 % Sản xuất - Giờ cao điểm
100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm
Có ký mua công suất phân kháng

Cấp điện áp sử dụng

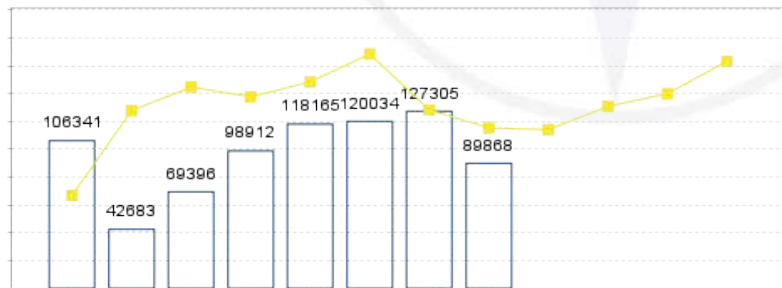
Từ 22kV đến dưới 35kV

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại, địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... đề nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 2 - 8/2024 (10 ngày từ 11/08/2024 đến 20/08/2024)

CÔNG TỶ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
15005787				
Khung giờ bình thường	1	1.304.168	1.275.346	28.822
Khung giờ thấp điểm	1	41.791	40.805	986
Khung giờ cao điểm	1	536.129	521.228	14.901
				Tổng: 44.709



□ Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại ■ Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

CÔNG TỶ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN NĂNG PHẢN KHÁNG (kVarh)
15005787	1	621.946	605.807	16.139

SLVC/SLHC: 16.139/44.709 - HỆ SỐ COSFI: 0,94 - HỆ SỐ K%: 0

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.669	28.822	48.103.918
Khung giờ cao điểm	3.093	14.901	46.088.793
Khung giờ thấp điểm	1.084	986	1.068.824
Tổng			95.261.535
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)			44.709
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			95.261.535
Thuế suất GTGT			8%
Thuế GTGT (đồng)			7.620.923
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			102.882.458



Mã khách hàng

PE1600079352



Số tiền thanh toán

102.882.458 đồng



Hạn thanh toán

26/08/2024

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ <https://cskh.evnhcmc.vn/> và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:



THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNHCMC

35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

☎ 1900545454

✉ cskh@hcmcp.com.vn



<https://zalo.me/evnhcmc>

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android



iOS



Android

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện lực
Tp.HCM TNHH - Công ty Điện lực An Phú Đông
Ngày ký: 20/ 08/ 2024 17:04:40

Bằng chữ: Một trăm linh hai triệu tám trăm tám mươi hai nghìn bốn trăm năm mươi tám đồng.



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH

35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
MST: 0300951119

Người bán hàng: CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG

MST: 0300951119-025

Địa chỉ: Số 246 Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

☎ 1900545454

Số bảng kê:
629216155

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 1822573 ngày 20 tháng 09 năm 2024)

Khách hàng

CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

Địa chỉ

286 Phan Văn Hớn, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM, VN

Điện thoại

0934255625

Email

bookkeeping.vn@l-t-p.com

Mã số thuế

0309471068

Địa chỉ sử dụng điện

286 Phan Văn Hớn, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM, VN

Mục đích sử dụng điện

100 % Sản xuất - Giờ bình thường
100 % Sản xuất - Giờ cao điểm
100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm
Có ký mua công suất phản kháng

Cấp điện áp sử dụng

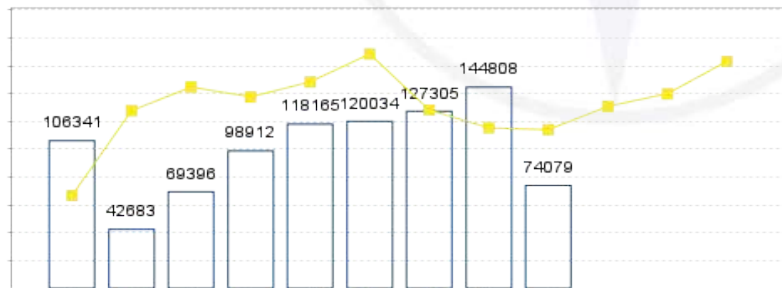
Từ 22kV đến dưới 35kV

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại, địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... đề nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 2 - 9/2024 (10 ngày từ 11/09/2024 đến 20/09/2024)

CÔNG TỶ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
15005787				
Khung giờ cao điểm	1	577.302	562.271	15.031
Khung giờ thấp điểm	1	45.201	44.015	1.186
Khung giờ bình thường	1	1.388.604	1.359.538	29.066
				Tổng: 45.283



□ Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại ■ Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

CÔNG TỶ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN NĂNG PHẢN KHÁNG (kVarh)
15005787	1	664.190	649.323	14.867

SLVC/SLHC: 14.867/45.283 - HỆ SỐ COSFI: 0,95 - HỆ SỐ K%: 0

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.669	29.066	48.511.154
Khung giờ cao điểm	3.093	15.031	46.490.883
Khung giờ thấp điểm	1.084	1.186	1.285.624
Tổng			96.287.661
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)			45.283
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			96.287.661
Thuế suất GTGT			8%
Thuế GTGT (đồng)			7.703.013
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			103.990.674



Mã khách hàng

PE16000079352



Số tiền thanh toán

103.990.674 đồng



Hạn thanh toán

26/09/2024

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ <https://cskh.evnhcmc.vn/> và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:



THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNHCMC

35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

☎ 1900545454

✉ cskh@hcmcp.com.vn



<https://zalo.me/evnhcmc>

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android



iOS



Android

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện lực
Tp.HCM TNHH - Công ty Điện lực An Phú Đông
Ngày ký: 20/ 09/ 2024 15:54:57

Bằng chữ: Một trăm linh ba triệu chín trăm chín mươi nghìn sáu trăm bảy mươi bốn đồng.



CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-025

Địa chỉ (Address): Số 246 Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG - Số TK: 1515.199999 - Tại NH:
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 21 tháng (month) 10 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TPD

Số (No): 2027145

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code): 0309471068

Địa chỉ (Address): 286 Phan Văn Hớn, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PE16000079352

Số tài khoản (Account No): 2909988 Tại TM CP A CHAU

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 10 năm 2024 từ ngày 11/10/2024 đến ngày 20/10/2024 (kèm theo bảng kê số 632138136 ngày 21 tháng 10 năm 2024)	kWh	49.023	-	107.692.428
Cộng tiền hàng (Total amount):					107.692.428
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 8.615.394
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 116.307.822
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm mười sáu triệu ba trăm linh bảy nghìn tám trăm hai mươi hai đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện lực Tp.HCM
TNHH - Công ty Điện lực An Phú Đông
Ngày ký: 21/10/2024 16:05:04



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH

35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
MST: 0300951119

Người bán hàng: CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG

MST: 0300951119-025

Địa chỉ: Số 246 Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

☎ 1900545454

Số bảng kê:
633177954

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 2027425 ngày 02 tháng 11 năm 2024)

Khách hàng

CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

Địa chỉ

286 Phan Văn Hớn, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM, VN

Điện thoại

0934255625

Email

bookkeeping.vn@l-t-p.com

Mã số thuế

0309471068

Địa chỉ sử dụng điện

286 Phan Văn Hớn, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM, VN

Mục đích sử dụng điện

100 % Sản xuất - Giờ bình thường
100 % Sản xuất - Giờ cao điểm
100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm
Có ký mua công suất phản kháng

Cấp điện áp sử dụng

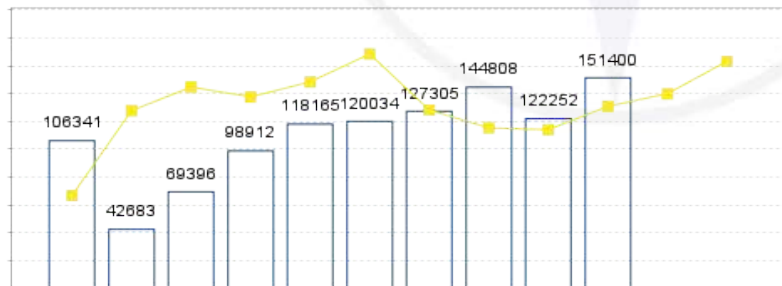
Từ 22kV đến dưới 35kV

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại, địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... đề nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 3 - 10/2024 (11 ngày từ 21/10/2024 đến 31/10/2024)

CÔNG TỶ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
15005787				
Khung giờ bình thường	1	1.516.735	1.480.030	36.705
Khung giờ cao điểm	1	640.996	622.813	18.183
Khung giờ thấp điểm	1	52.949	49.904	3.045
				Tổng: 57.933



□ Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại ■ Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

CÔNG TỶ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN NĂNG PHẢN KHÁNG (kVarh)
15005787	1	731.000	711.119	19.881

SLVC/SLHC: 19.881/57.933 - HỆ SỐ COSFI: 0,95 - HỆ SỐ K %: 0

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.749	36.705	64.197.045
Khung giờ cao điểm	3.242	18.183	58.949.286
Khung giờ thấp điểm	1.136	3.045	3.459.120
Tổng			126.605.451
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)			57.933
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			126.605.451
Thuế suất GTGT			8%
Thuế GTGT (đồng)			10.128.436
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			136.733.887



Mã khách hàng

PE16000079352



Số tiền thanh toán

136.733.887 đồng



Hạn thanh toán

06/11/2024

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ <https://cskh.evnhcmc.vn/> và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:



THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNHCMC

35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

☎ 1900545454

✉ cskh@hcmcp.com.vn



<https://zalo.me/evnhcmc>

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android



iOS



Android

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện lực
Tp.HCM TNHH - Công ty Điện lực An Phú Đông
Ngày ký: 02/ 11/ 2024 18:33:56

Bằng chữ: Một trăm ba mươi sáu triệu bảy trăm ba mươi ba nghìn tám trăm tám mươi bảy đồng.



CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-025

Địa chỉ (Address): Số 246 Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG - Số TK: 1515.199999 - Tại NH:
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 31 tháng (month) 01 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TPD

Số (No): 200828

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code): 0309471068

Địa chỉ (Address): 286 Phan Văn Hớn, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PE16000079352

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 1 năm 2024 từ ngày 21/01/2024 đến ngày 31/01/2024 (kèm theo bảng kê số 604888720 ngày 31 tháng 01 năm 2024)	kWh	38.274	-	75.783.756
Cộng tiền hàng (Total amount):					75.783.756
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 6.062.700
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 81.846.456
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Tám mươi một triệu tám trăm bốn mươi sáu nghìn bốn trăm năm mươi sáu đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện lực Tp.HCM
TNHH - Công ty Điện lực An Phú Đông
Ngày ký: 31/01/2024 17:40:03



CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-025

Địa chỉ (Address): Số 246 Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG - Số TK: 1515.199999 - Tại NH:
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 29 tháng (month) 02 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TPD

Số (No): 402603

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code): 0309471068

Địa chỉ (Address): 286 Phan Văn Hớn, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PE16000079352

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 2 năm 2024 từ ngày 21/02/2024 đến ngày 29/02/2024 (kèm theo bảng kê số 607818418 ngày 29 tháng 02 năm 2024)	kWh	23.087	-	45.590.736
Cộng tiền hàng (Total amount):					45.590.736
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 3.647.259
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 49.237.995
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bốn mươi chín triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn chín trăm chín mươi lăm đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện lực Tp.HCM
TNHH - Công ty Điện lực An Phú Đông
Ngày ký: 29/02/2024 16:43:52



CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-025

Địa chỉ (Address): Số 246 Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG - Số TK: 1515.199999 - Tại NH:
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 01 tháng (month) 04 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TPD

Số (No): 603635

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code): 0309471068

Địa chỉ (Address): 286 Phan Văn Hớn, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PE16000079352

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 3 năm 2024 từ ngày 21/03/2024 đến ngày 31/03/2024 (kèm theo bảng kê số 611013722 ngày 01 tháng 04 năm 2024)	kWh	31.739	-	63.185.375
Cộng tiền hàng (Total amount):					63.185.375
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 5.054.830
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 68.240.205
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Sáu mươi tám triệu hai trăm bốn mươi nghìn hai trăm linh năm đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện lực Tp.HCM
TNHH - Công ty Điện lực An Phú Đông
Ngày ký: 01/04/2024 16:15:25



CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-025

Địa chỉ (Address): Số 246 Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG - Số TK: 1515.199999 - Tại NH:
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 30 tháng (month) 04 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TPD

Số (No): 805815

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code): 0309471068

Địa chỉ (Address): 286 Phan Văn Hớn, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PE16000079352

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 4 năm 2024 từ ngày 21/04/2024 đến ngày 30/04/2024 (kèm theo bảng kê số 613930790 ngày 30 tháng 04 năm 2024)	kWh	35.239	-	72.289.444
Cộng tiền hàng (Total amount):					72.289.444
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 5.783.156
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 78.072.600
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bảy mươi tám triệu không trăm bảy mươi hai nghìn sáu trăm đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện lực Tp.HCM
TNHH - Công ty Điện lực An Phú Đông
Ngày ký: 30/04/2024 16:56:44



CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-025

Địa chỉ (Address): Số 246 Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG - Số TK: 1515.199999 - Tại NH:
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 31 tháng (month) 05 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TPD

Số (No): 1008040

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code): 0309471068

Địa chỉ (Address): 286 Phan Văn Hớn, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PE16000079352

Số tài khoản (Account No): 2909988 Tại TM CP A CHAU

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 5 năm 2024 từ ngày 21/05/2024 đến ngày 31/05/2024 (kèm theo bảng kê số 617118717 ngày 31 tháng 05 năm 2024)	kWh	46.370	-	95.718.250
Cộng tiền hàng (Total amount):					95.718.250
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 7.657.460
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 103.375.710
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm linh ba triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn bảy trăm mười đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện lực Tp.HCM
TNHH - Công ty Điện lực An Phú Đông
Ngày ký: 31/05/2024 16:48:51



CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-025

Địa chỉ (Address): Số 246 Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG - Số TK: 1515.199999 - Tại NH:
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 01 tháng (month) 07 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TPD

Số (No): 1211842

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code): 0309471068

Địa chỉ (Address): 286 Phan Văn Hớn, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PE16000079352

Số tài khoản (Account No): 2909988 Tại TM CP A CHAU

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 6 năm 2024 từ ngày 21/06/2024 đến ngày 30/06/2024 (kèm theo bảng kê số 620588062 ngày 01 tháng 07 năm 2024)	kWh	38.472	-	79.120.975
Cộng tiền hàng (Total amount):					79.120.975
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 6.329.678
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 85.450.653
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Tám mươi lăm triệu bốn trăm năm mươi nghìn sáu trăm năm mươi ba đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện lực Tp.HCM
TNHH - Công ty Điện lực An Phú Đông
Ngày ký: 01/07/2024 19:09:56



CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-025

Địa chỉ (Address): Số 246 Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG - Số TK: 1515.199999 - Tại NH:
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 08 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TPD

Số (No): 1414844

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code): 0309471068

Địa chỉ (Address): 286 Phan Văn Hớn, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PE16000079352

Số tài khoản (Account No): 2909988 Tại TM CP A CHAU

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 7 năm 2024 từ ngày 21/07/2024 đến ngày 31/07/2024 (kèm theo bảng kê số 624820703 ngày 02 tháng 08 năm 2024)	kWh	46.258	-	93.111.138
Cộng tiền hàng (Total amount):					93.111.138
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 7.448.891
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 100.560.029
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm triệu năm trăm sáu mươi nghìn không trăm hai mươi chín đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện lực Tp.HCM
TNHH - Công ty Điện lực An Phú Đông
Ngày ký: 02/08/2024 15:40:59



CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-025

Địa chỉ (Address): Số 246 Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG - Số TK: 1515.199999 - Tại NH:
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 09 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TPD

Số (No): 1618516

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code): 0309471068

Địa chỉ (Address): 286 Phan Văn Hớn, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PE16000079352

Số tài khoản (Account No): 2909988 Tại TM CP A CHAU

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 8 năm 2024 từ ngày 21/08/2024 đến ngày 31/08/2024 (kèm theo bảng kê số 628935549 ngày 02 tháng 09 năm 2024)	kWh	54.940	-	114.581.974
Cộng tiền hàng (Total amount):					114.581.974
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 9.166.558
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 123.748.532
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm hai mươi ba triệu bảy trăm bốn mươi tám nghìn năm trăm ba mươi hai đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện lực Tp.HCM
TNHH - Công ty Điện lực An Phú Đông
Ngày ký: 02/09/2024 18:36:29



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH

35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

MST: 0300951119

Người bán hàng: CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -

CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG

MST: 0300951119-025

Địa chỉ: Số 246 Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

☎ 1900545454

Số bảng kê:
631869753

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 1822719 ngày 02 tháng 10 năm 2024)

Khách hàng

CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

Địa chỉ

286 Phan Văn Hớn, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM, VN

Điện thoại

0934255625

Email

bookkeeping.vn@l-t-p.com

Mã số thuế

0309471068

Địa chỉ sử dụng điện

286 Phan Văn Hớn, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM, VN

Mục đích sử dụng điện

100 % Sản xuất - Giờ bình thường
100 % Sản xuất - Giờ cao điểm
100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm
Có ký mua công suất phản kháng

Cấp điện áp sử dụng

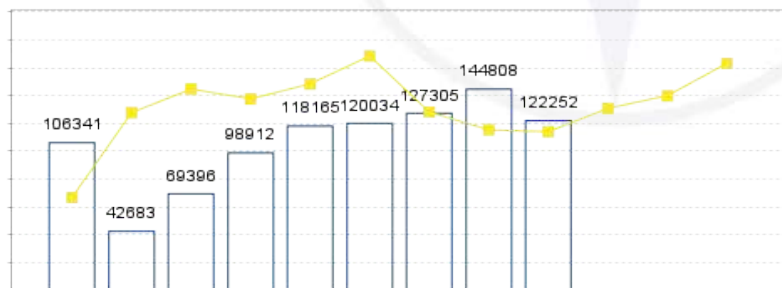
Từ 22kV đến dưới 35kV

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại, địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... đề nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 3 - 9/2024 (10 ngày từ 21/09/2024 đến 30/09/2024)

CÔNG TỶ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
15005787				
Khung giờ thấp điểm	1	46.369	45.201	1.168
Khung giờ cao điểm	1	593.045	577.302	15.743
Khung giờ bình thường	1	1.419.866	1.388.604	31.262
				Tổng: 48.173



□ Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại ■ Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

CÔNG TỶ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN NĂNG PHẢN KHÁNG (kVarh)
15005787	1	679.010	664.190	14.820

SLVC/SLHC: 14.820/48.173 - HỆ SỐ COSFI: 0,96 - HỆ SỐ K%: 0

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.669	31.262	52.176.278
Khung giờ cao điểm	3.093	15.743	48.693.099
Khung giờ thấp điểm	1.084	1.168	1.266.112
Tổng			102.135.489
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)			48.173
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			102.135.489
Thuế suất GTGT			8%
Thuế GTGT (đồng)			8.170.839
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			110.306.328



Mã khách hàng

PE16000079352



Số tiền thanh toán

110.306.328 đồng



Hạn thanh toán

06/10/2024

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ <https://cshk.evnhcmc.vn/> và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:



THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNHCMC

35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

☎ 1900545454

✉ cshk@hcmcp.com.vn



<https://zalo.me/evnhcmc>

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android



iOS



Android

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện lực
Tp.HCM TNHH - Công ty Điện lực An Phú Đông
Ngày ký: 02/ 10/ 2024 19:58:49

Bằng chữ: Một trăm mười triệu ba trăm linh sáu nghìn ba trăm hai mươi tám đồng.



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH

35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
MST: 0300951119

Người bán hàng: CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG

MST: 0300951119-025

Địa chỉ: Số 246 Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

☎ 1900545454

Số bảng kê:
633177954

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 2027425 ngày 02 tháng 11 năm 2024)

Khách hàng

CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

Địa chỉ

286 Phan Văn Hớn, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM, VN

Điện thoại

0934255625

Email

bookkeeping.vn@l-t-p.com

Mã số thuế

0309471068

Địa chỉ sử dụng điện

286 Phan Văn Hớn, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM, VN

Mục đích sử dụng điện

100 % Sản xuất - Giờ bình thường
100 % Sản xuất - Giờ cao điểm
100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm
Có ký mua công suất phản kháng

Cấp điện áp sử dụng

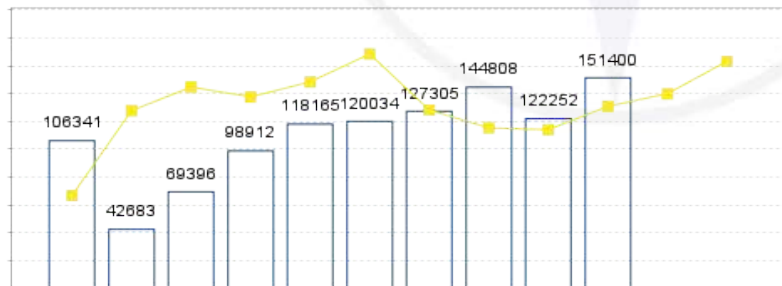
Từ 22kV đến dưới 35kV

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại, địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... đề nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 3 - 10/2024 (11 ngày từ 21/10/2024 đến 31/10/2024)

CÔNG TỶ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
15005787				
Khung giờ bình thường	1	1.516.735	1.480.030	36.705
Khung giờ cao điểm	1	640.996	622.813	18.183
Khung giờ thấp điểm	1	52.949	49.904	3.045
				Tổng: 57.933



□ Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại ■ Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

CÔNG TỶ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN NĂNG PHẢN KHÁNG (kVarh)
15005787	1	731.000	711.119	19.881

SLVC/SLHC: 19.881/57.933 - HỆ SỐ COSFI: 0,95 - HỆ SỐ K %: 0

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.749	36.705	64.197.045
Khung giờ cao điểm	3.242	18.183	58.949.286
Khung giờ thấp điểm	1.136	3.045	3.459.120
Tổng			126.605.451
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)			57.933
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			126.605.451
Thuế suất GTGT			8%
Thuế GTGT (đồng)			10.128.436
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			136.733.887



Mã khách hàng

PE16000079352



Số tiền thanh toán

136.733.887 đồng



Hạn thanh toán

06/11/2024

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ <https://cskh.evnhcmc.vn/> và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:



THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNHCMC

35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

☎ 1900545454

✉ cskh@hcmpec.com.vn



<https://zalo.me/evnhcmc>

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android



iOS



Android

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện lực
Tp.HCM TNHH - Công ty Điện lực An Phú Đông
Ngày ký: 02/ 11/ 2024 18:33:56

Bằng chữ: Một trăm ba mươi sáu triệu bảy trăm ba mươi ba nghìn tám trăm tám mươi bảy đồng.



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH

35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

MST: 0300951119

Người bán hàng: CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -

CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG

MST: 0300951119-025

Địa chỉ: Số 246 Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

☎ 1900545454

Số bảng kê:
637330806

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 2232428 ngày 02 tháng 12 năm 2024)

Khách hàng

CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

Địa chỉ

286 Phan Văn Hớn, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM, VN

Điện thoại

0934255625

Email

bookkeeping.vn@l-t-p.com

Mã số thuế

0309471068

Địa chỉ sử dụng điện

286 Phan Văn Hớn, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TPHCM, VN

Mục đích sử dụng điện

100 % Sản xuất - Giờ bình thường
100 % Sản xuất - Giờ cao điểm
100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm
Có ký mua công suất phản kháng

Cấp điện áp sử dụng

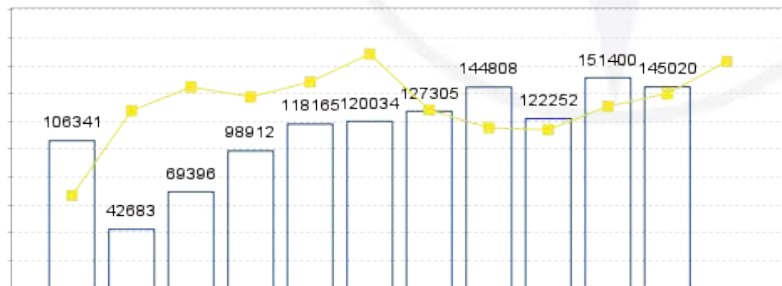
Từ 22kV đến dưới 35kV

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại, địa chỉ email, chủ thể hợp đồng ... đề nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Kỳ 3 - 11/2024 (10 ngày từ 21/11/2024 đến 30/11/2024)

CÔNG TỶ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
15005787				
Khung giờ bình thường	1	1.610.818	1.582.583	28.235
Khung giờ cao điểm	1	685.731	671.145	14.586
Khung giờ thấp điểm	1	59.151	58.051	1.100
				Tổng: 43.921



□ Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại ■ Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

CÔNG TỶ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN NĂNG PHẢN KHÁNG (kVarh)
15005787	1	777.909	764.678	13.231

SLVC/SLHC: 13.231/43.921 - HỆ SỐ COSFI: 0,96 - HỆ SỐ K %: 0

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.749	28.235	49.383.015
Khung giờ cao điểm	3.242	14.586	47.287.812
Khung giờ thấp điểm	1.136	1.100	1.249.600
Tổng			97.920.427
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)			43.921
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			97.920.427
Thuế suất GTGT			8%
Thuế GTGT (đồng)			7.833.634
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			105.754.061



Mã khách hàng

PE1600079352



Số tiền thanh toán

105.754.061 đồng



Hạn thanh toán

06/12/2024

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ <https://cskh.evnhcmc.vn/> và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:



THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNHCMC

35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

☎ 1900545454

✉ cskh@hcmcp.com.vn



<https://zalo.me/evnhcmc>

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android



iOS



Android

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện lực
Tp.HCM TNHH - Công ty Điện lực An
Phú Đông
Ngày ký: 02/ 12/ 2024 16:44:47

Bằng chữ: Một trăm linh năm triệu bảy trăm năm mươi bốn nghìn không trăm sáu mươi một đồng.



Mã số: 240409/0544:1/QTMT/REC

Tp. HCM, ngày 17 tháng 04 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Địa điểm lấy mẫu: CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM
- Địa chỉ: 286 Phan Văn Hớn, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, Tp.HCM
- Tên mẫu: Nước thải Số lượng: 01 mẫu.

STT	MÃ SỐ MẪU	KÝ HIỆU/VỊ TRÍ LẤY MẪU
1	NT10.240409	0409/NT/A-ĐP-LTP/1: Nước thải sau HTXL

4. Ngày lấy mẫu: 09/04/2024

5. Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 14:2008/BTNMT Cột B
				NT10.240409	
1.	pH ^{(a)(c)}	--	TCVN 6492:2011	7,11	5 - 9
2.	TSS ^{(a)(b)}	mg/L	TCVN 6625:2000	86,5	100
3.	TDS ^{(a)(c)}	mg/L	PPNB01/HDHT/REC	204	1000
4.	BOD ₅ ^{(a)(b)}	mg/L	SMEWW 5210B:2017	35	50
5.	S ²⁻ (a)(b)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017	KPH (MDL=0,05)	4
6.	N _{NH₄⁺} (a)(b)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&D:2017	7,27	10
7.	N _{NO₃⁻} (a)(b)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017	0,92	50
8.	Dầu mỡ ĐTV ^{(a)(b)}	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2017	< 3	20
9.	Tổng chất hoạt động bề mặt ^{(a)(b)}	mg/L	SMEWW 5540.B&C:2017	0,21	10
10.	P _{PO₄³⁻} (a)(b)	mg/L	SMEWW 4500-PO ₄ ³⁻ .E:2017	2,87	10
11.	Tổng Coliform ^(d)	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2023	3,1x10 ³	5000

⚡ **Ghi chú:** Dấu (--): Không quy định; KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện.

P. Phòng thí nghiệm

Phạm Trúc Linh

Giám Đốc

Nguyễn Thị Thúy Vân

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC & TV Môi trường (REC)
- Dấu (a) Chỉ tiêu đạt Vimcerts; Dấu (b) Chỉ tiêu đo tại hiện trường; Dấu (c) Chỉ tiêu đo tại hiện trường
- Dấu (d) Chỉ tiêu do nhà thầu phụ Vimcerts số 039 thực hiện
- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm



Mã số: 290624/08613:1/QTMT/REC

Tp. HCM, ngày 10 tháng 07 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Địa điểm lấy mẫu: CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM
- Địa chỉ: 286 Phan Văn Hớn, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, Tp.HCM
- Tên mẫu: Nước thải Số lượng: 01 mẫu.

STT	MÃ SỐ MẪU	KÝ HIỆU/VỊ TRÍ LẤY MẪU
1	NT9.290624	0629/NT/A-ĐP-LTP/1: Nước thải sau HTXL

4. Ngày lấy mẫu: 29/06/2024

5. Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 14:2008/BTNMT Cột B
				NT9.290624	
1.	pH ^{(a)(c)}	--	TCVN 6492:2011	5,82	5 - 9
2.	TSS ^{(a)(b)}	mg/L	TCVN 6625:2000	91,5	100
3.	TDS ^{(a)(c)}	mg/L	PPNB01/HDHT/REC	418	1000
4.	BOD ₅ ^{(a)(b)}	mg/L	SMEWW 5210B:2017	46	50
5.	COD ^{(a)(b)}	mg/L	SMEWW 5220C:2017	143	--
6.	S ²⁻ (a)(b)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017	KPH (MDL=0,05)	4
7.	N _{NH₄⁺} (a)(b)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&D:2017	8,75	10
8.	N _{NO₃⁻} (a)(b)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017	24,5	50
9.	Dầu mỡ ĐTV ^{(a)(b)}	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2017	< 3	20
10.	Tổng chất hoạt động bề mặt ^{(a)(b)}	mg/L	SMEWW 5540.B&C:2017	< 0,15	10
11.	P _{PO₄³⁻} (a)(b)	mg/L	SMEWW 4500-PO ₄ ³⁻ .E:2017	4,42	10
12.	Tổng Coliform ^(d)	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2023	3,5x10 ³	5000

↓ **Ghi chú:** Dấu (--): Không quy định; KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện.

P. Phòng thí nghiệm

Phạm Trúc Linh



Giám Đốc

Nguyễn Thị Thúy Vân

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC & TV Môi trường (REC).
- Dấu (a): Chỉ tiêu đạt Vimcerts; Dấu (b) Chỉ tiêu đo tại hiện trường; Dấu (c): Chỉ tiêu đo tại hiện trường
- Dấu (d): Chỉ tiêu do nhà thầu phụ Vimcerts số 039 thực hiện.
- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm



Mã số: 240629/0199:1/QTMT/REC

Tp. HCM, ngày 10 tháng 07 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Địa điểm lấy mẫu: **CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM**
- Địa chỉ: 286 Phan Văn Hớn, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, Tp.HCM
- Tên mẫu: Nước uống Số lượng: 01 mẫu.

STT	MÃ SỐ MẪU	KÝ HIỆU/VỊ TRÍ LẤY MẪU
1	NU1.240629	0629/NU/A-ĐP-LTP/1: Vòi nước tại khu vực công ra vào xưởng

4. Ngày lấy mẫu: 29/06/2024

5. Kết quả thử nghiệm:


STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM	QCVN 06-1:2010/BYT
				NU1.240629	
1	Hàm lượng Nitrat (N _{NO₃⁻}) ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017	0,82	11,3 ^(*)
2	Hàm lượng Nitrit (N _{NO₂⁻}) ^(a)	mg/L	TCVN 6178 : 1996	KPH (MDL=0,005)	0,91 ^(*)
3	Hàm lượng Asen (As) ^(b1)	mg/L	SMEWW 3030 A&E:2017+ SMEWW 3113B:2017	KPH (LOD=0,0015)	0,01
4	Hàm lượng Flo (F ⁻) ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-F.B&D:2017	KPH (MDL=0,05)	1,5
5	Hàm lượng chì (Pb) ^(b1)	mg/L	SMEWW 3030 A&E:2017+ SMEWW 3113B:2017	KPH (LOD=0,0015)	0,01
6	Hàm lượng thủy ngân (Hg) ^(b2)	mg/L	SMEWW 3112B:2017	KPH (MDL=0,0003)	0,001
7	Hàm lượng Cadimi (Cd) ^(b1)	mg/L	SMEWW 3030 A&E:2017+ SMEWW 3113B:2017	KPH (LOD=0,00015)	0,003
8	Hàm lượng Mangan tổng số (Mn) ^(a)	mg/L	SMEWW 3500-Mn.B:2017	KPH (MDL=0,03)	0,4
9	Streptococci feecal ^(b1)	CFU/250 mL	TCVN 6189-2:2009 (ISO 7899-2:2000)	< 1	Nếu số vi khuẩn (bào tử) ≥ 1 ≤ 2 thì tiến hành
10	Pseudomonas aeruginosa ^(b1)	CFU/250mL	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006)	< 1	

11	Bào tử vi khuẩn kỵ khí sulfit ^(b1)	CFU/50mL	TCVN 6191-2:1996 (ISO 6461-2:1986)	< 1	kiểm tra lần thứ hai Nếu số vi khuẩn (bào tử) > 2 thì loại bỏ
12	Coliform tổng số ^(b1)	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016	< 1	
13	E.Coli ^(b1)	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016	KPH (LOD=1)	Không phát hiện được trong bất kỳ mẫu nào

Ghi chú:

- Dấu (--): Không quy định; KPH: Không phát hiện; MDL&LOD: Giới hạn phát hiện.
- Dấu (*): Chỉ tiêu được tính the gốc Nito

P. Phòng thí nghiệm


Phạm Trúc Linh

Giám Đốc

Nguyễn Thị Thúy Vân

1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC & TV Môi trường (REC).
2. Dấu (a): Chỉ tiêu được Vilas công nhận
3. Dấu (b1): Chỉ tiêu do nhà thầu phụ có VLAT số 1.0707 thực hiện; Dấu (b2): Chỉ tiêu do nhà thầu phụ có số VLAT 1.0525 thực hiện.
4. Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.



Mã số: 290624/08614:9/QTMT/REC

Tp. HCM, ngày 10 tháng 07 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Địa điểm lấy mẫu: **CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM**
- Địa chỉ: 286 Phan Văn Hớn, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, Tp.HCM
- Tên mẫu: Không khí Số lượng: 09 mẫu.

STT	MÃ SỐ MẪU	KÝ HIỆU/VỊ TRÍ LẤY MẪU
1	KK7.290624	0629/KK/A-ĐP-LTP/1: Khu vực cổng
2	KK8.290624	0629/KK/A-ĐP-LTP/2: Khu vực đầu xưởng
3	KK9.290624	0629/KK/A-ĐP-LTP/3: Khu vực giữa xưởng
4	KK10.290624	0629/KK/A-ĐP-LTP/4: Khu vực cuối xưởng
5	KK11.290624	0629/KK/A-ĐP-LTP/5: Khu vực đầu kho
6	KK12.290624	0629/KK/A-ĐP-LTP/6: Khu vực giữa kho
7	KK13.290624	0629/KK/A-ĐP-LTP/7: Khu vực cuối kho
8	KK14.290624	0629/KK/A-ĐP-LTP/8: Khu vực ép nhiệt
9	KK15.290624	0629/KK/A-ĐP-LTP/9: Khu vực laze

4. Ngày lấy mẫu: 29/06/2024

5. Kết quả thử nghiệm:


STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	GIỚI HẠN CHO PHÉP	TIÊU CHUẨN SO SÁNH
I	KK7.290624					
1	Độ ồn ^{(a)(b)(c)}	dBA	TCVN 7878-2 : 2010	62,9	70	QCVN 26:2010/BTNMT
2	Bụi ^{(a)(b)}	mg/Nm ³	TCVN 5067 : 1995	0,23	0,3	QCVN 05:2023/BTNMT (Trung bình 1 giờ)
3	SO ₂ ^{(a)(b)}	mg/Nm ³	TCVN 5971 : 1995	0,081	0,35	
4	NO ₂ ^{(a)(b)}	mg/Nm ³	TCVN 6137 : 2009	0,097	0,2	
5	CO ^(a)	mg/Nm ³	HDKK-CO/REC	5,69	30	
II	KK8.290624					
1	Độ ồn ^{(a)(b)(c)}	dBA	TCVN 7878-2:2010	70,2	≤ 85	QCVN 24:2016/BYT
2	Bụi ^{(a)(b)}	mg/Nm ³	TCVN 5067 : 1995	0,29	8	QCVN 02:2019/BYT
3	SO ₂ ^{(a)(b)}	mg/Nm ³	TCVN 5971 : 1995	0,087	10	QCVN 03:2019/BYT (Giới hạn tiếp xúc ngắn)
4	NO ₂ ^{(a)(b)}	mg/Nm ³	TCVN 6137 : 2009	0,095	10	
5	CO ^(a)	mg/Nm ³	HDKK-CO/REC	6,21	40	
III	KK9.290624					
1	Độ ồn ^{(a)(b)(c)}	dBA	TCVN 7878-2:2010	73,8	≤ 85	QCVN 24:2016/BYT
2	Bụi ^{(a)(b)}	mg/Nm ³	TCVN 5067 : 1995	0,32	8	QCVN 02:2019/BYT

3	SO ₂ ^{(a)(b)}	mg/Nm ³	TCVN 5971 : 1995	0,090	10	QCVN 03:2019/BYT (Giới hạn tiếp xúc ngắn)
4	NO ₂ ^{(a)(b)}	mg/Nm ³	TCVN 6137 : 2009	0,111	10	
5	CO ^(a)	mg/Nm ³	HDKK-CO/REC	6,17	40	
IV	KK10.290624					
1	Độ ồn ^{(a)(b)(c)}	dBA	TCVN 7878-2:2010	72,6	≤ 85	QCVN 24:2016/BYT
2	Bụi ^{(a)(b)}	mg/Nm ³	TCVN 5067 : 1995	0,27	8	QCVN 02:2019/BYT
3	SO ₂ ^{(a)(b)}	mg/Nm ³	TCVN 5971 : 1995	0,087	10	QCVN 03:2019/BYT (Giới hạn tiếp xúc ngắn)
4	NO ₂ ^{(a)(b)}	mg/Nm ³	TCVN 6137 : 2009	0,098	10	
5	CO ^(a)	mg/Nm ³	HDKK-CO/REC	6,14	40	
V	KK11.290624					
1	Độ ồn ^{(a)(b)(c)}	dBA	TCVN 7878-2:2010	62,4	≤ 85	QCVN 24:2016/BYT
2	Bụi ^{(a)(b)}	mg/Nm ³	TCVN 5067 : 1995	0,21	8	QCVN 02:2019/BYT
3	SO ₂ ^{(a)(b)}	mg/Nm ³	TCVN 5971 : 1995	0,070	10	QCVN 03:2019/BYT (Giới hạn tiếp xúc ngắn)
4	NO ₂ ^{(a)(b)}	mg/Nm ³	TCVN 6137 : 2009	0,076	10	
5	CO ^(a)	mg/Nm ³	HDKK-CO/REC	5,74	40	
VI	KK12.290624					
1	Độ ồn ^{(a)(b)(c)}	dBA	TCVN 7878-2:2010	63,1	≤ 85	QCVN 24:2016/BYT
2	Bụi ^{(a)(b)}	mg/Nm ³	TCVN 5067 : 1995	0,24	8	QCVN 02:2019/BYT
3	SO ₂ ^{(a)(b)}	mg/Nm ³	TCVN 5971 : 1995	0,079	10	QCVN 03:2019/BYT (Giới hạn tiếp xúc ngắn)
4	NO ₂ ^{(a)(b)}	mg/Nm ³	TCVN 6137 : 2009	0,085	10	
5	CO ^(a)	mg/Nm ³	HDKK-CO/REC	5,69	40	
VII	KK13.290624					
1	Độ ồn ^{(a)(b)(c)}	dBA	TCVN 7878-2:2010	59,5	≤ 85	QCVN 24:2016/BYT
2	Bụi ^{(a)(b)}	mg/Nm ³	TCVN 5067 : 1995	0,24	8	QCVN 02:2019/BYT
3	SO ₂ ^{(a)(b)}	mg/Nm ³	TCVN 5971 : 1995	0,078	10	QCVN 03:2019/BYT (Giới hạn tiếp xúc ngắn)
4	NO ₂ ^{(a)(b)}	mg/Nm ³	TCVN 6137 : 2009	0,82	10	
5	CO ^(a)	mg/Nm ³	HDKK-CO/REC	5,70	40	
VIII	KK14.290624					
1	Độ ồn ^{(a)(b)(c)}	dBA	TCVN 7878-2:2010	71,3	≤ 85	QCVN 24:2016/BYT
2	Bụi ^{(a)(b)}	mg/Nm ³	TCVN 5067 : 1995	0,29	8	QCVN 02:2019/BYT
3	SO ₂ ^{(a)(b)}	mg/Nm ³	TCVN 5971 : 1995	0,088	10	

4	NO ₂ ^{(a)(b)}	mg/Nm ³	TCVN 6137 : 2009	0,097	10	QCVN 03:2019/BYT (Giới hạn tiếp xúc ngắn)
5	CO ^(a)	mg/Nm ³	HDKK-CO/REC	6,05	40	
IX KK15.290624						
1	Độ ồn ^{(a)(b)(c)}	dBA	TCVN 7878-2:2010	69,5	≤ 85	QCVN 24:2016/BYT
2	Bụi ^{(a)(b)}	mg/Nm ³	TCVN 5067 : 1995	0,26	8	QCVN 02:2019/BYT
3	SO ₂ ^{(a)(b)}	mg/Nm ³	TCVN 5971 : 1995	0,094	10	QCVN 03:2019/BYT (Giới hạn tiếp xúc ngắn)
4	NO ₂ ^{(a)(b)}	mg/Nm ³	TCVN 6137 : 2009	0,116	10	
5	CO ^(a)	mg/Nm ³	HDKK-CO/REC	6,25	40	

⚡ **Ghi chú:** Dấu (--): Không quy định; KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện.

P. Phòng thí nghiệm


Phạm Trúc Linh

Giám Đốc

Nguyễn Thị Thúy Vân



1. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC & TV Môi trường (REC).
2. Dấu (a): Chỉ tiêu đạt Vimcerts; Dấu (b) Chỉ tiêu đo tại hiện trường; Dấu (c): Chỉ tiêu đo tại hiện trường
3. Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.



Mã số: 240927/2634:1/QTMT/REC

Tp. HCM, ngày 08 tháng 10 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Địa điểm lấy mẫu: CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM
- Địa chỉ: 286 Phan Văn Hớn, Phường Tân Thới Nhất, Quận 12, Tp.HCM
- Tên mẫu: Nước thải
Số lượng: 01 mẫu.

STT	MÃ SỐ MẪU	KÝ HIỆU/VỊ TRÍ LẤY MẪU
1	NT9.240927	0927/NT/A-ĐP-LTP/1: Nước thải sau HTXL (X: 1198193.435; Y: 593900.846)

4. Ngày lấy mẫu: 27/09/2024

5. Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ		QCVN 14:2008/BTNMT Cột B
				NT9.240927	
1.	pH ^(a) (c)	--	7,40	TCVN 6492:2011	5 - 9
2.	TSS ^(a)	mg/L	81,8	TCVN 6625:2000	100
3.	TDS ^(a) (c)	mg/L	532	PPNB01/HDHT/REC	1000
4.	BOD ₅ ^(a)	mg/L	30	SMEWW 5210B:2023	50
5.	COD ^(a)	mg/L	64	SMEWW 5220C:2023	--
6.	S ²⁻ (a)	mg/L	KPH (MDL=0,05)	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	4
7.	N_NH ₄ ⁺ (a)	mg/L	6,49	SMEWW 4500-NH ₃ .B&D:2023	10
8.	N_NO ₃ ⁻ (a)	mg/L	26,0	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2023	50
9.	Dầu mỡ ĐTV ^(a)	mg/L	< 3	SMEWW 5520.B&F:2023	20
10.	Tổng chất hoạt động bề mặt ^(a)	mg/L	KPH (MDL=0,06)	SMEWW 5540.B&C:2023	10
11.	P_PO ₄ ³⁻ (a)	mg/L	4,93	SMEWW 4500-PO ₄ ³⁻ .E:2023	10
12.	Tổng Coliform ^(d)	MPN/ 100mL	3,2x10 ³	SMEWW 9221B:2017	5000

☛ Ghi chú: Dầu (--): Không quy định; KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện.

QC: Phạm Trúc Linh

P. Phòng thí nghiệm

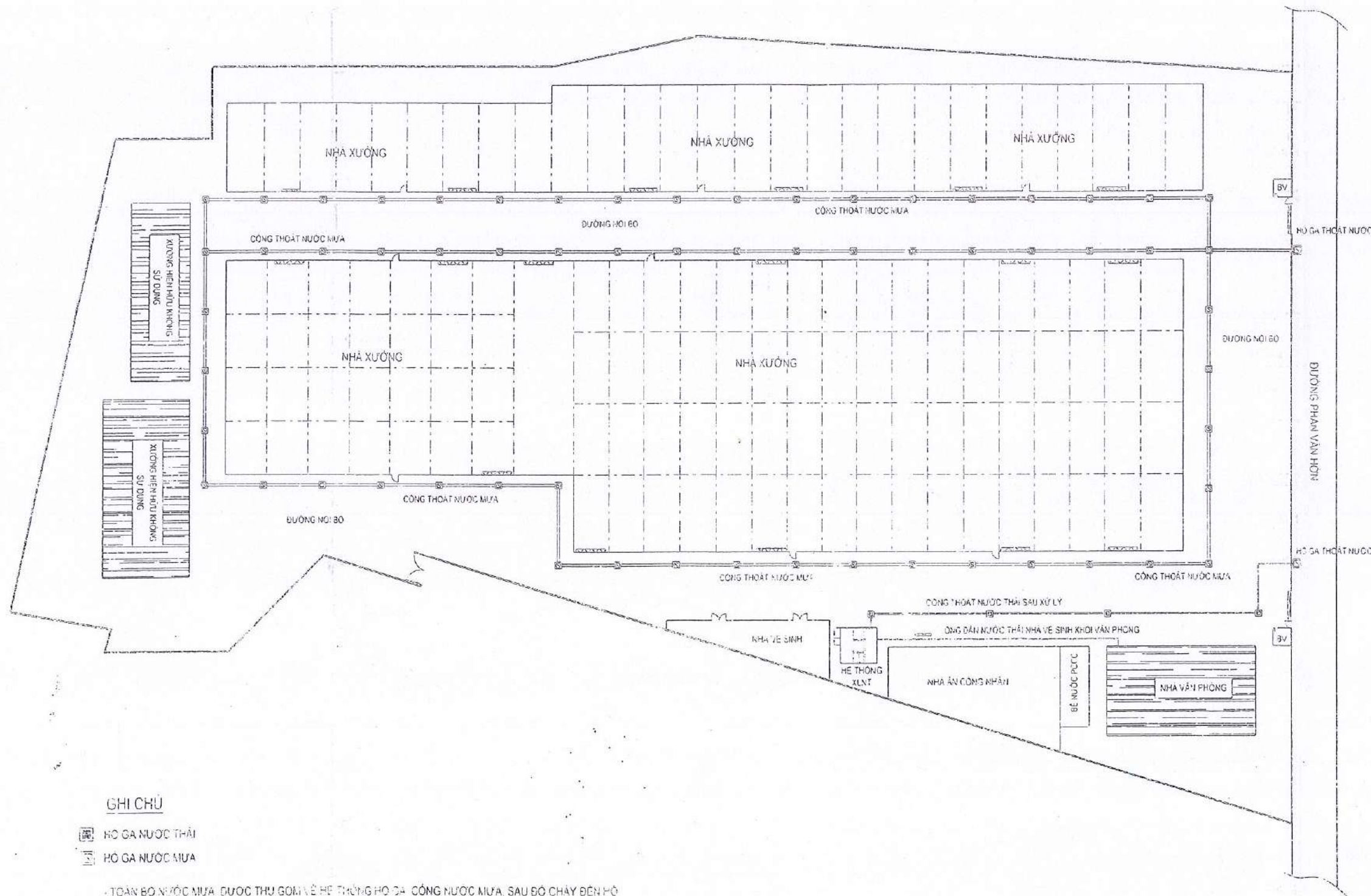
Phạm Trúc Linh



Nguyễn Thị Thủy Hạ

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC & TV Môi trường (REC).
- Dấu (a): Chỉ tiêu đạt Vincerts; Dấu (c): Chỉ tiêu đo tại hiện trường; Dấu (d): Chỉ tiêu đo nhà thầu phụ Vincerts số 292 thực hiện.
- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm

MẶT BẰNG HỆ THỐNG THU GOM NƯỚC MƯA VÀ NƯỚC THẢI



GHI CHÚ

- HỒ GA NƯỚC THẢI
- HỒ GA NƯỚC MƯA

- TOÀN BỘ NƯỚC MƯA ĐƯỢC THU GOM VÀỆ HỆ TRƯỜNG HỒ GA CÔNG NƯỚC MƯA, SAU ĐÓ CHẢY ĐẾN HỒ GA THOÁT NƯỚC THÀNH PHỐ

- NƯỚC THẢI TỪ NHÀ VỆ SINH CÔNG NHÂN VÀ NHÀ VỆ SINH HỘI VĂN PHÒNG ĐƯỢC DẪN BẰNG ĐƯỜNG ống U-PVC ĐẾN NHÀ VỆ SINH HỆ THỐNG XỬ LÝ

- NƯỚC THẢI SAU XỬ LÝ THEO HỆ THỐNG HỒ GA THẢI CÔNG NƯỚC THẢI CHẢY RA HỒ GA THOÁT NƯỚC THÀNH PHỐ (ĐƯỜNG PHẠM VĂN HƠN)

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG SÀI GÒN XANH
SAIGON GREEN ENVIRONMENT AND CONSTRUCTIONS Co., Ltd

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT Q = 30M³/NGÀY ĐÊM

HẠNG MỤC: ITEM
XÂY DỰNG CƠ BẢN

TÊN BẢN VẼ: DRAWING TITLE
MẶT BẰNG HỆ THỐNG THU GOM NƯỚC MƯA VÀ NƯỚC THẢI

THIẾT KẾ SỐ BỘ	<input checked="" type="checkbox"/>	PRELIMINARY
TRÌNH DUYỆT	<input checked="" type="checkbox"/>	APPROVAL
THI CÔNG	<input checked="" type="checkbox"/>	CONSTRUCTION
HOÀN CÔNG	<input type="checkbox"/>	AS BUILT

Ph.D: NGUYỄN NHƯ SANG
THIẾT KẾ - VẼ: DESIGNER - DRAWER

BE: TRẦN BÀ XINH
KIỂM TRA: CHECKER

BE: NGUYỄN VĂN HOÀN

DATE: 15/10/2014

HỒ SƠ BẢN VẼ KỸ THUẬT

DỰ ÁN: CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO THI CÔNG LẮP ĐẶT THIẾT BỊ
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT - CÔNG SUẤT Q = 30.0 M³/NGÀY

ĐỊA CHỈ: 286 PHAN VĂN HỒN, P. TÂN THỚI NHẤT, Q12, TP. HCM

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ:
CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM



ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU
C.TY TNHH KT - CN VIỆT TÍN THÀNH



LÂM HỮU TUẤN

.....

GHI CHÚ

MỤC DỊCH PHÁT HÀNH

THIẾT KẾ CƠ SỞ	<input type="checkbox"/>
TRÌNH DUYỆT	<input type="checkbox"/>
THIẾT KẾ THI CÔNG	<input checked="" type="checkbox"/>
HIỆU CHỈNH	<input type="checkbox"/>
HOÀN CÔNG	<input type="checkbox"/>

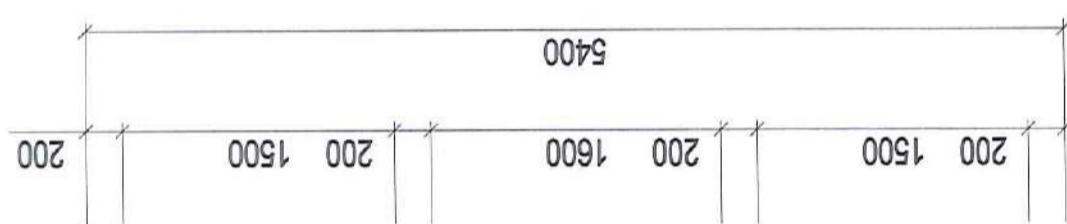
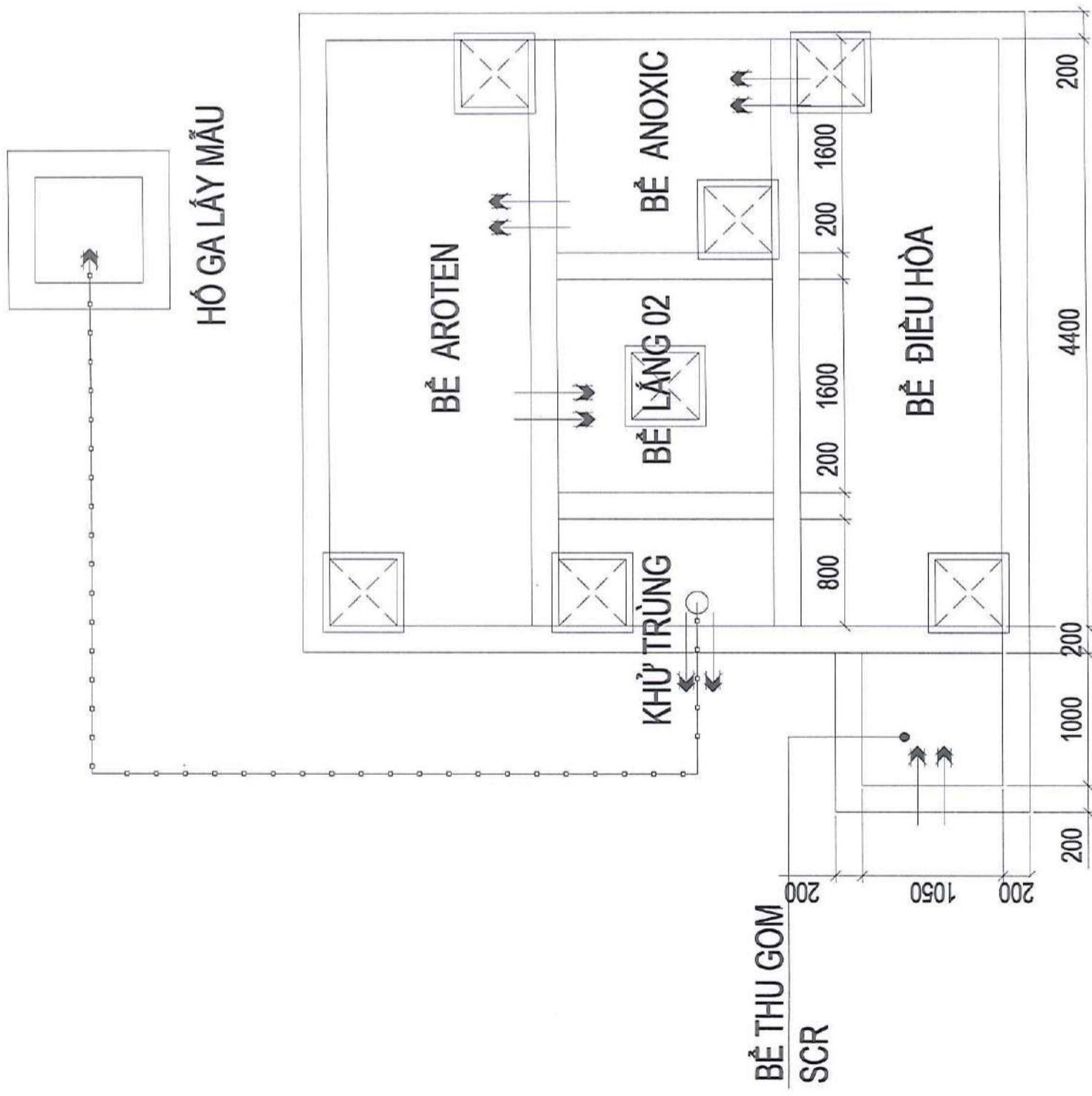
CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
VIỆT TÍN THÀNH
30/07, LƯU LẠI, KP 2, P. AN PHÚ ĐÔNG, QUẬN 12, TP. HCM
TEL: 028 2229 1133 FAX: 028 2229 1155
Email: viettinthanh@gmail.com

CÔNG TRÌNH

HỒ SƠ PHÁT HÀNH / HẠNG MỤC

TÊN BẢN VẼ

NGÀY HOÀN THÀNH	TỶ LỆ
10.2022	AS SHOWN
KÝ HIỆU BẢN VẼ	00



MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH	
THIẾT KẾ CƠ SỞ	<input type="checkbox"/>
TRÌNH DUYỆT	<input type="checkbox"/>
THIẾT KẾ THI CÔNG	<input checked="" type="checkbox"/>
HIỆU CHỈNH	<input type="checkbox"/>
HOÀN CÔNG	<input type="checkbox"/>

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ:

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG:

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
VIỆT TIN THÀNH
 CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
 SỐ 12, QUẬN 12, P. AN PHÚ ĐÔNG, QUẬN 12, TP. HCM
 TEL: 0903 229848 FAX: 028 2223 1195
 Email: viettinthanh@gmail.com



KS. TRẦN CÔNG PHÁT
 CÔNG TRÌNH

C. TY TNHH LTP VIỆT NAM

HỒ SƠ PHÁT HÀNH / HANG MỤC

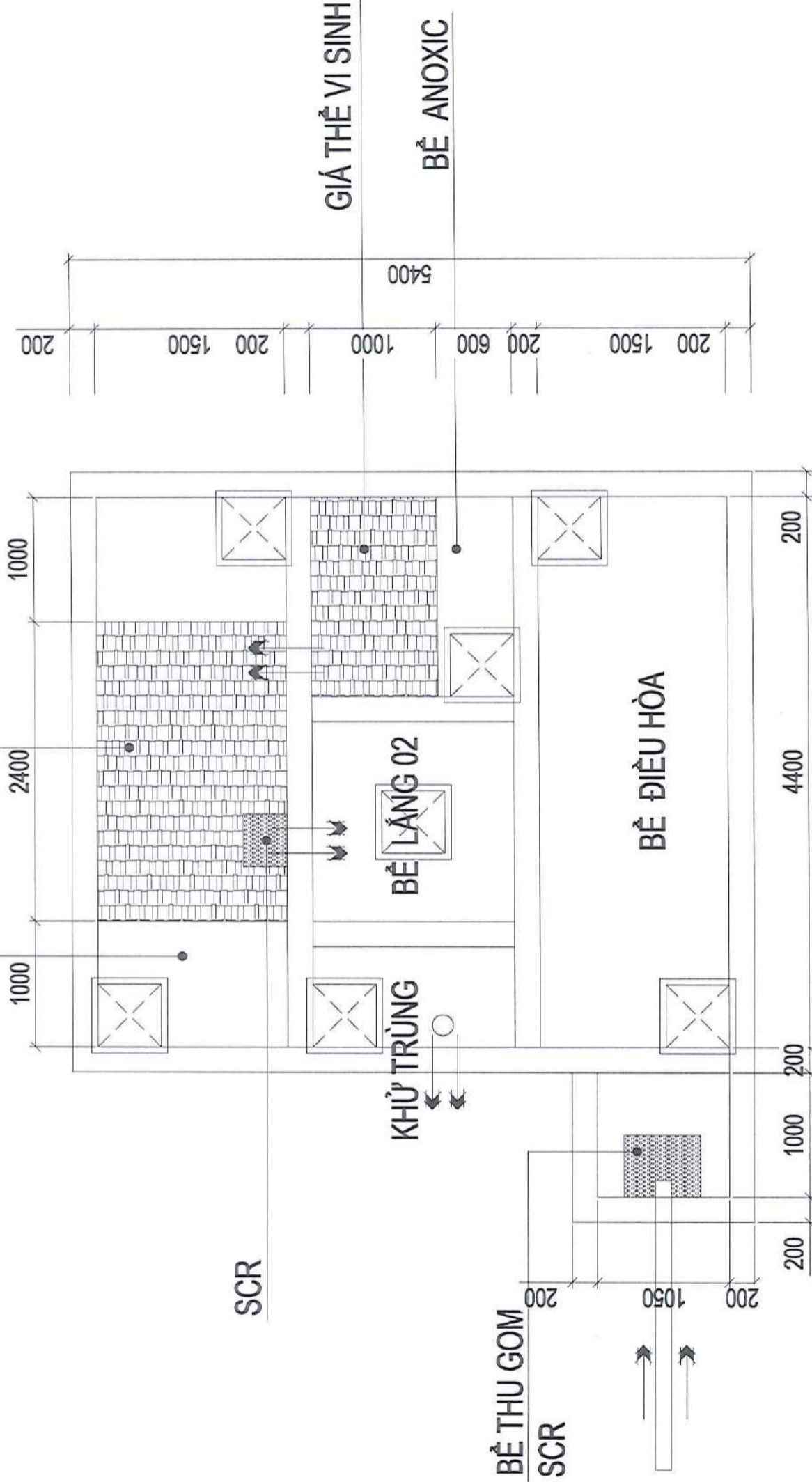
TÊN BẢN VẼ

NGÀY HOÀN THÀNH	TỶ LỆ
10.2022	AS SHOWIN
KY HIỆU BẢN VẼ	01/06

MB. XÂY DỰNG CÁC BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

BỂ AROTEN

GIÁ THỂ VI SINH



GIÁ THỂ VI SINH

BỂ ANOXIC

BỂ THU GOM

SCR

SCR

KHỦ TRÙNG

BỂ LẮNG 02

BỂ ĐIỀU HÒA

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH

THIẾT KẾ CƠ SỞ	<input type="checkbox"/>
TRÌNH DUYỆT	<input type="checkbox"/>
THIẾT KẾ THI CÔNG	<input checked="" type="checkbox"/>
HIỆU CHỈNH	<input type="checkbox"/>
HOÀN CÔNG	<input type="checkbox"/>

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ:

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG:

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ

VIỆT TÍN THÀNH

255/97 VƯỜN SAU CỎ P. AN PHU ĐÔNG, QUẬN 12, TP. HCM
TEL: 028 2263 1193 FAX: 028 2229 1156
www.viettinthanh.vn info@viettinthanh.com

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ

VIỆT TÍN THÀNH

KS. LÂM HỮU QUÂN

QUẬN 12 - TP. HCM

KY THUẬT QUẢN ĐỐC

VIỆT TÍN THÀNH

QUẬN 12 - TP. HCM

KY THUẬT THIẾT KẾ

KS. TRẦN CÔNG PHÁT

CÔNG TRÌNH

C. TY TNHH LTP VIỆT NAM

HỒ SƠ PHÁT HÀNH / HANG MỤC

TÊN BẢN VẼ

NGÀY HOÀN THÀNH

10.2022

KY HIỆU BẢN VẼ

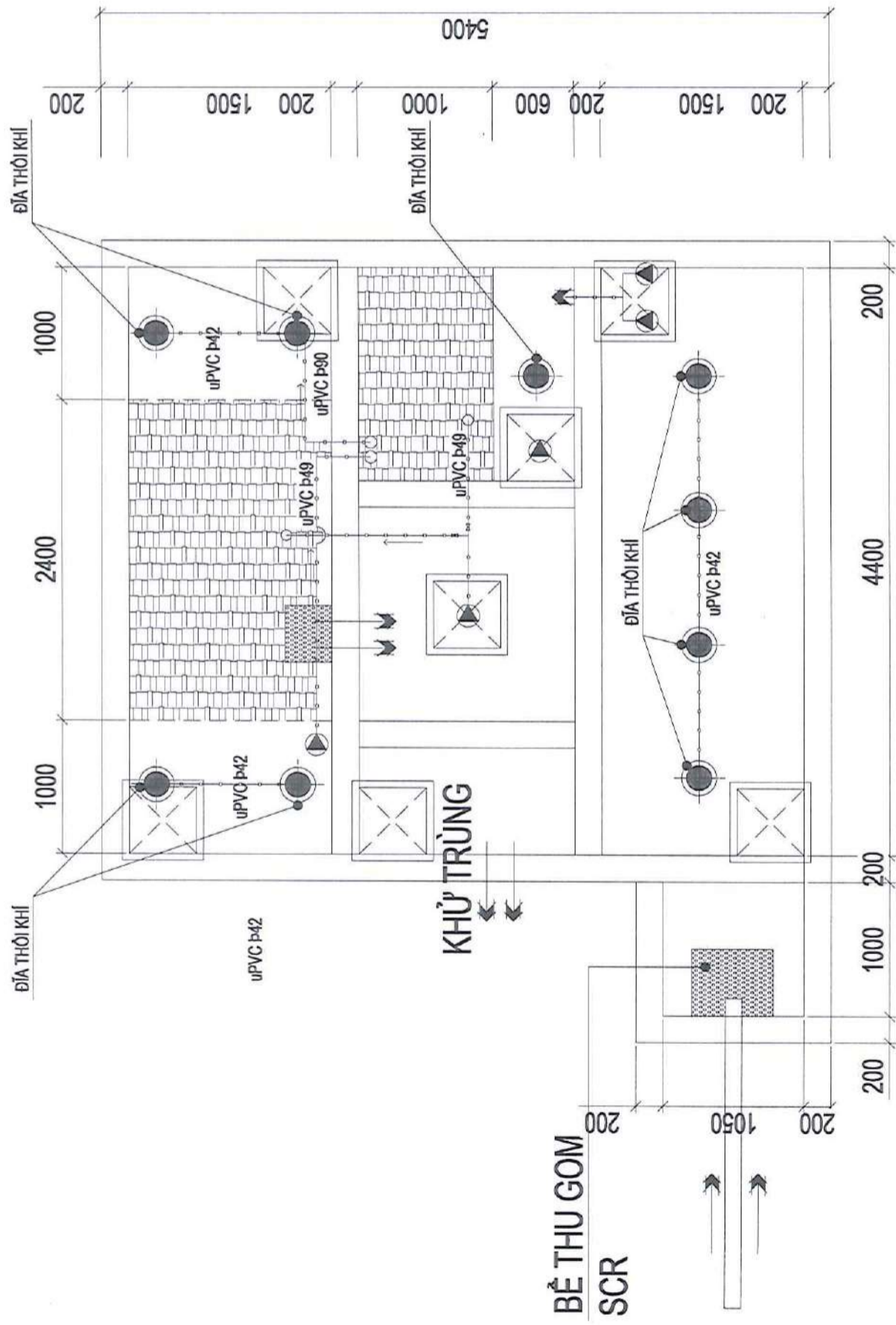
02/06

TỶ LỆ

AS SHOWN

02/06

MB. BỐ TRÍ THIẾT BỊ CÁC BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI



BỒM EH 01/02

MB. BỐ TRÍ THIẾT BỊ CÁC BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH	
THIẾT KẾ CƠ SỞ	<input type="checkbox"/>
TRÌNH DUYỆT	<input type="checkbox"/>
THIẾT KẾ THI CÔNG	<input checked="" type="checkbox"/>
HIỆU CHỈNH	<input type="checkbox"/>
HOÀN CÔNG	<input type="checkbox"/>

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ:

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG:

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
VIỆT TÍN THÀNH
 CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
 23/11/2022 Đ. AN PHÚ ĐÔNG, QUẬN 12, TP. HCM
 Đ. SỐ 23/11/2022 Đ. AN PHÚ ĐÔNG, QUẬN 12, TP. HCM
 Email: vttc@vttc.com



CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:

KS. TRẦN CÔNG PHÁT

CÔNG TRÌNH

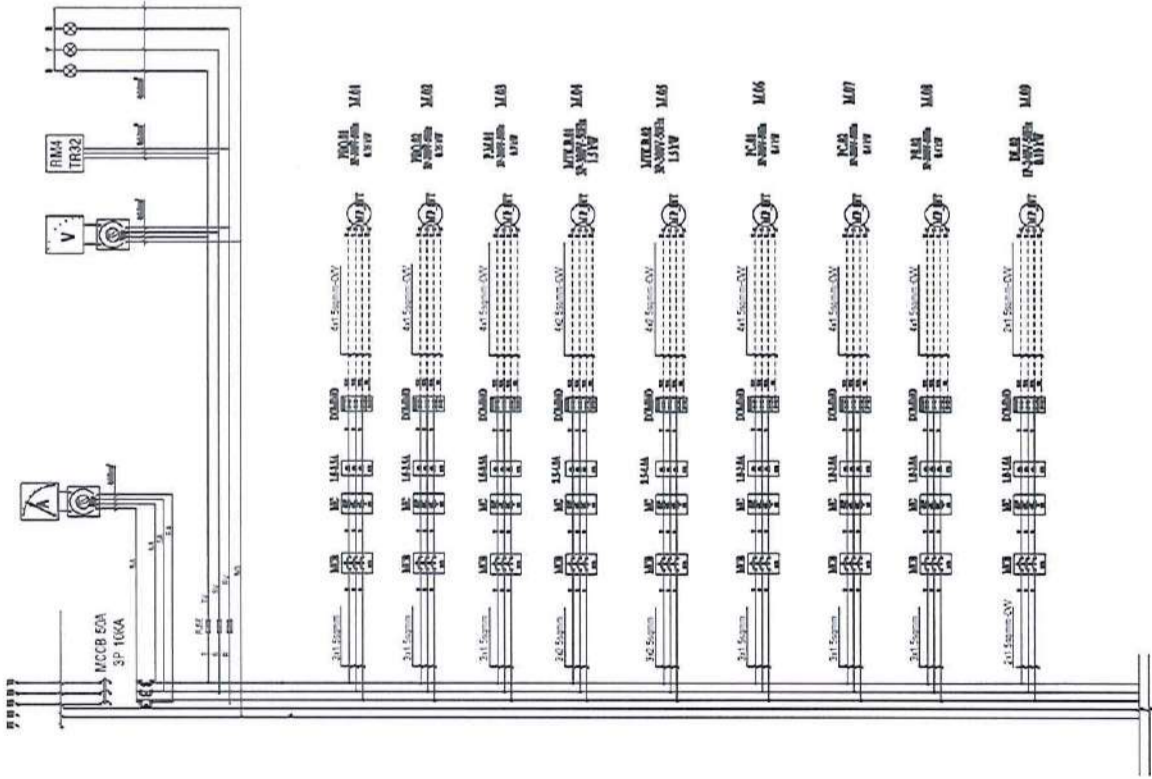
C. TY TNHH LTP VIỆT NAM

HỒ SƠ PHÁT HÀNH / HANG MỤC

TÊN BẢN VẼ

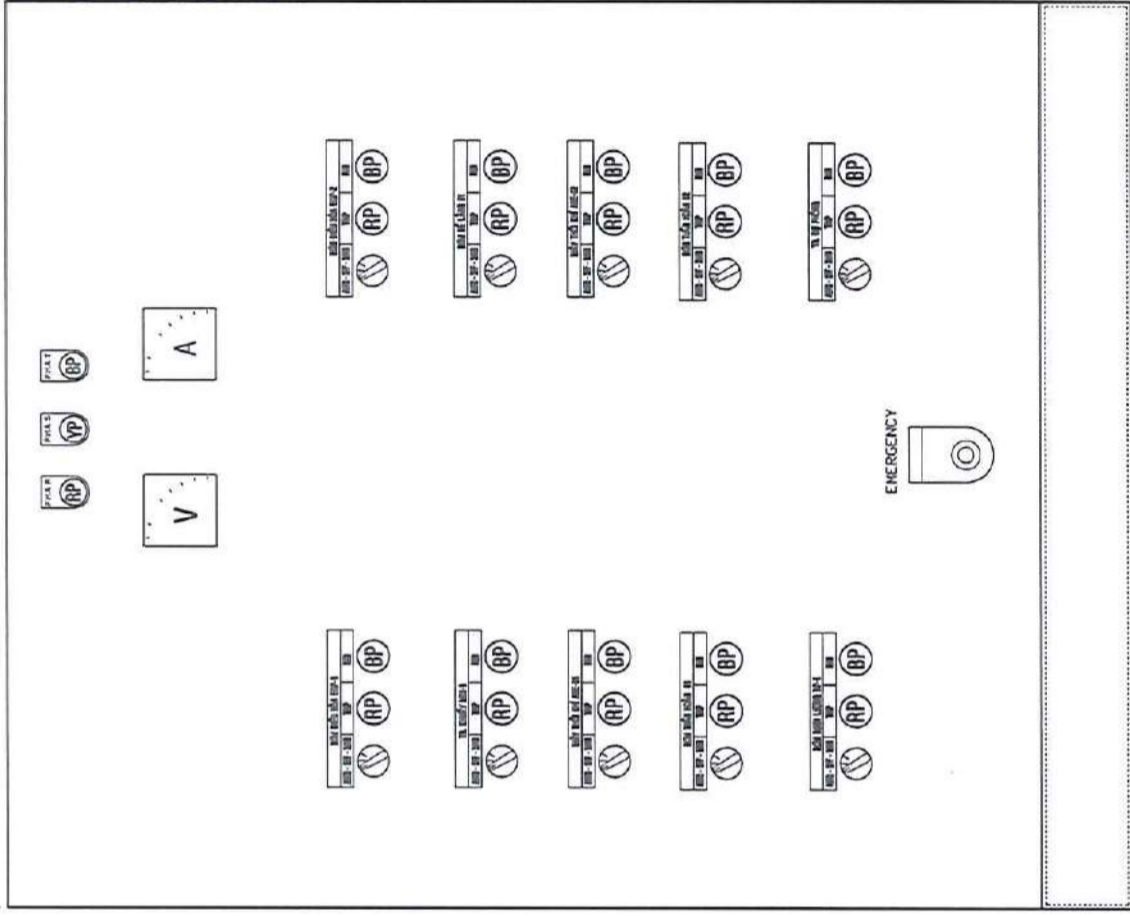
NGÀY HOÀN THÀNH	TỶ LỆ
10.2022	AS SHOWN
KÝ HIỆU BẢN VẼ	03/05

SƠ ĐỒ ĐỘNG LỰC TỬ ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN



800

1000



MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH

THIẾT KẾ CƠ SỞ	<input type="checkbox"/>
TRÌNH DUYỆT	<input type="checkbox"/>
THIẾT KẾ THI CÔNG	<input checked="" type="checkbox"/>
HIỆU CHỈNH	<input type="checkbox"/>
HOÀN CÔNG	<input type="checkbox"/>

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ:

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG:

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
VIỆT TIN THÀNH
 85/37 LƯU LẠI KP.2 P. PHƯỚC ĐÔNG, QUẬN 12, TP. HCM
 M.S.D. N0006229648
 KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
 VIỆT TIN THÀNH
 QUẬN 12 - TP. HCM
 CHỖ ĐÓNG CHỮ: K.S. LÂM HỮU DẪN
 Email: hnt@vtt.vn
 Website: www.vtt.vn

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:

K.S. TRẦN CÔNG PHÁT

CÔNG TRÌNH

CÔNG TY TNHH LTP

HỒ SƠ PHÁT HÀNH / HÀNG MỤC

TÊN BẢN VẼ

NGÀY HOÀN THÀNH

05/2022

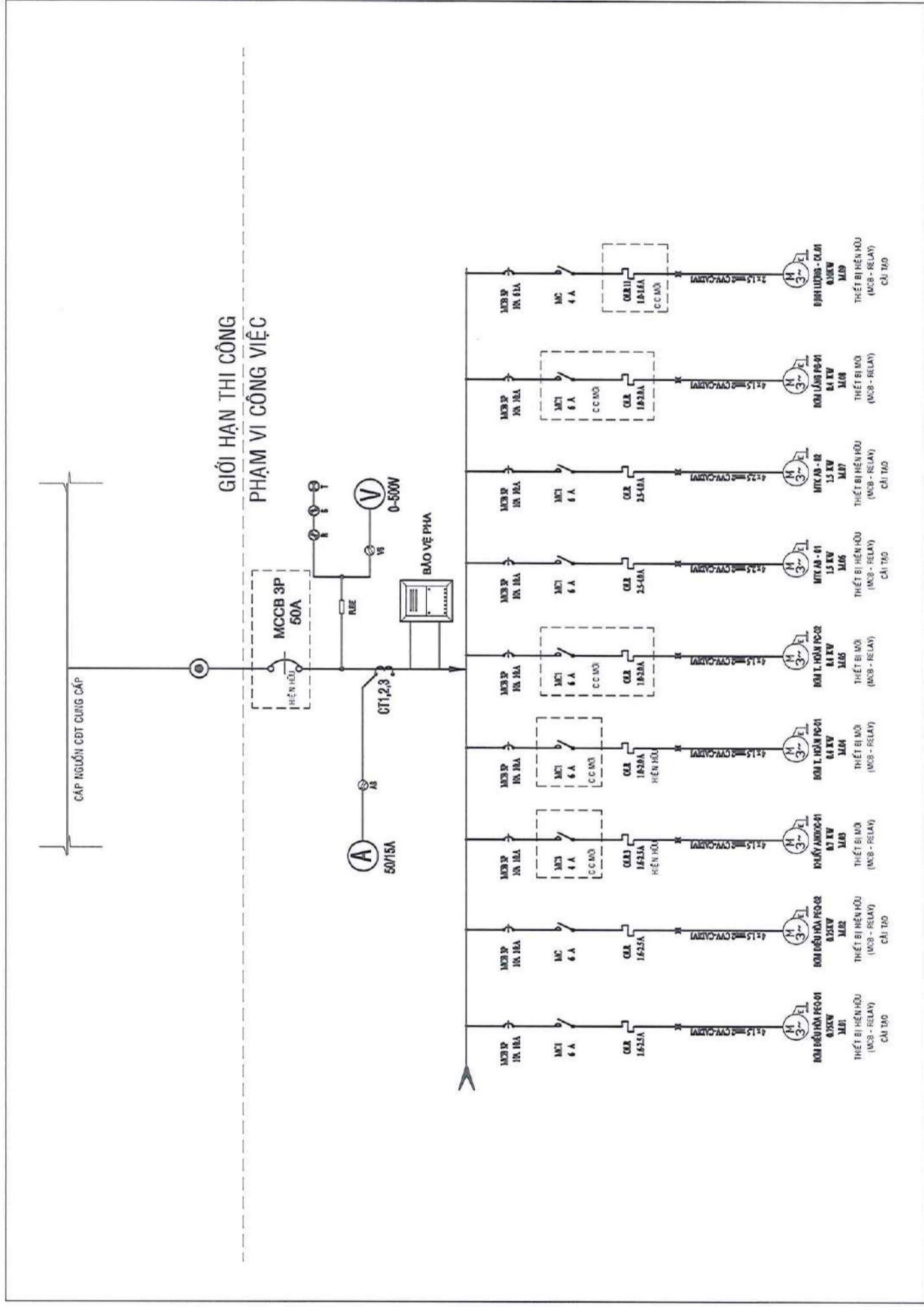
KÝ HIỆU BẢN VẼ

TỶ LỆ

AS SHOWN

02/13

SƠ ĐỒ ĐƠN TUYẾN TỬ ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN - CHI TIẾT CẢI TẠO



GIỚI HẠN THI CÔNG
PHẠM VI CÔNG VIỆC

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH	
THIẾT KẾ CƠ SỞ	<input type="checkbox"/>
TRÌNH DUYỆT	<input type="checkbox"/>
THIẾT KẾ THI CÔNG	<input checked="" type="checkbox"/>
HIỆU CHỈNH	<input type="checkbox"/>
HOÀN CÔNG	<input type="checkbox"/>

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ:

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG:

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
VIỆT TÍN THÀNH
CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
M.S.D.N: 00092298489
QUẬN 12, P. AN PHÚ ĐÔNG, QUẬN 12, TP. HCM
ĐT: 08 2228 1133, FAX: 08 2228 1165
viettinthanh@vntt.com



CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:

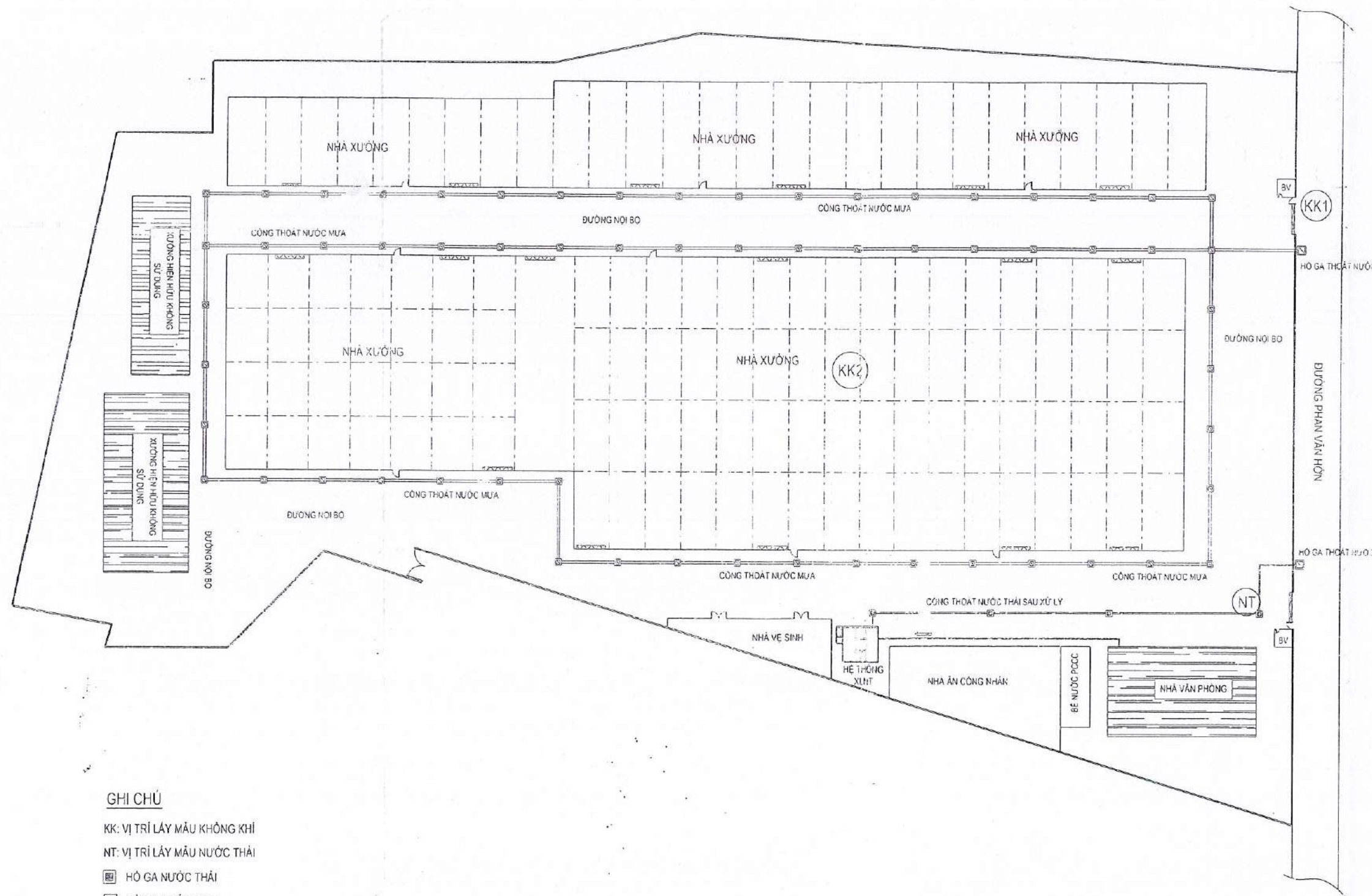
CÔNG TY TNHH LTP

HỒ SƠ PHÁT HÀNH/HƯỚNG DẪN

TÊN BẢN VẼ

NGÀY HOÀN THÀNH	TỶ LỆ
08/2022	AS SHOWN
KY HẸU BẢN VẼ	02/13

MẶT BẰNG VỊ TRÍ LẤY MẪU KHÔNG KHÍ VÀ NƯỚC THẢI



GHI CHÚ

- KK: VỊ TRÍ LẤY MẪU KHÔNG KHÍ
- NT: VỊ TRÍ LẤY MẪU NƯỚC THẢI
- HỒ GA NƯỚC THẢI
- HỒ GA NƯỚC MƯA

CHỦ ĐẦU TƯ OWNER

CÔNG TY TNHH LTP VIỆT NAM

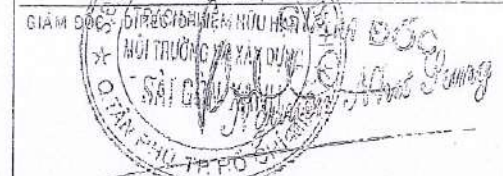
Handwritten signature: Trần Hoài Nam

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH
ISSUED FOR

- THIẾT KẾ SƠ BỘ PRELIMINARY
- TRÌNH DUYỆT APPROVAL
- THI CÔNG CONSTRUCTION
- HOÀN CÔNG AS - BUILT

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG
SÀI GÒN XANH
SAIGON GREEN ENVIRONMENT AND
CONSTRUCTIONS Co., Ltd

83 TRUNG ƯƠNG KY - P. TÂN THỚI KHUẤT - Q. TÂN PHÚ - TP. HCM
ĐT: 0903 526756



PR. Q: NGUYỄN NHƯ SANG

THIẾT KẾ - VẼ: DESIGNER - DRAWER

BE: TRẦN BÁ XINH

KIỂM TRA: CHECKER

BE: NGUYỄN VĂN HOÀN

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT Q = 30M³/NGÀY. ĐÊM

HẠNG MỤC: ITEM

XÂY DỰNG CƠ BẢN

TÊN BẢN VẼ: DRAWING TITLE

**MẶT BẰNG VỊ TRÍ LẤY MẪU KHÔNG
KHÍ VÀ NƯỚC THẢI**

TỶ LỆ
SCALE 1/750

SỐ BẢN VẼ
DRAWING No

NGÀY HOÀN THÀNH
DATE 08 - 2015

SỐ LƯỢNG
QUANTITY